


**TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO**

Số 55, tháng 10 & 11 năm 2000

# THỬ BÀN VỀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HỌC VIỆT NAM

tranh LÊ TÀI ĐIỂN



**TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO**

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://hopluu.omely.org

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 55 tháng 10 & 11 năm 2000

*Đại diện tại Florida*: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

*Chủ biên*

Khánh Trường

*Thể lệ gửi bài:*

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



# HỢP LƯU

Số 55, tháng 10 & 11 năm 2000



MỤC LỤC



*Tranh bìa:*
sơn dầu **Lê Tài Điển**
*Minh họa trang trong* **Lê Thánh Thư, Đinh Cường**





# Thư tòa soạn



Trong thư tòa soạn số trước, chúng tôi đã thông báo cùng độc gia quyết định "khép hồ sơ" cuộc tranh luận chung quanh bài viết *Chủ Nghĩa Phản Trí Thức Trong Văn Học Việt Nam* của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc. Quyết định ấy đúc kết từ ý muốn chung của đa số các tác giả từng cộng tác với tạp chí *Hợp Lưu.* Theo họ, cuộc tranh luận càng lúc càng đi lệch hướng.

Dù đã quyết định "khép hồ sơ", nhưng nhà lý luận Hoàng Ngọc Tuấn muốn *"minh giải một số vấn đề..."*, và nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc muốn có vài ý kiến trước khi, theo ông, : *"kết thúc một cuộc tranh luận... chưa bắt đầu"*. Tôn trọng hai tác giả này, Hợp Lưu xin giới thiệu với độc giả hai bài viết trên, đồng thời, xin giới thiệu thêm một bài viết nữa cũng của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc: *"Tranh luận hay đấu tố"*, đề cập đến một tình trạng ông cho khá phổ biến trong các tạp chí văn chương Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, là dùng Thư Độc Giả (hay Văn Hữu) như một vũ khí "đáng sợ nhất", nhằm triệt hạ uy tín cầm bút của các tác giả. Nhân đây, chúng tôi trân trọng xin lỗi nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, thay vì phải đi bài viết này như một tiểu luận, ở phần đầu của tạp chí, thì chúng tôi đã đặt nó vào phần *Với Văn Hữu & Bạn Đọc,* dưới tiểu mục "Thư Văn

Hữu". Sở dĩ chúng tôi mạo muội làm vậy, vì nghĩ bài viết tuy nói đến một tình trạng "khá phổ biến", nhưng cũng có thể xem là "thư trả lời" nhằm gửi đến độc giả Nguyễn Văn Hùng, mà theo ông Nguyễn Hưng Quốc nhận định (tuy không xác quyết) là của người trong tòa soạn "sáng tác". Lẽ ra chúng tôi đã chuyển ngay bài viết vừa nêu trên đến vị độc giả này, nhưng làm như thế là sái nguyên tắc. Trong số báo kế tiếp, chúng tôi sẵn sàng đăng tải ý kiến của ông Hùng, nếu ông có nhã hứng muốn trả lời nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc.

Ngoài hai bài viết vừa giới thiệu trên, phần tiểu luận, nhận định số này gồm các bài của Dũng Vũ: *Thử bàn về phương pháp phát triển văn học Việt Nam đương đại*; Hoàng Nguyên Nhuận: *Mộng trong mơ*; Huỳnh Hữu Ủy: *Viết thêm về Nguyễn Đức Sơn*; Lê Hữu Nghị: *Đọc lại Lê Uyên Phương.*

Phần sáng tác gồm thơ và truyện ngắn của Trần Thị Ngh, Sơn Nam, Hồ Đình Nghiêm, Nhật Tuấn, Phạm Hải Anh, Lê Minh Hà, Quỳnh Dao, Ngô Tự Lập, Mai Ninh, Phạm Thị Minh Thư, Ngô Khác Tài, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Tường Giang, Nguyễn Bự, Ý Liên, Nguyễn Nam An, Đặng Hiền, Thu Tứ, Hoài Ziang Duy, Thường Quán, Tôn Thất Thương, Thận Nhiên, Trịnh Thanh Thủy, Lê Cần Sơn, Phượng...

Phần các mục thường xuyên là các bài viết của Võ Đình (hội họa): *Thập thành: chuyện bên lề;* Thụy Khuê: *Nguyễn Bình Phương* (tác giả và tác phẩm); Hoàng Khoa Khôi: *Đọc và bình luận Giọt nước trong biển cả của Hoàng Văn Hoan.*

Sau cùng là các mục Giới Thiệu Sách Mới và Thư Tín.

Nhân tiện, xin lưu ý độc giả và văn hữu, số sau, tức *Hợp Lưu* số 56, phát hành đầu tháng 12/2000, sẽ là số Xuân Tân Tỵ năm 2001, đồng thời cũng là số báo kỷ niệm mười một năm *Hợp Lưu* góp mặt trong sinh hoạt văn chương, nghệ thuật hải ngoại. Rất mong được sự tiếp tay của quí độc giả và văn hữu, bằng bài vở đóng góp, để *Hợp Lưu* có thể vững vàng bước vào năm thứ mười hai, hầu thực hiện hữu hiệu phương châm đã đề ra từ số đầu: đẹp hơn, tốt hơn, cấp tiến hơn.

HỢP LƯU

http://hopluu.omely.org



**DŨNG VŨ**

# Thử bàn về phương pháp phát triển văn học Việt Nam đương đại



Trong bài phân tích *"Thử bàn về chất lượng phát triển văn học Việt Nam đương đại"*[1], một cách tổng thể, hẳn chúng ta đã nhìn thấy các nguyên nhân đã gây khó khăn cho sự phát triển nền văn học Việt Nam đương đại. Từ một vấn đề gốc, nhiều vấn đề con đã nảy sinh và cứ thế tiếp tục lan truyền. Không những tuyến tính, sự liên đới của chúng đã tạo thành một mạng lưới phức tạp:

"Yếu *kinh tế, tài chính, thời gian*, khiến *tính nghiệp dư* trong văn học phát sinh. Tính nghiệp dư không thể tạo chất lượng tốt, từ đó mới có *phê bình, đóng góp ý kiến, thông tin*. Thế nhưng, nếu những cố gắng ấy không hiệu quả, vấn đề mới lại xuất hiện: *giao lưu*. Giao lưu bị trục trặc thì rất khó *làm việc chung* để tìm phương cách giải quyết vấn đề. Cộng thêm vào, yếu tố *chính trị* luôn ảnh hưởng mạnh mẽ đến *nội dung, tự do sáng tạo* của người viết, và quyết định luôn *trình độ của người đọc, người viết*. Trình độ dân trí giới hạn, ngược lại, lại quyết định chất lượng. Không những vậy, chính trị còn gây *chia rẽ*, khiến hợp tác chung càng khó khăn thêm. Chưa kể trong bối cảnh phát triển *"multimedia"* hấp dẫn ồ ạt ngày nay, *nhu cầu đọc sách* có

chiều hướng *giảm sụt*. Cả cơ hội *thuận lợi Internet vẫn chưa được tận dụng để giới thiệu tinh hoa Việt Nam ra thế giới, ...*".

Tất cả đều là vấn đề và là thử thách to lớn đối với những người thực tâm muốn đưa nền văn học Việt Nam tiến lên. Thế thì làm sao để giải quyết được vấn đề đó ?

Trong bài viết này, người viết xin được góp một vài suy nghĩ. Tất nhiên những suy nghĩ chủ quan sau còn nhiều thiếu sót, cần được góp ý, phê bình xây dựng, bổ sung của các bạn miễn là làm sao cuối cùng, chúng ta sẽ lập được những bài bản thực tế, khả thi, hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề dai dẳng ấy.

Trước khi vào chi tiết, có lẽ cần lưu ý một điều. Trên lý thuyết, khi muốn giải quyết tận gốc vấn đề, cách dứt khoát nhất là triệt hạ *vấn đề gốc*, tức cái nguyên nhân chính gây ra những vấn đề khác. Song trên thực tế, nhiều khi không lý tưởng vậy. Chẳng hạn, trong hoàn cảnh chúng ta, làm sao có thể dứt điểm hai vấn đề gốc to tướng là kinh tế và chính trị ? Rất khó. Bởi không thể dứt điểm vấn đề gốc một cách trực tiếp và tuyệt đối, chỉ còn cách gián tiếp và tương đối là nhắm vào những *vấn đề con* xuất sinh từ đó, quyết định điểm nào tùy theo ưu tiên có thể giải quyết được trên cơ sở nhờ những *mặt mạnh* khác nhằm giảm bớt sự nghiêm trọng của vấn đề gốc và hy vọng giải tỏa cả vấn đề gốc. Bằng phương pháp gián tiếp này, khi đương đầu với một vấn đề con trong mạng lưới, cũng có nghĩa là đồng thời làm lung lay sức ảnh hưởng của các vấn đề phụ thuộc. Điều ấy có thành công hay không còn tùy vào khả năng chọn lựa điểm xuất phát. Theo tôi, khả thi nhất là giải quyết tính *nghiệp dư*.

**Nghiệp dư là gì ?**

Thông thường, *nghiệp dư* được hiểu là *"không chuyên nghiệp, không thuộc nghề nghiệp chính thức"* (Từ điển Tiếng Việt: Minh Tân, Thanh Nghị, Xuân Lãm [2]). Nếu chấp nhận định nghĩa ấy, thì suy ra, chất lượng của hoạt động nghiệp dư phải kém hơn chất lượng của hoạt động chuyên nghiệp. Ví dụ một đội bóng đá nghiệp dư không thể chơi hay bằng một đội bóng đá chuyên nghiệp. Chất lượng của hoạt động nghiệp dư là chất lượng ở mức *sở thích* (hobby), trong khi đó chất lượng của hoạt động chuyên nghiệp là chất lượng của dân *nhà nghề*. Tuy vậy, điều này chỉ tương đối đúng. Có trường hợp dù nghiệp dư nhưng chất lượng vẫn cao và đôi khi còn cao hơn cả chuyên nghiệp. Trường hợp ngoại lệ này, "nghiệp dư một cách thiên tài", chúng ta không bàn đến. Điều đáng quan tâm ở đây là làm thế nào để nâng cao chất lượng của người không chuyên nghiệp cũng như người thuộc

nghề nghiệp chính thức nhưng lại hoạt động như một người nghiệp dư . Hãy gọi chung là *người hoạt động nghiệp dư.*

**Vấn đề nghiệp dư**

Vấn đề gốc của người hoạt động nghiệp dư có tri thức và nhiệt tâm là do bị hoàn cảnh cuộc sống chi phối, *thời gian* trở nên eo hẹp: thời gian *đọc*, *viết* và *tư duy*. *Đọc* để *học hỏi* và *cảm nhận giá trị thẩm mỹ* của tác phẩm. *Viết* để *tập luyện, thử nghiệm sáng tác* và *sáng tác*. Cả hai công việc đọc và viết luôn đòi hỏi *tư duy*. Tư duy đối với việc đọc là nhằm tiêu hóa những gì đã học và để thẩm thấu những giá trị thẩm mỹ. Tư duy đối với việc viết là bằng cách nào tập luyện cho tốt, viết cho hay, thử nghiệm gì, sáng tác gì, chứa nội dung gì, theo trường phái gì, để làm gì, v.v.. Tổng quát, như một nhu cầu tinh thần cần thiết, con người cần tư duy để bộc lộ, phát triển tư tưởng. Tư tưởng càng hay, càng lạ, càng sâu rộng, càng già dặn, càng hướng đến tinh thần chứa bản chất người thì chất lượng của nó càng cao. Loại trừ vô thức, trực giác, có thể nói kết gọn rằng, muốn viết thật hay, người viết phải vận dụng tâm trí, phải đọc nhiều, viết nhiều. Tất cả đều đòi hỏi sức tập trung, sự liên tục và thời gian.

**Giải pháp nâng cao việc đọc**

Đối với việc đọc, theo tôi, vấn đề trước hết cần được giải quyết là giúp người viết không chuyên nghiệp *học hỏi* để nắm vững kiến thức căn bản văn chương rồi từng bước nâng cao. Thực tế cho thấy, họ không có thì giờ đọc sách nhiều như dân chuyên nghiệp. Muốn đọc cũng không biết đọc gì trước, sau. Vì thế, cách tốt nhất là làm sao trang bị cho họ những kiến thức tối thiểu mà ngành văn chương trong đại học thường dùng để giảng dậy theo thứ tự giáo trình. Chỉ khác ở đây, thông tin nằm ở dạng cô đọng. Để làm được việc này, chỉ còn trông mong vào sự tình nguyện của người chuyên nghiệp được đào tạo từ đại học văn chương và đang làm việc chính thức trong đại học về ngành này. Cả người chuyên nghiệp do hoàn cảnh khó khăn nào đó lại hoạt động một cách nghiệp dư cũng cần được thông tin. Vài đề nghị cụ thể giúp nâng cao việc đọc:

a. Giới thiệu những kiến thức nhập môn (bằng những bài luận văn xúc tích).

b. Giới thiệu dần những kiến thức cao hơn, sâu hơn.

c. Từng bước giúp người viết tự tìm hiểu thêm.

d. Giới thiệu những tác phẩm tiêu biểu của từng trường phái, với từng thể loại, kỹ thuật, ... cộng những bài phê bình.

e. Giới thiệu những tác phẩm có chất lượng cao (Việt Nam hoặc quốc tế được chuyển ngữ).

f. Cập nhập thông tin văn chương hiện tại của thế giới.

g. Lập thư viện văn chương, tức tất cả các thông tin, tài liệu, luận văn, giới thiệu, ... về văn chương sẽ được tập trung vào một mục trên HomePage để người đọc có thể tham khảo.

Cần để ý vài điểm then chốt trong việc thông tin:

· Các bài viết nên xúc tích bởi người đọc ít thì giờ.

· Dễ đọc, gây hứng khởi, xúc tác người đọc tò mò, tìm hiểu sâu bởi muốn người đọc dễ hấp thu, tự tìm hiểu. Xin hiểu, dễ đọc đây không có nghĩa là không cần suy nghĩ..

· Đề tài dù dễ hay khó, các bài viết phải đạt chất lượng thật cao, chẳng hạn trình độ một bài nghiên cứu, tránh hời hợt bởi muốn nâng cao trình độ người đọc.

· Thông tin nên có tính thứ tự quan hệ, từ dễ đến khó bởi muốn người đọc đỡ lúng túng trong việc tìm hiểu.

· Khai thác tối đa thông tin miễn phí trên Internet. Phổ biến mạnh mẽ những thông tin hiện đại nhất để người đọc có thể thường xuyên bám sát được tình hình phát triển văn học mới nhất của thế giới.

· Phong phú hóa thư viện văn chương bằng những bài viết giá trị của mọi người viết.

Theo tôi nghĩ, nếu người chuyên nghiệp có cơ hội giảng dậy trong đại học, thì việc thực hiện những bài luận văn hoặc giới thiệu các thông tin như vậy không khó; sinh viên có thể làm được.

Thực hiện được các việc trên, chúng ta đạt được những mục đích gì ?

1. Người đọc tối thiểu sẽ nắm được kiến thức căn bản ngành văn chương (lịch sử, kỹ thuật, thể loại, trường phái, mỹ học, ứng dụng, ...).

2. Nhờ căn bản, người đọc có thể tiếp tục tiếp thu thêm những kiến thức khó hơn, từ đó chất lượng kiến thức được nâng cao.

3. Nhờ kiến thức, người đọc càng dễ thẩm thấu giá trị tác phẩm, càng cảm thấy thích thú. Được vậy, trình độ tư duy và cảm nhận thẩm mỹ tự động càng được nâng cao.

4. Người đọc có cơ hội tiếp cận môi trường văn chương thế giới, nhất là người trong nước.

Đạt được những kết quả ấy, chắc chắn kiến thức văn chương và trình độ đọc của người hoạt động nghiệp dư sẽ được nâng cao rõ rệt. Song, dù đáng lạc quan, cũng nên để ý một điểm khá quan trọng là làm sao để người cầm bút đừng bị ảnh hưởng quá mạnh bởi một lý thuyết, tư tưởng mà đánh mất cái riêng của mình. Mất cái riêng, người cầm bút dễ nhiễm tính sao chép, dễ mất tính sáng tạo.

**Giải pháp nâng cao việc viết**

Trước khi tìm giải pháp thực tế để sự phát triển văn học mang ý nghĩa văn chương một cách đích thực, hãy thử tìm hiểu sơ vài mục đích và chất lượng tiêu biểu nơi người viết:

· Có người viết không nhằm mục đích góp phần phát triển văn học mà dụng phương tiện văn học, phục vụ cứu cánh chính trị, tuyên truyền.

· Có người viết đủ thứ ngoài chính trị, viết cho vui rồi đăng báo, đăng liên tục. Họ không để ý đến chất lượng và cũng không có ý thức trở thành người viết điêu luyện, viết văn chương.

· Có người viết thuần văn chương nhưng ít viết dù chất lượng khá tốt.

· Có người thích thử nghiệm cái mới, chất lượng chưa xác định được.

· Có người bảo thủ, thích đề cao truyền thống, viết hay cũng có mà ít hay cũng nhiều.

· Có người muốn rèn ngòi bút cho ngày càng văn chương nhưng vẫn còn chậm.

Sở dĩ phải nhìn vào thực tế bởi lẽ trong sinh hoạt của giới cầm bút Việt Nam luôn luôn tồn tại một vấn đề khá tế nhị: chấp nhận người viết nào. Theo tâm lý, ban biên tập một tờ báo thuần văn học nghệ thuật không thích đăng những bài mang tính cách chính trị, hoặc những bài viết thiếu chất lượng chủ yếu đăng cho vui, không nghiêm chỉnh. Nhưng vì nể tình, họ cũng đăng. Suy nghĩ khách quan, những bài viết như vậy không thích hợp với thế giới văn chương và dĩ nhiên không thể góp phần nâng cao chất lượng của văn chương. Ngoài lý do ấy, có người viết kém không được chấp nhận. Xét một cách trung hòa, không chấp nhận người viết kém, có lẽ hơi mâu thuẫn. Theo logic tự nhiên, hầu hết cái hay đều bắt đầu bằng sự kém cỏi. Phải cần tập luyện, chất lượng theo thời gian mới được nâng cao. Không tạo môi trường phát triển, sẽ không có người viết hay. Một vấn đề khác, “viết

để làm gì" luôn là câu hỏi lớn nhất dễ dẫn đến bất đồng ý kiến. Người sống bằng lý trí thường cho những tác phẩm tình cảm là yếu đuối, tư tưởng không cao, lãng mạn, thậm chí đôi khi "sến", "cải lương". Người sống nhiều tình cảm, ngược hẳn, lại cho những tư tưởng lý trí là máy móc, chỉ làm cho đời sống mệt phờ vì kỹ thuật càng thêm nặng nề, căng thẳng. Khác biệt lý cảm đã là một nguyên nhân gây vấn đề, chưa kể quan điểm vị nghệ thuật hay vị nhân sinh. Song, dẫu khác biệt thế nào đi nữa, câu trả lời chung vẫn là do nhu cầu mà mọi người đều có quyền thỏa mãn. Chung cục, những cái đáng chối từ là chính trị, tuyên truyền, tính phi văn học, tính không ý thức nâng cao chất lượng, đặt biệt là tính tự do quá trớn chỉ gây tổn hại một cách phi lý cho tinh thần và sự tồn tại của con người. Vài đề nghị cụ thể giúp nâng cao việc viết:

a. Khuyến khích người viết tham gia sinh hoạt văn học. Hiện nay không thiếu HomePage văn học Việt Nam cần người viết hợp tác.

b. Mở rộng môi trường gặp gỡ cho người viết trong/ngoài nước và chỉ thuần văn chương. Đặc biệt đối với người viết trong nước, nên thông tin tối đa để họ có thể theo sát tình hình phát triển ở thế giới bên ngoài, rồi từ đó truyền tải tiếp những thông tin mới nhất đến mọi người hầu tạo nên làn gió mới cho nền văn học quốc nội. Mặt khác, các bài viết giá trị trong nước nên được phổ biến rộng ở hải ngoại để khích lệ người viết và để tạo dịp trao đổi.

c. Tạo điều kiện viết tự do. Thay vì giới thiệu "mỗi kỳ mỗi người viết", ban biên tập nên dành nơi sinh hoạt cho tất cả người viết miễn chỉ vì văn chương và chất lượng đừng quá kém. Cách thức này giải quyết được 2 vấn đề. *Một*, tránh vấn đề tâm lý, người viết nào cũng muốn được "lăng-xê", nhưng ban biên tập chỉ muốn giới thiệu người viết hay vì không muốn tờ báo bị mất uy tín về nội dung. *Hai*, người viết có cơ hội tham gia. Trong môi trường tự do bao gồm nhiều chất lượng khác nhau, người viết mới có cơ hội tự so sánh phẩm chất mà cải tiến. Sau một thời gian qua thẩm định của độc giả, của ban biên tập, của giới phê bình, những người viết hay sẽ được giới thiệu chung với những tác phẩm đối với họ là hay nhất, ví dụ qua mục "giới thiệu những người viết mới". Cần lưu ý, mô hình viết "tự do" chỉ thực hiện được ở các nơi sinh hoạt văn học trên Internet; không thích hợp cho báo "dưới đất", nhất là các báo có uy tín.

d. Phỏng vấn người viết hay và mới. Cách thức này tương tự cách thức "giới thiệu người viết", dễ tạo phấn khởi cho người viết và đồng thời qua đó, người đọc dễ hiểu người viết hơn.

e. Khuyến khích người viết giữ sắc thái riêng. Đừng làm cho họ

mất tự tin do bị phê bình mà không dám viết nữa hoặc không dám viết tự nhiên nữa, rồi ngả theo cái đẹp mà người phê bình cho là tuyệt diệu.

f. Giúp người viết hiểu rõ mối quan hệ giữa chất liệu, hình thức, nội dung trong sáng tác. Căn bản này thật cần thiết. Chỉ khi hiểu rõ, người viết mới có thể nhận thức được rằng, muốn đóng vai một nhà kiến trúc để sáng dựng nên những công trình giá trị, không phải là một chuyện dễ dàng.

g. Khuyến khích sáng tạo. Có người viết muốn rời bỏ "cái cũ sáo mòn" và thích đi tìm hoặc tự tác tạo "cái mới". Trong buổi ban đầu, ắt hẳn sự thử nghiệm chưa thể hứa hẹn một kết quả có giá trị vững vàng, họ thường hứng chịu lời phê bình. Thiết tưởng đừng nên làm họ nản lòng, ngược lại, nên động viên, thông tin, góp ý với họ. Biết đâu qua họ, văn học Việt Nam sẽ đạt những bước tiến mới.

h. Khuyến khích cách tân. Có người viết không có khả năng hoặc không thích theo "cái mới" hoặc phát minh ra "cái mới", nhưng lại có khả năng dùng cái cũ, làm mới. Song trên thực tế, đa số người viết vẫn còn ôm giữ cái cũ. Muốn họ cách tân, phải tạo cho họ cơ hội nhìn, so sánh chất lượng của chính mình với chất lượng cao ở người khác, thế giới khác.

i. Khuyến khích tinh luyện. Có người viết thích giữ cái truyền thống và chỉ thích tinh luyện sở trường riêng. Thiết nghĩ, tại sao không ? Tinh luyện nhằm mục đích gạt bỏ cái yếu và nâng cao phẩm chất.

j. Lập WorkShop sáng tác, thử nghiệm hoặc giới thiệu những WorkShop đã có sẵn của tác giả.

k. Đưa ra chủ đề thảo luận (phê bình trường phái, tác phẩm, đề tài, ...). Với phương pháp này, người viết sẽ tự động tìm hiểu, đào sâu về kiến thức. Thay vì đọc một cách thụ động để hấp thụ thông tin, thảo luận là một phương pháp rất năng động và hiệu quả để đạt mục đích ấy. Thảo luận là cơ hội gặp gỡ nhiều tư tưởng, qua đó người viết có thể trao đổi, cảm thông nhau. Tuy vậy, bên cạnh cần có những bài viết của giới chuyên nghiệp đóng vai trò xúc tác, hỗ trợ. Để cuộc thảo luận mang tính thời sự, nên lập một diễn đàn online, hoặc ít nhất đừng để thời gian làm đứt quãng tính thời sự của đề tài.

l. Khuyến khích dịch thuật. Có người viết không có sở trường sáng tác nhưng rất khá về mặt dịch thuật. Họ có thể đóng vai trò tích cực trong việc giới thiệu những tác phẩm văn chương giá trị của Việt Nam ra thế giới và ngược lại. Nên nhớ, đây làm một điểm rất quan trọng trong giao lưu quốc tế mà trước nay vẫn chưa có nhiều cố gắng.

m. Động viên thế hệ viết trẻ.

Thực hiện được các việc trên, chúng ta đạt được những mục đích gì ?

1. Không bị yếu tố thời gian, kinh tế ràng buộc, người viết có thể viết bất cứ lúc nào nếu khả năng cho phép, viết hầu như vô điều kiện ngoài điều kiện duy nhất là có ý thức muốn nâng cao chất lượng viết và chỉ viết vì văn chương. Từ đó, vấn đề chính trị ảnh hưởng văn chương sẽ tự động biến mất, không cần giải quyết.

2. Nhờ được tạo môi trường tốt, người viết dễ phấn khởi. Trong môi trường thân hữu lành mạnh, không khí sinh hoạt sẽ sôi nổi, đa dạng, biên giới sẽ được mở rộng cho nhiều người tham gia, trong lẫn ngoài nước. Người viết có cơ hội trao đổi, học hỏi, so sánh mà cải thiện. Ngoài ra còn được góp ý, khuyến khích, hỗ trợ của văn hữu. Được vậy, chắc chắn chất lượng người viết chỉ khá thêm.

3. Chất lượng văn học Việt Nam được tinh luyện nhờ người viết đào sâu tinh hoa, hoặc dùng chất liệu cũ, làm mới.

4. Văn hữu với sở trường dịch thuật có cơ hội, giới thiệu các tác phẩm giá trị của người Việt (trong/ngoài nước) ra cộng đồng thế giới và ngược lại.

5. Văn học Việt Nam có thể xích lại gần quốc tế qua người viết đang tiếp cận văn chương đương đại của thế giới. Biết đâu, sẽ có thêm người tham gia. Được vậy, từ một vị thế lạc hậu, văn học Việt Nam có thể đốt giai đoạn, nhẩy thẳng vào môi trường văn chương hiện đại của thế giới. (Ở đây chỉ đề cập đến hình thức, không xét nội dung).

6. Đã nắm vững tinh hoa đặc thù với chất lượng được nâng cao, đã hấp thụ tinh hoa chung của thế giới, cộng sự tiếp cận hiện tại thế giới, văn học Việt Nam sẽ vững tin hơn mà góp mặt với quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa ngày hôm nay. Đó là giải pháp thực tế: phải có vốn liếng, hợp tác chung mới khả thi.

7. Thế hệ trẻ có điều kiện nối tiếp thế hệ trước, phát triển.

Xét cho cùng, những phương pháp đề ra chỉ nhằm mục đích giúp cải thiện chất lượng nghiệp dư bằng cách nâng cao trình độ đọc và viết. Phần còn lại là tùy vào người viết, đặc biệt, điểm quyết định vẫn là tài năng: sáng tạo, tư duy, đột phá. Phải có ý tưởng lớn, mới có tác phẩm lớn.

Để ít thì giờ suy gẫm, hẳn sẽ thấy, trong quá trình phát triển văn học Việt Nam suốt thế kỷ 20, chúng ta chưa bao giờ góp một sáng tạo lý thuyết đáng kể nào cho văn học thế giới ngoài sự thụ động tiếp thu những cái người khác đã làm. Đã vậy, tiếp thu quá chậm và ôm giữ

quá lâu. Kể cả khi tiếp cận cái mới nhất cũng thế, tính sáng tạo của người cầm bút Việt Nam mới chỉ ngừng ở mức độ như một tia sáng loé lên ở địa phận tác phẩm chứ chưa phải là một ngọn đuốc cách mạng sáng rực ở cộng đồng văn chương thế giới. Thử nghiệm lý thuyết có sẵn, chúng ta có khả năng, song đột phá, cho chào đời một cái mới, chúng ta không có. Thành thử phải can đảm dứt bỏ quán tính chạy sau lưng kẻ khác. Đột phá tất nhiên không dễ. Thế nhưng bứt vượt khỏi cái mốc vừa đạt, không đến nỗi khó. Đó đã là một bước tiến vượt bực. Khi đã tiếp cận và đã hiểu một "cái mới", chỉ cần đặt câu hỏi: "cái này hay, nhưng hay nữa là ... thế này, được không ?". Đây là bí quyết, giới làm khoa học thường dùng để cải tiến một cơ sở, tiền đề phát minh của người đi trước thành "cái mới" của mình. Sau đó, khi "cái mới" của anh/chị ta hình thành, chính anh/chị ta lại tiếp tục đặt câu hỏi đó, tìm cách đục dũa mà thoát khỏi cái mốc đó. Tiến trình ấy mãi được lặp lại, một bước, hai bước, ba bước, ... cho đến khi anh/chị ta hết sức, thì kết quả cuối cùng đã cách xa cái trước ít nhất là một bước, nghĩa là có thay đổi, có cải biến. Có khi sự cải biến còn dẫn đến một "cái mới" không ngờ. Đây chính là kết quả nhờ bứt vượt mang tính đột phá, đột phá không bừa bãi mà luôn nắm cơ sở và tuân thủ quy luật "liên tục" suốt quá trình sáng tạo.

**Giải pháp nâng cao trình độ đọc của độc giả**

Việc nâng cao chất lượng người viết đã được bàn. Nay thử đặt câu hỏi, làm thế nào nâng cao chất lượng đọc của độc giả ?

Chúng ta đều biết, "viết" và "đọc" là hai hoạt động tư duy mang hình thức tương phản. Một mặt, viết là hình thức biểu lộ tư tưởng, mặt khác, đọc là hình thức đón nhận tư tưởng. Dù khác song cả hai đều phát sinh từ *nhu cầu*. Nhu cầu, mỗi con người đều có. Thế nhưng không phải mọi nhu cầu đều giống nhau và mang mức độ giống nhau. Có nhu cầu đơn giản, có nhu cầu không đơn giản. Có nhu cầu thấp, nhu cầu không thấp. Có nhu cầu nhỏ, nhu cầu không nhỏ, ... Đối với việc viết/đọc cũng vậy, nhu cầu chính là yếu tố quyết định *chất liệu, hình thức, nội dung* và *trình độ chất lượng* của *sản phẩm tư duy. Về nội dung*, có nhu cầu thiên về cảm, có nhu cầu thiên về lý. Một người lãng mạn thường thích thơ tình, truyện tình cảm, chẳng hạn. Người thiên lý trí lại thích triết học hoặc những tác phẩm đòi hỏi tư duy. Người có nhu cầu cảm thiên nhiên, chẳng hạn thích truyện đồng quê. Người giầu trí tưởng tượng lại thích những gì không hiện thực. .... *Về hình thức*, có nhu cầu thiên truyền thống, có nhu cầu tìm cái mới. Người thiên truyền thống, ví dụ thích thơ lục bát nhưng có người lại cho hình thức

ấy đã cũ, họ thích thơ mới, kỹ thuật mới, v.v.. Nhưng một tác phẩm dù mang nội dung hoặc hình thức gì đi chăng nữa, chất lượng vẫn là yếu tố độc lập quyết định giá trị của sáng tác. Tạo chất lượng cao trong sáng tác là cả một nghệ thuật. Không phải thể thơ lục bát bao giờ cũng dở. Không phải thể thơ mới bao giờ cũng hay. Không phải truyện đồng quê bao giờ cũng "quê mùa". Không phải triết lý bao giờ cũng cao siêu, ...

Hướng nhu cầu khác biệt đều đi từ tâm lý con người mà ra cả. Dù khác biệt nhưng *nhu cầu luôn tăng trưởng liên tục* (steady), hoặc theo chiều rộng, hoặc theo chiều sâu, hoặc cả hai. Nhu cầu tăng trưởng liên tục kéo theo sự thèm muốn chất lượng phải được nâng cao liên tục, thậm chí đến một lúc nào đó vì nhàm chán, nhu cầu lại đổi hướng. Ví dụ từ "ăn no, mặc ấm", nhu cầu tăng trưởng đến "ăn ngon, mặc đẹp", rồi "ăn sang, mặc lạ". Điểm tâm lý này đã gợi ra bí quyết: *"muốn nâng cao trình độ đọc của độc giả, phải tạo nhu cầu thèm muốn chất lượng cao và tính liên tục của nó"*.

Thế thì những phương pháp đã nêu đối với việc nâng cao chất lượng người viết tự động cũng giúp nâng cao cả trình độ đọc của độc giả. Bởi, chẳng hạn khi độc giả hài lòng với một tác phẩm của một tác giả nào đó, họ đều muốn tác phẩm sau sẽ hay hơn tác phẩm trước. Những phương pháp kể trên còn tạo cho độc giả được dịp so sánh các tác phẩm. So sánh là tác động tạo sự kích thích việc đọc và chọn lựa tính thẩm mỹ cao.

**Hợp lực, tổ chức, thực hiện**

Đã có bài bản, song còn một vấn đề kỹ thuật nữa là nơi sinh hoạt (đọc, viết, trao đổi, thông tin, ...). Tốt nhất, hãy chọn phương tiện Internet, ví dụ một trang văn học nghệ thuật đã tồn tại có uy tín, hoặc làm ra trang mới. Muốn thực hiện, cần phải có sự hợp tác chuyên nghiệp và tự nguyện. Ví dụ, làm sao thỏa điều quan trọng nhất: việc đăng tải phải *lâu dài ?* Ở đâu ? Ai phụ trách phần kỹ thuật lập trình ? Ai lo biên tập, sửa lỗi chính tả, lên bài, quản trị thư viện thông tin, ... ? Ai nắm công việc điều hành, liên lạc, ... ? Ai giữ vai trò xúc tác người viết, điều hợp thảo luận, thông tin và cập nhật thông tin quốc tế, ... ? Ai quan sát kết quả phát triển, lập bài bản, chiến lược phát triển cho đừng lạc hướng, mất lập trường ... ? Tất cả đòi hỏi mọi cố gắng phải nghiêm túc và mang tính chuyên nghiệp là vì vậy. Đó là chưa kể đến điểm quyết định rất quan trọng là thái độ *"triệt để"*: Triệt để giải quyết vấn đề. Chưa đạt yêu cầu, phải làm nữa, làm nữa. Tránh hiện tượng phong trào. Phát triển phải liên tục, lâu dài. Luôn cải tiến. Tạo

không khí luôn sinh động.

Chỉ cần “xóa bỏ tính nghiệp dư“, chúng ta đã thấy, hai vấn đề gốc “chính trị“ và “kinh tế“ bỗng dưng mất hẳn tầm quan trọng. Chính trị không được quan tâm, tự động sẽ bị đào thải. Kinh tế không còn là căn nguyên quyết định sự phát triển văn học. Đổi lại, hợp lực lại đóng vai trò ấy. Tất cả bài bản đã đưa đều được xây dựng trên nền móng hợp lực. Nó chính là chìa khóa dẫn đến thành công. Tuy vậy, muốn sự hợp lực càng được bảo đảm hơn, chúng ta chỉ cần cải thiện thêm vài điểm yếu trong giao lưu nữa là xong !

**Giải quyết vài vấn đề trong giao lưu**

Trong hợp tác chung, một điểm yếu thường xảy ra là vấn đề *giao lưu ((interpersonal) communication).* Nguyên nhân của vấn đề này là do bất đồng hoàn cảnh, nhân sinh quan, ý kiến, lập trường, trình độ văn hóa/dân trí, ngôn ngữ, thói quen, hoặc trục trặc trong cách thông tin, cách làm việc, tổ chức, thực hiện, ... Rất phức tạp và càng phức tạp hơn nữa trong môi trường mang tính dân chủ, đa văn hóa. Để tránh hoặc khắc phục những khó khăn ấy, người Tây phương thường sử dụng những phương pháp hành xử được gọi chung là *kỹ thuật giao lưu* ((interpersonal) communication technique). Tổng quát, mục đích của nó là để mọi người tham gia hiểu nhau, làm việc chung cho có hiệu quả hầu đạt được kết quả tốt.

Trong giao lưu, yếu tố *thảo luận* đóng vai trò khá quan trọng. Ở đó, *phong cách thảo luận* có thể quyết định sự thành công hay thất bại dễ dàng như trở bàn tay. Quan trọng không kém là yếu tố *thông tin.* Hai vấn đề này hầu như luôn xuất hiện trong mọi sinh hoạt tư tưởng. Cả các sinh hoạt văn học Việt Nam cũng khó tránh khỏi, thậm chí đôi khi cần suy gẫm lại. Thực vậy, thảo luận trên văn đàn Việt Nam thường biến thành tranh cãi nặng nề, hằn học, kéo dài, có khi gặp bế tắc. Mục đích của thảo luận là làm sáng tỏ thông tin, vấn đề hoặc tìm được lời giải thống nhất cho vấn đề qua trao đổi ý kiến của người tham dự. Ở đó, hai bên cần hiểu nhau, đón nhận ý kiến của nhau, hài hòa hỗ trợ cho nhau càng nhiều càng tốt. Không thành công, thảo luận trở thành vô nghĩa.

Một trong những thất bại phát sinh từ phong cách thảo luận là không để ý đến yếu tố *văn hóa.* Không ít người Việt ở hải ngoại bị ảnh hưởng bởi văn hóa bản xứ thường mắc phải. Nên nhớ, mỗi xứ, mỗi dân tộc có tính tình khác nhau, văn hóa khác nhau, vì vậy phong cách thảo luận có thể khác nhau. Ví dụ thảo luận cường điệu với dân Âu

Châu chắc chắc sẽ bị chối từ. Song không phải mọi dân tộc Âu Châu đều cùng bản tính. Dân Pháp dễ chịu, dân Ý khôi hài, dân Đức nghiêm nghị, ... Ngay cả dân Á Châu như Nhật, Đại Hàn, Trung Hoa, Việt Nam ... cũng vậy, vẫn có sự dị biệt, và càng dị biệt đối với dân Âu Châu. Thành thử không thể áp dụng quy luật văn hóa chung cho thảo luận ngoài cách hài hòa, tôn trọng văn hóa, giữ tính lịch lãm của con người (human elegance). Điều này càng có ý nghĩa trong sinh hoạt mang tính toàn cầu hóa hôm nay. Ở Âu Châu này chẳng hạn, với tinh thần hài hòa, *kỹ thuật thảo luận* (discussion technique) mới đã được ứng dụng thực tiễn từ nhiều năm qua trong mọi lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, xã hội, .... Bất kỳ người Việt nào ở Âu Châu đã từng theo dõi, hoặc có cơ hội tham gia thảo luận (nơi văn phòng, kỹ nghệ, đại học, hội nghị quốc tế (conference, symposium, ...), diễn đàn công cộng, ...), đều thấy vậy. Bất chấp sự giao lưu phức tạp do khác biệt về văn hóa, kiến thức, tư tưởng, lập trường, ... của nhiều tầng giới tham gia, bất chấp vấn đề phức tạp đến đâu, sau cuộc thảo luận, họ vẫn đạt được kết quả tốt. Thế thì cách thảo luận của họ như thế nào ? Một vài nhận xét:

1. Văn hóa được tôn trọng tối đa, nhất là trong môi trường đa văn hóa.

2. Tự do phát biểu. Không thành kiến, không thiên vị, không chia phe phái đàn áp nhau. Dù tranh luận sôi nổi, vẫn giữ lịch lãm, trình độ văn hóa, tự chủ, bình tĩnh, ôn hòa, không gây tự ái, tránh tự ái, không trịch thượng, không đóng vai kẻ cả, tôn trọng, lắng nghe nhau, đón nhận ý kiến xây dựng (feedback).

3. Nhìn vấn đề bằng tinh thần tích cực (positive). Con người không ai không có khuyết điểm cần được cải thiện. Khi người phát biểu vướng khuyết điểm, người nghe nên khéo léo giúp họ thoát ra khỏi vấn đề một cách tế nhị. Phương pháp thảo luận cũ mang tính sát phạt, duy phương tiện lý trí, không phối triển được cảm lý, quá cứng ngắc đã lỗi thời. Thái độ háo lý, răm ráp, máy móc, một cái bệnh, người trí thức thường vướng phải và bị diễu cợt là "dốt tại nghiệp" (ger.: Fachidiot, eng.: one-track specialist, person who can think of nothing but his/her subject), hoặc thái độ rào đón điểm yếu của đối tượng để công kích cho thỏa thích chỉ dẫn đến xung đột và bế tắc. Thay vì vậy nên chứng minh điểm yếu (nếu có) bằng suy nghĩ đúng đắn, logic và bằng thái độ góp ý xây dựng thẳng thắn, bình đẳng, lịch sự.

4. Chia nhỏ vấn đề và tập trung thảo luận vào mỗi điểm thay vì để ý tưởng bị phân tán bởi khối vấn đề lớn.

5. Luôn luôn đặt mục đích, sau thảo luận, thông tin sẽ được làm sáng tỏ, vấn đề sẽ có lời giải.

6. Chuẩn bị kiến thức trước khi thảo luận. Nhất là đóng vai chủ động, người phát biểu nên chuẩn bị và giới thiệu trước những kiến thức cần thiết cho người nghe (nếu cần). Được vậy, người nghe sẽ dễ hiểu người phát biểu hơn, dễ tiếp thu hơn, hiệu quả hơn. Lợi cả đôi bên.

7. Không thông tin sai. Không để người nhận thông tin hiểu lầm. Người phát biểu phải giải thích rõ ý nghĩa mình đưa ra (khái niệm, thuật ngữ, mệnh đề, ... ). Ngược lại, người nghe phải hiểu kỹ ý người phát biểu. Nếu chưa, còn nghi ngờ, nên tế nhị hỏi lại, tránh phán đoán vội vàng, người phát biểu sai.

8. Chỉ thông tin đủ và cần thiết, những gì liên quan đến vấn đề. Không phóng đại, phức tạp hóa thông tin. Không để người được thông tin có cảm tưởng, thông tin nhằm phô trương kiến thức.

9. Nếu cần lý luận, tuyệt đối lý luận vững chắc đối với chân lý. Ít nhất là nắm những quy luật của logic phát biểu. Tốt nữa: Predicate Logic, Dialogue Logic. Nên để ý giá trị *đúng/sai* (true/false) có hai loại. Đúng tuyệt đối là đúng vượt thời gian, không gian như chân lý trong khoa học thực nghiệm. Đúng tương đối không thỏa điểm ấy. Ở phạm trù văn học, giá trị đúng/sai của lý luận thường tương đối bởi chúng thay đổi liên tục theo thời gian, hơn nữa còn tùy quan niệm chủ quan.

10. Người tham gia thảo luận phải tôn trọng mọi khởi điểm trong suốt đề tài thảo luận. Người đặt câu hỏi chỉ được phép nhắm vào tiêu điểm của nội dung chứa *điều kiện nhất định* của người vừa phát biểu, không được phép đánh lạc hướng hoặc đặt những câu hỏi gây "hỏa mù". Ngược lại, người được hỏi chỉ trả lời những gì được hỏi ngay tiêu điểm ấy, ngoài ra được phép từ chối. Người phát biểu phải chịu trách nhiệm về phát biểu của mình và có bổn phận trả lời, làm sáng tỏ phát biểu khi được yêu cầu.

11. Tránh phức tạp hóa vấn đề. Vấn đề vốn dĩ đã phức tạp.

12. Đưa ra vấn đề chưa đủ, cần phải có đề nghị, giải pháp cụ thể.

13. Luôn theo sát hướng vấn đề, tránh lạc đề, tránh không khí bị mất kiểm soát. Bình thường sẽ có một người điều hợp (moderator) lãnh công tác ấy. Song ngày nay, nhiều khi không cần nữa, mỗi người tham gia thảo luận tự đảm nhận luôn.

14. Cuối cùng, tổng kết cuộc thảo luận bằng văn bản.

Văn bản sẽ là cây thước đo lường tính hiệu quả và kết quả của thảo luận.

Thực tế đã chứng minh, phong cách và phương cách *thảo luận* kể trên luôn luôn dẫn đến kết quả tốt đẹp. Nhờ hài hòa, tính thân hữu được tăng cường. Không lạc đề. Nhanh gọn. Mọi người đều hiểu ý tưởng nhau rõ ràng. Dù sôi nổi nhưng không xảy ra tình trạng tranh cãi dai dẳng, nặng nề. Thông tin được làm sáng tỏ, vấn đề có lời giải thống nhất. Kiến thức được nâng cao qua trao đổi. Định giá được hiệu quả của thảo luận. Rút được kinh nghiệm. Đạt uy tín. Tất cả đều vui lòng.

**Tổng kết**

Người làm văn học Việt Nam chúng ta không được may mắn. Chiến tranh, nghèo đói, lạc hậu, điều kiện hạn chế đã không cho phép nền văn học Việt Nam phát triển thoải mái như ở một xứ thanh bình, phồn thịnh. Ở đó, văn học nghệ thuật được nâng niu, chiều chuộng, được kể như hạ tầng cơ sở quốc gia. Ở đó, đại học văn chương không thiếu, chương trình phát triển không thiếu, nhân lực không thiếu, phương tiện không thiếu, ... bởi có tiền. Nói cách khác, ở xứ giàu mạnh, chính phủ có trách nhiệm tạo điều kiện tối đa cho văn học nghệ thuật phát triển; ở xứ nghèo, người làm văn học nghệ thuật phải tự lo. Có thành công hay không đều do chính mình quyết định nếu hoàn cảnh thuận lợi. Đối với người Việt chúng ta cũng thế, muốn tiến chỉ còn cách là phải khai thác tối đa những *mặt mạnh* sẵn có mà tự giải quyết vấn đề.

Như đã trình bày, bởi không thể dứt điểm vấn đề gốc một cách trực tiếp để đưa nền văn học Việt Nam đương đại tiến lên, chúng ta đành chọn phương pháp gián tiếp. Song, dù gián tiếp, mạng lưới vấn đề vẫn bị phá vỡ như thường. Cụ thể, giải quyết vấn đề nghiệp dư nhờ cách nâng cao trình độ đọc và viết. Khi trình độ đọc/viết được nâng cao, tự nhiên nó sẽ kéo theo trình độ thẩm mỹ, tư duy, dân trí lên cao. Tất cả đều xúc tác, tạo nên nhu cầu tinh luyện tinh hoa riêng và nhu cầu đón nhận tinh hoa chung của thế giới. Một khi đã có vốn liếng của mình cộng sự sẵn sàng đón nhận cái hay của người, thì cuộc giao lưu với thế giới mới thực tế, mới bình đẳng. Bên cạnh sự chuẩn bị ấy, trước mắt, chúng ta đã tạo được môi trường sinh hoạt văn chương rộng lớn, nhộn nhịp cho riêng mình, trong lẫn ngoài nước. Nhờ vậy, sẽ có sự trao đổi giữa hai bên, nhất là người trong nước sẽ có cơ hội tiếp cận những cái hay của thế giới bên ngoài, một yếu tố rất ích lợi để giúp

nền văn học đương đại trong nước khá lên. Tạo được môi trường sinh hoạt thuần túy văn chương, vấn đề chính trị lấn áp văn chương luôn tồn tại tự động sẽ bị đào thải. Giải quyết xong những khó khăn trên, không những chỉ nâng cao chất lượng văn học Việt Nam đương đại mà còn chuẩn bị cả một cơ sở văn học mở (open) có chất lượng cho thế hệ về sau nối tiếp.

Vậy, xét cho cùng, những tiền đề kể trên có khả thi không ? Theo tôi, khả thi bởi, *một*, có rất nhiều người hoạt động nghiệp dư luôn nhiệt tình đóng góp. Dù bương chải, họ vẫn để dành thời gian cho hoạt động văn nghệ. *Hai*, bên cạnh còn có giới chuyên nghiệp văn chương trong đại học sẵn sàng trợ giúp đắc lực cho việc phát triển chung. *Ba*, có thể nói, trong giới hoạt động nghiệp dư về văn chương hầu như tuyệt đối đều là dân trí thức, có đầu óc cấp tiến, có kinh nghiệm làm việc, có tinh thần trách nhiệm, hơn nữa có một thứ vốn quý: chất xám. Chất xám là sức mạnh để chiến thắng vấn đề, là cơ sở sáng tạo và là khả năng hoàn hảo chất lượng. *Bốn*, ở hải ngoại, tự do sáng tạo, phát triển không thành vấn đề. *Năm*, cả trong nước, nhìn nhận khách quan, không khí sinh hoạt văn học đã thoải mái hơn xưa rất nhiều. Điều kiện này cho phép người viết dễ sáng tác, dễ giao lưu với người Việt ở hải ngoại hơn. *Sáu*, phương tiện Internet nhanh chóng, dễ dàng, ít tốn kém sẵn có, thông tin, tài liệu rất dồi dào cũng có.

Ưu điểm, bài bản thực tế, khả thi, chúng ta có; hợp lưu nhiệt tình, thân hữu có; ý chí, tinh thần hành động triệt để có, thì không có lý do gì mà chúng ta không thể thành công trong việc đưa nền văn học Việt Nam đương đại tiến lên đúng ý nghĩa văn chương đích thực như hằng mong muốn.

DŨNG VŨ
*Stuttgart, den 03.09.2000*

**Chú thích:**

[1] Dũng Vũ: *Thử bàn về chất lượng phát triển văn học Việt Nam đương đại*. Hợp Lưu #54, tháng 8 & 9, 2000.
[2] Minh Tân, Thanh Nghị, Xuân Lãm: *Từ điển Tiếng Việt*– Ngôn Ngữ học Việt Nam, nxb. Thanh Hóa, 1998.

**Tài liệu tham khảo: (Thảo luận, giao lưu)**

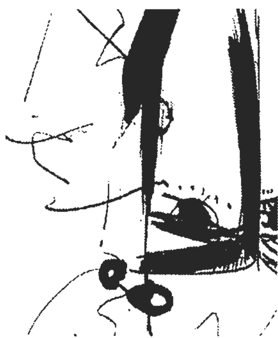
1. Steiger, Rudorf: *Lehrbuch der Diskussionstechnik*. Huber, Frauenfeld, 2000.
2. Rothstein, Butler: *On Conflict and Consensus. A handbook on Formal Consensus decisionmaking.* http://www.homepages.de/home/smerten/KritischeUni/akku/texte/ocac.html , (Stand: 23.08.99).
3. Kahn, Michael: *Das Tao der Kommunikation*. Huber, Wien, 1999.

4. Có thể xem thêm:
5. Kienpointer, Manfred: *Vernuenftig argrumentieren – Regeln und Techniken der Diskussion*. Rowohlt, Hamburg, 1996.
6. Hage, J.: *Reasoning with Rules. An Essay on Legal Reasoning and Its Underlying Logic*. Kluwer Academic Publishers, Dordrecht, 1997.
7. van Eemeren, Grootendost: *Argrumentation, Communication and Fallacies*. Hillsdale, N.J, 1992.
8. Fisher, Bonnie/Margolis, Michael/Resnick, David: *A New Way of Talking Politics: Democracy on the Internet*. Center for the Study of Democratic Citizenship. University of Cincinnatti, 1994.
9. Mettler- Meibom, B.: *Kommunikation in der Mediengesellschaft .Tendenzen - Gerfaehrdungen - Orientierungen*. Sigma, Berlin, 1994.



**HOÀNG NGUYÊN NHUẬN**

# Mộng trong mơ



*Đi! Cùng anh tới Cô tô cảnh cũ*
*Chờ giăng lên mơ nửa giấc mơ xưa*
Huy Thông

ĐÃ qua rồi, thời mà người sáng tạo có thể hành xử như thần thánh. Nghề in phát triển, tiếp đó là bao nhiêu phương tiện truyền thông khác có khả năng ghi nhận và phổ biến rộng rãi sáng tác phẩm đến người thưởng ngoạn. Trong hoàn cảnh đó, người thưởng ngoạn có thể không cần biết tác giả là ai, khoan nói là xem tác giả như thần thánh như trong thời kỳ tiền in ấn hay ghi và phát âm.

**Quan Hệ Bất Công**

Trong hoàn cảnh đó thì quan hệ giữa tác phẩm và người thưởng ngoạn là một quan hệ sinh tử đối với người sáng tạo. Đây là một quan hệ duy tâm rất bất công thiệt thòi đối với người sáng tác. Đã hẳn, điều nầy có thể không đúng cho những kẻ nghĩ rằng mình sáng tác chẳng cho ai cả. Như con chim ngứa cổ hát mà chơi. Với những kẻ thủ dâm nghệ thuật đó thì đành kính nhi viễn chi hay vong ngôn lự tuyệt là gọn, ít ra là khỏi bị mắng cho là nhút nhát không dám theo mới, không tiên phong hiện đại.

Ngoài đời cũng như trong nghệ thuật, người thưởng ngoạn là một thứ chứng nhân và chứng nhân quyết định một đối tượng có hay không, đẹp hay xấu, hay hay dở. Điều bất công đýnh phận đối với người sáng tạo chính là ở chỗ sự xác quyết về thực tại hay phán đoán giá trị về

một đối tượng lại không phải luôn luôn là phản ứng tất định tương tự như phản ứng giữa nhiệt độ và cái hàn thử biểu. Nghĩa là tác phẩm đẹp hay thì phải nói hay đẹp, và đã nói hay đẹp thì đương nhiên tác phẩm phải đẹp hay! Thực tế không phải như vậy, thực tế là một người sắc nước hương trời hay như Chung vô Diệm, một thiên tài hay một tên cà chớn, hàng tỉ tỉ ngôi sao và triệu triệu thế giới trong vũ trụ... tất cả đều chẳng có và chẳng có nghĩa gì với chứng nhân hay người thưởng ngoạn, nếu chứng nhân không biết tới. Có hay không, tốt hay xấu cũng vậy thôi, nếu không ăn nhằm gì với tôi, nếu không đụng đến tôi, nếu tôi không để tâm tới.

Nếu mượn ngôn từ kỹ thuật của hội họa mà nói thì chung chung, sáng tạo cũng như thưởng ngoạn vận hành theo hai cách ấn tượng và lập thể. Ấn tượng tùy vào cảm thức, lập thể tùy vào trí thức. Ấn tượng là trường phái thấy sao vẽ vậy, do đó họa sĩ có thể đã chỉ vẽ ra cái cảm thức của mình về một đối tượng chứ không phải vẽ chính đối tượng đó. Lập thể là chủ trương vượt khỏi ấn tượng để đạt cho được cái thực tại núp sau ấn tượng. Vẽ đường rầy xe lửa hay đường tàu chẳng hạn. Theo ấn tượng thì hai đường tàu song song giao nhau ở cuối chân trời. Thấy sao vẽ vậy hay vẽ theo đúng ấn tượng là vẽ đường tàu như chữ A hay chữ V ngược. Nhưng trừ những chỗ bẻ ghi, đường tàu thực hữu không bao giờ giao nhau. Cho nên, vẽ đường tàu theo ấn tượng thì đường tàu không còn là đường tàu, mà vẽ đường tàu song song theo quan điểm lập thể thì cũng chẳng mắt nào chịu thấy đó là đường tàu! Cái biết có khi không đi đôi với cái thấy. Những khuôn mặt của Picasso thường được ghi lại, một nửa bằng hình ảnh do thị giác đem lại, một nửa bằng hình ảnh của trí thức phát hiện. Nhạc, văn, thơ cũng không thoát khỏi định lệ diễn đạt và thưởng ngoạn ấy.

Giá trị một tác phẩm tùy thuộc vào tâm nghiệm người thưởng ngoạn, nghĩa là tùy thuộc vào trí huệ, vào vọng tâm, vào ký ức, hoài niệm và liên tưởng của người thưởng ngoạn. Ai khen hay, ai chê dỡ mặc ai. Đã thích, tôi cứ thích; đã không thích, tôi cứ không thích, dù là thích hay không thích một mình. Không có tôi thì cũng chẳng có gì cả - thực tại cũng như giá trị. Dĩ nhiên là có gì hay không có gì, đối với tôi. Đó là kinh nghiệm của Hoàng tôi về một bài thơ ngắn...

**Từ Bản Nhạc Đến Bài Thơ**

Chuyện khởi sự từ đầu những năm 1960 thì phải. Thuở ấy, Đà Nẵng có quán kem nổi tiếng Diệp Hải Dung. Kem ngon mà nhạc lại hay. Quán thường có ngay những bản nhạc mới nổi trội ở ngoại quốc. Một trong những bản chúng tôi ưa thích thời đó là Green Field, Unchained

Melody, Smoke Gets in Your Eyes bằng tiếng Anh, Mustapha, Orphée Noire bằng tiếng Pháp và Autumn Leaves bản tiếng Anh, Feuilles Mortes bản tiếng Pháp. Bản tiếng Anh không nhớ ai hát nhưng bản tiếng Pháp thì hình như hai người hát, Louise Gréco và Yve Montand. Hình như Edith Piaf cũng rất nổi tiếng với bản nầy nhưng tôi không nhớ đã được nghe bà hát thời ấy.

Đám bạn chúng tôi mê bản Feuilles Mortes vì lời ca hơn là tiếng nhạc. Tôi còn nhớ mang máng đoạn chính của lời ca đó là: C'est une chanson/ qui nous ressemble/ Toi tu m'aimais et je t'aimais/ Et nous vivions/ tous deux emsemble/ Moi qui t'aimais/ Toi tu m'aimais/ Mais la vie sépare ceux/ qui s'aiment tout doucement/ sans faire de bruits/ Et la mer efface sur le sable/ les pas des amants désunis./ Lời ca thông thường thế không hiểu sao lũ chúng tôi lại khoái!? Vì con nít ngất ngơ ?! Cũng vì mê bản nhạc nầy nên mười năm sau tôi suýt bỏ mạng. Nhưng đó là chuyện khác. Riêng Hoàng tôi lại khoái hơn khi biết được tác giả lời ca Feuilles Mortes là Jacques Prévert mà tôi còn giữ được hai tập thơ trong tủ sách gia đình, đó là tập Paroles và Spectacle. Sau nầy còn có thêm tập Fatras. Tôi cũng không biết phải gọi Fatras là gì nữa... bởi nó hổ lốn hơn cả tập Spectacle. Nghĩa là thơ, họa, collage, dụ ngôn, graffiti hầm bà lằng...

Cùng thời với Prévert, còn có những nhà thơ Pháp cũng khá nổi khác như Saint-John Perse với tập Exil và P.J. Jouve với Le Visage de Paris chẳng hạn. Nhưng Saint-John Perse trang trọng quá và P.J. Jouve thì có khi tối tăm quá với đầu óc đơn sơ lông bông của chúng tôi. P.J. Jouve chìm khuất đâu không biết, nhưng đến 1960 thì Saint-John Perse rực sáng với giải văn chương Nobel. Đã muộn mất, hào quang văn học đó không thu hút được chúng tôi vì chúng tôi đã vớ được Jacques Prévert và thích Prévert mất rồi. Có thể vì Prévert dễ hiểu, gần gũi. Có thể vì Prévert làm thơ như trò chuyện, một lối trò chuyện rất ngọt, rất dí dỏm vui tươi mà nhiều khi cũng rất bộc trực, rất lạ, rất sắc và rất nóng.

Một trong những bài thơ chúng tôi thích trong tập Paroles chỉ có mấy câu. Bài Paris at Night:

*Trois allumettes une à une allumées dans la nuit*
*La première pour voir ton visage tout entier*
*La seconde pour voir tes yeux*
*La dernière pour voir ta bouche*
*Et lõobscurité tout entière pour me rappeler tout cela*
*En te serrant dans mes bras (1).*

Vì thích nên có mấy đứa tranh nhau loay hoay dịch bài thơ nầy thành vần điệu nữa. Nễ bạn mà làm thinh, nhưng thâm tâm tôi vẫn không

tin người ta có thể dịch thơ thành thơ. Đoàn thị Điểm và Nguyễn Du có thể không đồng ý với tôi về điểm nầy. Nhưng tôi cũng xin được không đồng ý với những ai bảo rằng Đoàn thị Điểm và Nguyễn Du chỉ là những kẻ dịch thơ của Đặng trần Côn hay Thanh Tâm Tài Nhân.

Làm thơ, viết văn là những năng khiếu trời cho. Không có năng khiếu ấy mà cứ làm thơ viết văn thì chẳng khác nào nuôi tham vọng nhốt lại ông thần vào chai như trong chuyện Ngàn Lẽ Một Đêm, hoặc đã ốm mà lại thích những bộ áo quần quá rộng, hoặc chân to mà lại đi giày số nhỏ.

Nhà thơ có thể dịch thơ, nhưng dịch thơ không nhất thiết là làm thơ, không nhất thiết là nhà thơ. Dịch thơ chỉ là trò chơi ô chữ hay ráp hình. Nếu chơi ô chữ không tạo nên bài thơ thì ráp hình cũng không làm nên bức họa. Điều nầy phân biệt một nhà thơ với thợ sắp chữ. Điều nầy cũng phân biệt nhà thơ với một người tự nhận là nhà thơ chỉ vì đã nghĩ và viết ra được một tựa đề bài thơ trên đầu trang giấy và đã ký tên dưới cùng trang giấy, không cần biết giữa hai thứ đó là gì. Hạng nầy có thể tồn tại như những thi bá, những đại văn hào dù cho không ai nhớ họ đã viết gì, và chính họ cũng không biết họ đã viết gì.

Bài thơ là cái nhìn tiên khởi độc đáo của thi nhân. Bài thơ dịch là một cái nhìn second-hand, một bản sao vụng về hay bất toàn. Biến cái ấn tượng thành lập thể hay lấy cái lập thể trùm lên ấn tượng, đàng nào cũng là cuồng vọng cả. Nghĩ vậy nên tôi đành phụ những bài thơ dịch của mấy người bạn và chỉ cố nhớ nghĩa đen của bài nầy đại ý...

*Paris Về Đêm*
*Ba cây diêm lần lược quẹt lên trong đêm*
*Cây diêm thứ nhất để nhìn toàn khuôn mặt em*
*Cây thứ hai để nhìn mắt em*
*Cây cuối cùng để nhìn miệng em*
*Và bóng tối bao trùm tất cả nhắc tôi đến những thứ đó*
*Khi tôi ghì siết em trong vòng tay.*

**Thơ và Tình Yêu**

*Ca tụng tình yêu trực phát thong dong tự tại là sở trường của Prévert.* Prévert thành danh sau khi quân chiếm đóng Đức bị quét sạch khỏi Paris và Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt. Đất nước Pháp sạch bóng quân thù, tự do được phục hồi nhưng - nhưng cũng như chính trị, sinh hoạt văn học Pháp lại lâm vào cảnh khủng hoảng. Văn chương hậu chiến chưa thoát khỏi những duyên nghiệp quá khứ nên cứ quanh quẫn nhai lại những chủ đề như kháng chiến, hận thù ngoại xâm, những nhục nhằn bị trị, và cả những hoài bảo của một thế giới tự do nhân ái bình đẳng

ngoài kềm kẹp Quốc Xã.

Song song với dòng văn học hồi ức đó là phong trào đặt lại vấn đề những giá trị, những quan niệm trước nay được xem như là đương nhiên không thể nghi ngờ hay chối bỏ. Ví dụ như các quan niệm về dân chủ chính trị, xã hội chủ nghĩa, phân biệt chủng tộc, chính sách khai phóng thuộc địa. Tất cả đều bị nghi ngờ, bị xét lại. Thân phận con người được đem lên bàn mổ văn học nghệ thuật và triết lý. Thiên chức và giá trị của nền văn minh và luân đạo Tây phương bị xét lại toàn triệt. Hai ngàn năm văn minh Thiên Chúa giáo còn lại gì ngoài hai cuộc đại chiến trong vòng không đầy nửa thế kỷ, ngoài những lò hơi ngạt giết Do Thái ở Đức, ngoài hai quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki, ngoài những gulag và những cuộc thanh trừng đẫm máu của Staline...? Văn đàn Pháp tấp nập rộn ràng lên vì phong trào triết học và văn học hiện sinh - có khi còn được gọi là triết lý hiện hữu, là văn chương dấn thân, văn chương luận đề hay nền văn học phi lý. Nhưng thâm tâm người đọc vẫn mong quên đi quá khứ, trở lại với cuộc đời bình thường trong hiện thực cũng như trong văn học nghệ thuật. Thâm tâm họ không muốn đọc những gì có thể khơi lại những khốn khổ của chính họ hay kể lể những khốn khổ của kẻ khác. Đó chính là tâm cảnh cho Prévert nổi trội (2).

Thời Đức chiếm đóng, để tránh búa rìu kiểm duyệt và đồng thời vẫn duy trì được hào khí quật cường của một dân tộc đang sống trong vòng bị trị, thi ca Pháp đã cố gắng chừng mực cẩn trọng trong ngôn từ và nghiêm túc với những chủ đề lớn lao trang trọng vĩnh cửu. Chiến tranh kết thúc, hoà bình tự do trở lại, phong cách trang trọng đó của thi ca cũng mất phần hấp dẫn. Thi ca dần dần trở về với những gì hồn nhiên bình dị dù vẫn giữ lấy lối diễn đạt phần nào bóng gió quen thuộc của phong cách siêu thực, hiện đại, tiền phong v.v... thời còn sống trong vòng ngoại xâm. Nhưng hình như Prévert chỉ thỉnh thoảng ồsiêu thựcõ trong lúc xử dụng ngôn từ, văn ảnh hay trong những bức tranh hay collage. Prévert không coi thường ý nghĩa tổng quát của bài thơ, cũng không hề tỏ ra bất cần ý nghĩa của ngôn từ hay ký hiệu bằng cách chối bỏ mối liên hệ ngữ nghĩa giữa những lời thơ. Prévert không tiền phong hiện đại đến độ nhất thiết coi thường ngôn ngữ, xem nhẹ người thưởng ngoạn, hoặc chủ trương lấy việc khinh thường ngôn ngữ, khinh thường người thưởng ngoạn như một cách tự quảng cáo để phát triển thị trường tiêu thụ sáng tác phẩm.

Cái mới của những nhà thơ siêu thực đã trở thành hầm chông bẫy sập cho chính họ. Thành tích lớn lao nhất của họ là đã gán cho ngòi bút của mình quyền lực của những chiếc đũa thần để biến tác phẩm

thành một cái gì rất mới, ai hiểu sao đó thì hiểu vì chính người sáng tạo cũng không mấy băn khoăn về ý nghĩa của điều mình viết ra. Nhà thơ không biết mình viết gì và người đọc cũng không biết mình đọc gì, nhưng cả hai đều dấm dớ không thú nhận như thế vì sợ bị chê cười là ngông nghênh hay ngớ ngẩn. Bài thơ trở thành một quái tượng, tựa như quái vật không tên trên bãi biển trong đoạn kết phim La Dolce Vita của Federico Fellini. Văn thơ siêu thực nở rộ như cỏ dại. Nhà sáng tạo siêu thực, tiền phong, hiện đại không cần được hiểu, không cần được thưởng ngoạn, không cần người thưởng ngoạn. Và cuối cùng, người thưởng ngoạn đã từ bỏ họ, để yên cho họ tồn tại như một biếm nhẽ, đã dám chơi trội để lấy tiếng... ngông. Siêu thực của Prévert không đi vào con đường đó. Bài Paris Về Đêm là một ví dụ.

Cặp tình nhân trong Paris Về Đêm tồn tại trên lằn ranh giữa thực và siêu thực. Người yêu không phải là một thứ siêu ảnh, hay chỉ là một phóng chiếu mườn tượng. Người yêu đây có mặt, có mắt, có môi miệng, nhưng tình yêu lại lên ngôi trong bóng tối nhạt nhòa. Những câu thơ của Paris về đêm làm tôi liên tưởng đến hình ảnh người yêu mà một vài nhà thơ Việt đã nói đến. Những người yêu cũng có mặt, mắt, môi như Prévert vẽ ra. Những nhà thơ Việt đó đã vẽ người yêu thế nào? Có khác gì với Prévert?

Tình yêu càng trắc trở, càng vô vọng càng gợi hứng cho nhà thơ. Happy ending như Đinh Hùng mơ ước:

*Em yêu tôi và ta yêu nhau*
*Tôi lại say như buổi hạ đầu*
*(Duyên Phượng Hoa)*

là tự hủy nếu không muốn nói là tự tử. Vì như Hồ Dzếnh quả quyết:

Tình mất vui lúc đã vẹn câu thề
*Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở*
*Thơ viết đừng xong, thuyền trôi chớ đỗ*
*Cho nghìn sau lơ lửng với nghìn xưa*
*(Ngập Ngừng)*

Prévert không chia sẽ qua niệm đó vì theo Prévert tình yêu ở trong tầm tay mỗi người, như ánh sáng, như không khí. Con người sinh ra để hưởng hạnh phúc, để yêu thương. Yêu thương ân ái là điều linh thiêng và tự nhiên của hiện hữu. Prévert hô hào tuổi trẻ nhân danh yêu thương để làm cách mạng, để chống lại những phản động lực của yêu thương, những hăm dọa đối với hiện hữu, với cuộc đời, với thiên nhiên. Prévert thẳng thừng không úp mở với những điều mà Prévert cho là gây trở ngại, hăm dọa hay phá hoại hạnh phúc như chiến tranh bạo tàn mù quáng, ý thức hệ bất nhân, tôn giáo gian dối và ngoan cố. Kẻ thù của yêu

thương cũng còn là những thế hệ già nua, những nhà tu hành, đám tài phiệt, quân phiệt, bảo cựu đủ màu sắc, đủ khuynh hướng... Bằng ngôn từ sắc bén, bộc trực, hùng hồn, bằng vần điệu linh hoạt, vui tươi dí dõm, yêu đời, bằng những ý thơ rất bạo, bằng những hình ảnh đánh động thâm trầm... thơ của Prévert đã trở thành một bài quốc ca của tuổi trẻ (3). Bài thơ sau đây là một phản ảnh khác về yêu thương hành khúc đó:

*C'Était l'Été*
*Dans ses deux mains*
*Sous ma jupe relevée*
*j'étais nue comme jamais*
*Tout mon jeune corps*
*était en fête*
*des cheveux de ma tête*
*aux ongles de mes pieds*
*J'étais une source qui guidait*
*la baguette du sourcier*
*Nous faisons le mal*
*et le mal était bienfait (4).*

*
* *

*Mùa Hè Thuở Ấy*
*Trong vòng tay anh ấy*
*Dưới lớp váy tốc ngược*
*chưa bao giờ tôi lõa lồ đến thế*
*Thân thể xuân thì của tôi*
*bừng bừng như ngày hội*
*từ mái tóc*
*đến móng chân*
*Tôi là suối nguồn dẫn độ*
*chiếc đũa thần của tên phù thủy*
*Chúng tôi làm nhau đau*
*và niềm đau êm ái.*

Có thể nói, Mùa Hè Thuở Ấy nầy là phần hai của bài Paris Về Đêm. Paris Về Đêm nhẹ nhàng hơn, thanh thoát hơn nhưng cường độ tính dục có lẽ cũng tương tự. Mấy câu ngắn gọn đủ nói lên cung cách yêu thương của hai người mới gặp nhau lần đầu, không e dè ngần ngại, không định lệ ràng buộc. Một hạnh ngộ hoát nhiên, một tự do luyến ái, yêu chết bỏ. Hai người tha hồ yêu nhau bất kể giữa lòng đêm Paris xô bồ tấp nập ngựa xe.

Nhưng người yêu là ai, là cái gì? Ba cây quẹt của Prévert trả lời

câu hỏi đó. Là gương mặt, là đôi mắt, là làn môi. Đây là những tiếp điểm giữa người với người, những điểm hẹn của tâm thức. Văn học, nghệ thuật sẽ còn lại gì nếu văn, thơ, họa không có khuôn mặt, đôi mắt, làn môi?

Nhưng người đọc thích Nguyễn Du vì Nguyễn Du vẽ ra một Thúy Kiều lý tưởng không đâu có và chưa hề có? hay vì Kiều là hình ảnh lý tưởng mà người đọc đã dự phóng ước mơ? hay vì hình ảnh Kiều trùng hợp với một đôi nét nào đó của người mà người đọc đang chờ mong thương nhớ? Họ yêu người yêu, hay yêu đôi mắt, làn môi của người yêu? Và đôi mắt, làn môi của người yêu có phải là người họ yêu không? Những câu hỏi đó cũng có thể đặt ra cho Prévert và một vài nhà thơ Việt vậy.

**Khuôn Mặt Người Yêu**

Nhân vật nữ trong Paris Về Đêm làm tôi liên tưởng đến nữ thần Hygieia trong bức bích họa Medicine của Gustav Klimt. Đàn bà là chủ điểm trong tranh của Klimt hiện. Đây không phải là những hình ảnh cục mịch hay thần tiên mà là những hình ảnh bí ẩn gần mà xa, xa mà gần như trong các họa phẩm của Klimt mang tên đàn bà như Danae, Salome, Minerva, Fritza Riedler hoặc người đàn bà trong hai bức Bằng Hữu và Thi Ca. Tại sao có liên tưởng đó? Có phải vì Klimt là một tài hoa độc đáo của nền hội họa Âu châu đầu thế kỷ 20, nếu không trước thì cũng ngang hàng với Kandinsky hay vì lý do nào khác nữa?

Gustav Klimt là chứng nhân của một nổ lực vươn lên khỏi một Âu châu huy hoàng vương giả đang khánh tận về cả hai phương diện chính trị và văn hóa để tìm cho mình một con đường sáng tạo. Klimt đã quay lưng lại với những khuôn vàng thước ngọc từng bao năm khống chế nền nghệ thuật tạo hình Tây phương và sẵn sàng đón nhận những ảnh hưởng của nghệ thuật Á Phi. Cơn khủng hoảng chính trị văn hóa của Âu châu tạo cơ duyên cho những khuynh hướng sáng tạo mới được mệnh danh là siêu thực hay tiền phong, hiện đại phát sinh. Nhưng khác với những nhà sáng tạo tiền phong hay hiện đại lấy scandal chọi scandal, Klimt không phá phách điên cuồng, hay phá phách vì điên cuồng, và vẫn cố giữ cho nghệ phẩm của mình một ý nghĩa hay một sự hợp lý tối thiểu trong khi cố gắng làm cho tác phẩm của mình thêm lạ, thêm hấp dẫn bằng những sắc màu và đường nét Á Phi. Tranh của Klimt là một tổng thể của siêu thực dịu dàng, của tượng trưng lãng mạn hiện rõ qua những sắc mạnh đậm nét trang trí.

Nhưng đó có phải là lý do duy nhất khiến tôi thích bức Medicine và đặc biệt qua khuôn mặt xa xôi sâu lắng mà cũng rất nồng ấm ân cần của nữ thần Hygieia? Chưa chắc!... Vào một giai đoạn nào đó trong

đời, ai mà chẳng âm thầm ấp ủ một khuôn mặt đặc thù mạnh như định phận thiên thu? Chính khuôn mặt đặc thù đó đã biến yêu thương thành một hỏa tiễn với một đạn đạo đã được thảo chương sẵn. Yêu thích trở thành một sự tìm kiếm một người tương tự hay một bản sao tương đồng với hình ảnh sẵn có... trong mộng. Cuộc tình thiên thu, sấm chớp và tiền định, thấy là yêu, là nhớ, là thương tức thì . Nói thế khác, nét đẹp và sức quyến rũ của Hygieia có thể chỉ là một tương đồng tình cờ chứ không phải tất định. Hygieia có hấp lực hớp hồn vì Hygieia giống một người nào đó chứ không phải vì Hygieia là tác phẩm của danh họa Klimt. Thêm một bất công với tài hoa nữa?

Đã yêu thì phải có người yêu, dù là tình câm, tình đơn phương. Lại nữa, trong tình yêu một chiều đó, nhất là khi yêu nhau nhưng phải xa nhau vì nghịch cảnh, hình ảnh người yêu thường khi sống động réo gọi gấp trăm lần trong tình yêu thênh thang có qua có lại. Có lẽ vì vậy mà khi thất tình hay lụy tình, người ta thường nghĩ đến chuyện giết người trong mộng hơn là giết người thật trong đời?

Nhưng người yêu là ai? Người yêu là gì? Người ta yêu một người hay hay yêu gì nơi người ấy? Không mấy ai đặt câu hỏi đơn sơ đó, và hình như cũng không mấy ai đủ can đảm tự đặt câu hỏi đó. Cho nên, nếu có bị hỏi thì người ta chỉ gạt phăng ngay. Đừng dại mà hỏi, bởi câu hỏi đơn sơ đó có thể làm người ta điên đầu, có thể trở thành ngòi nổ tâm linh làm cho tình yêu trở thành hư vô mây khói.

Yêu thì phải bám vào một cái gì đó nơi người yêu, như người lái xe trên xa lộ xa lạ bám vào những bảng hiệu lưu thông để đến đích. Với Prévert, ký hiệu đó là mặt, mắt và miệng hay môi. Nhưng có thực đó là những ký hiệu chân xác không?

Khuôn mặt là điểm tiếp giao đầu tiên, và cũng là kết điểm tương giao giữa người với người. Yêu một người thì làm sao không nhớ mặt người yêu, không nhận ra mặt người yêu. Hành động quẹt cây diêm đầu tiên để nhìn mặt người đối diện trong bài thơ của Prévert có thể khiến người ta nghĩ rằng đây là hai người mới gặp nhau lần đầu mà cũng có thể là lần cuối. Vì nếu đã quen biết nhau thì cần gì nhìn mặt nữa? Chưa chắc. Bởi sự thật bi hài là người ta thường chỉ nhận ra - hoặc tin chắc rằng mình nhớ kỷ mặt người thân yêu, trong khi thực tế người ta thường không mấy khi nhớ mặt, ngay cả khuôn mặt những người thân yêu nhất. Cứ nhắm mắt lại ngay nơi đây, lúc này và cố hình dung ra khuôn mặt của một người thân nhất, rồi sẽ thấy mình nhớ được mặt họ đến đâu! Sự thật trớ trêu nữa là thông thường người ta chỉ thấy người thân yêu một cách hiện tiền sống động cụ thể trong mộng, phải! trong mộng mà thôi. Chỉ trong mộng người yêu mới thực sống động, bằng cả

hình ảnh và ý tưởng. Lúc tỉnh táo sáng suốt, nhớ đến người yêu thì người ta hình như chỉ có ý niệm, chỉ nghĩ là đang nhớ, chỉ tưởng mình có thể nhớ hơn là thực sự nhớ được, hình dung được vóc dáng người thân yêu. Vì vậy mà người đời mới ham giữ ảnh người thân yêu. Nếu quả thật có thể nhớ như đinh đóng cột thì còn giữ ảnh làm gì!? Cho nên, cố nhớ mặt người yêu là nổ lực yêu thương đầu tiên. Hay nói như Văn Cao:

*Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng*
*Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng*
(Khuôn Mặt Em)

**Mắt và Môi**

Khi xa nhau, nếu Xuân Diệu có thể:

*Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời*
*Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đăm đắm*
*(Tương Tư Chiều)*

thì Hàn Mặc Tử khi đã lạc mất người yêu trong những thiên hà cách trở vẫn cảm thấy gần nhau như thường:

*Anh đứng cách xa hàng thế giới*
*Lặng nhìn trong mộng miệng em cười*

Gương mặt quan trọng như thế nên nhân vật đàn ông của Prévert trong Paris Về Đêm có phải tốn cây diêm đầu tiên thì cũng đáng.

Phải nhờ đến cây diêm? Phải nhờ đến ánh chớp lòa của một cây quẹt?! Ánh lửa, que diêm soi đường đến gần người yêu hơn. Ánh sáng của cây diêm nối liền hai người, giúp cho hai người thấy nhau rõ hơn, gần nhau hơn, hiểu nhau hơn. Bi đát của yêu thương là phải có trung gian chen giữa hai người mới cảm thấy nhau, mới cảm thấy gần nhau hơn. Bởi ngay cả khi khắn khít và khoảng không giữa hai người đã bị triệt tiêu thì người ta vẫn có thể còn cảm thấy xa nhau như cảm nghĩ của Xuân Diệu:

*Có một bận em ngồi xa anh quá*
*Anh bảo em ngồi xích lại gần hơn*
*(Xa Cách)*

cho nên người thơ vẫn mong, vẫn đòi xoá bỏ biên giới, dù là biên giới tưởng tượng.

Thế nhưng khi người yêu đã:

*Đến kề anh, và mơn trớn: Em đây*

thì Xuân Diệu vẫn thấy:

*Em là em; anh vẫn cứ là anh*
*(Xa Cách)*

Cho nên, yêu là cuồng vọng thu ngắn một khoảng cách nhỏ

hơn sát-na, nhỏ hơn epsilon nữa rồi thế mà vẫn còn cảm thấy xa cách. Bởi khoảng cách đó chỉ ở trong tâm người yêu chứ không ở giữa hai người yêu nhau.

Gần xa, xa gần, nhìn và không nhìn, thấy và không thấy... chỉ tuỳ tâm, tùy tưởng tượng, tuỳ ý hướng vọng động cả chứ không phải tùy không gian hay đối tượng khách quan ngoại tại. Nhưng số phận của con người là phải lệ thuộc vào giác quan, vào tưởng tượng, vào ảo giác phù du để có hạnh lạc, để biết mình đang yêu, thấy mình đang yêu, nghĩ mình đang yêu, và chắc chắn mình đang yêu một người có khuôn mặt đáng yêu. Cố tín cũng chính là nguỵ tín. Tin mình thấy là thấy, tin mình có là có. Và người thơ thường thấy gì trên khuôn mặt ấy?

Không phải người yêu nào cũng may mắn như Lưu Trọng Lư nhìn mặt người yêu và thấy được điều mình muốn thấy:

Uẫ! *Sao má đỏ hây hây?*
*Ái ân đã đến tự ngày nào em*
(Suối Mây)

Bởi vì khuôn mặt có thể là một mê hồn trận từng làm cho Huy Cận điên đầu không biết đâu mà mò:

*Người có đôi môi rõ thắm hồng*
*Để mà rằng ỏđượcõ với rằng ỏkhôngõ*
(Song Song)

Trò chơi của đôi môi đã quái ác như vậy, trò chơi của đôi mắt còn lên ruột hơn vì có những điều người ta có thể nhìn mà không thấy, và không cần nhìn mà vẫn thấy:

*Vì giếng quá trong nên dễ nhìn thấy đáy*
*Vì mắt quá trong nên mắt nói rất nhiều*
*... Đừng hỏi em không nhìn sao thấy*
*Cho em hỏi một lời: Sao anh cứ nhìn em*
(Lệ Thu- Lời Của Mắt)

Lệ Thu chơi chữ một cách tài tình khi nói về tính dấm dớ và khả năng thấu thị của tình yêu.

Hơi thở là nguồn của sự sống, nhưng đôi mắt hình như là dấu hiệu cụ thể sinh động nhất của sự sống. Nhân vật của Prévert đã tốn cây diêm thứ hai cho đôi mắt người đối diện. Nhớ người yêu trước tiên là nhớ đôi mắt. Bởi đôi mắt không chỉ là cửa sổ tâm hồn của người yêu mà còn chính là nguồn sống của người yêu như Lưu trọng Lư cảm thấy:

*Mắt em là một dòng sông*
*Thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em*
(Trăng Lên)

Khi yêu, cũng có lúc người ta nghĩ rằng mình đã được nghe lời

tình qua ánh mắt như Đinh Hùng:

Tâm sự mong manh nói ít nhiều
*Em nhìn, lơ đãng biết bao nhiêu*
*Chiều thu, nắng động hàng mi biếc*
*Tôi nghĩ trong lòng: Em cũng yêu*
(Truyện Lòng)

Hay có thể nghe được lời tỏ tình rộn rã lặng yên của hàng mi như Đinh Hùng:

*Tôi nghe em nói bằng im lặng*
*Bằng dáng nghiêng nghiêng động nét mày*
*Bằng cả mênh mông chiều lắng đọng*
*Nụ cười em gửi gió thu bay*
. (Hương)

Nhưng không phải lúc nào người ta cũng có thể tin tưởng sắc son như thế. Tình yêu cũng là nguồn của hoang mang nghi ngờ bất tuyệt. Cho nên, Đinh Hùng dù đã tưởng mình nghe được âm thanh huyền diệu lặng yên như thế mà rồi có lúc cũng đâm ra nghi ngờ trực giác của chính mình nên trở thành mâu thuẩn:

*Nói đi em lời tự tình thánh thót*
*Hẹn ngàn năm trong một phút êm đềm*
*Lời tự tình, em hãy nói đi em*
*Lời tình tự cũng là lời bỡ ngỡ*
(Ân Tình Dạ Khúc)

Thúc dục người yêu lên tiếng, nhưng khi người yêu lên tiếng thì Đinh Hùng lại không tin người yêu mà cũng không tin chính mình nữa, nên mới phân vân:

*Nụ cười gửi tự thiên thu lại*
*Tiền kiếp nào xưa, em hé môi*
(Một Tiếng Em)

Đó là bất nhất mâu thuẩn vì yêu, hay là bất nhất mâu thuẩn của chính tình yêu? Trả lời được câu hỏi ấy thì biết đâu Đinh Hùng đã không còn dám mạnh dạn tiến bước trên Đường Vào Tình Sử?!(5)

Trong tình yêu, sự trớ trêu của định phận là người ta không thể nhớ người yêu như người yêu, nhưng luôn luôn cần phải có một cái gì đó mới giúp ta nhớ được người yêu. Cũng vì vậy, lúc xa nhau, Xuân Diệu đã:

*Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh*
*Anh nhớ em, anh nhớ lắm! em ơi*
(Tương Tư Chiều)

Như thế, người yêu là tiếng, là hình ảnh, là môi, là mắt chứ

không thể có người yêu là người yêu! Người yêu như một bản thể không có, không là gì cả. Người yêu phải có thuộc từ, như cái giá áo để treo những món mà Xuân Diệu thích, nhớ. Và hình như đó cũng là kết luận của Nguyễn tất Nhiên (6). Người yêu của Nguyễn tất Nhiên có /Đôi mắt nào sáng như trời quang đãng/ (Đôi Mắt Nào Linh Hiển), đôi /mắt-tiểu-thơ-hờn/ (Giữa Trần Gian Tuyệt Vọng), đôi /mắt công nương thầm khép mộng-chân-trời/ (Duyên Của Tình Ta Con Gái Bắc), đôi mắt /kiêu kỳ rất Việt Nam/ (Hồng Trần), Nguyễn tất Nhiên chỉ ước ao được hôn lên đôi môi, đôi mắt ấy. Và phút giây ráp nối ấy sẽ là thiên thu vĩnh quyết:

*Hôn em chấn động đầu đời*
*Chiếc hôn tình lớn kiếp người đôi giây*
(Lần Đầu)

Ước vọng nhỏ nhoi ấy, không biết Nguyễn tất Nhiên đã có lần nào thành tựu trước khi chạm mặt Vô Biên vì, cuối đường nhân thế, chính Nguyễn tất Nhiên đã than:

*Tình cứ đuổi theo người như chiếc bóng*
*Người thì không bắt bóng được bao giờ*
(Nên Sầu Khổ Dịu Dàng)

Nếu người đàn bà của Nguyễn tất Nhiên, Xuân Diệu, Nguyễn Bính thật và sống động, mignone bao nhiêu thì đàn bà của Đinh Hùng, Vũ hoàng Chương, Bích Khê và Hàn Mặc Tử thường lại liêu trai huyền hoặc bấy nhiêu. Và rất gần với hình ảnh của Gustav Klimt nữa.

Vũ hoàng Chương cũng nhớ đến lần đầu gặp người yêu, một hạnh ngộ về đêm:

*Đèn hoa chợt thắm môi hàm tiếu*
*Khanh đã về trong lửa Túy hương*
(Nhớ Cố Nhân)

Người yêu của Vũ hoàng Chương liêu trai nhưng là thật. Người yêu của Bích Khê (7) tưởng là thật:

*Tôi đã hôn lên đôi mắt thơ*
*Rồi mang đôi mắt ở trong mơ*
*Giờ đôi mắt hiện xanh như ngọc*
*Ám ảnh hồn tôi đến ngất ngư*
(Châu)

thì thường là giả ảo. Bởi vì người mà bao nhiêu lần Bích Khê muốn ôm ghì lấy đó chỉ là chiếc bóng lặng thinh:

*Nhưng đôi mắt lờ lặng và mê say*
*Nhìn đắm đuối không một lời náo nức*
(Châu)

Người đàn bà dưới mắt Hàn Mặc Tử vẫn là người thật:

*Mùi vị ấy bay từ cô gái ấy*
*Nên ran ran lòng dạ ở chung quanh*
*Để ý xem nước da cô thắm dậy*
*Và đôi môi biểu lộ hết xuân tình*

Thật như người đàn bà của Đinh Hùng:

*Say vô cùng dư vị cặp môi son*
*Thoảng xiêm áo, nhớ mùi hương da thịt*
(Hương Trinh Bạch) (8)

Nhưng cái thật của Đinh Hùng là thật thật, cái thật của Hàn Mặc Tử lại chỉ là thật giả, cũng có mắt, có môi, có má, nhưng đó chỉ là mộng:

*Xuân trẻ, xuân non, xuân lịch sự*
*Tôi đều nhận thấy trên môi em*
*Làn môi mong mỏng tươi như máu*
*Đã khiến môi tôi mấp máy thèm*
*Từ lúc tóc em bỏ trái đào*
*Tới chừng cặp má đỏ au au*
*Tôi đều nhận thấy trong con mắt*
*Một vẽ ngây thơ và ước ao*
(Gái Quê) (9)

Vì bệnh hoạn, Hàn Mặc Tử cũng như Bích Khê không có cơ duyên để sống với tình yêu bình thường cho nên người yêu của họ cũng thoáng chút ảo huyền siêu thực liêu trai. Cả hai đều cố xây những bức tường cao để ngăn cách mình với người yêu, càng xa càng tốt. Cách duy nhất để đạt đến người đàn bà siêu thực đó là thăng hoa tình ái, linh thiêng hóa tình dục như Hàn Mặc Tử:

*Cho nên tôi tưởng tối tân hôn*
*Chưa tới còn xa để được buồn*
*Để sống trong niềm thương nhớ đã*
*Để còn mường tượng đến giai nhân*
(Tối Tân Hôn)

Sản phẩm của thần học Âu châu Trung cổ là Mẹ Maria đã giúp Hàn Mặc Tử thỏa mãn khuynh hướng siêu thực hóa và thần tượng hóa đàn bà của Hàn Mặc Tử. Tình yêu trong tâm cảnh đó không phải là tình yêu giữa người với người nữa mà là một phán quyết của thiên mệnh, con người chỉ việc lắng nghe /trời giải nghĩa yêu/ (Hàn Mặc Tử) thôi.

Có người sẽ hỏi Mẹ Maria của Hàn Mặc Tử là một sản phẩm của tiến trình thăng hoa người yêu thành thần tượng, hay những người được xem là người yêu trong thơ của Hàn Mặc Tử thực ra chỉ là những sản phẩm của tiến trình thăng hoa thần tượng thành người yêu? Yêu một

người rồi cho Mẹ Maria giống người đó, hay yêu một người vì người đó giống Mẹ Maria? Tiến trình thăng hoa tính dục tròng tréo thế đó. Người yêu của nhà thơ thường được cung nghinh thành Nàng Thơ. Người yêu trở thành suối nguồn sáng tạo, núi lửa cảm xúc của nhà thơ. Nhà thơ vô tình hay cố ý rơi vào một tình trạng tiến thối lưỡng nan như Hàn Mặc Tử. Bởi vì người yêu là người thật, sống động trong thế giới ngoại tại, trong khi Nàng Thơ chỉ có trong tâm thức. Biến hóa người yêu thành Nàng Thơ là một cách đẩy cây người yêu hay chuẩn bị cho người yêu rớt đài lúc nào không hay. Cho nên, những người được yêu phải liệu hồn, chớ tưởng bở khi thấy người yêu nhập nhằng Nàng Thơ với Người Yêu.

**Và Bóng Tối Bao Trùm Tất Cả**

Bóng đêm bao che cho cặp tình nhân của Prévert trong Paris Về Đêm như núi rừng của mật khu bao che cho quân kháng chiến. Nhưng không phải trăng sao và bóng tối bao giờ cũng đồng lõa với những kẻ yêu nhau. Bóng tối, ánh trăng sao có khi cũng làm cho người yêu hoảng loạn như tiếng kêu thảng thốt của Phùng Quán:

*Ôi, có lẽ nào*
*Tất cả những gì đêm nay là có thực*
(Trăng Hoàng Cung) (10)

Nghe Phùng Quán hoảng hốt la bai bải như thế có thể, có người sẽ phân vân tự hỏi phải chăng Phùng Quán đã thể nghiệm được tứ thiền hay hoàn thành được một quantum leap để lọt vào một cảnh giới thần tiên kỳ ảo nào đó, chứ đâu có biết rằng Phùng Quán quíu cu-lát, loạn cào cào lên chỉ vì đang được đối diện với:

*Một vùng tóc như một vùng biển tối*
*Vũng mắt em thăm thẳm tia nhìn*
*Những ngón tay ngón chân có mùi hoa dại*
*Giọng em nói*
*Tiếng em cười*
*Và nỗi buồn phảng phất trên làn môi*
(Trăng Hoàng Cung)

Phùng Quán không quẹt diêm như nhân vật nam của Prévert. Trăng hoàng cung lo nhiệm vụ chiếu rọi đó cho Phùng Quán. Phùng Quán hoảng hốt vì thấy được tóc, mắt, cần cổ, nét môi, vì hửi được mùi hương của bàn tay bàn chân, vì nghe được tiếng cười giọng nói, hay Phùng Quán hoảng hốt mà vẫn thấy, vẫn cảm được tất cả những thứ đó? Câu hỏi nầy xin dành cho các nhà lý luận và phê bình văn học. Hoàng tôi chỉ muốn biết Phùng Quán đang xúc động vì một người đàn bà trong một đêm tối có trăng. Thế thôi. Nhưng nếu ngồi với người đàn bà đó ban

ngày, dưới ánh mặt trời, Phùng Quán có xúc động đến thế không?

Câu hỏi đó đưa đến một câu hỏi khác với Prévert. Paris at Night! Paris về đêm. Tại sao lại không ban ngày? Tại sao rung động trong bóng tối, dưới trăng sao, mà không rung động dưới ánh mặt trời, hay lúc sáng tối chập choạng?

Hồi còn đi học, Hoàng tôi không phải là đứa duy nhất mê thơ Xuân Diệu. Thế nhưng, đọc đến câu:

*Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ*
*Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ*
*Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá*
*Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ*
(Trăng)

thì không thể không khựng lại vì thấy xa lạ và xa xôi quá. Cảnh hò hẹn trong đêm đẹp thật. Nhưng cũng chẳng khác gì bóng trăng đáy nước đối với lũ chúng tôi thời đó. Khi đã lớn lên, tự lập với gia đình, ngoài vòng kềm kẹp của cha mẹ ông bà, chúng tôi mới có thể tự do thưởng thức cảnh /Từ vườn khuya bước về/ Bàn chân ai rất nhẹ/ mà Trịnh công Sơn nói tới trong bản Phôi Pha. Chứ còn ở với gia đình, thì có muốn hoang cũng không hoang được! như một chị bạn tôi đã thú nhận. Với chúng tôi, giới nghiêm bắt đầu từ lúc buổi chiều đi học về. Có thể đi học về muộn, nhưng đã về nhà là hết có đi ra. Đi thưa về trình. Thưa xong chưa chắc đã được đi. Làm thế nào mà hẹn với hò dưới trăng, hay trong ánh sáng của những vì sao như đôi tình nhân của Prévert?!

## Khối Băng Sơn Của Tình Ái

Hồi nhỏ, tôi cũng từng chới với vì hai câu thơ đã trích dẫn ở đầu của Huy Thông. Đẹp và hào hùng nữa. Cái đẹp của công thành thân thoái. Cái đẹp của Tiên Dung-Chử Đồng Tử. Cái đẹp mà Huyền Trân-Trần Khắc Chung, Ngu Cơ-Hạng Võ, Mị Châu-Trọng Thủy, Thúy Kiều-Từ Hải đã để cho những quyến rũ chính trị làm hư hỏng. Cái đẹp mà Dương Qúy Phi- Đường Minh Hoàng đã ấm ức phẫn hận bó tay đầu hàng những hủy hoại của thời gian.

Mộng ước trở lại Cô Tô, dù là một Cô Tô điêu tàn hoang phế? Được! Nhưng tại sao phải chờ trăng lên? Trời sáng trời tối, bình minh hoàng hôn... lúc nào chẳng yêu được, lúc nào chẳng mơ được mà phải chờ trăng lên mới có thể yêu, mơ?

Không hiểu sao mà các nhà thơ, nhà văn lại thích nói chuyện tình yêu ban đêm hơn ban ngày, dưới ánh trăng hơn dưới ánh mặt trời? Vì thẹn thùng, vì mặc cảm tội lỗi, hay vì những ám ảnh của tình dục? Hai chữ yêu-nhau thường được liên kết với cụm từ ngủ-với-nhau, và ngủ thì

phải chờ đêm đến, khi tối trời, dưới trăng sao, hay không có trăng sao? Liên tưởng gợi dục đó có diễn tả được sát nút tình yêu không!? Câu trả lời của Albert Mordell thật là đơn giản: Tất cả thi ca tình yêu đều là thi ca tình ái, thi ca tình dục... Cái vĩ đại của thi ca và văn học là chủ trương luyến ái. Không có văn học nếu không có yêu thương... Albert Mordell, một đồ đệ có uy thế của Freud và là tác giả cuốn Động Lực Tình Dục Trong Văn Chương (11).

Freud nhìn văn học nghệ thuật theo quan điểm dục lạc. Với Freud, sáng tạo là một cách chạy trốn những thôi thúc đòi hỏi của tính dục và bản năng sinh tử bằng thăng hoa hay chuyển thái những thôi thúc đòi hỏi ấy thành những nhu cầu trong sáng thanh cao hơn như lý tưởng xã hội, chính trị, tôn giáo.

Đã hẳn, nhìn vào văn chương, nhất là thơ thì ai cũng có thể thấy, nhận định của Freud có điều đúng. Nhưng không phải văn chương nghệ thuật nào cũng chỉ là thăng hoa tình dục hay chạy trốn bản năng sinh thực. Nếu thơ chỉ là thơ tình ái thì Khổng Tử đã không san định Kinh Thi. Ngoài chuyện ca tụng hay dèm pha tình yêu tình ái, thơ còn là một cách hòa hợp với thiên nhiên vạn vật. Thơ cũng là cách con người kiểm soát hay chiến thắng thiên nhiên, chiến thắng quỷ ma, chiến thắng chính mình. Sấm ký, bùa chú, kệ của các thiền sư, tục ngữ, hay cả một số câu đố... là những ví dụ.

Trong truyền thống tư tưởng Tây phương, nếu Descartes là người vinh danh linh hồn như yếu tính của hiện hữu thì Freud chính là kẻ nhìn thấy yếu tính của linh hồn. Theo huyền thoại Sa Đọa của Tây phương, Thượng Đế hà hơi vào cục đất sét, biến cục đất sét thành người theo hình ảnh lý tưởng của Thượng Đế. Thượng Đế toàn thiện thì linh hồn do Thượng Đế tạo ra hẳn phải toàn thiện. Freud bảo cái toàn thiện tốt đẹp trong lành thánh thiện đó nếu không chỉ có trong tưởng tượng, thì cũng chỉ là cái chỏm chút xíu trồi trên mặt nước của khối băng sơn. Cũng chỉ vì tin vào cái chỏm băng sơn toàn thiện vô hại đó nên chiếc Titanic phải ngậm hờn dưới đáy biển. Các nhà thần học, các nhà tu và những ai tin rằng Thượng Đế toàn thiện tạo ra linh hồn toàn thiện cũng có thể kẹt như chiếc Titanic vậy. Phần hắc ám, tiêu cực của linh hồn ngầm dưới mặt nước to lớn và nguy hiểm hơn nhiều. Cho rằng Thượng Đế không chịu trách nhiệm về phần chìm đó thì cũng nguy hiểm như là cho rằng Thượng Đế là tác giả của phầm chìm đó. Nguy hiểm vì Thượng Đế triệt được hay không triệt được cái xấu thì đàng nào Thượng Đế cũng đều là bất toàn cả. Quan niệm ấy đúng bao nhiêu thì tùy mỗi người, nhưng xem ra Phật mấy ngàn năm trước Freud hình như cũng có cái nhìn tương tự. Tiến trình chứng nghiệm giác ngộ của Phật bắt đầu bằng nếu

không phải là quyết tâm phủ nhận tình yêu nam-nữ, thì ít ra cũng là một khuyến cáo phải thăng hoa tình yêu đó, giản lược tình yêu đó nếu không muốn sa lầy vào vòng luân hồi sinh tử triền miên khổ ải.

Người đàn ông trong Paris Về Đêm đã phải tốn ba cây diêm để nhìn rõ mặt, mắt, môi người yêu. Cho tình yêu được trọn vẹn, cho người yêu khỏi chìm khuất trong bóng tối của đam mê? Nhớ đến người yêu, nói về người yêu là phải nói đến mặt, mắt, mũi, môi miệng... Nhưng theo Anh Ngọc thì:

*... người đẹp dẫu rơi đầu vẫn đẹp*
*Tình yêu bị dối lừa vẫn nguyên vẹn tình yêu*
( Mỵ Châu)

Nói thế khác, mặt, mắt, mũi, môi miệng của người yêu không phải là người yêu. Người yêu là người.yêu, chứ không phải là những gì của người yêu. Hôn người yêu trên môi chứ không phải hôn môi của người yêu. Có lẽ vì nghĩ như vậy nên Chế Lan Viên (12) chỉ cầu mong một điều hết sức đơn giản đó là người yêu hãy làm người yêu thôi:

*Và ban thương nhớ, em làm em*
(Hoàng Hôn)

Chế lan Viên mong vậy nhưng Nguyễn Bính lại không muốn như vậy vì đến lúc người yêu chỉ là người yêu:

*Thì trăm con gái nghìn con gái*
*Nàng cũng là người con gái thôi*
(Người Con Gái Ở Lầu Hoa)

Nhà thơ là người dễ bấn loạn, không biết yêu gì và yêu ai nữa. Nhưng một khi người yêu đã bất thực như thế thì tình yêu còn có thể là đích thực không? Chế lan Viên xin người yêu hãy làm người yêu, nhưng chính Chế lan Viên vẫn không thể trả lời chắc chắn rằng tình yêu là gì và còn lại gì sau một đêm hò hẹn cho nên Chế lan Viên cố thuyết phục người yêu khải ngộ cái vô thường mộng ảo của yêu thương bằng cách xin người yêu:

*Cô dở xem dưới những hòn cuội trắng*
*Còn đọng chăng trăng sáng tối hôm qua*
*Cô hãy cố vạch xem hàng cỏ lặng*
*Tìm hộ tôi vài ba giọt sao sa*
(Bâng Quơ)

**Mộng Trong Mơ**

Từ một bài thơ ngắn của Jacques Prévert với tình yêu qua mặt, qua mắt, qua môi, qua bóng tối... Hoàng tôi đã cố nhìn về một vài nhà thơ

Việt của thời lãng mạn, trẻ nhất có lẽ là Nguyễn tất Nhiên... cũng nói về tình yêu qua mặt, qua mắt, qua môi, qua tóc - nghĩa là qua những thứ của người yêu chứ không phải qua chính người yêu. Hoàng tôi không chọn những người trẻ, vì lớp trẻ bây giờ có thể tự nghĩ rằng họ đang di chuyển trên những tuyến đường, những kênh, những làn sóng khác. Ít nữa cũng về phương diện ngôn từ. Nhưng khác thế nào chăng nữa thì con người - bất kể thế hệ nào, cũng phải đối đầu với một câu hỏi như nhau đó là tình yêu và ân ái, hay nói theo kiểu thời thượng kiểu một ký giả của tờ báo lá cải là tình yêu và tình dục có thể thực sự tách biệt nhau không? (13). Đây là một câu hỏi mà ai cũng có thể đoán được câu trả lời: Không biết! hay Không chắc! Con người chưa biết rõ mình là ai thì làm sao có thể biết được tình yêu là gì, yêu như thế nào? Đạo Phật và đạo Công Giáo - chỉ công giáo thôi chứ không kể các đạo Do Thái, Chính Thống và Tin Lành, khác nhau như trời với trăng, nước với lửa, nhưng cả hai đều gặp nhau một điểm đó là cả hai giáo chủ đều hô hào tình yêu, và đều ngán tình yêu. Cả hai đều nâng cấp tình yêu và xuống cấp tình ái.

Nếu muốn thì ngày nào đây, khi kỹ thuật sinh vô tính - hay cloning, thành công và không quá mắc mỏ, mỗi người có thể bỏ tiền thuê cloning chừng chục người yêu lý tưởng. Người ta sẽ chọn một người yêu lý tưởng với khuôn mặt, cánh mũi, ánh mắt, làn môi, tiếng nói y hệt nhau và nhân lên mười lần hay sẽ chọn mười người yêu lý tưởng khác nhau?

Tình yêu đẹp vì tình yêu đơn nhất. Nhưng đơn nhất có thể không phải là độc nhất tuyệt đối vì khả năng cũng như quyết tâm trụ vào cái không - giống - ai - cả tuyệt đối miên viễn đó lại chỉ giới hạn như Xuân Diệu thú nhận:

*Ai nói trước lòng anh không phản trắc*
*Mà lòng em, sao lại chắc trơ trơ*

(Giục Giã)

Thề hứa là hành động trang trọng nghiêm túc của yêu thương, mọi tình yêu thương chứ không chỉ riêng tình ái. Thế nhưng, đính ước cũng có thể chỉ là một hứa hẹn bội ước. Bởi nếu quyết tâm và khả năng yêu thương kiên định bất hoại như kim cương hay như thủy ngân thì cần gì thề hứa? Nếu có những người thề để mà phản bội thì cũng có những người không thề mà vẫn mãi thủy chung. Cho nên quyết tâm thủy chung rốt cuộc chỉ là quyết tâm giai đoạn, phải đổi mới hoài, phải canh tân mãi:

*Sự thật ngày nay không thật đến ngày mai*
*Thì ân ái có bao giờ lại cũ*

(Xuân Diệu - Phải Nói)

Như thế không có nghĩa là phủ nhận yêu thương mà chỉ là để

xác quyết một sự thật. Sự thật đó là tình yêu có và tình yêu chân thật là một hiện tại vĩnh cửu, một phù du thiên thu. Tình yêu là một cuộc tranh đấu trường kỳ, trước tiên là với chính mình.

Paris Về Đêm của Prévert là một bài thơ đẹp. Những câu thơ Việt được trích cũng đẹp. Đẹp như mộng và mộng như thật. Nhưng ở mãi trong mộng thì cũng nguy hiểm như bì bõm mãi trong thực. Bởi tình yêu là một cuộc chơi, đôi khi còn là cuộc chơi lớn nữa, thắng không chắc đã được gì, thua thì không chỉ cháy túi mà còn có thể cháy cả cuộc đời. Thế đó mà người đời vẫn ham, ham hơn cờ bạc, ma túy nữa là khác.

Viết về tình yêu huê dạng như Prévert hay như những nhà thơ Việt bất Hoàng tôi phải nhớ để trích dẫn cũng là một cách chơi. Chơi đẹp với đời. Nhưng giữa những nhà thơ đó và một người thường không biết làm thơ lại có điểm khác nhau, đó là nhà thơ chơi như thật, làm cho mộng biến thành thật trên trang giấy, trước mắt người đọc. Trong khi một người thường thì mộng vẫn là mộng và thực vẫn là thực, không hoán chuyển được. Đó là một thiên chức của nhà thơ và nguyên ủy của thiên chức đó là ở chỗ nhà thơ thường để bản ngã đồng hoá với những đối tượng của thi ca, nghĩa là trùng lập với một cái gì không phải là chính họ. Bản ngã của nhà thơ là một thứ ký sinh trùng, phải bám vào một cái gì khác mới tồn tại. Như Nàng Thơ, như gió, như trăng, như mây. Nhà thơ là kẻ làm cho cuộc đời giàu có thêm bằng cách đem những điều không tưởng mơ màng phi thường trùm lên thực tại bình thường. Nếu đời là một giấc mộng thì nhà thơ là kẻ đã tạo nên cơn mơ trong giấc mộng đó. Nhà thơ là một người phù thủy.

Cho nên, dù biết phi lý, ai lại không có lúc mong một phút nào trong đời bầm dập lận đận được theo chân nhà thơ để hăm hở xông vào cuộc chơi như Phạm Lãi:

*Đi! Cùng anh tới Cô tô cảnh cũ*
*Chờ giăng lên mơ nửa giấc mơ xưa*

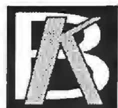
Mỗi người có thể có một Cô Tô khác nhau. Cô Tô đó có thể là Paris, Tokyo, Los Angeles, Athens, Rome, có thể là Koh Smui, Songkhla, có thể Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Sài Gòn, Cà Mâu, có thể là núi đồi sương phủ Đà Lạt... Đâu cũng được, miễn có người cùng mộng, cùng chia xẻ giấc mơ. Một lần mơ biến thành thật, thật như mộng, cũng đủ là tro than ủ ấm thương nhớ một đời... Cuộc sống bức xúc, bầm dập, bình thường, thực tế quá, mơ được cũng là khó rồi, mơ trong mơ lại còn khó hơn. Làm được chuyện vừa lơ ngơ dại khờ vừa khó đó, ai mà không mong, ít nữa là một lần trong đời? Trừ Phật, trừ Chúa, những

người không bao giờ thèm làm thơ, và cảnh giác người đời đừng thích thơ.

HOÀNG NGUYÊN NHUẬN
*Phong Trang, Thu 2000.*

**Ghi chú**

1. Jacques Prévert - Paroles - Gallimard, Paris 1949, tr. 91.
2. Jacques Nathan - Histoire de la Litérature Francaise Contemporaine - Fernand Nathan, 1954, tr.255 & tt.
3. Jacques Nathan - sđd - tr.267.
4. Jacques Prévert - Fatras - Gallimard, 1966, tr.132.
5. Đinh Hùng - Đường Vào Tình Sử - Đại Nam, California.
6. Thơ Nguyễn Tất Nhiên - SUDASIE, Paris 1980.
7. Bích Khê - Tinh Huyết , Hội Nhà Văn , Hà Nội 1995.
8. Đinh Hùng - Mê Hồn Ca , Khai Trí Saigon 1970.
9. Hàn Mặc Tử- Tuyển Tập Hàn Mặc Tử - Văn Học , Hà Nội 1987.
10. Phùng Quán- Trăng Hoàng Cung- Thanh Văn California ,1993.
11. Properly speaking, all love poetry is erotic poetry; in fact the greatness of poetry and literature is its eroticism... Literature could not exist without dwelling on the love interest. Albert Mordell - The Erotic Motive in Literature - Collier Books, New York, 1962, tr.15.
12. Chế lan Viên - Di Cảo Thơ , Thuận Hóa, Huế, 1992.
13. Lucy Macken - Sex & Love can they really exist apart? The Sunday Telegraph, 20.2.2000.



**HUỲNH HỮU ỦY**

# Viết thêm về Nguyễn Đức Sơn



Năm trước, tôi có một bài viết về Nguyễn Đức Sơn (1), có lẽ đã phác vẽ được đôi nét về chàng thi sĩ kỳ dị này, nhưng Nguyễn Đức Sơn không phải chỉ là như vậy, anh cũng là nhà thơ viết được nhiều bài thơ trong những cảm xúc bình thường, giản phúc, yêu thiên nhiên, yêu con người và rất đằm thắm với đất nước. Viết thêm bài này như một bổ túc cho bài viết trước, tôi muốn vẽ lại một cách toàn diện hơn chân dung chàng thi sĩ tài năng cách lạ lùng này, một chân dung thi ca lớn của nền văn chương hiện đại và đã đột khởi lên như một tính cách riêng biệt có một không hai. Cũng xin nói thêm, điều chính yếu thúc đẩy viết bài này, là vì tôi vừa tìm thêm được một số bài thơ khác của nhà thơ họ Nguyễn, nên muốn tập hợp lại để có một cái nhìn bao quát hơn, mà cũng là nhẹ nhàng hơn, chứ không phải chỉ là những nét gay gắt như đã đề cập đến. Và hơn nữa, cũng để đính chính một bài thơ giới thiệu sai lạc qua trí nhớ trong bài viết trước, mặc dù tôi đã cẩn thận in thêm một dị bản thì dị bản cũng hoàn toàn sai nốt (2).

Bài thơ cần phải đính chính ấy nói về một đóa hoa mong manh nở ra trên cây bông hồng không chịu lao động. Những dòng thơ ngắn ngủi đã trở nên vô cùng dữ dội và bi tráng, là một chứng từ lạ lùng của một thời đại. Trí nhớ của tôi hơi có phần nhầm lẫn có lẽ vì sự pha trộn

của hai bài thơ khác nhau mà cũng có nhiều chỗ gần gũi, tôi xin chép lại cả hai bài ở đây:

*Bông hồng*
*Mới nở*
*Mắc cỡ*
*Đời hay*
*Hương sắc*
*Ai bày*
*Sáng nay*
*Ta chết*

Với bài thơ trên, ý thơ đã cũ, nếu viết vụng thì có thể rơi vào chỗ sáo, nhưng nhờ cấu trúc nhịp đôi của toàn thể, tương đối vẫn còn là mới mẻ đối với thơ Việt, nên vẫn mang lại cho chúng ta một điều gì đó khá đẹp, và một nỗi thương cảm, xao xuyến rất mênh mông.

Và bài tiếp theo đây, chép đúng theo với bút tích của tác giả:

*Đụ mẹ*
*Cây bông*
*Hắn không*
*Lao động*
*Ai trồng*
*Chật chỗ*
*Mày nhổ*
*Xem sao*
*Máu trào*
*Thiên cổ.*

Hẳn nhiên, đây là tiếng nói đề kháng của nhà thơ trước một thời đại quá tàn khốc với nhiều vấn đề, chưa từng có trong lịch sử đất nước. Tuy nhiên, cũng không phải chỉ là như vậy, mà có lẽ cảm hứng để viết nên bài thơ vẫn bắt nguồn từ một điều gì đó sâu xa hơn nhiều. Thơ Nguyễn Đức Sơn vẫn luôn là một chiếc cầu vồng nối vào với cõi không cùng, cõi siêu hình thăm thẳm.

Võ Phiến rất khéo và tinh khi nhắc chúng ta nhớ là Nguyễn Đức Sơn đã từng trích hai câu thơ của Huy Cận để lên đầu sách mình, rất thích hợp với tâm cảnh của nhà thơ:

*Một chiếc linh hồn nhỏ*

*Mang mang thiên cổ sầu (3)*

Chúng ta cần nhớ thêm là khi trích hai câu thơ ấy như một chất men dẫn vào thế giới thơ của mình, Nguyễn Đức Sơn chỉ là một thanh niên vừa mới lớn, tuổi trên dưới đôi mươi. Cái ám ảnh về cõi trời đất hỗn mang, kinh nghiệm đối đầu với hư vô, cái tịch liêu mênh mông, và cái vô nghĩa của kiếp người sẽ là mối ám ảnh dằng dặc suốt đời của Nguyễn Đức Sơn. Thơ Nguyễn Đức Sơn thấm đẫm màu sắc hư vô chủ nghĩa cùng với hương vị Trang-Lão-Thiền. Đấy là chuyện tự nhiên với một cuộc đời như vậy; một con người đã từ bỏ hết tất cả, rũ bỏ hết tất cả, xem mọi chuyện chẳng qua chỉ là huyễn mộng, ngay đến cả đôi chút mộng ảo cho cuộc đời đẹp hơn cũng còn không có nữa, mà chỉ là mộng không:

*Sáng mênh mông*
*Ta đi thơ thẩn trong vườn hồng*
*Ồ bông, ồ mộng, ồ không.*

Cũng không lạ gì khi mà từ thời còn rất trẻ, Nguyễn Đức Sơn đã rất thích Trần Tử Ngang, Giả Đảo. Nhưng Nguyễn Đức Sơn lại cũng đọc nhiều tác giả phương Tây, đặc biệt nhất là Dostoievski, Rilke, Holderlin, Goethe và Heidegger. Về sau, anh tự cho mình không cần đến sách vở, anh vất bỏ hết tất cả, chẳng bao giờ đọc sách. Anh vứt hết sách vở vào sọt rác. Trước đó, đang học trường Văn Khoa, anh bỏ học ngang xương, rồi còn đoan quyết là Trường Đại học Văn Khoa sẽ chẳng bao giờ có thể sản sinh nổi một thi sĩ. Nơi chuyện này, ít nhiều cũng chỉ là thái độ lập dị, kỳ cục của một con người ngoại hạng. Mà dù thế nào đi nữa, thì nhân cách văn hóa của Nguyễn Đức Sơn cũng đã hình thành. Những nếp gấp nơi cấu trúc tinh thần của Nguyễn Đức Sơn đã hình thành rất sớm, từ thời còn rất trẻ. Cá tính kỳ dị trời cho một nửa, một nửa phần còn lại là do chung quanh góp phần kiến tạo. Rồi càng về sau, càng lúc anh càng trở nên kỳ cục, dị thường và cô độc. Trong một bức thơ gởi cha anh, viết năm 1972, Nguyễn Đức Sơn cũng từng tự nói về mình: "Bởi con mà có tham vọng gì, con một thằng sống bằng lửa tịch mịch, bằng hơi lạnh thiên thu. Đến cả mộng mơ đích thực còn không có, hay chỉ có toàn là mộng không. Ba không thấy sao, chính cái bọn tự cho mình là trượng phu, là kẻ sỹ, lại là bọn người đang tha thiết nằm trong cái guồng máy vô tâm, thúc hối cái guồng máy đó nghiền nát không những bao kẻ phiêu hốt mà luôn cả những kẻ nào còn mang trong người chút xíu lẽ công bình còn sót lại với trời đất. Vả chăng, thanh minh, bày tỏ cái gì nữa đối với thằng đàn ông đã lê tới và

đã đi qua tận bên kia cái đỉnh tịch mịch khốc liệt chưa từng thấy là con?" (4).

Nguyễn Đức Sơn sống cô đơn giữa một thế giới toàn vẹn tịch mịch, hoang vắng. Anh chiếu sáng thế giới chung quanh bằng ngọn lửa tịch mịch, nuôi dưỡng mình bằng chính ngọn lửa ấy, nồng nàn biết bao mà cũng lạnh lẽo biết bao. Có phải đó là định mệnh đọa đầy đã in dấu trên đường chỉ tay, trên vầng trán và nơi trái tim khi anh vừa mới chào đời. Hoài niệm Quách Thoại, một ngôi sao lạ trên trời thơ, đọa đầy và yểu mệnh, Nguyễn Đức Sơn lại có dịp tự hỏi về mình:

*Không biết từ đau ta đến đấy*
*Mang mang trời thẳm đất xanh dầy*
*Lớn lên mong nghiệp làm thi sĩ*
*Sống điêu linh rồi chết đọa đầy (5)*

Thử đọc thêm vài câu thơ khác của Nguyễn Đức Sơn. Lặng lẽ và đẹp biết mấy cái không khí tịch lặng tan nhòa giữa thi sĩ và chung quanh:

*Mai tôi về nằm giữa rong rêu*
*Tôi trải thân tôi xuống giữa chiều*
*Sưởi nắng tà huy lên mái tóc*
*Khi trời vang lạnh tiếng chim kêu*
*Mai tôi về nằm giữa hoang liêu*
*Tôi trải cô đơn xuống giữa chiều (6)*

Thực là uổng nếu chúng ta không đọc tiếp thêm nữa mấy câu thơ dưới đây cũng trong cùng nhịp điệu của những dòng trên. Thanh thản hòa mình vào giữa cõi trời đất lặng lẽ, Nguyễn Đức Sơn suy ngẫm rồi đưa ra một vấn nạn về định mệnh con người, hàm chứa cả ba mặt sinh học, tâm lý học và siêu hình học, mà lại giấu đi rất khéo dưới một tầng khí quyển nhẹ nhàng và rất mênh mông:

*Tôi về lắng cả buổi chiều*
*Nghe chim ăn trái rụng đều như kinh*
*Còn một mình hỏi một mình*
*Có chăng hồn với dáng hình là hai*
*Từng trưa nằm nghỉ giấc dài*
*Phiêu phiêu nhẹ cái hình hài bay lên (7)*

Ở tuổi vừa mới lớn, Nguyễn Đức Sơn khởi bước vào cuộc hành trình dằng dặc những nỗi buồn kinh khiếp, rồi cứ thế mà bước đi hoài giữa bóng tối cô liêu không dứt. Nhìn loanh quanh anh chỉ cảm thấy nỗi buồn vô hạn của kiếp người, chỉ cảm thấy cài hàn lạnh, cô tịch của trời đất. Con đường ấy thoạt nhìn, thực là thơ mộng, nhưng đắm chìm vào thì sẽ là quá chông gai, quá ác liệt và dữ dội. Đã đành rằng nỗi buồn làm cho thơ hay và sâu, nhưng nỗi buồn cứ kéo dài và đè nặng trên suốt cuộc đời thì khủng khiếp quá. Nguyễn Đức Sơn khởi hành bằng chính nỗi buồn ấy, rồi sống mãi cuộc đời mình cũng bằng chính nỗi buồn ấy. Đó là chính con đường thập giá, là khổ đế mà cũng là hương mật của nhà thơ. Nguyễn Đức Sơn sống rất khổ hạnh mà cũng vô cùng phiêu hốt với cuộc đời và trời đất. Ở tuổi sắp hai mươi, nhà thơ của chúng ta đã nhỏ lệ vì nhìn thấy đời người chẳng có nghĩa gì, mà chỉ là một nỗi buồn không nguôi.

*Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi*
*Nhìn trước nhìn sau thấy rõ ràng*
*Những người đi trước sầu đeo nặng*
*Những người đi sau sầu không tan*
*Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi*
*Thấy hay hay nhưng làm sao cười*
*Như chuyện lớn lên rồi có vợ*
*Cuối đời về đất lạnh nằm xuôi*
*Tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi*
*Thấy vắng tan hoang ngụt đất trời*
*Cha mẹ anh em còn đông đủ*
*Mình tôi sao nỗi sầu không nguôi*
*Ngập ngừng chân bước con đường vắng*
*Mây trắng bay lên òa đất trời*
*Tôi cúi đầu nghe mình nhỏ lệ*
*Biết chuyện gì rồi cũng buồn thôi.*

Đôi lúc, Nguyễn Đức Sơn đã phần nào quên lãng được nỗi buồn suốt kiếp ấy, đó là lúc anh hòa mình được vào cái đẹp tự tại của thiên nhiên và vũ trụ rộng lớn vô hạn bên ngoài. Lẽ ra, nếu không bị cái cá tính quá dữ dội đè nén, để sống đạm bạc thanh thản với trời đất thì cuộc sống của anh có lẽ sẽ đỡ khổ mà vẫn rất đẹp, và hồn thơ hẳn nhiên sẽ vẫn rất mênh mông. Giữa những ngày tháng trước 1975, khi khói lửa chiến tranh còn mù mịt khắp chốn, vậy mà có lần Nguyễn Đức Sơn đã vẽ được một giấc mơ rất đẹp về cuộc sống an nhiên tự tại

ấy, phiêu lãng với trời đất và cuộc đời:

*Mai kia tan biến hận thù*
*Giữa đêm sao chiếu mịt mù phương Đông*
*Cha về ôm cả biển sông*
*Duỗi chân duỗi cẳng nằm không một đời*
*Cho con cha hứa một lời*
*Đuổi mây thiên cổ rong chơi tối ngày*
*Thu vào tóc bạc òa bay*
*Có con chỉ trỏ mới hay tuổi già*
*Cúi hôn trời đất đậm đà*
*Cha tan theo bóng trăng tà vạn niên.*

Cũng vậy, một lần khác, anh phác họa lại trong mấy nét cảnh gia đình mình ở ngoài nương rẫy, đường nét tinh lọc và đẹp như một bức tranh thủy mặc đời sống:

*Xem cha đốt cỏ ngoài rừng*
*Nâng niu mẹ ẵm theo mừng không con*
*Có vài chiếc lá còn non*
*Gió xua lửa khói nổ giòn trên không*
*Nắng tà trải xuống mênh mông*
*Bước theo chân mẹ cha bồng hư vô*

Nhưng không phải lúc nào cũng được như thế, bởi vì chúng ta đã biết, bản tính của Nguyễn Đức Sơn thực là kỳ dị, trong cái bình thường nhất của anh cũng để lộ ra cái bất thường. Mấy đứa con của anh, anh chỉ nuôi bằng cháo gạo lức xay nhuyễn, nhưng thực lạ lùng, hồng hào, bụ bẫm, sáng sủa và đẹp như được sống trong cảnh sung túc bậc nhất trên đời này. Nhìn trẻ thơ như thế, hẳn rằng chúng ta sẽ cảm thấy lâng lâng, hạnh phúc; nhưng Nguyễn Đức Sơn thì khác, anh đã muốn truyền cho đứa trẻ cái điều kỳ cục anh đang sống, cái bất bình thường của anh mà anh cho phải là như thế mới bình thường. Tôi còn nhớ một hình ảnh rất rõ về gia đình anh: Một buổi tối Trung Thu năm 1973, anh đưa chị Phượng, vợ anh, và hai cháu nhỏ đến tôi chơi. Buổi tối ấy có họa sĩ Hồ Thành Đức và cháu Hải Dương lúc ấy khoảng 6, 7 tuổi, có Huỳnh Kim Giám, một bác sĩ trẻ làm việc ở bệnh viện Nguyễn Văn Học và người yêu của anh. Chúng tôi uống rượu mai quế lộ, nói chuyện tào lao chơi trên sân thượng căn nhà trọ ở đường Trần Quang Khải, Tân Định. Chị Phượng mặc cái áo dài lụa màu vàng hoàng oanh rất đẹp, bên các cháu

nhỏ bi bô vui đùa. Nhìn cảnh tượng ấy, chắc chẳng ai có thể nghĩ rằng một ngày kia hai đứa trẻ ấy sẽ trở thành người rừng, sống phiêu bạt nơi một vùng hoang dại điêu linh nào đó. Có thể đổ cho điều đó là do vận nước, nhưng thực ra chính là do cái khốc liệt của số phận từ Nguyễn Đức Sơn đã truyền lại, Khi cháu nhỏ mới vừa được mấy tháng, đang tập lật, Nguyễn Đức Sơn đã muốn truyền qua cho cháu ngọn lửa kỳ dị của người cha, như bài thơ lục bát chỉ có bốn câu viết rất điêu luyện *Nhìn con tập lật* làm chứng cho điều đó. Đọc bài thơ, chúng ta sẽ cảm được con đường mà cháu nhỏ sẽ phải gánh chịu giữa cuộc đời sắp tới như thế nào:

*Nắm tay lập úp đi con*
*Co thân tròn trịa như hòn đá lăn*
*Muốn cho đời sống không cằn*
*Tập cho quen mất thăng bằng từ đây*

Đọc thơ Nguyễn Đức Sơn, chúng ta thấy ý tưởng chủ yếu nhất thường là xoay quanh nỗi buồn của kiếp người, kinh nghiệm về hư vô và cõi trời đất vô hạn. Như vậy, trên cuộc hành trình từ nôi đến mộ, hẳn nhiên nhà thơ sẽ đề cập đến cái chết, tuy thế, cái chết hiện ra trong thơ anh cũng thực là thản nhiên, như một phần của hư ảo, tự nhiên như nhiên.

*Rồi mai huyệt lạnh anh về*
*Ru nhau gió thổi bốn bề biển xưa*
*Trăng tà đổ bóng cây thưa*
*Mộng trần gian đã hái vừa chưa em*

Chúng ta đã từng nói ở bên trên, nếu Nguyễn Đức Sơn không bị cá tính quá dữ dội lấn áp, chế ngự, đưa cuộc đời anh vào những nghịch cảnh khốc liệt ma quỉ, thì có lẽ Nguyễn Đức Sơn sẽ sống được cuộc sống thanh thản của một thiền gia hay đạo gia, để ngày càng cảm nghiệm thêm được nhiều điều về dòng chảy bất tận của trời đất. Vì nhiều lần, chúng ta thấy anh đã mon men bước đến với cuộc sống bình đạm, thanh thản và tịch mịch ấy, và anh như đã lắng được nỗi đau mà thả trôi theo những đám mây xám bay qua.

Hãy đọc thêm bài thơ sau của Nguyễn Đức Sơn, cũng viết vào thời anh còn rất trẻ, trước tuổi hai mươi:

*Một ngày đau khổ chín trong tôi*

*Tôi đến bên cây lẳng lặng ngồi*
*Cây thả trái sầu trên nước lắng*
*Mặt hồ tan vỡ ánh sao trôi*
*Thôi nhé ngàn năm em đi qua*
*Hồn tôi cô tịch bóng trăng tà*
*Trời sinh ra để chiều hôm đó*
*Tôi thấy mây rừng bay rất xa*

Ở bên trên, chúng ta vừa đọc lại vài bài thơ, cùng vài đoạn thơ trích dẫn của Nguyễn Đức Sơn. Những bài thơ thực lạ, cũng chỉ là tả tình, tả cảnh, đôi lúc là những giấc mơ mù mịt của một đời người, được viết ra trong thể văn giản dị xưa nay, vậy mà lạ lùng thay, lại chứa đựng một sự quyến rũ vô cùng kỳ ảo, dường như có thể đưa người đọc đến những chân trời bất tận.

Thơ Nguyễn Đức Sơn đúng là chiếc cầu vồng, nhưng không phải là cầu vồng rực rỡ bẩy màu, mà chỉ thuần một màu trầm tối đạm bạc, bắt qua một nền trời đầy mây xám, chiếc cầu vồng ấy đã nối được vào với cõi vô hạn để mang lại cho chúng ta biết bao nhiêu điều thâm thúy, trầm mặc và cũng rất ảo diệu. Ngày trước, bàn về thơ, cụ Phan Bội Châu đã từng nói: "Thơ cũng chỉ là một bộ phận trong văn chương, nhưng văn chương mà có ngậm triết học mới gọi là văn chương." (9) Lời bàn của cụ Phan rất thích hợp với thơ Nguyễn Đức Sơn; dĩ nhiên chữ *triết học* ở đây không cần phải hiểu như một hệ thống tư tưởng, mà chỉ là một thái độ triết lý của người cầm bút. Sống triết lý, rồi phải suy gẫm mọi điều cho sâu, suy nghĩ cách viết cho chín, nên khi viết ra thì thơ sẽ cô đọng hay tuôn chảy như một cái gì đó vô cùng kỳ diệu.

Nguyễn Đức Sơn ăn chay trường, yêu thiên nhiên, sống một cuộc đời không giống ai vì cá tính quá đặc biệt, và đã hiến hết đời mình cho thi ca và nghệ thuật. Như anh đã từng phô bày vài nét về bức chân dung thực sự của mình: "Có sống nhiều năm ở Sài Gòn nhưng không hề thấy chút chi cái đẹp của thành phố và tự hỏi không hiểu vì sao hàng tỷ người có thể sống trong những đô thị lớn trên thế giới. Sẽ tự cứa cổ, tự tử ngay nếu một ngày nào đó đầu thai lên thấy đất của các đô thị, nhà cửa, và khu kỹ nghệ tràn lấn qua một nửa diện tích của núi, rừng, sông, biển, thác, suối, ao, đầm, hồ... Tự nhận là tha thiết với xã hội, vô chính phủ khó có thể có trên thế giới này. Từ đó, từ đó thôi, cũng dễ tắt thở rồi. Vậy chớ cái gì làm cho nó có thể còn sống được cho tới ngày nay? Ông Phật, ông Khổng, và nhất là ông Lão, đành rồi. Nhưng còn một ông bao trùm hết và hốt ba ông kia bốc cao lên: ông Nghệ Thuật" (10).

Từ sau năm 1975, Nguyễn Đức Sơn lên hẳn trên vùng Blao, sống ở Phương Bối Am do thầy Nhất Hạnh xây cất ngày trước, nay đã tan hoang vì chiến tranh, trồng khoai mì, trà, lúa, bí, kiếm măng tre, sống y như người miền núi; thỉnh thoảng về Sài Gòn thăm lại những người bạn cũ, đội nón lá, mang gùi, mang tặng bạn nải chuối, gói trà, chút café, quả bí rợ, gói mứt khô do chính tay anh sấy (11). Nhưng dù sống trong tình cảnh đó cũng chẳng phải dễ dàng và thoải mái theo ý mình, Nguyễn Đức Sơn bị đám người di dân từ vùng Hà Nam Ninh ngoài Bắc vào xung đột, gây hấn để chiếm đất đai, phá hoại sinh hoạt của anh từng ngày. Như những mẫu đất anh trồng thông, thông cứ lớn lên độ hai ba gang tay là bị chà nát, phá hoại, anh còn bị mấy tên dữ tợn hành hung. Cũng có kiện cáo lung tung, từ Trung ương đảng, chính phủ đầu não ở Hà Nội, đến Hội Nhà Văn Hà Nội, Hội Nhà Văn ở Sài Gòn mà rồi chẳng đến đâu. Và mặc kệ mọi chuyện, anh vẫn sống tiếp tục cuộc đời như vậy, mặc dù nhiều lúc cũng tức điên lên, điên tiết nhất là vì cả vùng thiên nhiên trải dài suốt vùng Bảo Lộc, Di Linh, Đà Lạt càng ngày càng bị phá nát vì sự xây cất bừa bãi, chẳng có chút chi thẩm mỹ của bọn người quê mùa mới di dân đến, phá hết cả cái đẹp tự nhiên của vùng đất này. Có lần một nhân vật trí thức của Hà Nội, là con gái của ông Trường Chinh, có lẽ vì nghe danh kỳ dị, cũng có thể vì quí mến thực tâm, ghé đến tìm thăm, đã hỏi anh về ước muốn lớn nhất của anh lúc đó. Được dịp thì anh nói ngay, anh ước ao có chất nổ thực nhiều để giật sập tất cả nhà cửa, cơ ngơi vừa xây cất ngổn ngang, màu sắc tèm lem xanh đỏ của đám dân mới đến, cùng với đám cầm quyền và tư bản mới. Lời nói ấy chẳng phải là đùa bỡn, đó chính là lời cảnh cáo của một nghệ sĩ đối với sự sống thiên nhiên càng ngày càng bị tước đoạt vô cùng trầm trọng, cần phải cấp thời cứu vãn bởi vì sinh thái bị hủy hoại quá độ mà thẩm mỹ nhân văn cũng đã tan tành, hỗn độn. Chỉ có điều, lời cảnh cáo ấy không giữ được cái mực thước của một nhà văn hóa, mà quá dữ tợn và lại rất bốc của một nghệ sĩ không bình thường.

Nguyễn Đức Sơn yêu thiên nhiên, yêu sự sống, hẳn nhiên ở tận đáy của tình yêu ấy là nỗi buồn thiên thu bất tận của kiếp người. Vì yêu trời đất, yêu sự sống mà ăn chay trường, anh cho rằng đấy là phương cách để xử sự công bình với vạn vật. Anh ăn chay quanh năm và một thời đã mặc áo nâu sống như ở cửa thiền, nhưng thực sự anh cũng chẳng phải là người của đạo Phật, mặc dù có nhiều gần gũi nhất với đạo này. Chúng ta còn nhớ hai câu thơ của anh *Mai kia tắt lửa mặt trời / Chuyện linh hồn với luân hồi có không?* Với hai câu thơ ấy, anh nghi ngờ hết tất cả, tín lý căn bản nhất của đạo Phật còn bị anh đặt lại

trong một dấu hỏi có nền tảng như vậy thì làm sao bảo anh là người theo đạo Phật được.

Nguyễn Đức Sơn yêu thiên nhiên, hòa mình với rêu phong, cây cỏ, trăng, sao, sương mù, mây xám, và gió nhẹ. Nhưng không phải chỉ tĩnh lặng như thế, thiên nhiên của Nguyễn Đức Sơn còn đầy ắp sức sống, như một lần kia nhìn đàn nai kéo nhau đi qua, và con nai mẹ "vú lê dài rung rinh rung rinh" thì anh bỗng cảm ra tất cả cái mạch sống tự nhiên nơi trời đất, cây cỏ, mạch sống ấy chuyển vào anh để trở nên mạch đời rộn ràng. Rộn ràng quá mà cũng mong manh quá:

*Tôi bỗng thấy mạch đời bừng chảy*
*Như nhựa xuân tràn trên đầu cành*
*Rồi tôi thấy mạch đời đang chảy*
*Ở trong tôi mà sao mong manh (12)*

Mạch sống tuôn chảy rầm rì trong trời đất, trong từng thân cây, lá cỏ, và mạch sống cũng tuôn chảy nồng nàn trong nhục thể của con người và muôn loài sinh vật. Điều ấy chẳng có gì mới mẻ, cái mới mẻ là do đã được nhìn qua con mắt riêng biệt của Nguyễn Đức Sơn, rồi viết nên những dòng thơ rờn rợn kỳ lạ của riêng anh.

Nói đến nhục thể là nói đến dục tính, và chúng ta đã đọc quá nhiều bài thơ, trần truồng thân xác, ăm ắp và rất dữ dội chất erotic của Nguyễn Đức Sơn. Ở đây, chúng ta sẽ đọc lại một bài thơ viết trong chiều cảm hứng ấy nhưng chỉ thoáng nhẹ như một đóa hoa nở muộn rồi tàn đi trong đêm. Bài thơ này cũng có pha trộn một hai thuật ngữ của Phật học, nhưng chỉ để cho vui thôi, và ít nhiều cũng là một cách biểu lộ cái nghịch ngợm của riêng Nguyễn Đức Sơn. Đấy là bài thơ "Trinh Nữ" dẫn lại dưới đây:

*Em đang thay áo trong phòng*
*Hương xuân bay tỏa sóng lòng tôi đâu*
*Vú thon quá độ nhiệm mầu*
*Trộm nhìn quên hết âu sầu thế gian*
*Tiêu luôn cái cõi niết bàn*
*Bắt tay chào nhé cái màn vô minh (13)*

Đến với sự nghiệp thơ của Nguyễn Đức Sơn, hẳn là chúng ta không thể quên được *"Đến thăm bạn sắp đẻ ở Di Linh"* in trên tạp chí *Văn Nghệ* khoảng đầu thập niên 60. Thời khoảng ấy, miền Nam đã có vài khuôn mặt thi ca lớn, tạo được một tiếng nói đặc biệt của thời đại,

như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên. Với “Đến thăm bạn sắp đẻ ở Di Linh,” Nguyễn Đức Sơn đột khởi góp một tiếng nói rất lạ cho dòng thơ hiện đại, trước đó chưa từng có như vậy, và sau dường như đã sôi nổi gây nên cả một trào lưu, chúng ta thấy rất nhiều người làm thơ trẻ đã bước theo con đường đó. Bài thơ là một pha trộn những điều chính yếu nhất của chiều sâu tư tưởng và cuộc đời Nguyễn Đức Sơn. Tình yêu thiên nhiên, tình yêu con người, sức mạnh của nhục dục rờn rợn và niềm đau của kiếp người là những yếu tố của bài thơ này. Tất cả đã đan hòa vào nhau mà tạo nên một tiếng kêu trầm thống dằn vặt, vừa rạo rực, vừa uất nghẹn đến không cùng, ghi một dấu mốc lạ lùng cho nền thơ hiện đại:

*Sắp đẻ ở Di Linh cây cối chào chị*
*Sắp đẻ ở hư không, rừng và chị ôm nhau hát*
*Tôi giấu mặt đi, ven hồ lạnh giá*
*Căn nhà gỗ phần mộ thanh xuân*
*Những ván thông dày đặc gỗ quan tài*
*Của tóc của chị của tình nhân*
*Của dương cầm bỏ phế đúng một năm*
*Sắp đẻ ở Di Linh cô đơn hùng dũng*
*Chị thu mình như một con mèo mun*
*Chị thu mình như một vũ nữ Ba Lan*
*Chị thu mình như một đĩa hát cũ*
*Oh, my tortured heart!*
*Buổi chiều chết trên cây thánh giá*
*Hãy quên tôi như một mũi tên*
*Hãy quên tôi như một loài chim đêm*
*Anh đưa chị về đây để tự vận*
*Chị thổ huyết ba lần tôi chứng kiến*
*Khi rừng già thấp xuống thấp xuống*
*Buổi sáng chị tắm sương mù*
*Buổi chiều chị đốt cỏ để hong đời chị*
*Hiu hắt như đời tôi*
*Chị đứng lên*
*Hai mươi bảy năm tuột mất thanh xuân*
*Ôi nắng vàng dòng thác Gougah*
*Rừng và chị ôm nhau ca hát*
*Sẽ đẻ ra một đứa con*
*Rừng và chị ôm nhau chết (14)*

Sau năm 1975, Nguyễn Đức Sơn vẫn viết rất đều. Nhưng có thể là do sức áp lực đời sống khủng khiếp quá, nên chất thơ và chữ nghĩa cũng mất mát đi nhiều. Một người bản lĩnh ngất trời như Nguyễn Đức Sơn mà còn như vậy thì bao nhiêu người cầm bút khác làm sao có thể sống với văn chương nữa?

Tôi có cảm giác như vậy, là vì gần đây đọc một trang thơ của Nguyễn Đức Sơn in trên tạp chí *Khởi Hành* gồm mười bài tất cả, in dưới một tựa đề chung *Bảy ngày xuống núi tham quan Thành phố Hồ Chí Minh của một tên làm thơ đãng tử* (15), tôi chỉ thấy thích được một vài dòng, còn toàn là những con chữ lục cục lòn hòn, toàn là vần vè đả kích, chỉ cốt để bêu rếu, châm chọc mà truyền tay và truyền khẩu với đời. Chỉ cần đọc qua nhan đề mấy bài thơ cũng đủ thấy chuyện đó: *Tâm sự với một nhà văn đảng viên muốn ra khỏi Đảng, Quang cảnh mới, Tại tư thất một đảng viên gốc chùa, Trên sân thượng một nhà hàng đặc sản, Gặp gỡ trước bệnh viện Từ Dũ, Thăm bạn, một công nhân lúc đang dọn nhà rời khu tập thể...* Mà nghe nói Nguyễn Đức Sơn cũng chôn giấu rất kỹ những trang chữ ấy, những điều anh viết suốt 25 ăm qua. Hy vọng sẽ có này chúng ta được đọc hết tất cả, và hy vọng thơ Nguyễn Đức Sơn vẫn là một dòng chảy kỳ lạ như từng đã chảy qua nền văn học hiện đại từ bao nhiêu năm trước, chứ không phải chỉ là những bài vè thời thế thô thiển ấy. Vậy nên chúng ta đừng kết luận gì vội, để còn xem sao (*).

HUỲNH HỮU ỦY
*California, tháng 6/2000*

CHÚ THÍCH:

(1) Huỳnh Hữu Ủy, *"Nguyễn Đức Sơn, một đỉnh thơ kỳ lạ và cô độc," Hợp Lưu*, số 47, 1999. In lại trong *Mấy nẻo đường của nghệ thuật và chữ nghĩa*, nxb Văn Nghệ, California, 1999.

(2) Nhân đây, tôi xin cảm ơn họa sĩ Đinh Cường đã gửi cho nhiều tài liệu quý về N.Đ.S, thủ bút của Nguyễn Đức Sơn, mấy tấm chân dung anh vẽ về Nguyễn Đức Sơn, và rất đặc biệt là bài viết *"Người nuôi lửa tịch mịch"* của anh trên một tờ báo vùng Hoa Thịnh Đốn khi anh mới đến Mỹ khoảng hơn mười năm trước. Bài viết của Đinh Cường rất hay, thâm trầm, chứa chan tình bạn, tình người ấm áp, vén lên bức màn tối dày đặc để giúp người đọc tiến đến gần hơn, chia sẻ và hít thở không khí tịch mịch của nhà thơ lớn của chúng ta.

(3) Trích theo Võ Phiến, Văn Học Miền Nam - Thơ, trang 2964, nxb Văn Nghệ, 1999.

(4) Thay lời tựa tập thơ *Tịnh khẩu*, An Tiêm xb, 1973.

(5) (6) (7) Dẫn theo Võ Phiến, sđd, trang 2968-2969.

(8) Trích dẫn theo Võ Phiến, sđd, trang 2981.

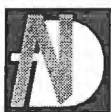
(9) Dẫn lại trong Bùi Văn Nguyên & Hà Minh Đức, *Thơ ca Việt Nam (hình thức và*

*thể loại),* trang 290, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1971.
(10) Dẫn theo Đinh Cường.
(11) Hình ảnh Nguyễn Đức Sơn về Sài Gòn, thường đội nón lá và mang gùi là một ghi nhận của Nguyễn Hiến Lê. (Nguyễn Hiến Lê, *Đời viết văn của tôi),* nxb Văn Nghệ, California, 1986, trang 224). Có lẽ đó chỉ là một vài năm đầu sau 1975. Về sau này, Sơn ăn mặc rất lếch thếch và đầu thì đội chiếc mũ béret đen quanh năm suốt tháng.
(12) Dẫn theo Võ Phiến, sđd, trang 2967.
(13) Dẫn theo Trần Văn Nam, *"Có những dị biệt qua ngôn ngữ huyền ảo trong thơ,"* Đặc san Quảng Đà, trang 85, Los Angeles, 1999.
(14) In lại trong *Hợp Lưu,* số 48, trang 167, tháng 8-9/1999, theo bản chép lại của Nguyễn Đạt để tặng Thận Nhiên.
(15) Khởi Hành, California, số 36, tháng 10/1999.
(*) Nguyễn Đức Sơn sinh ngày 18 tháng 11 năm 1937 ở Ninh Thuận, chánh quán tỉnh Thừa Thiên. Anh đã từng viết bài thơ *Quê Hương* nồng đượm một tình cảm nhẹ nhàng và sâu sắc với gia đình, làng nước, quê tổ để *"gửi về sông nước Thừa Thiên, và biển ngàn Ninh Thuận, hai phương mồ mả xa vời."* Có lẽ là tôi hơi tham lam, đã dẫn quá nhiều bài thơ của Nguyễn Đức Sơn trong bài viết này. Tuy thế, cũng xin phép được in thêm bài "Quê Hương" ở đây:

Tháng bảy dì về đơm nhãn
nhớ mang ra ít giạ chiêm
ruộng xưa cò bay thẳng cánh
gặt hái vừa độ trăng liềm
Mười mấy năm rồi dì nhỉ
lạc loài xa mãi cố hương
giờ đây ngồi mà suy nghĩ
lòng dạ ai người không thương
Quê mình ai còn ai mất
đi rồi gươm súng mùa thu
khóc mãi từng đêm lưu lạc
Nói ra thêm oán thêm thù
Ngõ về làm sao ngài ngại
Xe cộ có dễ dàng không
Kháng chiến người đi chưa lại
Lúa khô héo cả ruộng đồng
Ông ngoại chắc già ghê lắm
Mấy người dì nữa nhưng thôi
đất cằn quê hương nứt rạn
kể thêm đau lòng dì ơi
dù sao cũng là xứ sở
đói nghèo đừng lạt tình thương
mười năm không cúng không giỗ
dì về ấm lại khói hương
Tháng bảy dì về đơm nhãn
nhớ mang ra ít giạ chiêm
ở đây làm gì có bán
thấy người ta ăn bắt thèm.
*(Trong tập Hoa Cô Độc)*

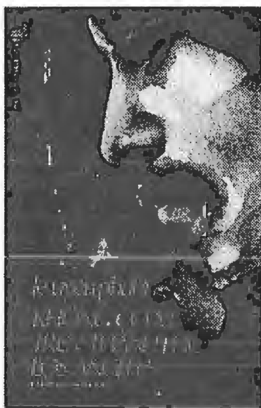
Sinh năm 1937 nhưng trong giấy tờ hiện nay thì ghi là 1927, vì sau 1975, Nguyễn Đức Sơn đã khai như vậy; và hơn mười năm nay, ở thôn Đại Lào (vùng Phương Bối Am ngày trước), anh được địa phương xếp vào loại người già mất sức lao động. Ở vùng địa phương này, dường như mọi người đều biết anh với biệt danh *Sơn Núi* hay *Ông già lặt củi.*

Trước đây, đã xuất bản ba tập truyện ngắn *Cát bụi mệt mỏi* (An Tiêm, 1968), *Cái chuồng khỉ* (An Tiêm, 1969), *Xóm chuồng ngựa* (An Tiêm, 1971), và *tập Ngồi đợi ngoài hành lang* (chưa in). Mười một tập thơ: *Bọt nước* (Mặt Đất, 1966), *Hoa Cô Độc* (Mặt Đất, 1965), *Lời ru* (Mặt Đất, 1966), *Đêm nguyệt đông* (An Tiêm, 1967), *Mộng du trên đỉnh mùa xuân* (An tiêm, 1972). Hai tập cuối cùng là *Tịnh khẩu* (An Tiêm, 1973) và *Du sỹ ca* (An Tiêm, 1973). Hiện nay, Nguyễn Đức Sơn vẫn tiếp tục viết, những bản thảo truyện và khoảng hơn hai ngàn bài thơ đều được anh chôn giấu rất kỹ để đề phòng mọi bất trắc có thể xảy ra bất ngờ. (Những chi tiết chính của ghi chú này viết theo Đinh Cường)



**LÊ HỮU NGHỊ**

# Đọc lại Lê Uyên Phương



*Hãy ngồi xuống đây, trên lưng cuộc đời,*
*thách đố thương đau...*
***LUP***

Tại sao không phải "*nghe* lại" mà là "*đọc* lại" Lê uyên Phương?

Nghe Lê uyên Phương (LUP) thì nhiều người cũng đã từng nghe qua, từ các băng nhạc, đĩa nhạc, đến các sân khấu trình diễn. Thỉnh thoảng vẫn có những bài viết nhận định về nhạc LUP, về các buổi trình diễn, và cả về tính cách của người nhạc sĩ đã viết nên những ca khúc đó. Tôi đọc, có điểm đồng tình, có điểm vẫn còn chút nghi hoặc, và nói chung, vẫn có cảm giác thiêu thiếu một cái gì. Dường như vẫn có những điều chưa được nói đến, chưa được nói thật đầy đủ... Trong một lần tình cờ đọc lại cuốn sách cũ đó, cuốn sách duy nhất của LUP được in và xuất bản, tôi đã phần nào tìm thấy được những lời giải đáp, những câu trả lời. Ở đấy, trên những trang viết, là những nỗi niềm trăn trở, là những cảm xúc tràn bờ. Ở đấy còn là những bù đắp mà ngôn ngữ âm nhạc của LUP, dẫu có được thể

hiện bằng những giai điệu đằm thấm, dẫu có cuốn hút người nghe tới đâu vẫn không chuyên chở hết được.

Đây chắc chắn không phải là một bài điểm sách... cũ. "Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles" không phải là một cuốn sách mới (ghi xuất bản năm 1990); tuy nhiên, nó vẫn cứ mới đối với những người chưa từng đọc nó bao giờ, hay chỉ đọc lướt qua trước đây. Nhiều cuốn sách còn cũ gấp bao nhiêu lần hơn thế nữa vẫn còn được người đời nhắc đến nhiều năm sau đó. Một bài thơ, một bài nhạc, một cuốn sách hay chẳng bao giờ cũ. Bài viết này không nhằm lập lại những điều đã từng được nói đến trước đây về LUP, người nhạc sĩ sáng tác và trình diễn ca khúc, mà chỉ muốn nói tới một LUP khác, một người viết văn đã có lúc phơi trải lòng mình lên những trang giấy.

Tôi đã gặp cuốn sách đó ngay từ những ngày đầu đặt chân lên đất nước này, nhưng thực tình là tôi đã không chú ý đến nó lắm. Tôi chỉ cầm cuốn sách lên, ngắm nghía cái bìa sách, rồi bỏ xuống. (Một trong những bìa sách đẹp nhất của Khánh Trường). "Anh chàng viết nhạc này bây giờ lại quay sang viết văn, làm thơ," tôi nghĩ. Thực tế cho thấy, một tác giả thành công ở một lãnh vực văn hóa nghệ thuật, khi nhảy sang một lãnh vực khác thường hiếm khi gặt hái được sự thành công tiếp theo. Sự tin tưởng vào thực tế ấy đã khiến tôi (và chắc là không ít người) có chút ân hận về sau này là đã bỏ lỡ cơ hội để hiểu thêm được về anh sớm hơn, để thấy được còn có những gì phía sau những đường kẻ nhạc, phía sau những ca khúc người nhạc sĩ đã hát lên bằng cả tâm hồn trước đám đông người nghe, những ca khúc một thời làm lay động lòng người. Mãi đến nay, tôi mới có dịp cầm lại cuốn sách đó, đọc lại từng trang, từng dòng, từng câu, từng chữ... Những dòng chữ vẫn nằm im trên những trang sách tự thuở nào, vậy mà tôi tưởng chừng như mới được trông thấy lần đầu.

Có lẽ cũng nên nói qua ít hàng về nhạc LUP. Tôi nhớ đã từng nghe nhạc của anh từ lâu lắm, đâu từ những năm sáu chín, bẩy mươi thì phải. Giữa những năm mà loại nhạc kích động, nhạc trẻ nhạc già ồn ào trên những sân khấu trình diễn, những ca khúc da vàng da đỏ thi nhau rên rỉ, than vãn về thân phận đất nước, về quê hương chiến tranh trong những phòng trà, những quán café, thì dòng nhạc của anh lại lặng lẽ tách riêng một nhánh khác. Tình yêu trong nhạc của anh mang bộ mặt hoàn toàn khác lạ. Trong những lời nhạc của anh thuở đó, người ta nghe thấy những vũng lầy, những vực sâu, những cơn đau, những cơn say, những da thịt, những bàng hoàng, rồi sau đó là những ê chề, những héo hon, những vội vàng, những muộn màng... Khi tất cả những thứ đó trộn lẫn vào nhau, người nghe nhận ra được LUP. Tình

yêu trong nhạc của anh vừa có những ray rứt, khắc khoải, lại vừa có những ngấu nghiến, hừng hực như vậy. Nhạc của anh không giống ai, và cũng không ai... giống anh. Cả lối trình diễn, cách thể hiện của Lê Uyên và Phương cũng đặc biệt, cũng không giống ai. Nghe Lê Uyên và Phương hát, ta nghe những tiếng hát đan quyện, quấn quýt, ôm riết lấy nhau, đeo bám vào nhau tưởng như không thể tách rời, không tài nào rứt ra được. Họ hát "hết mình", như thể chỉ hát cho họ, không phải hát cho khán giả, không biết tới khán giả trước mặt. Vậy mà khán giả vẫn tán thưởng, vẫn cứ chăm chú lắng nghe họ. Thật kỳ lạ. Và người nhạc sĩ đã làm nên những ca khúc ấy, anh là ai? Tôi luôn bị thôi thúc bởi ý tưởng muốn biết được những gì ở phía sau con người nghệ sĩ vẫn ôm đàn hát một cách say sưa mỗi lần xuất hiện trên sân khấu đó. Anh suy nghĩ ra sao? Con người thật của anh như thế nào? Cái gì đã làm nên những ca khúc của anh? Tôi vẫn cho là người ta khó mà có thể hiểu hết được tính cách con người đó nếu chưa từng đọc qua cuốn sách của anh (và những gì khác nữa anh đã viết, tôi không được rõ). Tất nhiên, không đơn giản đọc một cuốn sách là hiểu được một con người, nhưng dẫu sao qua những trang viết của tác giả LUP, độc giả của anh cũng "đọc" được ở người viết một đôi điều.

Cuốn sách đó là một tập truyện và tùy bút. Tại sao lại "không có mây trên thành phố Los Angeles"? Bầu trời trong xanh lắm sao. Quả có như vậy. Trong một lúc nào đó, nhìn ra ngoài ô cửa, anh đã trông thấy bầu trời không gợn một chút mây nơi thành phố anh hiện đang sống, thật khác hẳn với cái "*thành phố nhỏ nhoi đầy mây trắng và sương mù* [1]" rất xa xôi trong trí tưởng của anh. Cái thành phố nhỏ nhoi mà đầy ắp kỷ niệm ấy vẫn luôn luôn ở một góc nào đó trong trái tim anh. Thực ra thì có gì khác nhau đâu giữa bầu trời này và bầu trời kia. Đâu cũng chỉ là một bầu trời. Khi thì trong vắt, khi thì dày đặc mây mù. Chỉ là anh tưởng tượng ra cái khác nhau đấy thôi. Có khác chăng là sự khác biệt giữa thành phố xa lạ mà anh đang sống và thành phố thân qucn ngày xưa, nhưng thay vì nói về những khác biệt giữa hai thành phố đó, anh lại nói đến cái khác biệt giữa hai bầu trời để từ đó liên tưởng đến thành phố kỷ niệm của anh. Trong những dòng chữ anh viết luôn luôn thấp thoáng những nỗi niềm hoài niệm quá khứ. Hãy đọc thử một đoạn:

*"Lúc đó hắn đang nhìn lên bầu trời của thành phố Los Angeles và chợt nhận ra là chưa bao giờ hắn nhìn thấy những đám mây trắng bay lượn trên đó như hắn đã luôn luôn nhìn thấy những đám mây trắng bay lượn trên thành phố nhỏ thân thuộc xa xôi của hắn...* [1]"

Thành phố nhỏ nào vậy? Đó là thành phố với "*những quán cà phê, những vũ trường, những thung lũng, những hồ, những đồi, những thác, những con đường dốc, những hàng thông xanh, những cánh đồng đầy hoa vàng, những con đường ngoằn ngoèo len lỏi giữa các biệt thự yên lặng, bí mật, trữ tình* [1] ". Đó chính là cái "*thành phố đầy mây trắng và sương mù của hơn hai mươi năm về trước* [1] ".

Anh yêu biết bao thành phố ấy, yêu biết bao những mảng quá khứ ấy, như đã yêu biết bao những hình ảnh xa xưa của sân trường kỷ niệm, như đã thiết tha yêu cuộc đời, yêu loài người. Nỗi niềm thương yêu ấy từng được anh đưa vào trong câu hát:

*Tôi muốn yêu. Tôi muốn yêu, yêu cả cuộc đời.*
*Tôi muốn tin. Tôi muốn tin, tin cả loài người*
*Như ngày xưa, yêu sân trường, lớp học*
*yêu thầy, yêu bạn, yêu anh, yêu em*
(Tôi Muốn Tin, Tôi Muốn Yêu Cuộc Đời)

Anh mơ mộng biết chừng nào, tâm hồn anh tràn đầy những ước mơ. Đó là tâm hồn gần gũi với thiên nhiên, hòa cùng tiếng đồng vọng của đất trời, của tiếng suối reo, của hơi gió thoảng, của cơn mưa bất chợt.

"*Tôi nghe bầu trời, tôi nghe cây cỏ, núi đồi, tôi nghe xúc động trong tôi, tôi nghe xúc động trong người cùng lúc với những gì tôi nhìn thấy chúng* [2] ".

Tình yêu đôi lứa trong những bài tình ca của anh luôn luôn đan quyện với tình yêu thiên nhiên, với những trăng sao, nắng gió, mưa bão...

*Ngày em thắp sao trời*
*Chờ trăng gió lên khơi*
*Mà mưa bão tơi bời*
*Một ngày mưa bão không rời*
*Trên đôi môi thanh xuân*
*Ướp hôn nồng bên gối đắm say*
*Ánh sao trời theo gió rụng rơi đầy*
(Dạ Khúc Cho Tình Nhân)

Tình yêu như mật ngọt trong những câu hát đó. Tôi đã nghe lại tình khúc này bằng cảm giác lâng lâng, bằng rung động dạt dào đượm chất men tình ái. Nếu đời sống luôn luôn được vỗ về bởi những bài tình ca nồng nàn như vậy thì nhạc LUP quả là đáng yêu biết chừng nào, và người nhạc sĩ của chúng ta sẽ mang hình ảnh chàng "nghệ sĩ với cây đàn" đi gieo rắc những lời ngợi ca tình yêu cho người người khắp nơi, khắp chốn. Trong một truyện ngắn, LUP cũng đã bày tỏ điều

này khi mượn lời người cha nói với đứa con để giải thích về ý nghĩa những buổi trình diễn của anh:

*"Hình ảnh của ba má với cây đàn dưới ánh đèn màu và trong âm điệu đằm thắm của những bài tình ca đã gây cho khán giả cái cảm giác: tình yêu không phải là một ước mơ mà là một cái gì có thật.* [3] "

Anh mơ làm loài chim hiền, hót mãi những lời yêu thương ngọt ngào, mang tin vui đến cho mọi nhà.

*Tôi đang làm một con chim giữa đời*
*cất tiếng hát để đánh thức bình minh*
*những tiếng hát ngắn một giây đồng hồ*
*nhưng dài bằng cả cuộc đời.*
(Cất Tiếng Hát Giữa Đời)

Nhưng cuộc sống đâu có là những phút giây êm đềm, bình lặng. Đến một lúc nào đó, anh đã phải thất vọng khi lần lần nhìn ra được cái mặt trái của cuộc đời, nhìn ra được những chiếc mặt nạ giả trá che đậy những tâm địa nhỏ nhen, hèn mọn, những thói tật tham lam, ích kỷ... của người đời. Đến một lúc nào đó, những sợi dây đàn đã cứa vào những đầu ngón tay anh, làm nhức buốt trái tim anh.

*Nhưng, nhưng cuộc đời khốn nạn*
*đã giết chết trong tôi những tình yêu đầu...*
(Tôi Muốn Tin, Tôi Muốn Yêu Cuộc Đời)

Nhạc của anh đã bắt đầu có những lời nguyền rủa. Thật tội nghiệp cho anh, anh thiết tha, háo hức yêu cuộc đời. Vì yêu cuộc đời, yêu cái đẹp, nên anh cũng thù ghét cái xấu, thù ghét những trò chơi gian lận. Những cái tồi tệ, xấu xa ấy từ đâu tới làm ô nhiễm không khí những bài tình ca của anh. Những bài tình ca không chống chọi nổi những xâm phạm thô bạo đó. Anh cảm thấy mình gần như bất lực. "*Tôi đã cất lời ca và cảm thấy từ trong xương tủy mình sự vô ích của những lời ca đó.* [4] " Anh đau xót, phẫn nộ vì những bài tình ca đã bị dập tắt một cách phũ phàng. Và nhạc của anh bắt đầu có những chuyển hướng từ lúc đó. Không thể tiếp tục viết mãi, hát mãi những lời ngợi ca tình yêu, nhạc của anh bây giờ còn hướng tới những mục tiêu khác nữa. Anh lên án, vạch mặt, chỉ tên những kẻ phá hoại đã làm vấy mực những bản tình ca của anh, làm vẩn đục tình yêu của loài người.

*"Chúng tôi đã hát về tình yêu, về những con rối, về những trò chơi, về những danh từ, về những giáo điều, về sự tin tưởng và sự mất tin tưởng...* [5] "

Không chỉ viết về tình yêu, anh còn viết về những thảm trạng của của cuộc sống,

*"Những bài hát tôi gởi đến các bạn hôm nay, không phải là những bài tình ca, nhưng dứt khoát nó không phải là những ca khúc chính trị, nó trình bày cho chúng ta thấy vì sao mà chúng ta đã không có tình yêu trong cuộc sống, vì sao mà những bài tình ca của chúng ta lại bị dập tắt một cách phũ phàng như vậy.* [5] "

Tình yêu trong cuộc sống, cũng vẫn còn đấy chứ. Và những bài tình ca, đâu có dễ gì dập tắt được. Anh vẫn chưa mất tin tưởng. Vậy thì tình ca LUP bây giờ ở đâu?

*"Ở đâu không có những âm thanh chói tai của chính trị, của giả ngụy, của tham vọng con người..., ở đó có tình ca. Ở đâu không có cái không khí của sự lọc lừa, sự phản bội, sự vị kỷ..., ở đó có tình ca.* [5] "

Anh kêu gọi sự thức tỉnh của lương tri, anh kêu đòi phải trả lại những gì đã bị tước đoạt mất, "*Hãy cứu lấy con tim của ta. Hãy trả lại cho những bài tình ca cái không khí trong lành của nó.* [5] " Anh cũng bày tỏ lòng biết ơn về những "*ân sủng của cuộc đời mà chúng tôi đã đón nhận được từ những niềm vui, những nỗi buồn, những ước mơ, và những hối tiếc không bao giờ nguôi.* [6] "

Những ước mơ và những hối tiếc luôn luôn đến cùng một lúc.

*...Ta mơ về một quê hương xa*
*Ta mơ đến một quê hương gần*
*Nằm ngủ trong nấm mồ*
*Ta mơ về những gì đã mất*
*Và nước mắt lưng tròng...*
(Những Giấc Mơ Trong Cuộc Đời)

LUP có từ bỏ những bài tình ca? Không đời nào. Anh vẫn còn tiếp tục viết đấy chứ? Chắc chắn là như vậy. Vì đó là hơi thở, là hương vị ngọt ngào của đời sống, như anh vẫn nói:

*"Tôi đã viết rất nhiều tình ca và tôi yêu tất cả những bài tình ca đã từng có trên trái đất này, nó như những dòng nước trong, nó chính là hy vọng của chúng ta, nó chính là ước mơ của chúng ta trong cuộc sống.* [7] "

Thế nhưng những bài tình ca của anh bây giờ đã khác trước, đã mang những âm hưởng khác, đã rẽ sang một hướng khác, đã không còn là những bài tình ca một thời làm mê đắm lòng người. Đã hết rồi những mùa vui, những bầu trời trăng sao, những dòng suối trong vắt. Anh viết:

*"Nếu trước đây những bài tình ca của tôi được viết từ phía này, phía của dòng nước trong; giờ đây những bài tình ca của tôi được viết từ phía kia, phía của dòng nước đục. Nếu trước đây tôi đã viết về*

*hy vọng, thì giờ đây là thất vọng. Nếu trước đây tôi đã viết về những ước mơ, thì giờ đây là một thực tại. Nếu trước đây tôi đã viết về tình yêu, thì giờ đây là sự thù ghét... [7]"*

Anh đã viết về những ước mơ. Ước mơ của LUP, đó là những gì vậy?

"*Tôi đã mơ đến một chân trời mở ra bất tận, tôi đã mơ đến những hải đảo, đến những dòng sông, đến những thành phố lạ tràn ngập ánh đèn, tôi đã mơ đến những bài hát sẽ được bay xa, bay xa mãi, tôi đã mơ đến những nụ cười thân ái không xen lẫn một chút nghi kỵ, sợ hãi nào; tôi đã mơ đến một tình người thật ấm áp không pha trộn những tranh chấp hèn mọn nào của cuộc sống; tôi đã mơ đến một cuộc sống không bị khô héo vì những độc dược của chủ nghĩa, vì những đeo đuổi mỏi mòn theo cơm áo. Chúng tôi đã mơ, đã mơ, và chúng tôi đã hát, đã hát. [6]"*

Anh đã hát về những ước mơ ngậm ngùi, "*hát về những ước mơ đã từng có trong quá khứ, những gì thuộc về quá khứ và đã từng sụp đổ ở trong quá khứ. [3]"*

Dẫu sao, còn ước mơ là còn tiếng hát. Trái tim LUP là trái tim biết yêu, biết ghét, biết cảm phục, biết khinh mạn. "*Tôi muốn hát mãi những bài tình ca, vì thế mà tôi đã viết những ca khúc này..., [5]"* anh nói khi giải thích về sự ra đời của những ca khúc đó. Những ca khúc nào vậy? Hãy nghe thử một đoạn:

*Tôi đã ghét những tên nịnh thần bằng bông nhồi*
*Tôi đã cảm phục những người hùng bằng gỗ lim*
*Tôi đã yêu những tình nhân không trái tim*
*Vì tôi đã biết*
*Chính hắn đứng sau hậu trường*
*Với mười sợi dây trên mười đầu móng tay nhọn*
*Như phù thủy đã tạo nên mọi thảm kịch của cuộc đời."*
(Tôi Đã Nhìn Thấy Trong Trò Múa Rối)

Viết lên được những dòng nhạc mới này, hát lên được những giai điệu mới này, anh thấy lòng mình yên ổn hơn, gắn bó với thực tại hơn, gần gũi với cuộc sống hơn, dòng máu chảy trong anh như được hòa nhập vào dòng máu nóng của đồng loại.

"*Chúng tôi đã hát, và đã lắng nghe từ trong trái tim mình nhịp đập của trái tim đồng loại, trái tim của những con người đã bị thử thách quá nhiều bởi mọi nỗi thống khổ của quả địa cầu... Chúng tôi đã hát, và đã cảm nhận trong từng mạch máu mình sự luân lưu của máu đồng loại, dòng máu của những con người luôn luôn bị xô đẩy trong cuộc sống và đã gục chết như cỏ cây. [8]"*

Trong những ca khúc LUP đã viết, có những ca khúc bộc phát từ tấm lòng thương yêu trẻ thơ, từ nỗi ước mong dựng lên được tấm lá chắn để che chở cho những khối óc non nớt, những tâm hồn trong trắng không bị vấy bùn vì những thói xấu xa, những trò chơi kém lương thiện của người lớn.

*"Này em bé ơi! Này em bé ơi!*
*Đừng nghe chúng tôi chơi trò chính trị*
*Hãy đi rong chơi, đi đây đi đó*
*Hãy xếp chiếc thuyền*
*Tìm soi hang dế, hay chơi bắn bi...*
*Ngày sau khi lớn lên, em sẽ biết rằng con người lầm lạc biết bao."*

(Này Em Bé Ơi)

Về phía người nghe, về phía khán giả, thái độ họ ra sao, phản ứng họ thế nào đối với những ca khúc mới, đối với sự chuyển hướng sáng tác của anh. Liệu họ có đáp nhận những thông điệp anh gửi gấm đến cho ho. Liệu họ có chia sẻ với anh được chút nào. Những ca khúc anh viết sau này có lôi cuốn được họ, có được họ yêu thích như đã từng yêu thích những ca khúc của anh trước đây. Kết quả có lẽ không mấy khả quan. Tôi sẽ tỏ dấu ngờ vực nếu có ai đó nói rằng những ca khúc mới của anh được giới thưởng ngoạn đón nhận và tán thưởng nồng nhiệt. Dường như chưa có một tín hiệu rõ rệt nào như vậy. Khán giả như ngỡ ngàng khi đứng trước một LUP có vẻ mới mẻ, lạ lùng. Và LUP, anh cũng nhận biết được điều này, cũng tiên liệu được chuyện này. Anh tự hỏi: "*... Có phải vì thế mà những bài ca của tôi đã trở thành xa lạ với khán giả của mình không?* [7] " Bằng một giác quan tinh tế, bén nhạy, anh nhận ngay ra là:

*"Có một khoảng yên lặng khá lâu giữa nốt cuối cùng của bài hát và tiếng vỗ tay của khán giả. Khoảng yên lặng đó thật là lạ lùng. Khán giả đã không đánh giá được những gì họ nghe thấy. Mọi sự kỳ lạ quá. Đó là những ca khúc sao? Khán giả đã không thấy một điều gì cả, không cảm một điều gì cả.* [7] "

Họ có lắng nghe anh nhưng không chắc là đã hiểu được anh. Những tiếng vỗ tay (phát xuất từ lòng yêu mến anh) sau "khoảng yên lặng khá lâu" đó có thể được hiểu như là "chúng tôi không hiểu rõ lắm, nhưng chắc là phải... hay". Khán giả "không cảm một điều gì cả", nhưng LUP thì lại cảm thấy rõ ràng "*có một cái gì rất khác lạ đã dội lại chúng tôi từ phía của những người nghe, không phải là một sự phản đối, không phải là một sự hưởng ứng, cũng không phải là một sự thông cảm, hình như đó là một sự ngỡ ngàng, ngỡ ngàng vì những điều*

*đã được trình bày"* [7].

Những ca khúc của LUP sau này ít được phổ biến rộng rãi, ít gặt hái được sự thành công, hiểu theo nghĩa ít được sự tán thưởng về phía người nghe so với những ca khúc thuở trước. Tôi nhớ có lần đọc được một bài báo nào đó tường thuật một buổi trình diễn của LUP, có đông người xem. Lần đó anh có giới thiệu những ca khúc mới của mình. Khán giả có chăm chú nghe nhưng có vẻ không mấy hứng thú, tiếng vỗ tay rời rạc. Họ chờ đợi một điều gì khác hơn. Chỉ đến lúc Lê Uyên và anh trình bày lại những tình khúc quen thuộc ngày trước, những tràng pháo tay mới nổi lên giòn giã... Đó vẫn là những gì họ chờ đợi, vẫn là những gì họ muốn nghe lại, vẫn là "*theo em xuống phố trưa mai, khi còn nhức mỏi đôi vai...*" Với họ, đó mới là LUP. Khán giả của LUP ở đâu? Nhạc của anh hầu như có một đối tượng khán giả nhất định, và đối tượng khán giả này hầu như ít muốn có sự thay đổi. Dường như vẫn còn một khoảng cách, một tấm màn nào đó ngăn cách những ca khúc mới của LUP và những người nghe nhạc anh. Dường như mọi người vẫn chưa thực sự hiểu được anh, hoặc anh vẫn chưa làm cho mọi người hiểu được mình. LUP, anh có những lúc thật cô đơn đến tội nghiệp.

Trái tim LUP như những sợi dây đàn, như những phím đàn nhạy cảm, chỉ cần chạm nhẹ đến là đã rung lên những nốt nhạc thảng thốt. Trên những trang sách của anh, rất dễ nhận ra những biểu hiện của một tấm lòng nhân ái, một trái tim nhân hậu. Thử đọc một đoạn anh viết:

*"Tôi đã xúc động đến chảy nước mắt khi thấy và nghe một cô gái ôm cây đàn guitare đứng hát giữa công viên Central Park của New York, bên cạnh chiếc thùng đàn mở ra, trong đó có những đồng tiền lẻ của những người đứng nghe vây quanh bỏ vào sau mỗi bài hát... Lúc đó tôi đã nghĩ đến tôi qua hình ảnh của người con gái đó. Tôi không biết được đích xác những gì đã đến với tôi lúc bấy giờ, nhưng tôi đã thực sự xúc động.* [4]"

Nếu LUP biết được rằng, chỉ ít năm sau khi anh viết những dòng chữ này, những khán giả của anh cũng "đã thực sự xúc động" đến chảy nước mắt khi trông thấy Lê Uyên xuất hiện trên sân khấu với chiếc áo dài mầu đen tuyền, đứng hát một mình với một màn hình lớn ở phía sau chiếu rọi lại hình ảnh Phương ôm đàn cùng hát chung với nàng ở một buổi trình diễn nào đó của hai người vào lúc anh còn sống. Vì anh không còn nữa nên người ta phải tìm cách vá víu, lắp ghép cái màn hình giả tạo đó để làm tái hiện trước mắt khán giả hình ảnh quen thuộc của đôi nghệ sĩ vẫn thường hát chung với nhau những

ca khúc từng được mọi người yêu thích. Những ca khúc cần có hai người. Lê Uyên đã phải mượn đến hình ảnh Phương trên màn ảnh video như mượn đến cây gậy để vịn vào đó mà đứng dậy, như mượn một hình nhân giả cho nàng tựa vào đó để có thể đứng vững, để có thể gượng dậy mà đứng hát một mình được. Bi thiết đến mức đó sao. Cái hình ảnh người nữ ca sĩ đứng hát một mình đó sao mà tội nghiệp đến vậy. *"Sàigòn bây giờ cúi mặt xa nhau..."* Bài hát về Sài Gòn đó thực ra cũng không có gì đặc biệt lắm trong số nhiều bài hát nói về Sài Gòn ( về những nỗi nhớ nhung, tiếc thương, chia lìa...), nhưng tiếng hát của Lê Uyên quả tình đã gây xúc động. Bài hát thực sự có ý nghĩa gì hay chỉ để nhắc nhở những kỷ niệm. Hát *khi xa Saigon.* Hát khi vĩnh biệt LUP. Tôi đã nhìn thấy những giọt nước mắt của khán giả. Thực tình, khán giả đâu có nghe Lê Uyên hát, người ta chỉ nghe thấy những tiếng nấc, không phải là tiếng hát. Có thể là khán giả cũng "không biết được đích xác những gì đã đến với họ lúc bấy giờ, nhưng họ đã thực sự xúc động".

Và tôi, người khán giả đêm ấy, bên cạnh nỗi xúc động, còn cảm thấy có chút gì bất nhẫn, lẫn chút gì khó chịu. Tại sao người ta lại cố tình dàn dựng như vậy? Tại sao người ta lại muốn nàng phải làm như vậy? Liệu có thực sự cần thiết phải làm như vậy? Để làm gì chứ, để gợi lại nỗi tiếc thương, để cố ý làm mủi lòng người xem chăng. Người sống hát chung với người chết. Cái xảo thuật máy móc đó thật kỳ cục, và chỉ là một sự chắp vá khập khiễng, què quặt. Có lẽ không ít người có cùng một cảm giác nặng nề như tôi vào lúc đó.

Không có Phương, tiếng hát Lê Uyên chỉ còn là tiếng hát một nửa, và chỉ khiến người nghe càng thêm nhớ LUP. Một nửa tiếng hát thì không là gì cả. Không phải là LUP. Nếu không còn những tiếng hát đan quyện vào nhau, quấn quýt với nhau, đeo bám lấy nhau, đâu có còn là tiếng hát LUP.

"Trước và sau, LUP vẫn là người duy nhất không ai thay thế được". Khi nghe những lời bộc bạch của Lê Uyên cùng khán giả sau bài hát đó, tôi không nghĩ rằng đấy là câu nói tự nhiên, bình thường... Tôi có cảm tưởng chị muốn phân giải điều gì đó với mọi người... Tôi cũng tự hỏi không rõ chị có nói cho Phương biết điều này khi anh còn sống. Không rõ Phương có nghe được những lời này trước khi anh lìa đời. Nếu có, thật may mắn cho anh. Nếu không, quả là điều chua xót. Nghe đâu đời sống tình cảm của anh cũng ít được suông sẻ (dường như anh cũng có nhìn nhận đâu đó trong một bài phỏng vấn). Có phải vì vậy mà trong những tình khúc của anh thường chất chứa những nỗi giằng xé, dằn vặt, dày vò... Có phải vì thế mà trong cuốn sách của anh

vẫn có những trang viết về bộ mặt khác của tình yêu: sự nhàm chán, sự dối trá, những tham vọng, những lầm lạc...

Hãy đọc thử một vài định nghĩa của LUP về tình yêu, về thiên đường, địa ngục qua một mẩu đối thoại giữa người cha và đứa con:

*"Địa ngục? Đó là cái gì vậy?"*

*"Địa ngục là nơi của sự dối trá, sự đối phó, sự bất an, sự sợ hãi, sự ghen tức, sự đau đớn, sự buộc tội, sự cay nghiệt..., là tất cả mọi điều mà con người muốn thoát khỏi mà không bao giờ thoát được."*

*"Còn thiên đàng?"*

*"Hiểu theo một nghĩa rộng rãi, đó chính là tình yêu."*

*"Tình yêu là một dòng nước trong sau khi đã được gạn lọc mọi rác rến, bùn đất lẫn lộn trong đó.* [8] *"*

Định nghĩa tình yêu theo cách đó, anh vẫn luôn luôn vỗ về, dặn dò với lòng mình hãy yêu thương thật nhiều, hãy cho đi thật nhiều, hãy nâng niu chút hạnh phúc hiếm hoi trong những ngày còn sống trên cõi nhân gian đầy hệ lụy này.

*... Khóc nhau trong cuộc đời*
*Giấc mơ xưa khăn phủ vành sô.*
*Có yêu nhau ngọt ngào tìm nhau*
*Chết bên nhau thật là hồn nhiên.*
*... Sống cho nhau mặn nồng*
*vì ta không còn cho nhau tiếng cười*
*không còn nhớ bóng dáng người tình ấp ôm*
*đến khi lìa cõi đời gắt gao...*
*Sống cho nhau nụ cười...*
*vì biết sẽ có ngày nhìn thấy nhau mắt môi lạnh mất rồi*
(Yêu Nhau Trong Phận Người)

Lời nhạc như những lời trăn trối, dặn dò. Cái chết như đã được chuẩn bị. LUP suy nghĩ về cái chết, về những gì mỗi người sẽ mang theo trong phút giây lìa bỏ cõi đời. Anh đã viết ra những suy nghĩ ấy:

*"... Cứ mỗi lần đi dự một đám táng nào, đến lúc người ta bắt đầu ném những viên đất đầu tiên lên nắp quan tài nằm sâu dưới đáy huyệt, bao giờ cũng thế, tôi không thể nào tránh được cái ý nghĩ là ở trong đó, trong chiếc quan tài đó, đang có một cây đàn được chôn theo cùng với người quá cố.* [9] *"*

Tôi tự hỏi không rõ là trong đám táng của LUP, người ta có nhớ chôn theo cây đàn của anh cùng với anh trong chiếc quan tài đó hay không. Anh chỉ mong có vậy. Nếu không có cây đàn đó, thì thật là

điều đáng tiếc. Anh sẽ cô đơn biết chừng nào. Và tôi vẫn nghĩ, cuối cùng có lẽ cũng chẳng có gì gần gũi với anh hơn, thân thiết với anh hơn là cây đàn đó. Cây đàn đã luôn luôn ở bên cạnh anh, bầu bạn cùng anh trong những tháng năm tươi đẹp, suốt những thời kỳ khốn khó, đã chia sớt cùng anh những niềm vui, nỗi buồn, những hạnh phúc, khổ đau. Chỉ có cây đàn đó mới thực sự là người bạn đồng hành thân thiết nhất, thủy chung nhất đáng được anh mang theo trong những giây phút cuối của cuộc đời.

Tôi nhớ trước đây có lần một người bạn hỏi tôi nhận xét thế nào về con người LUP, tôi đã trả lời: "Tay này có nội lực." Và đến bây giờ, đọc lại những gì anh viết, tôi càng tin là quả có một nội lực mạnh mẽ tiềm ẩn trong anh, trong cái dáng vẻ khiêm tốn, trong giọng nói nhỏ nhẹ, trong nụ cười hiền lành và trong ánh mắt đăm chiêu chứa đầy những sức sống mơ hồ. Anh mất đi ở cái tuổi vẫn còn gọi là trẻ đối với sức sáng tác của một nghệ sĩ, trong lúc nội lực vẫn còn sung mãn, tiềm tàng... Những ca khúc của anh đã đi vào lòng người, và đã ở lại lâu dài trong lòng người. Người nhạc sĩ nào có lẽ cũng chỉ mong đến được như vậy. Cái mất mát, thiệt thòi lớn nhất là từ nay người ta không còn được nghe anh hát nữa. Không còn tiếng hát LUP. Vì nghe nhạc LUP là phải nghe chính anh, phải nghe bằng giọng hát của chính người nhạc sĩ đã viết nên những ca khúc ấy.

Tôi viết bài này khi cái chết của anh đã tạm lắng xuống. Giờ này, linh hồn anh chắc đã bay về lại quê hương cũ, về lại thành phố "đầy mây trắng và sương mù", thành phố đầy ắp những kỷ niệm mà anh đã luôn ước ao được một lần nhìn ngắm lại bầu trời, nhìn ngắm lại từng cụm mây trắng lững lờ bay. Thành phố suốt đời mây bay đó, chứ không phải là thành phố Los Angeles hay bất cứ thành phố nào khác trên đất nước mà anh đã tạm sống trong những năm rời xa quê hương. Tâm hồn LUP là tâm hồn nặng trĩu những hồi tưởng, nặng trĩu những hoài niệm quá khứ, trái tim LUP là trái tim luôn háo hức tìm về một quê hương xa vời, có con sông xưa, có thành phố cũ.

Lê uyên Phương, chàng nghệ sĩ "ôm đàn tới giữa đời". Anh đã tạt ngang qua cuộc đời này, đã bất ngờ biến mất khỏi cuộc đời này, đã từng tham dự vào những trò chơi tốt xấu, vui buồn lẫn lộn, đã rong chơi đây đó, đã có những năm sống sôi nổi, đã có những hạnh phúc ngắn ngủi, đã luôn luôn chống chọi với những cái xấu, luôn luôn khát khao làm được điều gì có ý nghĩa cho đời sống. Cùng với cây đàn đó, anh đã góp mặt với cuộc đời, đã cất lên tiếng hát ca ngợi thương yêu. Trong những năm sống đó, dẫu có lúc phải đối đầu với những nghiệt ngã, những chua xót đắng cay, anh vẫn luôn giữ thái độ thản nhiên,

vẫn cứ dửng dưng, chấp nhận, vẫn cứ ngồi ngất ngưởng "*trên lưng cuộc đời, thách đố thương đau*". Thách đố thương đau, đó là LUP, là thái độ nhìn thẳng vào cuộc sống, đương đầu mọi thử thách, thách thức với số phận. Trên những dòng nhạc của anh, trên những trang viết của anh, chúng ta nghe được những nốt nhạc, đọc được những dòng chữ chứa chan tình yêu, ấm áp tình người, phát xuất từ một trái tim nhân ái, một tấm lòng nhân hậu, khoan dung và độ lượng.

Lê uyên Phương, anh là một nghệ sĩ đích thực.

LÊ HỮU NGHỊ

1 *Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles*, truyện
2 *Âm Nhạc Từ Thiên Đường*, truyện
3 *Cha, Con và Biển*, truyện
4 *Ở New York*, tùy bút
5 *Ca Khúc Của Những Tình Ca*, tùy bút
6 *Hát Trong Quán Cà Phê*, tùy bút
7 *Trên Những Biên Giới*, tùy bút
8 *Ở Tây Bá Linh*, tùy bút
9 *Tuổi Nhỏ, Những Cây Đàn Và Đà Lạt*, tùy bút



**PHẠM TRỌNG LUẬT**

# "Thả truyện"



Tôi nghe nói đến trò chơi này lần đầu tiên ở Caen. Họ là một nhóm bạn thích vui đùa, mỗi khi có khách từ xa đến - lần đó là Trân Sa và Nguyễn Thị Ngọc Nhung - thường vẽ vời kéo nhau xuống nhà Mai Ninhá: có nắng, có gió, có biển, có cả rượu ngon và lòng quý bạn của gia chủ. Đó là cái duyên của trò chơi. Còn cái nhân của nó thì dường như đã được gieo cấy từ những dự tính cùng viết với nhau một truyện ngắn giữa đôi ba người (Trần Vũ - Trân Sa, rồi Trần Vũ - Mai Ninh - Nam Dao) để rồi cuối cùng gặt lấy một trò chơi, khi cái ỏõhội kínõõ lúc đầu cũng vỡ thành nhóm bạn văn nghệ.

Nghe Trần Vũ bầy trò, rủ rê cùng ỏõbiến tấuõõ trên một cốt truyện chung, ai cũng cười, rồi nhao nhao. *Người ta sẽ nói mình lắm trò khỉ. Nhiều bó buộc thế, chỉ sợ truyện nào cũng giống truyện nào. Ai mà đăng một lúc từng ấy truyện, quẩn quanh trên một ... chuyện ? Nhưng mà Vũ đừng kể truyện Vũ sắp viết, nó sẽ ảnh hưởng lên người khác.* Nói chung, không hẳn là hờ hững mà cũng chẳng phải chịu chơi. Trên đường về, cả bọn ghé Rouen theo lời mời của Trọng và Phan Thị Trọng Tuyến. Ở đây, kẻ bầy trò mộ được một số tay chơi, song như thể chưa đủ gò bó, trò chơi lại cõng thêm một câu mở đầu bắt buộc : *Nhà xoay lưng* ... của Phan Nguyên.

Tôi chỉ là một độc giả thuộc hạng lười, thỉnh thoảng viết truyền đơn, lạc vào đây nhờ tháp tùng một người ỏõthích kể chuyệnõõ (không họ hàng, bà con gì với Thích Ca, dù cũng rất thích hát). Thú thật, khi nghe mọi người bàn bạc, bất giác tôi nghĩ đến hai tròá: trò viết *luận văn* ngày bé và, một cách mơ hồ nhưng dai dẳng hơn, trò *thả thơ* của các cụ thuở nào mà Nguyễn Tuân còn nhắc lại trong *Vang bóng một thời.*

*

Thật khó lòng mà không nghĩ đến chuyện làm ỏõluận vănõõá! Ngoài nét giống nhau về hình thức, tôi vừa đọc trong HLá: một nữ văn hào nào đó ở Việt Nam đã đánh giá một nhà văn nữ ở hải ngoại *chỉ thuộc vào tầng lớp viết như là mới vào nghề*. Khi các em sinh viên trong nước *viết rất trơn tru bởi vì có học hành tử tế* (HL, số 53, t. 135), thì bây giờ giới cầm bút định cư ở nước ngoài, dù chỉ là nghiệp dư (chẳng ai sống nổi nhờ tác phẩm của mình cả), cũng phải bắt đầu tập tành viết lách sao cho sạch nước cản. Câu văn từ nay phải có ỏõchủ từ, động từ, túc từõõ đàng hoàng, và phải chấm câu đúng chỗá!

Chuyện liên tưởng đến *thả thơ* ít hiển nhiên hơn. Ở vào cái thời mà văn chương còn được giao phó cho một sứ mệnh nào đó, người ta tạo ra nhiều trò chơi chữ nghĩa, như thể cần lập lại một thế quân bình. Ngày nay, khi văn chương dường như chỉ còn là một ỏõtrò chơi ngôn ngữõõ (*language game*) không hơn không kém, thì các trò chơi cũ cũng biến mất.áNhư thể là đã có một trò chơi lớn với ngay chính bản thân văn chương rồi, thì chẳng còn lý do gì để tha thiết với nhữngỏõtrò vặtõõ trước kia.

Song loại đầu óc phản tiến hoá như tôi thì lúc nào mà chẳng đầy nuối tiếcá? Cho nên tôi lạm gọi trò chơi này là *thả truyện*. Nó có dáng dấp như thả thơ, nhưng cũng rất khác. Nó không phải là chuyện bài bạc đỏ đen, dù với chữ nghĩa. Nó không mời gọi trí nhớ quay về với cổ thi, điển tích, mà khiêu khích óc tưởng tượng mở vào cuộc sống hàng ngày với tất cả tự do, hoàn toàn không kiêng một vấn đề hay kỵ một bút pháp nào cả.

Điều khá thú vị là, nói chung, những người tham dự đã chơi một cách rất nghiêm chỉnh: hỏi han nhau thường xuyên đã viết được đến đâu, tôn trọng thời hạn nộp bài (dù sau đó còn sửa đi chữa lại nhiều lầná: bản 2, bản 3, rồi bản cuối... cho đến khi báo sắp lên khuôn) và có vẻ cũng sốt ruột chờ ngày trình làng, đợi phản ứng của độc giả.

*

Bây giờ đọc xong 12 truyện ngắn trong Hợp Lưu, không biết các tác giả và độc giả khác nghĩ sao. Riêng trong tư thế của người đã theo dõi cuộc chơi với khá nhiều cảm tình, thật tình tôi không thất vọng, tuy biết rằng đối với người chủ trương, hoa trái còn chưa đủ thơm ngọt như trông đợi. Tất nhiên, vụ mùa  còn có thể khả quan hơn, nếu loạt truyện không bị nhiều hạn chế.

Và giới hạn không đến từ đề tài - dù chẳng ai thích sáng tác theo chủ đề hết cả. Ngược lại, có thể đây là một chủ đề hay. Bởi vì *sống gửi, thác về*. Ngoài một kinh nghiệm mà có thể ai cũng đã trải qua,˜*một hành động tiểu thuyết*, thuê nhà còn là *chuyện ở trọ bên trong một kiếp sống trọ*. Một sự đồng dạng về nhân sinh có nhiều khả năng gợi hứng. Một đề tài khác, không gần gũi thân thiết bằng, chắc đâu chẳng làm người viết e ngại, phân vân hơná?

Trở ngại lớn nhất cho mỗi tác giả chính là những luật chơi. Trò chơi có hẳn một cái sườn truyện, và bộ cốt này tự nó đã là một câu chuyện còn để ngỏ. Đối chiếu với thả thơ, nó tương đương với cả câu thơ cổ đã bị cắt mất một từ để thay bằng *chữ vòng*. Không có gì đáng ngạc nhiên, nếu sáng tác được nhiều người chú ý nhất là một truyện ngắn trong đó tác giả đã *xoay lưng* hẳn lại với luật lệ quy định, và các tác phẩm bị xem là thiếu hấp dẫn phần lớn thuộc vào loại truyện đã theo sát cái bộ sườn khắc nghiệt này hơn cả.

Chỗ yếu của loại truyện *trúng cách* nói trên còn bị phóng to hơn nữa, khi đăng tập trung trong cùng một số báo, với lời dẫn nhập lộ trước sườn truyện. Điều kiện cần thiết để có thể thưởng thức thật sự 12 truyện ngắn rất khác nhau trong tình tiết này, do đó, là sự chấp nhận những gò bó của mọi trò chơi. Bằng không, người đọc khó tránh được cái cảm tưởng là đã đọc ở đâu rồi, dù các tác giả đều vận dụng rất công phu khả năng tưởng tượng của mình hầu tránh sự trùng lặp. Độc giả nào chưa bắt đầu, có lẽ chỉ nên đọc loạt truyện này thật thong thả trong nhiều ngày.

Tôi không dám đánh giá các tác phẩm đã đăng, và thường tự hỏi về vị trí của loại truyện *thả* này trong sự nghiệp văn chương của mỗi tác giả. Đấy là phần việc của nhà phê bình cao tay hơn, nó đòi hỏi sự theo dõi tác phẩm của mỗi cây bút. Dù sao, tôi cảm nhận rằng không ít người đã đặt rất nhiều tâm tư vào truyện. Và nếu xem mỗi câu chuyện, mỗi tâm tư ấy tương đương với một ỗõchữ thảõõ trong câu thơ, thì trò chơi vẫn có mặt rất mở, rất phong phú của nó.

Tôi hy vọng là nhóm bạn này sẽ tiếp tục cuộc chơi. Ít ai thành

công lớn ngay từ thử nghiệm đầu, *coup d'essai, coup de maitre*. Có thể người chủ trương đã thất vọng vì đặt tiêu chuẩn quá cao. Tôi tin rằng phải sau nhiều đợt, trò *thả truyện* này mới chứng tỏ được khả năng của nó, trong việc góp phần ồõthắp lại ngọn lửa say mêõõ trong sáng tác, gìn giữ tiếng mẹ đẻ qua văn chương ở hải ngoại. Điều chắc chắn nhất hiện nay là các tay chơi càng thấy gắn bó với nhau hơn nữa, sau một thời gian cùng chia sẻ những bồn chồn, rạo rực của một cuộc chơi có thể không chỉ đơn thuần là trò giải trí.

Có lẽ cũng nên cải biến chút đỉnh. Có lẽ chỉ nên *thả đề* hay nếu lại *thả truyện* thì thả sao cho thoáng hơn, hoặc dưới một hình thức mới. Thả đề thì chỉ như làm luận ngày bé thôi. Và tôi còn nhớ là, trong khi bàn bạc, mọi người đều sờ gáy tự khâm phục mình còn sống sót sau từng ấy năm mài đũng quần làm luận văn trên ghế nhà trường. Tất nhiên, dù đề tài nào thì cũng chẳng hy vọng gì tìm lại được những tâm hồn trong suốt kiểu *nhà em có nuôi một ông nội* của tuổi dại, có chăng là những ám ảnh dai dẳng của một thế giới hỗn mang, những tâm tư quằn quại mà các tác giả đã phơi bày trong loạt truyện thuê nhà. Nhưng mà ít gò bó hơn thì chắc chắn cũng sẽ có nhiều hình thể, hương vị, màu sắc hơn.

Dù sao, từ nay cả thiên hạ đều biết rõ rằng không có tuổi để *học hành tử tế*. May ra nhờ thế mà còn hy vọng được một số văn hào khó tính trong nước chiếu cố, giữa hai tác phẩm dịch của ... Schlott Bronti và Rolls Royce.

PHẠM TRỌNG LUẬT
*01/09/2000*



**HOÀNG NGỌC-TUẤN**

# Minh giải về một số vấn đề chung quanh bài viết "Sáng chế tài liệu giả..."



**1. Tại sao tôi viết bài "Sáng chế tài liệu giả..."?**

Trước khi viết bài "Sáng chế tài liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại" (*Hợp Lưu* số 53, tr.19-44), tôi đã cảm thấy rằng có lẽ trong giới cầm bút của chúng ta không chắc đã có mấy ai chịu ngồi xuống để làm một việc như vậy. Lý do rất rõ ràng:

1. Một bài viết như vậy, trước hết, làm cho chính người viết phải mất rất nhiều thì giờ và sức khoẻ để truy lục, tra cứu và trình bày.

2. Công sức người viết bỏ ra rất dễ trở thành chỉ là "công dã tràng", vì những tác giả bị phê phán chỉ cần đơn giản xuất trình tài liệu gốc, là lập tức mọi sự đều có vẻ trở nên hết sức vô ích. Thậm chí, sau khi xuất trình tài liệu gốc, những tác giả bị phê phán còn có quyền mặc tình chê bai, nhiếc móc người viết.

3. Một bài viết như vậy lại còn có cơ nguy gây ra những sự bất bình, giận dữ từ nhiều người khác, nếu họ sẵn có cảm tình với những người bị phê phán, hoặc đã sẵn có những tỵ hiềm đối với người viết.

Nhìn thấy rõ như vậy, đáng lẽ tôi nên theo tâm lý thông

thường mà dẹp bỏ ý định, hoặc chuyển nó thành một trong những hình thức khác dễ dàng hơn, đỡ hao tổn tâm lực hơn (ví dụ: viết một bài nhẹ nhàng để nêu lên vài ba thắc mắc về xuất xứ của các trích dẫn đáng ngờ, v.v...). Thế mà, dù đã nhìn thấy rõ như vậy, tôi vẫn quyết định thực hiện bài viết theo cách đã thực hiện: một bài viết rất công phu trong việc làm, và rất dữ dội trong ngôn từ, mà không hề sợ bị phản ứng và chống đối. Tại sao vậy?

Trong mấy năm qua, đọc sách báo trong nước, tôi vẫn thường xuyên bắt gặp những hiện tượng hết sức "bệnh", đặc biệt trong việc trích dẫn tài liệu văn học quốc tế. Ví dụ: có tác giả đã lượm đâu đó một câu của Camus, rồi thản nhiên và tự tin nhét câu ấy vào mồm Sartre (vì tưởng đó là câu của Sartre), và cứ thế mà tán về Sartre; có tác giả mạnh dạn cho rằng theo nguồn gốc Hán tự, thì "Văn tức là Người", rồi say sưa viết tràng giang đại hải (mà không ngờ rằng câu ấy đến từ câu "le style c'est l'homme même" trong luận văn lừng danh "Discours sur le style" do Georges-Louis Leclerc De Buffon đọc tại Hàn Lâm Viện Pháp Quốc ngày 25 tháng 8, 1753); thậm chí có tác giả tự sáng chế một vài câu "danh ngôn" hay một vài giai thoại hấp dẫn về đời sống của một văn thi hào quốc tế nào đó, rồi tuồn vào bài viết của mình để vừa làm sang, vừa làm mạnh thêm cho luận điểm của mình, v.v... Điểm chung của những hiện tượng này là các tác giả hoàn toàn không ghi chú về xuất xứ của những điều họ "trích dẫn". Trong tình trạng đa số người đọc vẫn tin rằng việc ghi chú xuất xứ là rườm rà vô ích, những trò chơi "bệnh" như thế lại càng có điều kiện để ung dung xuất hiện và tồn tại. Đối với tôi, căn bệnh này phải được tuyệt trừ bằng những lời cảnh báo và phê phán nghiêm khắc.

Đã nhiều lần tôi định ngồi xuống, bỏ thì giờ để truy cứu và viết một bài cảnh báo về những hiện tượng như thế, nhưng rồi tôi lại gạt bỏ ý định, vì quá bận bịu.

Tuy nhiên, khi tình cờ phát hiện những sơ suất trầm trọng trong bài viết của hai ông Hoàng Ngọc Hiến (HNH) và Lê Đạt (LĐ), dù không thể nắm chắc là các tác giả ấy đã thực sự "sáng chế tài liệu giả" hay không, tôi vẫn thấy đây là cơ hội để tôi viết một bài cảnh báo. Dù đã nhìn thấy rằng công trình của mình rất dễ bị phản công nếu các tác giả thực sự có tài liệu gốc, tôi vẫn nhất định thực hiện ngay, vì những ý nghĩ sau:

1. Lúc ấy, trên *Hợp Lưu* đang nổ ra cuộc tranh luận về "chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam", mà bài viết của ông HNH lại chính là một văn bản trong cuộc tranh luận đó. Vì thế, tôi tin rằng cuộc tranh luận là bối cảnh thích hợp cho việc công bố một bài viết về

hành động sáng chế tài liệu giả như một hiện tượng phản trí thức.

2. Tôi không sợ bị "hớ", vì tôi nhìn thấy rằng những điều tôi phê phán là có cơ sở. Dù cho các tác giả liên hệ có thể xuất trình tài liệu gốc, thì cơ sở của những điều tôi phê phán vẫn còn giá trị, vì chí ít, các tác giả đã rõ ràng phạm lỗi kỹ thuật: hoặc họ đã không ghi xuất xứ, hoặc họ đã ghi nhầm xuất xứ, hoặc họ đã ít nhiều xuyên tạc thông tin từ tài liệu gốc. Trước những điều đó, tôi hoàn toàn có quyền lập nên một "phiên toà văn học", trong đó, các tác giả liên hệ trở thành "những nghi phạm" (suspects) và phải có nhiệm vụ tự minh giải bằng cách công bố xuất xứ các tài liệu khả nghi. Tôi tin tưởng rằng việc làm của tôi sẽ không phải là "công dã tràng", vì ít nhất tôi cũng nêu lên được tầm quan trọng của việc ghi chú cẩn thận về xuất xứ các trích dẫn và thái độ trung thành với tài liệu gốc. Làm được thế, tôi đã ít nhiều góp phần ngăn chặn tình trạng mạo hoá tài liệu.

3. Nếu đã thấy việc làm của mình là đúng, có cơ sở, và cần thiết, thì nhất định tôi phải làm, không tiếc công, và không sợ bị chống đối, dù biết trước rằng tất nhiên sẽ bị chống đối.

4. Nếu sau này các tác giả liên hệ có thể xuất trình tài liệu gốc và chứng minh rằng những điều tôi phê phán là không có cơ sở, tôi sẵn sàng cảm ơn và xin lỗi họ.

Hôm nay, hơn bốn tháng sau khi bài viết đã được tung ra và đã gây ít nhiều "shock", tôi muốn viết bài này để minh giải về một số điều chung quanh bài viết ấy, và cũng để trao đổi thêm với các tác giả liên hệ.

## 2. Về trường hợp ông Hoàng Ngọc Hiến

Tháng 4 năm 2000, khi đọc bài "Coi trọng trình độ văn hoá phải chăng là phản trí thức?" của ông Hoàng Ngọc Hiến (HNH) trên *Hợp Lưu* số 52, theo chủ kiến của mình, tôi nhìn thấy một vài điểm vô lý trong tài liệu Anh ngữ mà ông trích dẫn. Theo lời ghi chú của ông, tôi giở bộ CD *Microsoft Encarta Encylopedia 99* ra để tìm hiểu thêm, thì "tá hoả", vì tôi tuyệt đối không thể tìm thấy tài liệu ấy trong bộ CD này. Quá trình tôi đã bỏ công sức và thì giờ truy lục hết cả CD, rồi cẩn thận viết thư hỏi nhà xuất bản của bộ CD để xác nhận như thế nào, đã được tôi trình bày hết sức chi tiết trong bài "Sáng chế tài liệu giả...".

Đến nay, ông HNH đã công bố rằng ông ghi nhầm xuất xứ (đúng ra, ông phải ghi xuất xứ là *Encarta Encyclopedia 99 Deluxe Edition* hoặc *Encarta Encylopedia 98 British Edition*). Giá như ông đã cẩn

thận ghi đúng xuất xứ như thế, thì tôi đã chẳng có lý do gì để phải mất bao nhiêu thì giờ và sức khoẻ trong việc truy cứu, và bài viết "Sáng chế tài liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại" chắc vẫn chưa xuất hiện trên thế gian này.

Điều này cho thấy không những việc ghi xuất xứ tài liệu trích dẫn là rất cần thiết, mà ghi cho thật chính xác cũng cần thiết như vậy, vì trong thế giới bao la này, để truy cứu tài liệu không phải đơn giản như lục lọi một tủ sách gia đình. Tất nhiên đối với những người không màng đến xuất xứ và sự chính xác của tài liệu, thì điều này có nói cũng bằng thừa.

Ở trên, tôi có nói đến việc nhìn thấy một vài điểm vô lý trong tài liệu Anh ngữ mà ông HNH đã trích dẫn. Ở đây, tôi xin nêu ra hai điểm nhỏ (mà lại là quan trọng). Trong bài "Sáng chế tài liệu giả...", tôi đã viết:

[...] khi thấy ông Hoàng Ngọc Hiến nêu lên nhan đề tiểu mục *"XX Century: the Individuals and the Theories"*, thì tôi giật mình, vì tôi nghĩ rằng không có học giả Hoa Kỳ nào lại đặt nhan đề một tiểu mục vụng về như vậy. Vả lại, cách dùng chữ theo kiểu *"XX Century"* không phải là cách dùng chữ thường thấy trong giới nghiên cứu văn học Hoa Kỳ hiện nay.

Ngay sau đó, khi đọc đoạn văn do Hoàng Ngọc Hiến trích dẫn (và đặt vào giữa hai dấu ngoặc kép hẳn hoi) từ tiểu mục này, rằng: *"Phê bình văn học sáng giá thế kỷ 20 có thể chia thành hai nhóm. Một là: có một số cá nhân mà cách tiếp cận riêng theo cảm nghĩ cá nhân đối với văn học được chứng tỏ là có ảnh hưởng lâu dài.Hai là: có một số lý thuyết phê bình đã được triển khai, chúng cung cấp cho độc giả một bộ khái niệm để tiếp cận nghiên cứu văn học"*, tôi kinh ngạc cùng tột. Tôi không thể tưởng tượng một học giả Hoa Kỳ nào được giao trách nhiệm viết encyclopedia (dù là encyclopedia cho học sinh phổ thông) mà lại tệ đến thế.(tr.21-22)

Thật thế, bây giờ, sau khi ông HNH đã cho in lại nguyên văn tài liệu Anh ngữ, thì quả điều tôi nghi ngờ trên đây là có cơ sở. Trong nguyên văn tài liệu Anh ngữ, nhan đề của tiểu mục là *"The 20th Century: Individuals and Theories"* chứ không phải vụng về như là *"XX Century: the Individuals and the Theories"* (tiếng Anh như thế này thì quả là rất đáng ngờ). Cũng thế, trong nguyên văn tài liệu Anh ngữ, chúng ta thấy có câu: *"The valuable criticism of the 20th century,* ***can in turn****, be divided into two groups."* Và tất nhiên, câu này mang ý nghĩa khác hẳn với câu ông HNH đã trích và chuyển ngữ thành ra: *"Phê bình văn học sáng giá thế kỷ 20 có thể chia thành hai nhóm."* Xin ông HNH

lưu ý: ông đã dịch sót nhóm chữ "can in turn", mà nhóm chữ này lại mang ý nghĩa rất quan trọng. Hẳn ông cũng thấy câu *"The valuable criticism of the 20th century,* ***can in turn****, be divided into two groups"* khác hẳn về ý nghĩa so với câu *"The valuable criticism of the 20th century can be divided into two groups."* (Riêng về nội dung trong nguyên tác của tiểu mục "The 20th Century: Individuals and Theories", tôi vẫn cho rằng tác giả Hoa Kỳ hay Anh quốc nào đó đã phạm một số sai lầm nghiêm trọng về lý luận và kiến thức, và tôi nhất định sẽ tham vấn về điều này với một số chuyên gia văn học tôi quen biết ở Úc, và nếu họ cũng đồng ý với nhận định của tôi, tôi sẽ liên lạc với nhà xuất bản của CD ấy để trình bày với họ.)

Nhân đây, tôi xin trân trọng cảm ơn ông HNH đã công bố nguyên văn tài liệu Anh ngữ trong bài viết của ông dưới nhan đề "Trí thức là gì vậy?" (*Hợp Lưu* số 54, tr.5-13). Hơn thế nữa, tôi xin bày tỏ mối cảm kích của tôi riêng đối với cử chỉ trí thức của ông trong bài viết ấy vì ông đã có thể bình tĩnh đưa ra những nhận định khách quan về việc làm của tôi. Ông viết:

*"Tôi hoàn toàn tán thành thái độ nghiêm khắc của HNT kiên quyết chống lại những lời lẽ thiếu trung thực, không lương thiện trong nghiên cứu văn học."*(tr.6)

Và:

*"Ông HNT là người lớn tiếng cảnh báo với mọi người về hiểm họa của những sự giả mạo, những sự xuyên tạc trong văn học, không những đối với đời nay mà cả những thế hệ mai sau."*(tr.6)

Và:

*"Lời kết tội của HNT là có căn cứ."*(tr.6)

Đồng thời, ông HNH cũng đã thực hiện một cử chỉ đáng noi gương, đó là ông đã thẳng thắn thừa nhận rằng ông đã có "thiếu sót tai hại" (tr.6) trong việc ghi sót các chi tiết cần thiết về xuất xứ.

Tuy ông HNH đã thẳng thắn thừa nhận rằng ông đã có "thiếu sót tai hại" và nhận định rằng lời phê phán của tôi là "có căn cứ", tôi thành thật xin lỗi ông vì trong khi đưa ra những nghi án về bài viết của ông tôi đã sử dụng một số những từ ngữ quá trầm trọng như hệ quả sinh ra từ những nghi án ấy. Giờ đây, khi ông đã tự minh giải bằng cách công bố xuất xứ các tài liệu cần thiết và đã giải thích về những sơ suất của ông, tôi xin thành thật cảm ơn ông và xin hoàn toàn rút lại những từ ngữ ấy.

### 3. Về trường hợp ông Lê Đạt

Đầu tháng 12 năm 1999, khi ông Nguyễn Hưng Quốc (NHQ) chuyển đến tôi, qua email, bài "Hậu...từ" của ông Lê Đạt (LĐ), tôi đang hết sức bận rộn để hoàn tất bài viết của tôi cho *Việt* số 6 (vì khi ấy NHQ đã layout xong cả tờ báo, chỉ còn chờ bài viết của tôi). Nhận được bài viết ấy, tôi đọc lướt rất nhanh, chủ yếu xem người đánh máy có để sót lỗi chính tả hay không mà thôi. Đúng ra, tôi đọc lướt như thế, phần vì không có thì giờ, phần vì tôi tin rằng từ một cây bút như ông LĐ thì hẳn là bài viết ít nhiều phải có chất lượng (tôi hay đọc kỹ bài viết của những cộng tác viên mới để "edit", còn đối với những bài viết của những cây bút có uy tín, tôi lại thường để đó mà thong thả thưởng thức, và lắm khi đợi báo in ra xong, tôi mới đọc đến).

Sau khi đã viết xong bài của mình và gửi cho ông NHQ xếp trang và đem đi in, tôi cũng không có thì giờ để đọc lại bài của ông LĐ, vì tôi lại phải bù đầu đứng ra lo liệu bao nhiêu việc để tổ chức cuộc triển lãm và hoà nhạc "Giao Hưởng giữa Âm và Sắc" tại Casular Powerhouse Arts Centre cho kịp ngày mở màn 15/1/2000. Dạo ấy, lúc tạp chí *Việt* số 5 vừa in xong, tôi nhớ hình như có lần chuyện trò với Thường Quán (TQ) qua điện thoại, khi nói về nội dung số báo mới, tôi sực nhớ đến chữ "sida" trong bài viết của LĐ và tôi nói với TQ là chữ ấy có vấn đề. Tuy nhiên, tôi chỉ nêu lên thế thôi chứ cũng chưa tra cứu gì cẩn thận.

Đến đầu tháng 1, trong một ngày tạm thong thả, tôi mới có thì giờ thưởng thức trọn tờ *Việt* số 5, và mới bắt đầu nhận ra một số vấn đề khác trong bài viết của ông LĐ bên cạnh vấn đề chữ "sida". Tuy nhiên, dù nhận thấy như thế, tôi cũng vẫn không có ý định làm gì cả, mãi đến khi tôi gặp phải trường hợp bài viết của ông HNH (như đã trình bày ở trên).

Vào tháng 4 năm 2000, khi đang viết gần xong bản nháp về trường hợp của ông HNH, tôi nhớ lại trường hợp của ông LĐ. Tôi quyết định đem thêm trường hợp của ông LĐ vào bài viết của tôi vì tôi muốn bài viết của tôi mạnh thêm (nêu lên chỉ một trường hợp thì không hay bằng nêu thêm một trường hợp nữa, tôi nghĩ thế). Đó là lý do tại sao tôi phát hiện trường hợp ông LĐ trước, mà lại trình bày sau trường hợp ông HNH.

Đến nay, ông LĐ đã công bố xuất xứ những câu trích dẫn của ông (có cả nguyên văn Pháp ngữ) trong bài "Gửi anh Hoàng Ngọc Tuấn" (*Hợp Lưu* số 54, tr.14-17), tôi xin chân thành cảm ơn ông.

Quả thực, tôi có thiếu sót là đã chỉ chuyên chú truy tầm từ nguồn tài liệu Anh ngữ (vì Hemingway là người Mỹ viết tiếng Anh), nên không thể ngờ những điều ông LĐ trích dẫn là đến từ một tạp chí

Pháp ngữ. Tuy nhiên, nói cho đúng, nếu như tôi có sẵn tạp chí ấy trong tay, tôi vẫn có thể trách rằng ông LĐ đã có những sơ suất quan trọng.

Trước hết, làm sao tôi có thể ngờ ông đã "dịch đùa" nhóm chữ "une maladie incurable" thành "bệnh sida"? (Có nên dịch đùa như thế không? Có lẽ chúng ta nên bàn thêm về điều này.)

Kế đến, tôi cho rằng ông Lê Đạt viết câu sau đây là vô lý: *"Theo A.E. Hotchner, tác giả cuốn Bố Hemingway, nhà văn Hoa Kỳ nổi tiếng này không ưa Sartre về tội dài dòng, nhưng lại phục nhà triết học hiện sinh vì **đã** khước từ giải thưởng Nobel"*. Thì quả vậy, ngay trong tài liệu ông LĐ công bố, A.E. Hotchner viết rằng Hemingway đã phục Sartre vì Sartre *"avait eu **la prescience** de refuser le prix Nobel"* (đã có **tiên kiến** về việc từ chối giải Nobel). Ngay cả trong bản dịch của ông Dương Tường, chữ "la prescience" (tiên kiến, sự tiên liệu, "foreknowledge") cũng đã bị bỏ sót (và điều này khiến người đọc lại tưởng chính Hotchner cho rằng Sartre đoạt giải Nobel trước Hemingway!)

Kế đến, tôi cho rằng ông LĐ viết câu sau đây là vô lý: *"Nhà văn Mỹ Jerome Charyn mà **nhiều người coi như học trò** của Hemingway..."*. Thì quả vậy, ngay trong tài liệu ông LĐ công bố, Gérard de Cortantze viết về cảm nghĩ của Jerome Charyn đối với Hemingway như sau: *"pour celui qu'il considere comme son premier maitre"*. Nghĩa là Charyn tự xem Hemingway là người thầy đầu tiên của mình, chứ đâu có phải là nhiều người coi Charyn như học trò của Hemingway.

Hơn thế nữa, khi truy khảo tài liệu, tôi không bao giờ dám xem những mẩu "vignette" nho nhỏ nằm trong góc những trang báo, nhằm giới thiệu sách mới, hay những bài phỏng vấn ngắn nhằm "lancer" sách mới trên những tạp chí văn học phổ thông, là những tài liệu văn học khả tín. Vì thế, tôi xin ông LĐ thông cảm cho rằng giả sử khi ấy tôi có sẵn tạp chí *Magazine Littéraire* số 377 (Juin 1999) trong tủ sách, tôi cũng khó lòng tìm thấy những đoạn ông đã trích dẫn và sử dụng. Trong ba đoạn ông trích dẫn, hai đoạn đã bàn trên đây xuất phát từ hai cái "vignette" giới thiệu sách rất ngắn (và không được ghi vào mục lục của tạp chí). Còn đoạn thứ ba (tức là đoạn Charyn cho rằng Hemingway ham chụp ảnh) thì nằm trong một bài phỏng vấn rất ngắn, có nhan đề "Le chasseur de mots", do Francois Busnel thực hiện, nhằm "lancer" cuốn *Hemingway, portrait de l'artiste en guerrier blessé* của Jerome Charyn (bài này được ghi vào mục lục của tạp chí, nhưng mục lục ghi số trang nhầm từ 39 thành 38).

Ở đây, tôi xin bày tỏ lòng cảm kích chân thành đối với thái độ trí thức của ông LĐ khi ông tự xác nhận "có những lỗ hổng" (tr.14).

Lời tự xác nhận này cũng mang cùng một ý nghĩa như nhận định của ông HNH rằng: "Lời kết tội của HNT là có căn cứ."(tr.6)

Dù ông LĐ đã tự xác nhận về những sơ suất của ông, tôi thành thật xin lỗi ông vì trong khi đưa ra những nghi án về bài viết của ông tôi đã sử dụng một số những từ ngữ quá trầm trọng như hệ quả sinh ra từ những nghi án ấy. Giờ đây, khi ông đã tự minh giải bằng cách công bố xuất xứ các tài liệu cần thiết và đã giải thích về những sơ suất của ông, tôi xin thành thật cảm ơn ông và xin hoàn toàn rút lại những từ ngữ ấy.

**4. Về vấn đề hợp lưu và phân lưu**

Sau khi bài "Sáng chế tài liệu giả..." được đăng tải trên *Hợp Lưu* số 53, tôi nhận được một loạt những phản ứng mà tôi đã dự đoán. Tuy nhiên, có một điều tôi không thể dự đoán, đó là ông LĐ và một số tác giả đã có vẻ như xem bài viết của tôi là bằng chứng cụ thể của hành động "phân lưu".

Tôi hết sức kinh ngạc về điều này. Từ trước đến nay, tôi vẫn luôn luôn thẳng thắn, mạnh mẽ và liên tục phê phán những hiện tượng tiêu cực hay sai lầm trong văn chương Việt Nam hải ngoại. Thậm chí, có một số người đã dán cho tôi nhãn hiệu khôi hài là "sát thủ". Bài "Sáng chế tài liệu giả..." là bài đầu tiên tôi đụng đến hai nhà văn quốc nội và đưa ra một số nhận định về nguy cơ của một căn bệnh đang xuất hiện trong sinh hoạt văn học.

Tôi xin minh xác rằng, đối với tôi, sự khác biệt giữa văn học Việt Nam trong và ngoài nước chỉ chủ yếu là sự khác biệt mang tính địa lý, và mọi tác phẩm văn chương được sáng tác bằng Việt ngữ đều thuộc về văn học Việt Nam. Đó là lý do tại sao, với vai trò phụ tá chủ bút của tạp chí *Việt*, tôi vẫn luôn luôn tìm cách liên lạc về quốc nội để mời gọi sự đóng góp bài vở của văn hữu; và tôi luôn luôn cảm thấy đặc biệt sung sướng khi nhận được bài vở từ trong nước.

Điều tôi lưu tâm là chất lượng của một nền văn học Việt Nam như một khối chung nhất, không phân biệt trong hay ngoài. Với tư cách một người phê bình, tôi sẵn sàng mạnh mẽ và thẳng thắn lên tiếng trước bất cứ hiện tượng không lành mạnh nào xảy ra trong nền văn học Việt Nam, bất kể trong hay ngoài nước.

Ông LĐ đề nghị rằng để mối quan hệ văn học giữa hải ngoại và quốc nội giữ sự hợp lưu, thay vì phân lưu, tôi cần có thái độ "thể tất tối đa"(*Hợp Lưu* số 54, tr.15). Ông Nguyễn Thanh Sơn, trong bài "Phản trí thức trong tranh luận văn học" (*Hợp Lưu* số 54, tr.52-57), cho rằng

tình trạng văn học quốc nội "cần những cánh tay bao dung giúp đỡ" (tr.56). Tôi hiểu và thông cảm với ý nghĩ của các ông, nhưng tôi không dám bày tỏ thái độ "thể tất tối đa" hay đưa ra "cánh tay bao dung" đối với văn học Việt Nam dù là trong hay ngoài nước. Tôi tự nghĩ: "Tôi là ai mà dám có thái độ 'thể tất tốt đa' hay đưa ra 'cánh tay bao dung' đối với một nền văn học?" Chỉ khi nào tôi đã quá xem thường một nền văn học nào đó, tôi mới dám tự cho mình cái quyền bày tỏ thái độ "thể tất tối đa" hay đưa ra "cánh tay bao dung" đối với nó.

Tôi xem trọng văn học Việt Nam cả trong nước lẫn ngoài nước, nên tôi phải hành xử hết sức thẳng thắn, nghiêm túc và cứng rắn. Tôi đã nhiều lần phê phán văn học Việt Nam ở hải ngoại một cách mạnh mẽ, thì tôi cũng sẽ phê phán văn học Việt Nam ở trong nước một cách mạnh mẽ như thế, vì tôi xem trọng cả hai, hay đúng hơn, tôi xem cả hai là một. Bởi thế, tôi nhận định rằng những ý kiến cho tôi là có hành động "phân lưu" khi phê phán văn học Việt Nam ở trong nước là những ý kiến bị chi phối bởi cảm tính, hoặc nhuốm màu chính trị, và những ý kiến đó có thể vô tình làm lệch lạc sự công minh cần thiết của công việc phê bình.

**5. Về việc phê phán một văn bản**

Có những ý kiến cho rằng trong bài viết "Sáng chế tài liệu giả...", tôi đã áp dụng những nguyên tắc luận văn chính quy để phê bình nhà thơ LĐ. Tôi xin minh xác rằng tôi hoàn toàn không hề đụng đến nhà thơ LĐ, mà chỉ phê phán ông LĐ tác giả của bài viết "Hậu...từ". Đó không phải là một bài thơ, dù nó được viết bởi một nhà thơ. Đó là một bài viết dưới dạng tạp văn hay tùy bút nhưng rõ ràng mang tính nghị luận: có chủ đề, có lý luận, có trích dẫn, có chứng minh. Tất cả điều tôi đã làm là: tôi đặt câu hỏi về xuất xứ của những trích dẫn không ghi xuất xứ, tôi nỗ lực truy tầm xuất xứ và, sau sau khi không thể tìm thấy xuất xứ, tôi đưa ra những nghi án về sự có thật của xuất xứ.

Tôi có quan niệm rằng một người cầm bút đã trưởng thành là một người dám chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì mình đã viết ra và công bố. Đối tượng của việc phê phán văn học chính là văn bản, và một người cầm bút đã trưởng thành không thể viện bất cứ lý do gì ngoài văn bản (ví dụ: tuổi tác, nghề nghiệp, phái tính, điều kiện kinh tế, trình độ học vấn, v.v...) để biện minh cho văn bản.

Tôi là một nhạc sĩ, và tôi dành phần lớn thì giờ cho việc sáng tác và trình diễn âm nhạc. Tôi cũng là một người làm thơ, viết truyện

ngắn, viết kịch bản, diễn kịch, viết phê bình, nghiên cứu và giảng dạy nhạc học và mỹ học. Đồng thời, tôi cũng dành một phần thì giờ để đến với lý luận và phê bình văn học. Tuy lý luận và phê bình văn học không thực sự là sự nghiệp chính của tôi, tôi luôn luôn nỗ lực thực hiện hết chức năng và nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực đó; và khi tôi viết những bài nghị luận văn học, nếu có ai phê phán, tôi sẵn sàng nhận chịu trách nhiệm về bài viết của mình để trên cơ sở đó tôi có thể tranh luận hay lắng nghe từ vị trí của một nhà nghị luận văn học, chứ không phải từ một vị trí khác. Chẳng hạn, tôi không thể nói rằng: "Tôi chỉ là một nhạc sĩ, vậy xin quý vị hãy xem bài nghị luận ấy là tạp bút của một nhạc sĩ, và làm ơn đừng áp dụng những nguyên tắc văn chương nghị luận vào mà phê phán." Nói như thế chỉ là một cách lẩn tránh trách nhiệm của một cây bút gian dối.

Đối với văn nghị luận, tôi có quan niệm rằng bất cứ lúc nào nào người viết cần trích văn của một tác giả khác, thì việc chú giải chính xác về xuất xứ của trích dẫn đó là điều hết sức hệ trọng. Ngoại trừ những "danh ngôn" đã được sử dụng quá nhiều lần và đã có tầm phổ biến quá rộng rãi (ví dụ: câu "l'enfer c'est les autres" của Sartre, chẳng hạn), mọi sự trích dẫn đều cần được chú giải chính xác về xuất xứ, dù cho bài nghị luận nằm dưới dạng một luận văn, một tạp văn, một tùy bút, hay một thư độc giả. Có làm thế, mọi ý tưởng cần trình bày và trao đổi mới được trong sáng. Nếu không, cơ nguy mạo hoá và xuyên tạc sẽ có điều kiện để hiện hữu.

Ông HNH cho rằng: *"Một bài phê bình văn học đăng trên Hợp Lưu thuộc một thể loại rất khác một luận văn khoa học gửi đến một tạp chí chuyên ngành hoặc một luận án hàn lâm gửi đến một Hội đồng khoa học."* (*Hợp Lưu* số 54, tr.10) Tôi xin góp ý rằng một bài phê bình văn học đăng trên một tạp chí thuần túy văn học như *Hợp Lưu*, tuy có khác với một luận văn khoa học chuyên ngành về phương pháp và tầm cỡ, vẫn nhất thiết cần có sự chính xác về xuất xứ các trích dẫn. Có như thế, chúng ta vừa tránh được tình trạng mạo hoá, vừa lại có điều kiện để tiếp tục tham cứu và khai triển các ý tưởng đáng lưu tâm. Hơn thế nữa, có giữ được sự chính xác về kiến thức trong những bài viết cho tạp chí *Hợp Lưu* - một trong những tạp chí văn học có uy tín nhất hiện nay - chúng ta mới có thể tiếp tục nâng cao trình độ của tạp chí ấy và đồng thời nâng cao trình độ của độc giả văn học.

6. Thay một lời kết luận

Đọc *Hợp Lưu* số 54, một số báo trong đó có rất nhiều bài phê

phán và khiển trách tôi, tôi vẫn cảm thấy vui. Vui, vì hầu hết các bài ấy đều ít nhiều thực hiện điều mà tôi mong đợi, đó là: các bài viết đều tập trung hơn vào chữ nghĩa học thuật và bớt đi những phản ứng cảm tính, và các bài viết đều biểu lộ sự nghiêm túc hơn đối với yêu cầu ghi chú xuất xứ các trích dẫn. Tôi đặc biệt lưu ý và thấy thích thú đối với bài "Văn hoá là những gì còn lại sau khi đã quên" của Phạm Xuân Nguyên (tr.28-51). Tuy trong bài viết đó có một số điều cho thấy ông PXN hiểu lầm tôi, cũng như co vài điều tôi không đồng ý với ông về quan điểm cũng như về kiến thức học thuật, tôi vẫn nhìn thấy đó là một bài nhiều công phu và toát ra vẻ nghiêm túc và thẳng thắn đáng trân trọng. Tôi ước mong được đọc những bài như vậy và hay hơn như vậy, cho dù đó là những bài chỉ tập trung vào việc phê phán tôi.

Trong sinh hoạt văn học, việc phê phán và lắng nghe những lời phê phán là điều hết sức cần thiết. Tôi tự nhận thấy bài "Sáng chế tài liệu giả..." của tôi là một tiếng nói cần thiết để góp phần vào việc xây dựng một nền văn học lành mạnh hơn. Ngược lại, tôi sẵn sàng lắng nghe và học hỏi từ những lời phê phán đối với bài viết ấy.

Hôm nay, hơn bốn tháng sau khi bài viết đã được công bố và gây nên không ít tranh luận, tôi nhìn lại và thấy nó đã đem đến những tác dụng tích cực hơn là tiêu cực. Thoạt đầu, người đọc có thể tưởng rằng bài viết sẽ gây nên nhiều đổ vỡ và tổn thất cho những tên tuổi liên hệ. Thế nhưng, như tôi đã mong đợi, tất cả những tên tuổi liên hệ đều đã có thể dễ dàng tự minh giải bằng cách công bố tài liệu gốc và giải thích về những sơ suất của họ. Và như đã hứa, tôi đã phát biểu những lời cảm ơn và xin lỗi cụ thể đối với họ. Như thế có lẽ là sự việc đã hoàn tất, cái còn lại chỉ là một lời cảnh báo cần thiết và đã được nhiều người nghe thấy.

Trong suốt những ngày tháng đầy náo động vừa qua, dù phải chứng kiến những phản ứng chống đối liên tục, một điều sau đây vẫn luôn luôn giục giã trong tôi: hãy mạnh mẽ và thẳng thắn phê phán bất cứ hiện tượng nào bạn thấy có khả năng làm mất đi sự lành mạnh của nền văn học của chúng ta, đừng kiêng dè hay sợ sệt gì cả. Tôi tin rằng đó chẳng những là một nhiệm vụ của nhà phê bình, mà còn là một yêu cầu đặc biệt thiết yếu trong tình trạng văn học hiện tại của chúng ta, và tôi tự nhủ rằng tôi sẽ vẫn còn tiếp tục tung ra những lời phê phán và cảnh báo khác cũng mạnh mẽ và thẳng thắn như thế đối với những hiện tượng tiêu cực khác mà tôi có thể sẽ phát hiện trong tương lai.

*Sydney, 9/2000*
HOÀNG NGỌC-TUẤN



**NGUYỄN HƯNG QUỐC**

# Kết thúc một cuộc tranh luận chưa... bắt đầu



Đọc "Thư toà soạn" đăng trên Hợp Lưu số 54, tôi mới biết là cuộc tranh luận chung quanh đề tài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" do chính Hợp Lưu khởi xướng từ số 52 đã kết thúc. Cũng chẳng sao. Tôi chỉ tiếc là nó đã kết thúc trước khi nó thực sự bắt đầu.

Thực vậy, đọc lại các bài tranh cãi trong mấy số báo vừa qua, tôi không thể tránh được cảm giác như đọc một bài luận văn lạc đề. Vấn đề đầu tiên, vấn đề "chủ nghĩa phản trí-thức trong văn học Việt Nam" nẩy sinh từ một bài viết cùng tên của tôi trên Hợp Lưu số 50 do Hợp Lưu nêu ra làm chủ đề cho số báo 52, chưa bao giờ được thảo luận, nếu không kể những bài phân tích và khai triển theo hướng đồng tình của Hoàng Ngọc-Tuấn, Đỗ Minh Tuấn và Nguyễn Hoàng Văn. Điều những người phản đối tôi quan tâm không phải là những luận điểm chính tôi nêu ra về cái hiện tượng gọi là phản trí-thức trong văn học Việt Nam mà chỉ là một ví dụ nhỏ, ở cuối bài viết, liên quan đến Hoàng Ngọc Hiến, từ đó, quy kết cho tôi cái tội là "chém", "đánh" hay "vung chiếc gậy phản-trí thức" để đập Hoàng Ngọc Hiến, hơn nữa, đi xa hơn, cho là tôi "xấu bụng" và "quay quắt". Nhận thấy cuộc thảo luận đi theo một hướng khá nhảm, trên Hợp Lưu số 53, tôi đặt vấn đề thứ hai với hy

vọng sẽ được bàn cãi nghiêm chỉnh: "Cần có văn hoá tranh luận". Trong đó, tôi đúc kết bốn nguyên tắc chính: một, tranh luận, tự bản chất, là lý luận; hai, đối tượng của tranh luận là các luận điểm; ba, tính chất của tranh luận là duy lý; và bốn, điều kiện căn bản của tranh luận là phải có những kiến thức sơ đẳng về vấn đề và đặc biệt về bài viết mình định phản đối. Những vấn đề ấy, trong Hợp Lưu số 54 vừa qua, cũng không ai đụng đến. Người ta chỉ tập trung vào... cái chú thích cuối bài. Mà cũng không phải để chứng minh tôi sai. Chỉ chê, trách và oán than là tôi... "nặng tay".

Như vậy, tính chất "lạc đề" trong cuộc "tranh luận" vừa qua có ba biểu hiện chính: thứ nhất, nó chỉ loay hoay với những chi tiết phụ mà hoàn toàn xao lãng những luận điểm chính yếu; thứ hai, nó biến một sinh hoạt học thuật thành một thứ quan hệ tình cảm; và thứ ba, nó biến những vấn đề chung thành những chuyện đôi co giữa các cá nhân với nhau. Hậu quả: một, những vấn đề có tầm lý thuyết khá lớn và khá quan trọng lại trở thành những chuyện tầm phào; hai, nơi đáng lẽ phải và chỉ đặt vấn đề đúng/sai hay sâu/cạn hay mới/cũ thì lại bị tràn ngập bởi những vấn đề như tốt (bụng) / xấu (bụng), nặng (tay) / nhẹ (tay), v.v...; và ba, nơi đáng lẽ phải và chỉ được sử dụng khả năng phân tích và lý luận thì lại dầm dề những nước mắt, những tiếng chửi bới và những lời rên rỉ, nhằm đánh động lòng trắc ẩn của người đọc. Thảm. Nhảm. Và vô cùng đáng tiếc.

Tôi không muốn tạo cơ hội để kéo dài những chuyện tầm phào đáng tiếc ấy. Tuy nhiên, có một điều tôi không thể không lên tiếng: những sự chụp mũ đối với tờ Việt do tôi làm chủ bút. Nội dung của sự chụp mũ ấy là: Việt đã "chơi xấu" một cộng tác viên khi phụ tá chủ bút, Hoàng Ngọc-Tuấn, trong bài viết "Sáng chế tài liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại" (HL 53) đã lôi ngay một bài viết của Lê Đạt đăng trên tờ Việt (số 5) để phê phán.

Trước hết, tôi đồng ý với Phạm Xuân Nguyên là, cách hành xử tốt nhất của Ban biên tập một tờ báo khi phát hiện một sai sót nào đó của cộng tác viên là liên lạc thẳng với người đó, hoặc trong trường hợp liên lạc không được, tự mình sửa chữa (HL 54: 29). Bản thân tôi, qua tờ Việt, đã nhiều lần làm điều đó. Nhưng không phải lúc nào cũng làm được. Lý do là, mặc dù chỉ ra mỗi năm có hai số, nhưng vì hầu hết các cộng tác viên chỉ gửi bài vào những giờ phút chót, thời giờ để đọc, lựa bài và lay-out rất ít ỏi. Trong điều kiện như vậy, tôi - cũng như hầu hết các chủ bút khác ở hải ngoại - chỉ có thể đọc liếc qua các bài lai cảo gửi tới với một câu hỏi duy nhất hiện ra trong đầu: đăng được hay không đăng được? Cố thêm chút nữa, khi lay-out tờ báo: giảm

thiểu đến tối đa những lỗi sai về kiến thức và đặc biệt, chính tả. Là hết. Tôi thường cẩn thận chuyển một số bài chính cho Hoàng Ngọc-Tuấn xem phụ, nhưng, thời gian ấy anh cũng thường đang bận bịu với bài viết của chính anh, do đó, việc đọc của anh cũng rất vội vàng. Cho nên, có thể nói trong hoàn cảnh làm báo ở hải ngoại hiện nay, không có, và trong chừng mức nào đó, có thể nói, không thể có một chế độ biên tập thực sự như ở Việt Nam hay ở những nơi khác, nơi có một đội ngũ nhân viên chuyên trách toàn thời việc đọc và lựa bài.

Riêng trường hợp bài "Hậu từ" của Lê Đạt, thực tình, trước khi báo in ra, tôi và cả Hoàng Ngọc-Tuấn nữa, hoàn toàn không phát hiện ra những lỗi sai trong đó. Không những vậy, nhận thấy Lê Đạt dùng chữ "sida", tôi còn ngại độc giả của Việt vốn phần lớn sống ở các xứ nói tiếng Anh không hiểu được, nên tự ý mở ngoặc chua thêm chữ "aids" phía sau. Việc phát hiện (hay đúng hơn là: nhớ ra) chi tiết sau khi Hemingway từ trần ba năm, Jean-Paul Sartre mới đoạt giải Nobel, và mười tám năm, chữ "AIDS" mới xuất hiện... là những phát hiện/ nhớ ra về sau, khi báo đã in xong, đã có thì giờ thanh thản đọc lại. Và, thoạt đầu, chính bản thân chúng tôi cũng không xem đó là những phát hiện quan trọng. Chúng chỉ trở thành quan trọng khi Hoàng Ngọc-Tuấn nghĩ là đã phát hiện ra việc nguỵ tạo tài liệu trong bài viết "Coi trọng trình độ văn hoá phải chăng là phản trí thức?" của Hoàng Ngọc Hiến trên HL số 52. Say mê với "phát hiện" mới của mình, anh nhắc lại những "phát hiện" cũ, với tham vọng nâng các luận điểm của mình lên tầm khái quát cao chứ không dừng lại ở phạm vi cá nhân, cho dù đó là Hoàng Ngọc Hiến hay là Lê Đạt.

Một vấn đề khác cũng cần được đặt ra: nếu sau khi báo đã in xong và đã phát hành, một người nào đó trong Ban biên tập phát hiện những sai sót trong đó thì họ có quyền phê phán hay không?

Trên nguyên tắc, có lẽ không ai trả lời là: không. Lý do đơn giản là khi một bài viết đã được xuất bản, đã công khai hoá thì nó không còn dừng lại trong quan hệ cá nhân nữa. Trên thực tế, hầu hết các tờ báo đều áp dụng quyền phê phán ấy, nhất là đối với những tác giả đã có ít nhiều tên tuổi. Tờ báo nào đã đăng bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" của tôi? - Hợp Lưu! Tờ báo nào đã phát động cuộc thảo luận nhằm tấn công vào bài viết ấy? - Cũng Hợp Lưu! Mà cũng chẳng phải riêng gì tờ Hợp Lưu. Suốt cả mấy năm vừa qua, tờ Văn Học vẫn thường đăng bài viết của tôi và cũng vẫn tờ Văn Học kêu gọi mọi người tranh luận về những điều bài viết ấy đưa ra. Có sao đâu? Tôi chấp nhận. Và mọi người chấp nhận trò chơi dân chủ ấy, cái trò chơi đòi hỏi người viết, chính người viết, phải chịu trách nhiệm về

những gì mình viết xuống và công bố trên các diễn đàn văn nghệ. Chưa có ai phàn nàn điều gì. Cho nên tôi không thể tưởng tượng nổi mắt mình khi đọc bài viết của Thường Quán trong đó anh yêu cầu tờ Việt phải xin lỗi nhà thơ Lê Đạt (HL 54:26). Tôi không thể hiểu nổi là Việt phải xin lỗi về việc gì? Về việc đã đăng bài "Hậu từ" của Lê Đạt hay về việc Hoàng Ngọc-Tuấn phê bình bài "Hậu từ" ấy, một việc phê bình, thứ nhất, được đăng trên Hợp Lưu chứ không phải trên tờ Việt, và thứ hai, được ký tên là Hoàng Ngọc-Tuấn chứ không phải là Việt? Tôi thực tình không hiểu nổi, không thể hiểu nổi. Và tôi không thể tưởng tượng nổi nếu tôi bắt chước ý kiến ấy, đòi tờ Hợp Lưu hay tờ Văn Học phải "xin lỗi" tôi thì sao? Chắc sẽ có vô số người sẽ nghĩ là tôi ngu, hơn nữa, khùng. Chắc thế. Mà nghĩ như thế cũng phải thôi.

Cũng như việc Hợp Lưu tuyên bố "khép hồ sơ" cái gọi là cuộc "tranh luận" vừa qua, nghĩ cho cùng, cũng phải thôi.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
*31.8.2000*



**HỒ ĐÌNH NGHIÊM**

# Ra riêng



Bữa tiệc chấm dứt lúc mười giờ. Mùa hè, bầu trời nhiều sao, sâu thẳm. Ở đó, dường như màn đêm chưa thực sự đóng kín. Cái mênh mông của nó không hẳn nói lên đêm đã vào khuya. Tiệc chóng tàn bởi lẽ người ta ăn hết ba món, kể cả tráng miệng. Và chuyện vãn thì đến hồi nguội lạnh, chẳng còn gì để nói. Chín người lần lượt đứng lên, rời khỏi ba cái bàn sắp hình chữ U đặt giữa sân. Trời trong vắt, thứ sắc màu kỳ lạ của đêm hè nhiệt đới. Chẳng một gợn mây và cao xanh kia tuyệt không mang điềm báo một cơn mưa đe dọa đổ xuống. Người ta ra về bởi giản dị có một điều: chẳng còn gì để cột chân họ lại cả. Những bao thuốc rỗng đã vo lại và ly tách chén dĩa đứng xô lệch dồn đẩy nhau trên bàn, cạn tàu ráo máng.

- Thôi, vậy là xong. Chúc hai bạn có được nhiều điều tốt đẹp, nếu không muốn nói

là hạnh phúc lâu dài.

- Đã có kế hoạch gì chưa? Chúc đầu năm sinh con trai cuối năm sinh con gái.

Nhiều tiếng cười chen cài theo từng câu nói. Đàn ông uống rượu, đàn bà uống nước ngọt, nhưng khi phát ngôn họ thảy đều bình quyền. Có nghĩa là tất cả đùa cợt một cách có ý thức.

- Đừng chê quà của mình nghe. Một chục chén đất để lỡ gây nhau có sẵn đó mà ném vỡ chẳng tiếc thương... Kinh nghiệm đau thương!

- Chớ có ôm riết nhau mà quên khuấy xấp vé số mình tặng. Dò trúng lô độc đắc nhớ đừng quên công kẻ hèn này nhé!

Tất cả đều là bạn học cũ. Bạn tôi và bạn của Giáng Hương. Họ quây lưng sau khi bắt tay và thầm lặng đạp xe ra khỏi cổng. Ánh điện vàng cắt một ô hình chữ nhật đọng ở đó. Nóng, đục. Phiá ngoài, con đường nhựa xám đã nhận chìm bóng họ thật mau.

Tôi phụ Hương một tay để thu dọn nhưng vợ tôi từ chối:

- Mặc Hương. Anh ngồi tiếp chuyện với anh Vân đi. Hai người uống trà nhé?

Một bóng đen ngồi bất động trên ghế, đâu lưng với bậc cấp dẫn vào nhà. Cái bàn hình chữ U bỗng rộng ra. Anh tôi ngồi đó tựa một người có thẩm quyền trong phiên tòa vừa xét xử xong. Một ông quan tòa bịt mắt dối lòng khi làm việc và sau rốt ngồi chết trân với tất cả niềm ăn năn. Những cây nến đã dập tắt và ánh sáng từ trong nhà hất ra làm tôi không nhìn rõ mặt anh.

- Có tốn kém lắm không, hả Huân?

Anh Vân hỏi. Anh chồng lại chén dĩa trong khi Hương lần lượt mang chúng vào nhà. Giọng anh đục, trầm và có lẽ, anh là người uống nhiều rượu nhất đêm nay.

- Chẳng biết nữa. Chút ít thôi. Mạ của Hương đi chợ và nấu nướng. Bà lo hết mọi chuyện.

- Lý ra tao phải có cái gì đó để làm quà...

- Anh đừng nói vậy. Sự có mặt của anh đã là cái gì quý giá lắm rồi, không mong gì hơn. Em nói thật.

Tôi mang những thứ còn sót trên bàn vào nhà. Khi trở ra, vừa đi tôi vừa khui một bao thuốc mới. Tôi có kinh nghiệm, chớ bày ra hết những gì mình có. Phải biết thu dấu để phòng xa. Ngay cả những thứ nhỏ nhặt, không đáng cất.

Hương cầm ở hai tay hai tách nước trà bước xuống tam cấp. Luồng sáng phiá sau soi rọi rõ đường viền đôi chân Hương. Chiếc quần lụa màu trắng không đủ dày để che kín lấy nó. Hình như đó là chiếc quần tươm tất nhất mà Hương có? Khi ăn tiệc mừng, không ai lại mặc vào người chiếc quần cũ chưa kể kẻ đó là nguyên cớ của cuộc vui, là nhân vật chính. Tôi có uống rượu, nhưng rượu chẳng đủ làm tôi chếnh choáng. Trong phút giây, tôi thấy thương vợ tôi hơn lên. Ở giai đoạn nào đó, không có ai làm cô dâu với thứ hình ảnh bình dị tới độ vậy. Trang điểm lên người sự mộc mạc, đơn giản, thanh bạch và gần như nghèo khổ. Đói cho sạch rách cho thơm. Ừ, thì biết vậy. Nhưng dù sao...

- Hãy ngồi xuống đây, Huân.

Tôi ngồi xuống ghế cạnh anh Vân, thấp sáng một ngọn nến và cắm nó đứng trên cái ly thủy tinh lật ngược, dùng để đốt thuốc hút. Dầu sao tôi cũng vận quần tây thẳng nếp, dù sao tôi cũng có áo sơ-mi trắng dài tay và áo bỏ vào quần tử tế. Tôi dùng nịt da để thắt. Cái nịt mà hồi xưa ba tôi vẫn...ỏthắt lưng buột bụngõ.

- Trong tù, những khi chẳng có gì làm, tao bỏ công theo học nghề một tên gọi là thầy tướng số. Không phải đùa, tao thấy Giáng Hương lộ đủ những nét tốt của một người đàn bà. Tao chúc mày hạnh phúc thì có bằng thừa không?

Anh Vân lớn hơn tôi ba tuổi. Xưng hô mày tao hoặc anh em, điều đó chẳng nề hà, cái quan trọng là anh cảm thấy thoải mái hoặc tìm ra ở đó chút thân mật để trò chuyện. Vừa là một người anh, vừa là tên bạn chân tình. Anh thi hỏng tú tài phần hai, sau đó vào học ở quân trường Thủ-đức. Rồi thì cuộc đời đổi thay, anh lại đi học tập cải tạo. Ở anh là triền miên những việc học. Học chữ, học súng ống. Học lời răn của hiền nhân, học lời xúi của quỷ dữ. Học thật thà, học dối trá, học ngang ngược chưa đủ. Giờ đây lại còn bày trò học nhìn rõ mặt người, chiêm nghiệm nết tốt xấu ám lên phần số mỗi sinh mạng. Quỷ tha ma bắt anh thời gian dài và giờ này có thể anh hiện nguyên hình một người cật ruột máu mủ còn sót lại của tôi. Một người mà tôi cố đặt hết lòng tin vào câu giải thích: Nhân chi sơ tánh bổn thiện.

- Do đâu mà hai đứa thành vợ chồng?

Anh Vân hỏi. Không nhìn tôi mà nhìn xuống bàn tay đang kẹp điếu thuốc. Những ngón gầy, tỷ lệ thuận với vóc vạc mòn mỏi ốm o của anh. Một người như vậy có thể sẽ thích hợp biết mấy khi ôm vào lòng một cây đàn guitar. Để cúi đầu xuống, để nhắm mắt lại. Để sau đó bắt mọi thứ phải dấy động lên một cung bậc thổn thức. Tôi mường tượng ra hình ảnh một ông Trung đội trưởng hay Đại đội phó gì đấy ì ạch dẫn đàn em đi hành quân. Thật tội nghiệp cho anh tôi! Cả tôi cũng vậy. Tội nghiệp tôi nếu tôi nhảy qua lãnh vực tướng số. Tôi cố nhớ lại thời điểm mà hai anh em đã phải xa nhau. Năm, sáu năm? Tôi bất lực. Tôi thử nhớ lại buổi đầu tôi gặp Giáng Hương. Trí óc tôi lợn cợn chập chùng những hình ảnh. Nó giống như tờ thư mỏng với chữ viết đặc đầy kín bưng cả hai mặt giấy. Mực thấm lem từ trước ra sau và ngược lại. Không tài nài đọc rõ.

- Chuyện dài lắm. Chẳng biết bắt đầu từ đâu.

Tôi nói trong khi tôi nghĩ: Hai ba năm sau, có ai nhắc lại kỷ niệm nảy, đêm nay, để rồi hỏi tôi về ngày tháng thành hôn chắc rồi tôi cũng sẽ đối mặt với sự bối rối. Không phải tôi thuộc hạng người vô tâm, nhưng đời sống nhọc nhằn, bạn có tin không, chính nó tước đoạt hết

của mình những kỷ niệm đẹp. Mình sẽ phải lú lấp đi, trong khi chất xám trong não bộ mình mãi bị ám ảnh bởi miếng cơm manh áo. Mãi phát huy sáng kiến để tồn vong. Mà tồn vong trong hoàn cảnh như vậy, tự nó đã mang mầm mâu thuẫn mất rồi. Muốn nhớ mọi điều phải mượn giấy bút để ghi vào sổ. Tôi có một cuốn sổ với nhiều trang giấy trắng, chỉ có trang đầu là bị vấy bẩn. Đó là những con số nhem nhuốc ghi chú về ngày tháng ba tôi qua đời. Và ông chết cách đây đã hai năm.

- Số phần. Cứ xem như vậy đi, phải không?

Anh tôi nói. Anh cầm tách trà lên, uống từ tốn.

- Chỉ cần khiếm diện ba bốn năm thôi, người ta sẽ nhìn ra một lỗ hổng thật lớn nằm giữa đời mình.

Tôi nhìn anh Vân. Cố hiểu hết lời nói ấy. Khi hút thuốc, anh nén chặt hơi khói xuống sâu trong lồng ngực, mím môi; như thể anh muốn nhìn thấy khói thoát ra từ một chỗ hở nào đó trên cơ thể. Một lỗ hổng? Hồi nãy trên bàn ăn, có thằng bạn quỷ quái nào đã kể chuyện tiếu lâm với nội dung: Cuộc sống vợ chồng không gì khác hơn là hai người trong cuộc phải cố lấp kín cái lỗ trống. Anh nêm không chặt, đời sống sẽ lấy đi ở anh sự hạnh phúc. Chặt quá, anh cũng bị phàn nàn. Đã là nghệ thuật thì phải có cương có nhu. Khi đó tôi có trộm nhìn Giáng Hương. Vợ tôi xem chừng đẹp nhất trong đám đàn bà có mặt. Da Hương trắng mịn, ửng đỏ và buổi chạng vạng không tài nào làm cho nhan sắc ấy phải mờ nhạt đi.

- Nếu Huân không cảm thấy phiền hà, ngày mai hai đứa mình đi thăm mộ Ba.

- Đâu có gì để gọi là phiền hà?

- Chắc phải nên hỏi ý Hương trước. Ngày vui của hai người... Bình thường thì không ai được quyền phá rối...

- Chuyện gì hả anh?

Hương bước xuống thềm. Hương như vừa rửa xong đống chén bát. Ngồi ở gần tôi, đụng vào tay, tôi chạm phải những ngón mát lạnh của Hương.

- Vào ngày mai, anh muốn mượn đỡ Huân một buổi sáng. Hương cho phép không? Anh tôi nói, mặt nghiêm trang.

- Anh nhờ Huân dẫn đường tới mộ ông già tụi này.

- Lấy thêm xe đạp của Hương mà đi. Hai người hai chiếc cho đỡ nhọc. Và buổi chiều nhớ về ăn cơm. Buổi cơm đầu tiên do chính Hương nấu nướng.

Vợ tôi nói. Mặt cũng trang nghiêm chẳng kém.

- Anh không dám hứa trước. Tối nay anh lại ngủ đằng nhà người

bạn và có thể nó sẽ làm một cái gì đó nhằm chiêu đãi người về từ địa ngục.

Anh Vân nhìn Hương.

- Chuyện của ngày mai hãy để mai tính. Hôm nay anh xin chúc mừng hai người. Hãy thứ lỗi là anh chẳng có gì làm quà. Hương cho anh khất một món nợ, anh sẽ trả sau.

Hương cười bên ánh nến sắp lụn tàn. Mắt Hương long lanh và ngọn lửa không ngớt nhảy múa. Dường như Hương cảm động và có thể đèn cầy đang thổn thức. Hương bối tóc lên cao, phần cổ phiá sau trông mịn màng với hàng lông măng chạy thưa xuống bên dưới. Đêm yên tĩnh, chừng như nghe được nhịp đập từ mỗi trái tim. Tôi không nhớ không biết là anh tôi có để lại một mối tình nào trước khi vào lính? Có đánh rơi một kỷ niệm đáng nhớ trước khi vào trại tù? Chưa lập gia đình, điều đó không có nghĩa là người ấy chẳng hề yêu thương một ai. Anh ngủ lại nhà bạn, dĩ nhiên chẳng thể đó là một cô bạn gái. Tôi nghĩ vậy. Càng về khuya gió càng len lỏi về nhiều. Nó làm xao động chùm lá vú sữa ở góc sân, nó xoa dịu làm mát những khoảng da để trần và cuối cùng, đốm lửa duy nhất trên bàn vụt tắt bởi gió.

*

Tôi cởi bớt áo quần sau khi cửa đóng then cài. Căn nhà nhỏ, trước đây mạ Hương dành cho người bà con ở dưới quê lên ở. Năm bảy lăm, trên đường chạy thoát vào Nam gia đình người đó lạc mất nhau và biến cố ấy khiến người đàn bà sống sót một mình kia trở thành kẻ mất trí. Bà lang thang ở những bến xe gióng gọi tên người yêu thương đến khản tiếng. Bà điên loạn và mạ Hương biến chỗ ở vô chủ này thành một tổ uyên ương, làm quà cưới cho đứa con gái út nhiều thiệt thòi. Chữ thiệt thòi phải nên hiểu ở nhiều nghĩa, mà trong đó, việc yêu tôi và quyết định lấy tôi làm chồng là một điều thiệt thòi khác, không thể thiếu khi kiểm điểm. Hương có một lý luận đáng yêu nhằm vỗ về trấn áp bà cụ đã năm mươi hai tuổi: Mạ hiểu sao về chữ thiệt thòi? Để khỏi thiệt thòi thì phải tìm cho ra một đứa giàu có tiền của? Mạ ơi, thời này những đứa giàu có thường không có lỗ đít. Tụi nó vô hậu!

Đáng yêu. Sự thật. Nhưng nghe không được thanh cảnh, hơi trừu tượng. Hương học xong lớp 12 thì quẳng buông giấy bút. Mạ Hương là người đầu tiên vẽ đường cho hươu chạy: - Học cho lắm cũng bốc đất ăn thôi, con phụ mạ ra chợ trông coi cái gian hàng ấy cho được việc. Học tranh đua với trường đời là thiết thực nhất!

Hương ra chợ. Kết quả hiệu nghiệm ngay. Hương khôn lanh hơn

một Hương của lớp 12. Và cái trình độ học vấn núp bóng sau lưng Hương làm cho ít nhiều những bạn hàng đâm e dè, đôi phần nể phục. Nói tóm, Hương không phải là một người dễ bị ăn hiếp.

- Hương có mệt không?

Tôi hỏi. Cố pha chút dịu dàng trong câu nói.

- Không. Khỏe là đằng khác. Giải quyết xong chuyện gì cũng thế cả. Thực hiện, đợi chờ, toan tính, mấy thứ đó nó hành mình tới mất ngủ.

Hương vừa chải tóc vừa trả lời. Tóc Hương dài, mịn, đen nhánh. Cái mềm mại ấy xuôi chảy đổ xuống lưng tạo cho tôi chút cảm tưởng: Về đêm Hương sẽ dịu dàng hơn là Hương của ban ngày, bối tóc lên và sẵn sàng lăn xả vào cuộc sống, chống chọi.

- Nói vậy có nghĩa là kể từ đêm nay Hương sẽ ngủ ngon giấc?

- Có ngụ ý gì không?

- Không. Anh muốn biết vậy thôi. Bởi thông thường, khi bắt đầu một cuộc sống vợ chồng người ta vẫn bắt gặp sự bỡ ngỡ. Một chuyện cỏn con thôi, ngủ một mình sẽ khác với ngủ hai mình rất xa. Một là họ trăn trở, hai là họ sớm gặp giấc mộng lành.

- Huân trăn trở hay Huân mộng lành?

Tôi nhìn hạt nút áo trên cùng Hương để hở. Theo cử động của tay chải tóc, hai vạt áo úp mở tựa một cánh cửa khép không kín và thảng hoặc gió có lùa vào làm xô giạt chút đỉnh, khiến người đứng ngoài tò mò nhìn thấy chút đồ vật bày biện bên trong. Hãy tưởng tượng tới một phòng khách sơn màu trắng ngà, trên vách treo bức tranh khỏa thân và cánh cửa án che chỉ nhìn ra đường khe da thịt của một người nữ.

- Đã là vợ chồng mà còn...

Tôi nói nhỏ. Hương cất lược vào hộc tủ và đồng thời cắt ngang câu nói:

- Mà còn..?

- Nếu là thói quen thì thôi. Nếu sửa đổi được sao Hương không thử gọi là anh? Thay vì Huân.

- Hãy vào tắm đi, mai còn phải lặn lội đi thăm mộ sớm.

Câu nói không có chủ từ, không ngôi thứ, không danh xưng, không chồng không vợ. Nhưng tôi nghe theo. Ăn ở vệ sinh là điều cần thiết, hơn nữa ngủ với nhau đêm đầu tiên, điều đó sẽ là hình ảnh khó quên; và ấn tượng làm mình nhớ dai nhất có lẽ do da thịt người ấy sạch thơm, mát mềm như một miếng thạch xoa.

Để chuẩn bị cho việc ra riêng, Hương lo đầy đủ chẳng thiếu thứ gì. Tôi không có kinh nghiệm, nhưng ý tứ có thể là đức tính quý giá

của một người vợ? Góc xi-măng có che một tấm chiếu dựng đứng gọi là phòng tắm, trong đó đã có sẵn khăn lông và xà-phòng. Một lu nước đầy, một cái gáo nhựa đỏ nổi lềnh bềnh ở trên. Trong ánh sáng nhờ nhợ tôi nhìn thấy có hai cây đinh đóng nhô ra trên vách tôn và tôi cởi áo quần để máng chúng vào đó. Nước mát lạnh chảy xuống thân làm sảng khoái. Nếu thực sự ở đời có ơn mưa móc thì người tôi nghĩ tới đầu tiên là mạ của Hương. Tôi đã hứng được từ bà những vũ lượng lớn lao đổ xuống. Một người mẹ khổ cực nuôi con thành người bỗng một hôm cầm tay con gái mình dí trao vào thằng con trai xa lạ. Này, mạ cho không đấy. Nhận lấy đi và nhớ giữ tròn sự thuận thảo với nhau. Tôi khác xa với đứa trúng số độc đắc, bởi ít ra khi muốn trở thành triệu phú việc cơ bản đầu tiên là anh phải có tiền để mua lấy sự may rủi.

Khi tôi trở ra, Hương đang ngồi mở những phong bì lì xì. Biết trước là nó chẳng chứa đựng điều ghê gớm bên trong, nhưng một bao thư niêm kín bao giờ cũng mang theo lời gọi thầm khiến người nhận ngứa ngáy những ngón tay, háo hức. Có một phong bì mỏng lét, tự làm lấy. Giấy tái sinh vàng xỉn và bên ngoài trống trơn không một dòng chữ viết. Hơi lạ thường. Nó tựa một lá thư nặc danh, hoặc của đứa giàu óc tưởng tượng ưa quấy chọc bạn bè. Xé bao thư, mở vuông giấy gấp tư, Hương đọc với đôi lông mày nhíu lại. *"Không mang quà theo, nhưng tao hứa chắc, sẽ tặng mày một vé cho chuyến đi xa, một hai tháng tới."*

Hương trao tôi tờ giấy ấy. Nó được xé ra từ một cuốn vở và nó còn giữ nguyên vết xé ở gáy, nham nhở tựa một lưỡi cưa. Giấy có kẻ hàng màu xanh nhạt nhưng chữ viết mực đỏ không nằm trong những chấn song đó. Nó vượt thoát ra, đè lên trên; cẩu thả, chẳng ngay hàng thẳng lối. Tôi đọc lại nội dung. Bạn tôi có hai đứa mang mẫu tự M đi đầu tên gọi: Mẫn, Minh. Và chữ viết của chúng ra sao, không cách gì tôi có thể nhớ ra giờ này. Đó là lý do tôi không trả lời câu hỏi của Hương: Ai thế?

Minh là đứa đã mua tặng chúng tôi xấp vé số làm quà cưới. Còn Mẫn, nếu có làm một cuộc kiểm kê tài sản, hẳn nó sẽ đứng thụt lùi sau tôi ở lối sắp hàng dành cho bọn chuyên chính vô sản, thành phần nghèo rớt mồng tơi.

- Bỏ qua đi. Chẳng có gì khiến mình phải bận tâm.

Tôi tính nói thêm: Đến phiên em tắm. Nhưng vợ tôi không bỏ qua. Hương rất lấy làm bận tâm. Hương giật lại tờ giấy vở.

- Kỳ cục. Đi xa, tháng tới... Vượt biên à? Và chỉ được một chỗ ngồi... Có phải tác giả chính là kẻ đứng lên kể chuyện tục lấp kín lỗ trống không?

- Chẳng biết... Mà cũng có thể đúng. Tất cả chỉ là trò đùa thôi.

- Khôi hài! Người ta vừa thành vợ chồng đã vội toan tính chia lìa người ta ra. Sao không là hai vé? Ở một mình biết làm cách gì để lấp đầy lỗ trống? Cà chớn!

Giọng Hương có hơi to. Nó làm cho tôi nghe rõ nỗi yên lặng đè xuống người khi Hương dứt tiếng. Tôi đến bên chiếc giường không mấy lớn đặt trong góc nhà, buông rũ mùng xuống. Giường gỗ đánh vẹc-ni nâu bóng, kiểu cổ xưa; và có thể nó hiện diện ở đó từ khi căn nhà này được xây cất lên. Gần trên mái nhà, tôi đọc ra con số 1950 ai khắc vụng về vào xi-măng. Và khi đó tôi đã nhẩm tính, nó già tuổi hơn mình gần cả chục năm. Giường trải chiếu mới, chiếu nhuộm mực xanh đỏ hình long phụng quấn quýt quanh một chữ Phúc. Đang là mùa hè, nhưng để làm an tâm là chúng tôi đầy đủ, có ai cuộn tròn một cái chăn bông đặt để ngay ngắn phiá dưới chân. Đầu kia là hai chiếc gối, gối có thêu ren và chúng căn phồng như nhằm nói lên: tụi em vẫn còn trinh nguyên.

Tôi vạch mùng chui vào giường, lót mí mùng xuống chiếu. Cẩn trọng, từ tốn. Tôi nằm ngó lên, cảm giác mình được an toàn, được bao bọc, được no đủ. Tôi không nhắm mắt bởi tôi sợ sự sảng khoái này sẽ rủ rê mời gọi giấc ngủ ngon tới. Và như vậy mọi chuyện sẽ hỏng bét. Làm bà xã không hài lòng! Tôi nằm ngửa, căng mắt chờ. Đợi Hương tắm xong, tôi ngắm kỹ để làm quen từng vuông da thịt vợ mình. Tôi sẽ hít đầy ngực hương thơm cùng khắp, khi ấy tôi mới có ý kiến rõ ràng về câu nói: ỏThia lia quen chậu vợ chồng quen hơiõ.

Mùng làm bằng vải trắng, sợi mịn, dệt thưa. Đó là thứ vải mà y tá dùng để băng bó vết thương. Là thứ mà người ta dùng để lọc nước. Để chùi răng em bé. Để... quý bà quý cô mắc võng khi tới kỳ kinh nguyệt. Nó có nhiều công dụng và hiện tại nó cho tôi cái ảo giác mình đang nằm dưới một vuông trời mù sương. Sương đục như sữa, dịu dàng vây phủ và mình nhìn ra thế giới bên ngoài thảy đều mơ hồ, không thực. Nó khiến mình chôn sâu những ngờ vực, xúi dục mình thụ hưởng một nỗi êm đềm đang dấy lên. Tôi nghe tiếng nước chảy vọng tới, như suối khe róc rách, như mưa rơi sau vườn cây khi trời về sáng, như thác đổ ở một chốn xa xăm. Tiếng nước chảy tự nó cũng nói được nhiều điều. Êm tai, thì thầm làm dễ ngủ. Và mặt khác, nó vén mở trí tưởng mình ra, dắt mình tới một nơi chốn người người đều thoát y. Vợ tôi khom người kỳ cọ, vuốt ve. Bọt xà phòng thay phiên trôi tuột xuống da thịt trơn láng, lên đồi xuống núi để cuối cùng ngập ngừng vướng mắc ở khe, nhỏ từng giọt chậm rãi xuống đất và đám lông ấy vê lại như một cái đập chắn nước cuối cùng.

- Nếu có ai cho Huân một chỗ ngồi trên ghe để vượt biển thì Huân có bỏ phí cái cơ hội ngàn năm một thuở ấy không?

Giáng Hương gióng hỏi. Vợ tôi đã tắm xong, đi nhẹ tới giường hồi nào tôi không hay. Giọng Hương trong vắt và tôi như ngửi ra luồng thơm mát chờn vờn khuấy động trong không gian.

- Thuận vợ đồng chồng tát biển Đông cũng cạn. Hương nghe câu ấy rồi chứ gì? Anh sẽ làm tất cả những gì, nếu những chuyện ấy có sự đồng ý của Hương.

- Ha, suốt cả ngày hôm nay, xem ra câu nói này là nghe lọt tai nhất!

- Tắt đèn đi. Vào nằm đây anh nói những chuyện ngọt ngào hơn cho nghe.

- Huân nghe câu ổchạy trời không khỏi nắngõ chưa?

- Là sao?

- Là hãy từ tốn, bởi trước sau gì Hương cũng sẽ nộp mạng cho Huân. Chạy trốn đâu giờ này?

Khi Hương chuẩn bị đến sờ vào công-tắc đèn, ngọn néon dài tám tất chưa kịp tắt đi thì có tiếng đập cửa. Người ở ngoài bóng tối lộ rõ sự nôn nóng qua chuỗi tiếng động mà tự hắn vừa gây ra. Tôi không nghĩ là anh Vân trở lại. Một người như anh ấy sẽ chẳng bao giờ làm được chuyện gì to tát, kể cả việc mạnh tay gõ lên bất kỳ một cánh cửa đóng kín nào.

Tôi ngồi dậy trong mùng, nhìn dáng Hương lật đật chạy tới mở cửa. Khoảng cách, vật cản, làm Hương trông như một bóng ma, lướt vội, nhòa tan.

- Chúng tôi đến kiểm tra hộ khẩu. Hồi chiều thấy có lắm người tụ họp chẳng biết có ai ngủ lại mà không đăng ký?

Tôi chui ra khỏi mùng, khó khăn một hồi mới tròng được vào thân chiếc quần dài. Tôi hơi chóng mặt khi tìm ra tờ giấy èo uột, in lem nhem hàng chữ Giấy đăng ký kết hôn.

- Tôi là tổ trưởng khu phố, còn đây là anh Thân, công an khu vực.

Một người đứng dưới bậc thềm cất tiếng. Ông khoảng tuổi từ bốn mươi tới năm mươi. Ánh điện xâm thực ra sân đất, soi lờ mờ dáng một người thanh niên nhỏ thó mặc sắc phục màu vàng. Hắn đang hút thuốc, đốm lửa cháy đỏ từng hồi trên môi và có lẽ đó là một trong những bao thuốc mà mạ của Hương đã cẩn thận đem biếu xén từ ngày hôm qua khi bà ra đồn có xin phép được nhóm họp. Chuyện rất minh bạch, dầu sao tôi cũng đưa cho Hương tờ giấy chứng thực. Hương nói, không để lộ nỗi bực dọc:

- Mời bác vào trong để kiểm tra. Đây là sổ hộ khẩu, đây là giấy

đăng ký kết hôn.

Người tổ trưởng đón hai tờ giấy mà không cúi xem. Ông đứng một bên nhường cho người công an bước lên những bậc cấp. Da hắn xanh tái, giống một tửu đồ có hạng, càng uống nhiều rượu càng lầm lì và tuyệt đối không đỏ mặt. Hắn ngó láo liên. Tôi cũng nhìn cái giang sơn mới mẻ của mình. Trống trải quá. Lưa thưa quá. Cạn kiệt quá. Phải mà còn một ít thức nhắm, còn một ít rượu thừa tôi sẽ mời người đầy tớ của nhân dân cạn ly cho ấm bụng để có sức mà tiếp tục đi tìm kẻ ở chui đằng sau những căn hộ đang yên giấc. Tuyệt không có gì. Yên lặng chen vào giữa, phút sau hắn thở khói thuốc:

- Hình như anh Huân còn có một người anh, phải không nhỉ?

Tôi sửng sốt. Tôi ngửi thấy mùi thuốc lá Tam đảo nồng hôi, ngạt thở.

- Nếu anh ta có đến trú ngụ, nhớ ra đồn đăng ký cho chúng tôi biết nhé.

- Vâng. Bất kỳ là ai đến ở đậu chúng tôi đều phải khai báo cả.

- Vậy là tốt. Đám cưới suông sẻ cả chứ?

- Vâng. Mạ tôi nói mọi thứ đều nhờ vào công sức của mấy anh cả.

Hương đối đáp trơn tru. Tôi nhìn sự bất cẩn của Hương và đo lường tia mắt của gã công an tên Thân. Hắn nhìn vào ngực vợ tôi, Hương vô ý quên cài đến những hai cúc áo.

- Thôi, chẳng có gì. Ta đi nhà khác vậy!

Ông tổ trưởng khu phố trả lại giấy tờ. Ông nói, sau cái ngáp rộng miệng:

- Mừng anh. Những kỳ họp tới tụi mình thấy mặt nhau thường xuyên hơn.

Họ quây lưng. Và họ mang theo tất cả những háo hức, những dự tưởng của tôi. Nếu họ không tới, giờ này có thể đã là phút giây quan trọng dành cho một chú rể. Hắn sẽ làm gì khi bóng tối đổ ập xuống? Hắn sẽ lóng cóng tới chừng nào khi đón nhận hơi thở nóng của vợ hắn mà sự tĩnh lặng của đêm làm khuyếch đại từng âm thanh nghe nhão?

- Vậy mà tốt. Còn đỡ hơn dựng đầu mình dậy giữa canh khuya!

Hương như đọc ra những ý nghĩ của tôi. Nhưng Hương chỉ nhìn thấy có một nửa. Nửa kia là tôi nghĩ tới cái quái đản của chữ động phòng dành ám chỉ việc ái ân của đôi vợ chồng son. Động phòng? Như thế này là động phòng đây? Mẹ rượt! Phòng đang yên bỗng dưng những nắm đấm tay sắt tác hại lên cánh cửa làm náo động thiên cung! Tôi nhớ lại buổi cử hành đám tang ba tôi, khi động quan có người nào đã ném xuống nền xi-măng một cái chậu sành. Tiếng vỡ nghe thật

thẳng thốt, gần như tiếng nổ một trái lựu đạn, điếng hồn. Người ném xoa tay giải thích: Để vong hồn ông cụ ra đi, không luyến lưu ở lại.

Tôi là đứa duy vật, có thể nói như vậy, bởi ít khi tôi tin tới ma quỷ, tin tới những điềm gỡ, những báo mộng, dị đoan. Nhưng giờ đây, đứng án lưng vào cánh cửa vừa đóng kín, mơ hồ tôi thấy loáng thoáng cái tương lai chẳng mấy tốt đẹp của hai đứa chúng tôi. Như thể đã có những vong hồn luôn đứng quanh đây để rình rập, để xem sau bức màn the chúng nó sẽ làm những gì khởi đi từ đêm tân hôn, từ tuần trăng mật, từ những tháng năm chia sẻ lấp đầy một khoảng trống.

Có tiếng chó sủa từ xa vọng tới. Đêm nóng hầm hập trong căn nhà nhỏ bé. Tôi đi ngủ với lời nguyền rủa: Không có gì quý hơn độc lập tự do!

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

*(trích đoạn truyện dài...)*



TRÂN SA

# Thời gian trong quán Cheers

Mấy ông già người Việt trệu trạo nhai donut nói chuyện chính trị. Mấy bà lão da trắng lúi húi cạo vé số. Người đàn bà ăn nửa lát bánh mì nướng, uống cà-phê hai sữa hai đường, tai nghe bên này bên kia, viết lan man lên một tờ giấy.

Buổi sáng nguệch ngoạc. Những tấm quảng cáo ngáp dài trên vách tường, những đót thuốc lá trầm uất nhăn nhó trong diã gạt.

Có tiếng ho, tiếng khạc nén trong cổ. Bên kia đường những con chim riả hạt trên cỏ. Vùn vụt xuôi ngược, những chiếc xe tải ầm ầm, ham hố, dọa nạt. Những gã tài xế thiếu ngủ lầm lì chỉ đang muốn cán chết ai đó. Một thằng chậm chạp lù đù không nói tiếng Anh, một con mẹ đàn bà, một nhóc con, đừng đứa chó nào làm nhân chứng.

Giận dữ mơ hồ trùm phủ, những khuôn mặt quạu cọ, thấp thoáng mắt điên loạn. Nhanh! Nhanh! Nhanh nữa! Fuck! Nhấn ga, xịt khói. Shit! Đường dẫn tới văn phòng tiệm buôn hãng xưởng như những sợi dây điện căng, sắp đứt chạm, chuẩn bị toé lửa.

Người đàn bà viết xuống giấy: mơ màu xanh hoang, cánh đồng, tiếng hát cuả luá, bao la...

Một ông già cao giọng tuyên bố Việt Nam sắp khá rồi vì mấy thằng già kia sắp đi chầu trời hết ráo, rồi chuyển sang điệp khúc rền rỉ bọn con cái dâu rể ăn ở bần tiện tệ bạc. Mấy bà lão da trắng lẳng lặng quăng xấp vé số vào thùng rác, lủi thủi bước ra cửa.

Bên kia đường những con chim đã biến mất. Xuôi ngược vùn vụt, những chiếc xe tải vẫn ầm ầm lao tới nặng nề doạ nạt. Người đàn bà nhìn đồng hồ, hấp tấp nhét tờ giấy vào ví, rời quán, nhào lên xe, nhấn ga phóng tới sở làm, như một kẻ vừa mới ăn cắp.

TRÂN SA



**PHẠM HẢI ANH**

# Bình chân như vại



Tôi chào đời vào mùa xuân năm 68. Cả nhà đều mừng vì tôi là gái, nếu không thì thành ra "tam nam bất phú". Bố tôi định đặt tên tôi là Hồng Vân-áng mây hồng, nhưng mẹ gạt đi :"Thôi, mây với khói gì. Tôi cứ gọi nó là con Bình An. Nó con gái tuổi Thân, lại thời buổi bom đạn này, được thế là mừng!". Có lẽ mẹ mệt mỏi rồi. Hai anh tôi, một là Chiến, một là Thắng, nghịch như quỷ sứ. Nhà cửa cứ lộn nhào lên. Mẹ hi vọng tôi là sứ giả hòa bình.

Theo cách nào đó, tôi đã không phụ lòng mẹ. Anh Chiến và Thắng chẳng bao giờ xếp hàng mua nổi cho mẹ được một mớ rau muống. Còn tôi, khả năng kiên nhẫn của tôi là vô hạn. Từ hàng gạo quay ra cửa hàng rau, ngày mai là đậu phụ, nước mắm và cá biển. Chỉ cần mẹ ra lệnh là tôi cần mẫn đứng vào hàng người dài dặc để nhích dần đến lượt mình. Nếu nhà nước không xóa bỏ tem phiếu, có lẽ tôi sẽ hình dung tương lai mình là một gương mặt nhẫn nại giữa đoàn người, tay nắm chặt mớ tiền lẻ và cầu mong hôm nay mậu dịch về nhiều hàng.

Tôi học vào loại làng nhàng, được cái lúc nào cũng hạnh kiểm tốt. Bố mẹ chỉ việc ngồi ngáp dài trong các buổi họp phụ huynh vì

chẳng ai nhắc đến tên tôi, dù là khen hay chê. Rồi tôi cũng ra trường, xin được việc ở một tổ chức phụ nữ. Thỉnh thoảng tôi viết một hai bài vô thưởng vô phạt đăng báo. Anh Chiến bảo văn chương tôi như khoai lang, ăn chán nhưng dễ tiêu. Con tàu của tôi cứ xình xịch lăn đi trên đường ray bố mẹ đã lắp sẵn, chỉ còn thiếu một ông chồng. Thì cuối cùng anh ta cũng đến. Không sớm, không muộn. Đều đặn tuần ba tối thứ ba, năm, bẩy, anh ngồi đúng một cái ghế cố định và cùng gia đình tôi xem đến hết chương trình vô tuyến. Có một lần duy nhất, bất ngờ anh xô ghế đứng lên giữa chừng. Tôi bàng hoàng. Mẹ lo sợ. Nhưng anh chỉ gãi gáy và giải thích là vì mấy con kiến lửa từ trên xà nhà rơi xuống đúng vào cổ áo. Sau đó, anh xin phép mẹ đưa tôi đi chơi, bỏ ngang giữa mục Thời sự, mục anh thích nhất trên tivi. Tối hôm đó, anh cầu hôn tôi. Tôi thầm cám ơn mấy con kiến lửa. Có lẽ nó đã làm anh sợ phải ngồi mãi ở cái chỗ cố định ấy, mà chuyển đi chỗ khác thì anh không thể!

Tên tôi là Bình An và số phận như đã sắp sẵn cho tôi một tương lai như hồ Hoàn Kiếm, nghĩa là phẳng lặng và chẳng chạy đi đâu được. Nghe đâu người ta cũng nạo vét bùn hồ đôi ba lần, ra lệnh cấm câu cá, đổ rác và phóng uế. Rồi ngày lễ tết lại chăng đèn kết hoa lấp lánh. Đại thể, đời tôi thỉnh thoảng cũng chỉ có những biến động tầm cỡ ấy.

Tuần một lần, tôi về thăm mẹ. Mẹ than phiền với tôi biết thế đừng đặt tên hai anh tôi là Chiến và Thắng. Bây giờ, hai anh làm mẹ không được một phút yên lòng. Anh Thắng thì suốt ngày lo đánh quả. Châm ngôn của anh là phải sống cho "xịn", người ta có Dream thì anh cũng phải cưỡi Dream, người ta lắp xí bệt thì anh không thể ngồi xổm mà đi toa lét được. Căn phòng của anh một năm biến đổi mấy màu. Đầu tiên là ve xanh, rồi cạo đi quét vôi vàng nhạt, bây giờ là sơn lăn tường màu trắng đục... Mẹ tôi tiếc, trách anh thừa tiền đổ của xuống sông. Anh Chiến cười khẩy, bảo mẹ cứ yên tâm, thời đại đang tiến đến chỗ phục cổ, nó sẽ đập hết đi để dựng nhà sàn, mẹ và vợ nó sẽ được mặc váy thâm, nuôi lợn làm cảnh thay chó Nhật. Anh Chiến tôi dị ứng các loại mốt thời đại. Thời thiên hạ chăm chỉ học tập tu dưỡng mong kiếm được một chân biên chế thì anh bỏ đi buôn. Bây giờ người ta đổ ra làm kinh tế thì anh lại tìm thầy để học Yoga và Kinh Dịch. Mẹ tôi nửa đêm cứ giật thót lên khi nhìn sang giường anh, thấy anh ngồi xếp bằng sừng sững, tay bắt quyết, thở ra hít vào. Gần bốn mươi rồi mà anh chẳng chịu vợ con gì. Mẹ héo hắt cả người thấy anh nay lập ra kế hoạch ăn trường chay, mai lại định nhịn đói dăm ba ngày để thân tâm trong sạch. Mẹ chẳng khuyên được anh. Tôi và anh Thắng lại càng không. Dưới mắt anh Thắng, anh Chiến là loại người "rách việc, miễn

bàn". Còn tôi, bảng phân loại nhân loại của tôi chỉ có hai mục chính: tốt - xấu, bình thường - bất bình thường. Tôi xếp anh Chiến vào mục tốt và bất bình thường. Phần còn lại, tôi không lí giải. Xét cho cùng, tôi còn có nhiều việc để bận tâm hơn chứ.

Nhưng đùng một cái, anh Chiến bất chợt trở nên nổi tiếng. Một cách hết sức kì quặc. Thoạt tiên là bà trưởng phòng bỗng đâm bổ đến chỗ tôi, giúi vào tay tờ báo: "Đọc đi! Có phải là anh cậu không? ". Bài báo viết về anh Chiến, một nhà ngoại cảm trẻ có khả năng chuẩn đoán, chữa bệnh bằng nhân điện và đã thành công trong một số trường hợp nan y. Kể từ lúc đó, chuông điện thoại phòng tôi réo liên tục, toàn là anh em, bạn bè quen tôi hỏi về anh Chiến và nhờ tôi giới thiệu với anh. Cứ như là ai cũng mắc một bệnh cấp tính mà tin về anh Chiến làm họ nhói lên và cũng chỉ có anh mới chữa được. Tôi cũng đâm bán tín bán nghi, định bụng tối nay phải dắt cả nhà xuống gặp anh Chiến thử khám bệnh. Dù cả nhà tôi ăn ngủ khỏe như trâu lăn, chẳng thấy làm sao.

Buổi tối tôi đến, nhà mẹ đã chật ních người, chỉ có nhân vật chính là anh Chiến thì đi đâu mất. Mẹ cứ ngồi kể đi kể lại công phu luyện Yoga của anh. Người ngồi nghe nhất loạt gật gù bảo chả trách..., rồi lại khen nhà có ông ngoại cảm nên ai trông khí sắc cũng hồng hào, chắc hơi ốm là được truyền điện khỏi ngay. Anh Thắng hứng lên đề xuất bây giờ mà mở ngay phòng khám thì trúng liền, mà có thể kết hợp với cả mát-xa dân tộc rồi xông hơi thuốc bắc, nam; Đông Tây y kết hợp, cái gì cũng có. Anh còn bảo anh quen cả mấy ông thầy bói giỏi lắm, nếu cộng tác với anh Chiến thành nhóm Ykhohubi (Y khoa huyền bí) thì cực mĩ mãn. Tất cả lại ồn lên, mỗi người góp một ý. Tôi thấy tương lai đầy triển vọng, có lẽ chỉ còn lo khoản giấy phép mở văn phòng, mà một khi anh Chiến nổi tiếng như thế thì thiếu gì người giúp. Nói chuyện mãi đến mười một giờ thì con tôi lăn ra ngủ, nó mệt quá. Chồng tôi cũng đã nén ngáp bốn năm lần. Tôi biết anh nể lắm mới ngồi cố đến giờ, chứ với anh thì ngoại cảm với dòng điện sinh học là một cái gì tựa tựa như làm xiếc, xem cho vui chứ chả ích gì. Tôi đành chào mẹ, đi về mà bụng vẫn tiếc chưa gặp được anh Chiến.

Sôi nổi được vài hôm rồi cũng lắng xuống. Tôi gặp anh Chiến, nhờ anh truyền điện chữa bệnh sôi bụng. Cứ thỉnh thoảng bụng tôi lại sôi réo cả tràng như sấm rền, cả phòng nghe rõ mồn một, không còn ra thể thống gì. Anh Chiến cười bảo tại tôi tiêu hóa quá tốt nên chóng đói, buổi sáng cứ ăn chặt bụng vào là khỏi. Thế thì còn nói gì nữa Rồi tôi nghe anh cải chính nào là tay viết báo nhiệt tình quá nên hấp tấp, nhiều chuyện như thế nhưng thực tế còn nhiều nguyên nhân phụ, nào

là tất cả còn đang ở mức thử nghiệm, vân vân. Tôi nghe chả hiểu gì mấy nhưng cũng thấy chán. Từ đấy, ai có hỏi gì về anh Chiến, tôi đều ậm ờ bí hiểm mà rằng anh đang bận nghiên cứu, tập luyện thêm, “nhập thất” gì gì ấy, không gặp được đâu. Thế là yên chuyện. Anh Thắng tôi đã quên hẳn kế hoạch về nhóm Ykhohubi. Dạo này anh đang lao vào một mối làm ăn lớn, chả mấy khi nhìn thấy anh. Mà vợ chồng tôi cũng không có thời gian. Tôi phải chăm có mặt ở văn phòng hơn vì cơ quan mới thay giám đốc. Vả lại, tên tôi có trong danh sách tăng lương, lại có thể được đề đạt lên làm phó phòng... Chồng tôi cũng đang phấn đấu ghê lắm. Anh rỉ tai tôi cơ quan đang có vài suất đất, hi vọng mình được phân vì thâm niên công tác trên mười năm rồi, mà cũng được lòng sếp. Chúng tôi bàn nhau nếu may mắn được phân đất thì bán nhà cũ đi, xây chỗ mới cho khang trang và trích tiền đổi xe cho chồng tôi. Được thế thì nhất! Mẹ mừng lắm. Bà bảo chúng mày cứ cần cù mà ăn chắc như thế là yên phận, như thằng Thắng, tao có ở nhà lầu cũng giật mình thon thót, còn anh Chiến mày thì chả biết thế nào... Tôi thầm hả hê. Thì đấy, ba anh em tôi, không ai bảo ai, người nào cũng cho là mình đúng. Cứ để anh Thắng cười vợ chồng tôi mãi không lên nổi chiếc xe xịn mà đi. Cứ để anh Chiến chạy theo những kế hoạch viễn vông tầm cỡ thế kỉ. Tôi đã có mẹ là trọng tài. Chồng tôi vẫn nói đá bóng trên sân nhà, lại có trọng tài là người nhà mình thì yên tâm nhất! ./.

PHẠM HẢI ANH



NGUYỄN TƯỜNG GIANG

# Khi về Hà Nội

Hà Nội
những hè đường như ngõ hẻm
mái ngói rêu phong
tường vôi loang lổ
bàn ván ép khập khiễng
lề đường không lối đi
người lúc nhúc

Hà Nội
như một thành phố mới đào lên
bởi nhà khảo cổ
bụi thời gian
nhuốm đỏ những mặt người
như đất sét

Tôi ngồi ở vườn hoa Hàng Đậu
như 42 năm qua
đứa trẻ ngồi chờ bà cô đến nhận con nuôi
ôi, tôi người cao số
sát mẹ, sát cha, sát anh, sát chị
tôi được làm con nuôi về ăn bún chả
sống một ngày
sống đến bây giờ
còn những người thân thuộc
đã về đâu

Tôi đạp xe lên Nghi Tàm, Quảng Bá

đê Yên Phụ như vừa bị rải bom
mặt nhà tan tác
gạch vụn và đá sỏi ngổn ngang
tôi nhìn ra Hồ Tây
những hồ sen tàn
- những vườn hoa khai mùi phân bón
và những nhà cao ngói đỏ
như ngoại nhân nằm trên bụng
cô gái mặc áo vải nâu
hôi hám

Tôi vào làng Yên Phụ
căn nhà nơi bố tôi đã ở
là một bãi đất hoang
cây liễu bên hồ có người nhổ mất
có thể đã làm than củi đốt
qua một mùa đông
bố tôi chết ở đây
nghèo nàn và bệnh hoạn
ngày mẹ tôi đẻ tôi

Ôi Hà Nội của tôi
sao lòng tôi vẫn nhớ
như Hà Nội / trái tim tôi bé nhỏ
vẫn còn nhịp đập
sống còn

Bao giờ rụng hết lá bàng
tôi sẽ là con lá cuối

NGUYỄN TƯỜNG GIANG
*12.14.95 - 12.20.95*



**NHẬT TUẤN**

# Vườn vắng



"Xin mời ông..." Có tiếng cửa sắt rít lên han rỉ, tiếng khóa loảng xoảng, tiếng dế rúc trong bụi tre chìm ngợp trong đám dây leo bùng nhùng. Trận mưa đêm qua kéo bùn qua lối đi chôn những viên sỏi chắc một thời đã từng lạo xạo dưới những bàn chân dạo chơi trong vườn. Thưa ông, chỉ riêng hai chậu thiên tuế này nếu được tỉa tót lại cũng đáng giá cả chục triệu đồng. Ngày xưa... nó là quà sinh nhật của người ta tặng tôi, niềm tự hào của cả khu biệt thự. "Niềm tự hào" ấy đang bị những tùm búi dây leo cuốn quanh cổ và người ta chỉ nhận ra cây thiên tuế ở cái chỏm xanh nhọn hoắt nhô lên như mũi tàu đang chìm. Hai người đàn ông nối nhau đi theo vệt mờ ảo của con đường đ ng bị cỏ dại xâm lấn. Thưa ông... nơi đây trước là một vườn hoa hồng. Vợ tôi thích loại hoa này lắm. Tôi đã cho người đi sưu tập đủ các loại hồng ở khắp nơi nơi. Mỗi buổi sáng trở dậy, phong phanh trong chiếc váy mỏng, nàng thường đứng ở đây nâng niu hít thở từng nụ hoa. Lúc đó từ trên bao lơn cao kia, tôi nhìn xuống thầm cám ơn trời phật đã ban cho tôi một vưu vật quý báu dường kia. Không, không, cả nàng lẫn những luống hoa kia vẫn còn đó, kia kìa, ông có nhìn thấy không? Người khách e ngại lùi lại. Ông già này điên mất rồi, có thể ông bị ám ảnh bởi quá nặng nề những hình ảnh quá khứ khiến cho bây giờ ông vẫn còn nhìn thấy cho dù trong cái vườn hoang này chỉ còn có toàn hoa dại và cỏ lác. Hít một hơi thật dài điếu thuốc lá người khách đưa cho, ông già chủ nhà đã lấy lại bình tĩnh. Ông xin lỗi đã mất tự chủ khiến khách phải bối rối, tuy nhiên, ông cam đoan rằng rất nhiều buổi sáng thức dậy trên bao lơn kia, ông vẫn nhìn thấy nàng tươi cười giữa những luống hoa. Hai

người đi tiếp qua khu vườn hoang lác đác những chậu cây cảnh nứt toác, nằm lăn lóc hoặc cỏ dại mọc đầy. Một con thằn lằn nhô ra từ đâu đó cuống quýt chạy dọc theo vệt mòn lần theo những tấm bê tông lát đường ắt hẳn xưa kia vợ chồng chủ nhân thường cặp tay đi dạo.

Hai người dừng trước một khu đất trồng lúp xúp những cây chó đẻ. Thưa ông, ngày xưa chỗ này tôi tính xây bể bơi. Vợ tôi rất thích có một cái để rèn luyện thân thể. Tôi đã cho mời kiến trúc sư, thợ đã tới coi, vật liệu đã trở về, thế nhưng... tất cả đã quá muộn. Khách lo lắng nhìn chủ nhà, sợ ông già lại lên cơn thần kinh nữa. Nhưng không, ông ta trấn tĩnh lại ngay, dẫn khách bước qua những bậc tam cấp phủ đầy lá mục dễ chừng cả năm nay không quét qua được một nhát chổi. Hai người ngồi lại tiền sảnh trên một chiếc ghế gỗ kê cạnh bàn đá, vật dụng sang trọng còn sót lại sau trận bể dâu. Khoát tay ra khoảng không trước mặt, ông già lại chìm đắm trong những hồi ức. Thưa ông, khi làm ngôi biệt thự này, vợ tôi đã cẩn thận mướn cả thày địa lý Tàu về hướng dẫn. Nhà chếch 30 độ theo hướng Nam để đón lộc trời mà theo ông thày nói thường tới từ hướng đó. Kích thước tất cả các loại cửa đều đặt làm đặc biệt, dôi ra chẩn một xăng-ti-mét cho phù hợp với tuổi tôi và vợ tôi. Thế còn tường và móng? Cũng đều làm vượt tiêu chuẩn bình thường theo lời ông thày Tàu. Cả tháng trời tôi sưu tầm các kiểu kiến trúc nhà vườn, lại nhờ cả mấy ông trong Hội kiến trúc sư vẽ kiểu, rút cuộc vợ tôi đã chọn cái kiểu này đây, toàn bộ cách điệu thành con tàu đi trên biển, để lát nữa tôi đưa ông tới khu đồi đằng kia nhìn xem có giống hình con tàu không, chỉ tiếc rằng nó là con tàu mắc cạn trên đất và bây giờ đã trở thành con tàu... ma. Ông khách giật thót người: “Con tàu ma? Ông nói sao? Nhà này có ma hả?”

Ông già vội vã xua tay: “Không, không, không phải ma đâu, vợ tôi đấy, nàng vẫn trở về với tôi và chỉ mình tôi nhìn thấy thôi. Bây giờ, xin mời ông vào nhà khách.” Khách kín đáo buông một tiếng thở dài, ngần ngại nhìn cánh cửa cáu bẩn dẫn vào phòng khách mà chưa đặt chân vào ông đã cảm thấy một mùi ẩm mốc xộc lên mũi. Không đành lòng quay lui, ông theo chân chủ nhà bước vào căn buồng khá rộng, một bộ xa-lông góc nhà, một tủ ly lỉnh kỉnh những bình hoa, ấm chén và một con chó nhồi bông đã tróc cả lông. Khách bỗng rùng mình, con chó đó được chụp trong một tấm ảnh phóng lớn treo trên tường mà một người đàn bà rất đẹp đang ôm nó. Nhìn ánh mắt và vẻ mặt của khách, chủ nhà gật đầu xác nhận: Đúng nó đấy. Vợ tôi quý nó lắm, đi đâu thì chớ, về tới nhà là ôm lấy nó. “Vậy bà ấy đâu rồi?” Và một ý nghĩ ngộ nghĩnh lướt qua đầu: “Hi vọng là ông không nhồi bông bà

ấy chứ?" Như bị chạm vào cái phần nhạy cảm nhất, chủ nhà trầm mặt xuống, buông một tiếng thở dài: "Đi rồi, bà ấy đi rồi, tính tới hôm nay vừa đúng 3 năm 9 tháng mười một ngày." Vẻ mặt của chủ nhân làm khách lo lắng. Nó bất động như gương mặt của những hình nhân bằng sáp nhưng lại đầy vẻ chết chóc của một tên sát nhân. Những lớp bụi bám khắp nơi, mạng nhện buông xuống từ trên trần, căn buồng tranh sáng tranh tối trong im lặng quánh đặc đến rùng rợn. Tất cả đã đẩy tưởng tượng vị khách đi quá xa khiến ông lắp bắp: "Có phải... có phải ông đã giết bà nhà rồi chăng?" Ông già tiến lại gần ghé sát mặt vào mặt khác, buông một tiếng cười gằn: "Giết bà ấy ư? Tôi mà lại giết bà ấy ư? Xin mời ông sang đây."

Ông ta kéo tay vị khách, lôi đi sềnh sệch với cái vẻ cương quyết không thể chối từ. Qua hành lang tối và sâu hun hút, chủ nhà mở cửa một phòng và đẩy khách vào. "Thưa ông, ông nhìn coi, đây là phòng ngủ của vợ tôi, nó vẫn nguyên vẹn từ khi nàng bỏ tôi ra đi... Này đây là tủ quần áo, tôi xin mở cho ông coi, cả trăm bộ khác nhau vẫn treo nguyên như thế. Này đây là bàn phấn mỗi sáng vợ tôi vẫn ngồi ở đó cả giờ đồng hồ. Này đây là giường ngủ với gối đệm sắp đặt đúng như cái buổi sáng vợ tôi bỏ đi. Tôi đã mất biết bao công sức để duy trì cho được y nguyên mọi đồ vật của cái phòng ngủ này, một ngày nào đó trở về, nàng sẽ có cái cảm giác là mọi chuyện mới xảy ra mới hôm qua đây thôi. Nàng sẽ quên những năm sóng gió dọc đường và nàng lại yêu tôi tha thiết như những ngày năm xưa. Tôi yêu nàng đến như thế, vậy mà ông lại hỏi tôi có giết nàng không ấy ư?" Ông khách thành thực xin lỗi chủ nhà về sự xúc phạm tới tình yêu thiêng liêng của ông. Tuy nhiên ông không nén nổi sự tò mò để không đặt câu hỏi nó dày vò ông từ lúc ông đặt chân vào cái biệt thự hoang phế này: "Vậy thì bà nhà đi đâu?" Câu hỏi vang lên như một phát đạn xỉa vào chủ nhà làm ông co rúm người, lảo đảo khiến khách phải đỡ ông đứng dậy. Thưa ông, cuộc đời có những bất trắc mà ta không sao lường trước được, thật cứ như là sét đánh giữa lúc trời quang. Có thể ngờ được không, gia đình tôi êm ấm như vậy, vợ chồng tôi yêu nhau thắm thiết đến như thế, đùng một cái nó bỏ theo trai. Không, không thể tin được vậy và sự thực phũ phàng vẫn cứ đấm vào mặt ta những quả trời giáng. Những tháng đầu vợ tôi đi, tôi không chịu chấp nhận chuyện đó. Một bữa cơm tôi vẫn sắp chén bát chờ nàng, mỗi buổi chiều tôi vẫn cặp tay nàng đi dạo trong vườn, theo sau là con Kiki, mỗi buổi tối tôi vẫn sửa soạn giường cho nàng. Ông có nhìn thấy cái ghế xích đu ngoài cổng không? Đó, hằng ngày tôi và con Kiki ngồi ở đó chờ đợi. Mỗi tiếng xe rồ máy, mỗi tiếng động

ngoài cổng, mỗi tiếng người gọi... đều đập vào quả tim của tôi và quả tim con chó khiến cả hai chúng tôi cùng vểnh tai sáng mắt. Hết ngày dài lại đêm thâu, hết tuần này qua tháng khác, con Kiki mòn mỏi quá rồi. Tôi phải động viên nó: "Can đảm lên con, thế nào bà chủ mày cũng về, mua cho mày thật nhiều sô-cô-la, bế mày dạo chơi trong vườn và lại còn tắm cho mày nữa chứ..." Quả thực suốt mấy tháng không được bà chủ tấp táp săn sóc, con Kiki xơ xác bẩn thỉu, kém ăn biếng ngủ, thế rồi sự kiên nhẫn của con chó thua sút con người, một buổi sáng ngồi bên tôi, nó lịm dần và thở hơi cuối cùng. Không, tôi không thể chôn nó, nhất định một ngày nào đó nàng sẽ trở về ôm hôn nó, chính vì vậy tôi đã nhồi bông nó như ông đã thấy trong tủ ly đó. Than ôi, từ lúc đó, chờ đợi nàng chỉ còn mỗi mình tôi, mình tôi mà thôi. Này ông coi..."

Ông già chủ nhân rút trong ngăn kéo ra một tấm ảnh lớp chụp đôi vợ chồng trẻ âu yếm khoác tay nhau. Ông thử coi cái người chồng trong ảnh này có khác tôi lắm không. Rõ đúng là hệt như bố với con vậy, ấy thế mà chính là tôi cách đây có ba năm thôi đó. Ông có biết tôi bao nhiêu tuổi không? Tôi tuổi Ất Dậu, năm nay mới vào năm tuổi 49 thôi đấy, vậy mà có khác một cụ già bảy chục? Ông khách sững sờ nhìn chủ nhà. Trời ơi, sự chờ đợi đã làm ông già đi đến thế kia ư? Ông khách nắm lấy tay chủ trong một niềm thương cảm làm rưng rưng nước mắt. Thưa ông, tôi cứ chờ đợi như thế đúng một năm ba tháng thì bà ấy... trở về. Ông khách giật mình: "Bà ấy trở về?" "Thưa vâng, vào một buổi chiều như buổi chiều nay, tôi ngồi ở cái ghế xích đu như mọi ngày thì bà ấy đẩy cổng bước vào. Trời ơi, tôi lạnh toát hết cả người, thật không còn nhận ra cái người đàn bà vêu vao, xương xẩu, già nua kia lại là người vợ xinh đẹp của tôi. Có lẽ bà đã nhận hình phạt quá nặng nề khi bỏ tôi mà đi. Xin trời hãy cho thiên lôi đánh chết tôi đi, lúc đó chẳng hiểu ma quỷ trong lòng tôi núp sẵn trỗi dậy hay một trục trặc thầm kín nào đó, lẽ ra tôi phải ôm bà vào lòng, vuốt ve, an ủi, trời ơi tôi đã không làm như vậy, tôi đã đứng đực ra như đười ươi giữ ống, miệng há ra một tràng cười dài. Tôi cứ cười, cười mãi đến khi dứt tiếng cười tỉnh ra thì bà ấy đã đi mất. Tôi cuống cuồng chạy theo, đâm bổ đi các nơi tìm kiếm nhưng tuyệt nhiên không một dấu vết, không một tăm hơi cứ như là bà ấy đã lên trời hoặc chui xuống đất vậy. Từ hôm đó, tôi lại vẫn chờ đợi trên chiếc ghế xích đu kia, nhưng từ nay cùng chờ đợi với tôi còn có niềm ăn năn hối tiếc ngày đêm cào rách tim tôi. Cho tới hôm nay, vừa đúng ba năm chín tháng mười một ngày, tôi đã quá mòn mỏi, tôi không thể chờ đợi thêm được nữa, tôi quyết định bán toàn



## TÔN THẤT THƯƠNG

# Món quà cuối thiên kỷ?

...
Em triệt sản,
buồng trứng còn xanh những đứa con mơ
giãy khóc khi lìa thân thể mẹ.

Tôi là triệu phú
đầu tư vào ngân hàng tinh dịch
tặng em phần lời đầu tiên
một đứa lai tóc vàng mượt
hay một thằng nhóc đen chắc mẻm
những đứa con Việt
không thích nằm trong ống nghiệm em à!

Tôi đâu biết
em không thích món quà dị chủng
rấm rức khóc ...

TÔN THẤT PHƯƠNG

bộ cái khu vườn này. Ông là người khách đầu tiên tới mua và cũng là người đầu tiên biết được cảnh ngộ của tôi. Tôi xin bán rẻ cho ông chỉ bằng một nửa giá thị trường, tôi chỉ xin ông một điều, ông muốn làm gì cái nhà này thì làm, nó là quyền của ông, tôi chỉ xin ông giữ lại cái ghế xích đu kia, ngày ngày tôi ngồi chờ đợi bà ấy đến lõm cả mặt ghế. Tôi vẫn tin rằng bà ấy sẽ trở lại, xin ông đưa bà ấy đến chiếc ghế để kể về sự chờ đợi của tôi may ra bà ấy sẽ tha thứ cho tôi chăng?"

Đúng lúc đó, có tiếng gõ cổng theo một cái cách nào đó khiến chủ nhà cuống quýt: "Bà nhà tôi đó... bà nhà tôi trở về đó.." Ông chạy điên cuồng qua vườn hồng chết rụi, qua hai cây thiên tuế tiêu điều, qua biết bao kỷ niệm của một thời hạnh phúc. Ông mở tung cổng, không có ai, chỉ có một luồng gió thổi ào vào vườn làm xào xạc những chiếc lá khô bay tan tác...

NHẬT TUẤN



NGUYỄN NAM AN

# Bài lục bát gởi phương nam

Từ em váy ngắn lên cao
Tôi đi xuống đất máu nhào lên tim
Chẳng qua vì đất trời nghiêng
Em bao la giữa niềm riêng vô cùng

Đi về núi dựng từng không
Em buồn em núp giữa mênh mông đời
Giấc khuya kiếm một nụ cười
Sao em thơ cũ bùi ngùi cưu mang

Em Bắc-Kỳ-sinh-trong-Nam
Hành anh khốn khó thành hoang mang tìm
Em cười tủm tỉm và quên
Ngày đôi khi nặng đá mang qua đời

Phải chi em vẫn đây ngồi
Đọc thơ tình lạ của thời anh theo
Mây nằm lưng dốc đá treo
Anh neo tình đứng ngó theo chân người

Làm sao em biết đêm trôi
Làm sao em biết cây bùi ngùi trông
Làm sao em biết con sông
Chia dăm ba nhánh chia lòng phố kia

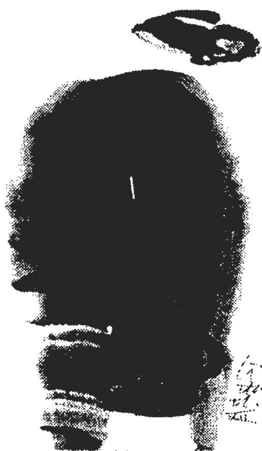
Lưng đèo anh biết mưa khuya
Đường đêm anh nhớ ai kia đứng chờ
Em còn bước nhỏ đêm mơ
Còn chân son vọng giữa tờ thư anh...

NGUYỄN NAM AN



**LÊ MINH HÀ**

# Đảo chết



Bà cảm thấy khó chịu. Rất khó chịu. Toàn những người xa lạ và phải giữ mãi trên môi nụ cười im lặng vô cảm cho phải lẽ. Bụng cứ như sắp nổ tung. Bao giờ bà cũng bị đầy bụng như thế khi ăn đồ biển. 'Thế mà mình đã quyết định.' Bà ngạc nhiên khi cảm giác chướng bụng vẫn còn có một ý nghĩa nào đấy đối với mình trong buổi chiều này.

Bà đứng dậy, với tay cầm cái túi da to phồng phềnh vá nhiều mảnh, tiện lợi nhưng hơi quá phóng túng với tuổi bà, nhẹ giọng với xung quanh: 'Có lẽ... Xin các chị thứ lỗi... Tôi về phòng trước... Vâng... Cảm ơn chị... Không sao đâu ạ... Tôi thường say xe vào những ngày nực quá thế này. Lát nữa lại xin gặp các chị ngoài bãi nhé...'

Một chút lao xao lo lắng cảm thông rất thật tình khi bà dời chân về phía cửa nhà hàng. Cơn gió thốc vào bà cái nóng hừng hực và mùi của biển. Không ai láng cháng làm gì ngoài bãi vào giờ này. Tất cả say lịm trong giấc ngủ giữa ngày vô tư lự hoặc nói nói cười cười đằng sau những cánh cửa nhà hàng máy lạnh. 'Mùa năm ngoái ở đây thì thật khác.' Bà nghĩ, nhẹ hẳn người khi không còn cảm thấy chờn chợn đằng sau gáy. Nơi đó, các tiếp viên nhà hàng đang tíu tít cốc chén đĩa bát và bàn tán đủ điều về khách khứa ra ra vào vào mỗi ngày.

*

'Bà ấy. Đúng là bà ấy mà. Bà ấy ở đây vào cuối hè năm ngoái. Đằng nhà khách tỉnh kia kìa. Em làm ở đấy hồi ấy mà.'

'Lắm chuyện. Bàn bốn người đằng kia đặt thêm cua rang muối nhớ mà tính tiền. Khéo quên mà lỗm. Người ta đến người ta đi. Tưởng mày nhận ra thằng cha nào dại gái cho chết... Bà ấy với chả bà ấy. Thì sao? Rõ chập.'

'Bà ấy... Chị không nhớ sao? Hè năm ngoái có một ông rơi từ trên núi xuống bãi đá. Ngoài đảo chim ấy. Đấy là người cuối cùng năm ngoái. Người ta bảo... Bê đĩa này ra hả chị?...

*

Bà tắt máy điều hòa không khí, kéo rèm, mở toang cửa sổ. Mặt trời vẫn còn cao và chói. Bãi tắm ngùn ngụt người. 'Nắng tỏa chiều nay... Chiều tỏa nắng đôi bờ anh ơi... Gió lộng đường khơi hướng chân trời... Biển lặng sóng... Khoan giọng hò thương anh cách vời... Kìa biển rộng... ' Bài này nhất Tân Nhân. Xướng ca thơ phú tình ái... Là nghiệp làm người ta khổ hay chỉ những người số khổ mới đâm đầu vào những nghiệp này? 'Em đừng hát bài này nữa. Em làm hỏng giai điệu. Mà tệ hại nhất cho em là người ta lập tức nhớ Tân Nhân'. Anh ta đã nói thế, thẳng thừng, khi giữ vai mình lúc ngồi ở hồ Tây. Anh ta bao giờ cũng thẳng thừng. Cả cái lúc nói với mình về đứa bé...

Bà kéo lại rèm ngăn nắng chiều rọi vào phòng, lấy ra hai bộ áo tắm, chần chừ. Bà chưa bao giờ phải băn khoăn về vóc dáng khi mặc đồ tắm. Đủ nõn nà, đủ thanh thoát, với một người đàn bà đã sắp vào tuổi năm mươi. 'Mẹ chẳng đẻ con như mẹ. Mẹ xem này, con cứ cao ngòng, chẳng biết giống ai.' Con gái bà hồi vào tuổi lớn vẫn ỉ ôi cam chịu như thế. Bà mỉm cười, rất buồn. 'Chưa bao giờ mình nói với con là đứa con gái nào cũng có lúc như thế. Mình toàn nổi cáu. Con không biết mình cũng hệt như con. Hồi xưa. Và anh ta đã nói mình trông như một cây xoan non mùa xuân...' Mình không tin là thằng con rể của mình tìm được một câu như thế để nói với con bé. Mà anh ta có muốn thành ông bố vợ công khai?... Anh ta biết mình đã giữ con sau buổi tối cuối cùng đó... Cái ý nghĩ này như một cái rễ khô đâm nhoi nhói trong đầu bà, khi bà đã nằm dài trên bãi tắm sát mép nước cùng mấy bà mấy cô cùng đoàn.

*

Người con gái trả lời bố rất dịu dàng:

- Vâng bố ạ. Mẹ đi nhiều nhưng thực ra có được nghỉ đâu... Cả

một năm nay. Thế mà mẹ thì càng ngày càng có vẻ yếu. Bạn con vừa khám cho mẹ... Vâng... Con xui mẹ đi theo đoàn du lịch giời ơi thế này. Rứt hẳn khỏi công việc, chẳng ai biết ai. Thế mới là vui...

Ông bố gục gặc đầu, ầm ừ gì đó trong khi mắt vẫn dán vào màn hình máy tính. Người con gái chậm chạp xoay người nhìn bố, cái nhìn nửa rừng rực nửa u tối:

- ...Mà có khi rồi bố cũng phải thu xếp đi một chuyến như thế. Không gần thì xa. Bố suốt ngày... Bố không nghe là con bảo nhà con khuân máy về bên con đấy. Con cũng đang cần. Ông ngoại thì sẽ trông cháu.

Ông bố lại ầm ừ gì đó trong họng, mắt rời màn hình dán thẳng vào cuốn sách, ngón tay gõ cách cách trên bàn phím. Ông không nhìn thấy ánh mắt đứa con. Nếu thấy, ông sẽ hoảng sợ. Có cái gì như thương hại, như không nương nhẹ trong đó.

'Bố này thì không biết mình không phải là con ông. Bố kia thì không muốn biết mình là đứa nào. Ông ấy chỉ chằm bặp mỗi thằng lỏi ấy. Mà điều chắc chắn là nó sẽ không đau buồn gì nhiều khi sống với mẹ nó. Biết đâu cảnh nó cũng hệt như mình... Đáng đời ông ta. Đáng đời nó. Đáng đời mình. Thế nhưng mẹ...

'Mình đã tự ghi tên cho mẹ tới vùng biển ấy. Sẽ ra đảo. Chương trình ghi rõ. Mẹ có biết mình không vô tình? Mẹ phải nhìn lại nơi đó. Phải nhớ. Phải nghĩ. Nhưng có lẽ mẹ đã nhớ và nghĩ cả một năm qua và khổ lắm. Không ích gì...'

Ý nghĩ điên dại trườn từ gáy xuống lưng cô. 'Mẹ phải chịu trừng phạt. Một cách nào đó. Có thể là đi tới đấy và nhìn. Cũng có thể là một cơn gió... Người ta bảo ông ấy lúc ấy phải gió... Bố...'

Cô gái đưa tay giữ hai bên hông nặng nhọc đi loanh quanh trong phòng, kinh hoàng: 'Đứa bé của mình sẽ như thế nào đây? Giống ai?'

*

Có thể làm như tuyệt đối không quen nhau trước. Nhưng không thể không nói với nhau. Công việc... Quỷ quái... Mình đã quen anh ta cũng vì công việc. Kết quả đề án đó cuối cùng bị xếp xó. Nhưng ai cũng được lộc, là một chuyến đi. Không ai biết mình và anh ta, hai người tham gia đề án đó có một kết quả khác. Đứa bé đã đến với thế giới này vào lúc nào? Mình mong là trong buổi chiều ấy. Nắng ròng ròng, trong vắt, ấm. Mình nhắm mắt trong suốt khoảng thời gian đó. Hoàn toàn im lặng. Nhưng phút cuối cùng... Đấy là ngày cuối cùng của

mình và anh ta ở đất nước ấy. Chuyến bay mười bảy tiếng. Chồng mình ra đón. Ông ta mới đáng sợ làm sao. Ông ta biết hết. Chắc chắn là ông ta biết hết. Cương vị của ông ta khi đó... Thiếu gì kẻ thích làm người trung thành. Toàn bọn ngu ngốc. Nhưng thực ra thì cũng là một kiểu can đảm. Nếu mà mình định chứng tỏ cái đức tính hèn hạ đó mình sẽ không bao giờ nói về những chuyện kiểu như thế... Sẽ coi như không biết gì. Để cho thiên hạ biết mình tường tận những việc người ta rồi ra thể nào cũng muốn giấu thì thế nào cũng có ngày chuốc vạ. Anh ta đã từng khuyên mình đại loại thế. Anh ta đúng, rất hay đúng. Còn chồng mình thì như mọi người nói, tốt, rất tốt. Ông ta làm mình bủn rủn vì sự tốt bụng của ông ta. Chắc chắn là ông ta biết hết...

Anh ta thật tự nhiên. Bao giờ anh ta cũng tự nhiên. Không ai biết rằng...

- Ha. Vậy là xong. Hội nghị thành công tốt đẹp phải không chị? Như người ta vẫn viết... Địa phương này chu đáo thật. Thế chứ! Từ giờ mình cứ phải kiến nghị hội nghị hội nghiếc gì cũng nên tổ chức ở những nơi phong cảnh hữu tình như thế này...

'Hữu tình! Đến như nơi ấy là cùng chứ gì? Những bức tượng... Bãi cỏ... Hoa...Trắng. Xanh. Nói chung là rực rỡ. Những phố cổ với những bức tường dây leo nở hoa vàng thẫm.. Đảo và những ngôi nhà hóng mát. Một thứ Hồng Lâu Mộng tây... Còn ở đây... Đảo đá xám mốc, nham nhở. Biển vật ầm ầm. Nghe nói tỉnh đã quyết định nâng cấp nơi này thành khu du lịch. Chỉ vì có một huyền thoại. Một ông thầy già và mấy cô cậu sinh viên trẻ vừa sưu tầm được câu chuyện hoang đường đó trong chuyến dắt díu nhau về đây thực tập. Đất nước này sao mà lắm huyền thoại không có hậu. Người thì hóa đá. Người thì hóa chim. Toàn những kiếp đàn bà. Những người đàn bà xóm chài nhếch nhác với đàn con bụng ỏng, những người đàn ông lóp ngóp đẩy te vào bờ mỗi buổi sáng, chắc cũng thế cả thôi mấy trăm năm trước. Thế mà họ đã bịa đặt ra được một huyền thoại ghê gớm thế. Giá cái giọng của tay trưởng phòng văn hóa huyện đỡ khê hơn thì huyền thoại đó sẽ hấp dẫn hơn...

*

Biển gào lên khiếp hãi. Con người sao mà điên khùng thế. Lẽ nào họ lại muốn thử thách nhau bằng cách ấy! Lẽ nào nếu cô gái trong trắng thì cô sẽ không chết khi gieo mình từ trên vách núi xuống bãi đá này!

Xóm chài tụ tập gần chỗ cô gái đứng. Vách đá cheo leo. Cả sườn núi bên dưới đã bị sóng gió phạt đi từ đời đời kiếp kiếp nào.

Chàng trai cô yêu cũng đứng kia. Chàng không thể làm gì được cho cô. Lúc này. Chàng chỉ có thể... Nhưng sau này... sau này...

Biển hổn hển. 'Trời ơi con người!' Và chỉ kịp hít mạnh rồi tự mình lùi thật xa khỏi bãi đá. Tiếng thét của cả đám người trên kia bị át đi trong tiếng biển rền.

Bãi đá từ đó thôi không ngập trong sóng. Ngay cả lúc triều dâng. Chim ở đâu về đông lắm, ăn quanh bãi đá. Những con chim gầy guộc, phờ phạc. Lẫn trong xam xám nhờ nhờ lúc nhúc của bầy chim thỉnh thoảng lại thấy một đôi cánh chim trắng muốt. Đấy là hóa thân của cô gái ngày xưa. Người ta kể rằng những người vô tội chết ở nơi này sẽ hóa thành chim trắng, trắng như một tia chớp trước giờ biển bão.

Ông trưởng phòng văn hóa đưa tay chỉ miếu Cô mời mọi người vào thắp hương. 'Thiêng lắm!' Rồi lầm bầm thêm: 'Nhiều người tin thế.'

*

Mọi người đã lục tục quay đi. Còn mỗi người đàn ông và người đàn bà chùng chình. Chẳng có gì là hữu tình. Đã cuối hè rồi. Đã mùa bão rồi. Tiếng chim vọng lên từ bãi đá, ai oán, đơn điệu, nhức óc.

- Còn chàng trai kia đâu nhỉ? Anh ta phải biết rõ rằng cô gái trong trắng hay không chứ? Lẽ ra anh ta cũng phải nhảy từ trên vách núi xuống bãi đá theo cô gái, khi người yêu vô tội rút cục vẫn chết đứ đừ. Huyền thoại... Huyền thoại bao giờ cũng thế. Toàn mang chuyện phi lý biện giải cho sự ngu muội. Em có thấy không? Nếu nghề nghiệp của chúng mình cũng lại tòi ra một huyền thoại chứa đựng toàn những điều kỳ cục thế thì đúng là thảm họa. Em có muốn thử nhìn một cái xuống dưới kia không? Lại đây! Lại đây!

'Anh ta gọi mình là em. Cứ như thể... Trời ơi! Mười ngày qua anh ta 'chị tôi' thản nhiên đến thế với mình. Và hai sáu năm rồi. Dù thế nào người ta cũng không gọi mẹ của con mình là 'chị'. Còn chồng mình thì bao giờ cũng 'em'. Người ta cũng không thể thiết tha dịu dàng như thế với một người vợ, khi biết rõ là...'

Người đàn bà nuốt tiếng cười khan, đến gần mép đá nơi người đàn ông đứng giang hai tay trong dáng vẻ tự tin đầy quyến rũ. Gần. Gần hơn. Người đàn bà bước tới, mỗi lúc một chậm, mắt nhìn người đàn ông không rời, đưa tay ra như để giữ thăng bằng. Có cái gì vừa loé lên trong mắt người đàn bà làm người đàn ông khiếp hãi. Ông ta bước lùi, bước..., vẫn giữ nguyên nụ cười trên môi, và... Đáp vọng lại tiếng

thét của cả hai người là tiếng đập cánh phần phật, tiếng quang quác của bầy chim như một khối mây đen vừa vùn vụt dâng từ biển lên.

*

Người đàn bà bỏ bữa ăn sáng đã được đặt trước cho cả đoàn. Đến lúc mọi người đã thu xếp chỗ ngồi trên ca nô gần xong bà mới xuất hiện. Dáng đi nhanh nhẹ. Nụ cười lịch lãm. Rõ là kiểu tự tin của người có nhiều thứ trên đời và được đời nể nang, thật khác thường trong đám người không có nơi nào mời mọc chèo kéo phải tự bỏ tiền túi ra đi nghỉ như thế này. Chỉ có đôi mắt bà ta... Mắt người sốt.

Giọng hướng dẫn viên du lịch ngắc ngứ như kiểu một học sinh đột nhiên quên nửa chừng câu khi trả một bài học qúa thuộc: 'Người ta kể rằng... kể rằng...'

Bầy chim bay vụt lên. Tiếng cánh vỗ. Tiếng kêu inh ỏi. Tai nạn bất ngờ làm chuyến ra đảo chim phải dừng trước khi đoàn du lịch đến được miếu Cô. Cả đoàn lục tục leo xuống phía núi bên kia đảo, lên ca nô trở lại bờ. Mặt đám đàn bà nhợt nhạt. Đám đàn ông thì lao nhao kể tiếp cái đuôi của huyền thoại nơi này.

Cô gái hoảng sợ thì thào:

- Mới sáng nay bà ấy còn ngồi đối mặt với chúng mình. Bà ấy không hề kêu. Không hề kêu? Hay tại vì tiếng chim. Mà sao nhiều chim thế?

- Đừng sợ em. Đừng sợ. Người ta bảo năm nào ở đấy cũng có người rơi. 'Cô' kéo đi làm người hầu hạ. 'Cô' chọn mặt trước rồi. Nhưng thật ra chỉ là tai nạn. Bãi biển nào chẳng thế vào mùa hè... Chỉ la một tai nạn...

Chàng trai nhiệt tình an ủi người yêu. Đầu máy móc tiếp tục ý nghĩ của cô gái. 'Kinh qúa thật. Bầy chim ấy. Lúc nhúc. Tanh tưởi. Mà đúng bà ấy không hề kêu. Rơi mà không hề kêu. Không thể nhìn thấy gì nữa vì bầy chim bay lên. Sao quá ít những con chim cánh trắng.'

Hai người trẻ tuổi nhìn nhau. Chàng trai dữ dội ghì vai người yêu. Cô gái hoang mang mỉm cười, môi vẫn còn run rẩy. Biển mệt mỏi trườn ra khỏi bóng núi, nhận vào lòng sức nóng hân hoan của mặt trời buổi sáng, tiếp tục rền lên âm điệu vĩnh cửu của mình.

LÊ MINH HÀ
*1999. 20.5. 2000*



**NGUYỄN BỰ**

# Dấu son lúc năm giờ

từ lúc yêu em anh đã bỏ được thói quen sau khi âu yếm mồi lia lịa điếu thuốc này qua điếu thuốc khác thay vào đó đờ đẫn thộn người ra mặc tình em vọc vạch tìm tòi những dấu vết mới, năm thì mười họa mới gặp nhau một lần, mặt anh đã có tàn nhang rồi nè, lại thêm cái nốt ruồi mới mọc anh há, kỳ thiệt, tới tuổi này còn mọc nốt ruồi nữa sao, anh hư quá chẳng biết cẩn thận gì hết bị dao cạo râu sớt cho một mảng da rồi đó thấy chưa, bờ môi hơi khô vì lười uống nước chứ gì, không chịu nghe lời em cái đồ làm biếng, ủa cái này sao nó cứng mãi hay quá không như cái của em, chỗ này bỗng dưng lại có cái mụn em đụng mạnh có đau không...

em vẫn có thói quen để nguyên đôi giầy cao gót choàng qua anh rồi úp người xuống hôn lên đỉnh trán, em cao rồi cần chi chơi đôi giầy cao nghệu vậy hở em, cái kiểu bây giờ nó thế, em thích mà, em yêu cái mũi anh nhất vừa to vừa dầy dặn dễ thương quá, nằm kiểu này để diện tích mình tiếp xúc với nhau được nhiều nhất, biết tại sao em tránh đeo nhẫn đeo đồng hồ đeo bông tai không vì sợ làm trầy da thịt anh đó, hay quá lúc nào anh cũng thơm phức, ui da, thơm quá, mặc dù em đoán mấy hôm rồi anh không tắm, hứ, làm gì có chỗ mà tắm hết tiền bị chủ nó đuổi ra khỏi nhà là phải, ai biểu lúc có không biết dành dụm cứ dẫn bạn bè đi cà phê cà pháo ăn nhậu đã điếu tưng bừng, thôi, tính toán làm gì em, nhân sinh đắc ý tu tận hoan, chuyện nhỏ mà, đừng nói với

em anh là cục đất biết di động, lúc nào mà anh chẳng giống con ma nói gì hôm nay.

ba tháng gặp lại nhau em không khác gì nhiều trừ đôi mắt dễ dàng thả rơi những giọt lệ đâu như những lần trước luôn sáng lên ánh tự tin và bất cần, sợ anh không có ai nấu cho bát canh rau cũng khóc, sợ anh không có đủ tiền sài cũng khóc, sợ trời đang nóng như điên thế này nhằm lúc cái xe anh bị bể hộp máy lạnh cũng khóc, sợ anh khiêng đồ nặng bị đau cột xương sống cũng khóc, sợ tối qua anh ngủ không được cũng khóc, sợ sáng nay lật đật lái xe đi thăm em quên uống thuốc bổ cũng khóc, sao dạo này em lạ quá, hễ chút là rơi nước mắt được, gật đầu hứa yêu em suốt đời rồi mà, ai gởi email anh cũng sẽ không trả lời anh thề nè, chỉ có con chó này mê anh chứ ai thèm, ờ mà tại sao em yêu anh vậy, cố uống thuốc cho hết bệnh đi em coi bộ em xanh hơn kỳ trước...

năm giờ chiều em đeo cái ví trên vai, cúi lưng gài đôi giầy, đưa tay quệt chỗ mí mắt vẽ bút mực mascara bị những giọt lệ làm lem ra giống đôi mắt con chồn hoa, em về đi em kẻo trễ bây giờ, thôi đừng tiễn em ra cửa, ngồi đây đi anh, em cúi xuống hôn trán, hôn má, hôn mũi, nhớ anh quá, em phụng phịu, chưa đi đã nhớ anh rồi nè, em ngồi thụp xuống dưới chân, cầm hai bàn tay anh, em hun tay anh nè, hun tay anh nè, lật bàn chân dính đầy sơn bẩn và bụi đường, cho em hun chân anh một miếng, rồi em hôn miếng nữa, chưa hề hôn chân ai hết, biết không, ngốc tử, để yên em hôn thêm miếng nữa, sao biết đủ rồi, em muốn hôn tới ba lần cơ, dấu môi son mầu phấn hồng từ lúc bốn giờ khi em đến đã không còn, chỉ còn dấu nước miếng từ môi em ở lại trên chân anh, khi em về.

NGUYỄN BỰ



**NGÔ TỰ LẬP**

# Socrate

** Tặng Tiến Lập*



Dưới mặt trời thiêu đốt, mặt Anytus (1) đỏ bừng vì giận dữ. Ông nói với đám đông đang chen chúc trên quãng trường.

Cái tên Socrate ấy, tên du thủ du thực chuyên lừa đảo núp trong cái áo thụng và những lời lẽ ba hoa về đạo đức, kẻ ngông cuồng nhất trong những kẻ ngông cuồng, kẻ độc ác nhất trong những kẻ độc ác, cái tên Socrate ấy, hắn sẽ phải chết. Hắn là nhà triết học ư - với những câu hỏi dai như đỉa đói của hắn? Hắn là nhà ái quốc ư - với hành động phản loạn của hắn? Các vị đây, có ai là người không biết hắn: cái trán hói vì rượu, cái mặt to tròn bủng vì mỡ, đôi mắt như cú. Có trời mới biết hắn làm gì để sống. Hán thóa mạ thần linh bằng cái thân hình bẩn thỉu, hắn đầu độc tuổi trẻ bằng những ngôn từ phù thủy. Lũ đồ đệ trẻ tuổi và nhẹ dạ của hắn luôn mồm tụng niệm theo hắn rằng cuộc đời không có bàn luận về triết lý là cuộc đời không đáng sống. Thử hỏi, ai đã tìm cách lung lạc tinh thần dân chúng? Ai đâ khuyến khích tên trưởng giả Alcibiade nổi loạn? Cũng chính hắn! Đến thánh thần hắn cũng không tha. Các ngài hãy tưởng tượng xem, một buổi sáng đẹp trời, thằng con trai yêu quí của ngài, thíng con trai mà trước đó chỉ biết hocc hành và ngoan ngoản vâng lời, đột nhiên kéo bạn về lật đổ bệ thờ. Tôi đoan chắc với các ngài rằng, nó đã ăn phải bả của tên triết gia nửa mùa ấy. Kết quả là nền dân chủ bị phá vỡ, tôn giáo bị xói mòn, xã hội lâm vào cảnh hỗn độn, như các vị đã thấy. Vâng, tất cả mọi tội lỗi đều do hắn mà ra. Cho nên, tôi nhắc lại, thưa các ngài, vì chính nghĩa và sự công bằng, tên Socrate ấy sẽ phải chết!

Trong đám đông có nhiều học trò của Socrate. Nghe thấy thế họ oà lên khóc.

Những đồ đệ của Socrate thuộc đủ mọi thành phần và từ khắp mọi nơi. Trước khi theo Socrate, họ đã học được nhiều điều bổ ích ở những nhà triết học tiền bối. Họ nghĩ Socrate cũng như Thalè và Héraclite, hay như Parménide và Zénon. Nhưng hóa ra ông là người khác hẳn. Một lần, nhân đề cập đến Pythagore, Socrate nói với họ:

- Đi tìm bản thể và khám phá những định lý của thế giới bên ngoài, đó là những nỗ lực đáng khen. Nhưng đi tìm bản thể và những định lý của thế giới bên trong mỗi con người còn đáng khen hơn gấp ngàn lần hơn. Bởi chẳng có cây cỏ, trăng sao, sông núi nào sánh được với con người.

Ông nói tiếp:

- Triết lý bắt đầu khi người ta biết hoài nghi, nhất là hoài nghi niềm tin của chính mình. Biết đâu, những tư tưởng có vẻ khách quan lại chỉ là những ước vọng trá hình? Người ta hay nhắc đến hai chữ công bằng. Nhưng công bằng là gì? Và liệu có thể đem hai chữ ấy để giải quyết vên đề sống chết của đồng loại hay không?

Bây giờ người ta dùng chính hai chữ ấy để bắt ông phải chết, vì thế đám học trò của ông không sao cầm được nước mắt. Những người học trò này về sau đã cố gắng tìm cách cứu Socrate. Họ hối lộ cho viên cai ngục hai chục ngàn drachme (2) và ông ta đã đồng ý làm ngơ cho Socrate trốn đi. Nhưng Socrate đâ từ chối, cũng như ông đã từ chối việc cầu xin đám đông tha tội. "Các con chỉ chôn cái thể xác của thầy mà thôi!" Ông nói vậy với những học trò gần gũi. Ông vẫn khinh thường phán quyết của đám đông.

Trong đám người có mặt trên quãng trường hôm đó có cả Xanthippe. Bà đứng không vững nữa, đôi vai từng chịu đựng những cú đánh dữ dội nhêt của cuộc đời giờ co rúm lại. Nét mặt bà thật buồn thảm nhưng bà không khóc. Với lối suy luận đàn bà, Xanthippe tin rằng chỉ có bà hiểu rõ khí phách của ông. Thực ra, Socrate không phải là một người chồng mẫu mực, nếu không nói là vô trách nhiệm. Chính Xanthippe cũng đã có lần gọi ông là một kẻ du thủ du thực mà suốt đời chẳng bao giờ giúp vợ con được lấy một mẩu bánh hay một đồng xu nhỏ. Nhưng Xanthippe hiểu hơn ai hết rằng bà không bao giờ có thể yêu ai khác ngoài ông. Một tình yêu dai dẳng và có lẽ là vô căn cứ. Bà thích đàm đạo với ông. Xanthippe nhớ những buổi trưa trong mảnh vườn nghèo nàn nhưng râm mát. Socrate trở về từ quán rượu hay từ một gốc cây dưới một ngôi đền nào đó. Xanthippe vá lại một trong những chiếc áo thụng của Socrate,

và ông bắt đầu với những câu hỏi nhiều khi làm cho bà rối trí. Thực tình, bà cũng không hiểu rõ lắm những điều ông nói. Có lẽ bà chỉ say mê âm điệu của chúng, hoặc là bà chỉ say mê giọng nói của ông, một giọng nói trầm trầm, hơi đục vì rượu nhưng êm áp và gây nghiện.

Xanthippe ngước nhìn vẻ mặt đắc thắng của Anytus, lòng đau thắt lại với ý nghĩ rằng rồi đây bà sẽ chẳng bao giờ còn được nghe giọng nói thân yêu ấy nữa.

- Ôi, tôi chỉ biết một điều, đó là điều tôi không biết gì hết.

Hình như bà đã bất giác thốt lên thành lời, chính là lời Socrate.

Xanthippe nhớ lại một buổi sáng mùa đông u ám chừng bảy tám năm về trước. Socrate trở về trước khi tia nắng đầu tiên rọi sáng cửa sổ phía đông, nơi ông đặt chiếc bàn đọc sách bằng gỗ thông đỏ đã chuyển sang màu nâu xỉn. Ba ngày đêm liền Socrate không về nhà. Nhưng điều đó không có gì đáng ngạc nhiên, ông vẫn thường vắng nhà như vậy. Những cuộc đàm đạo không bao giờ dứt cuốn ông và lũ đồ đệ như những cơn gió cuốn lá khô rong ruổi khắp mọi nẻo đường, chỉ đôi khi dừng chân trên những quãng trường, trước các đền đài hay trong quán rượu. Không có gì lôi cuốn ông hơn là những triết lý. Với chiếc áo choàng thụng thịnh, ông bước đi khoan thai dưới những hàng cây cao vút, những đền thờ nguy nga đang phô trương quyền lực của thần linh và nền dân chủ.

Lần ấy, cũng những triết lý giữ chân Socrate và đám học trò tại quán rượu kiêm quán ăn của lão gù. Không ai biết tên thật của lão, nhưng lão lúc nào cũng khư khư một chiếc gậy gỗ đã lên nước bóng loáng. Nghe nói lão có tài chữa bệnh.

Trong đám học trò chỉ có Platon vắng mặt vì một lý do vặt vảnh nào đó không đáng nói. Sự vắng mặt tình cờ này về sau gây ra một sự hiểu lầm nho nhỏ.

Không một ai, kể cả Socrate, nhớ rõ họ nói những gì, nhưng cuộc tranh luận đã kéo dài hai ngày hai đêm liền. Đêm thứ ba, khoảng nửa đêm, có ai đó đấm mạnh vào cái thùng rượu rỗng. Lão gù sực tỉnh, cuống quít cho người đi mua thêm rượu. Nhiều người quả quyết rằng số rượu mua thêm là rượu giả, bởi vì sau đó ai nấy lần lượt lăn ra ngủ, còn Socrate, tuy không ngủ, nhưng cũng ở trong trạng thái mơ màng.

Gần sáng, lão gù dùng gậy đánh thức Socrate dậy, đám học trò dậy theo. Ông chủ quán nghếch cổ lên từ cái lưng gù, trông như một con rùa gầy, yêu cầu thanh toán. Như thường lệ, đám học trò chia nhau trả tiền. Nhưng lão gù nói với Socrate:

- Thưa ông Socrate kính mến! Đêm qua ông còn gọi thêm của quán chúng tôi một con gà quay.

Thật ra chưa bao giờ có một chuyện kỳ quái như vậy xảy ra với Socrate. Tửu lượng của ông khiến cho nhiều người phải kinh ngạc. Ông chưa bao giờ từ chối những cốc rượu được mời nhưng cũng tự hào là không bao giờ để cho mình rơi vào cảnh say sưa. Khi uống rượu ông thường ăn rất ít, hơn nữa, gà quay cũng không phải là món ông ưa thích.

- Ồ không xin chớ có đùa, thưa ông! - Socrate nói - Tôi có say đâu.

- Vâng, nhưng điều đó chẳng liên quan gì đến chúng tôi - lão gù lạnh nhạt trả lời - Ông mua gà của quán chúng tôi, vậy thì hãy cho chúng tôi xin nhận một số tiền không nhiều không kém hơn so với giá của nó.

Socrate cảm thấy hết sức bối rối.

- Hay là ông không có tiền? - Lão gù lại hỏi.

Đúng là Socrate không có đồng xu nào trong túi. Nhưng đó không phải là điều quan trọng. Trong đám học trò ông có rất nhiều người giàu có, họ sẵn sàng trả giúp ông, nếu như món nợ là có thực.

Đám học trò nhìn nhau. Lão gù nổi tiếng là một tay xảo quyệt, điều đó ai cũng biết.

Lão gù mỉm cười đầy ý nghĩa:

- Vậy là ông không có tiền. Nhưng ông có thật lòng tin rằng ông đã không gọi gà quay của quán chúng tôi trong lúc say rượu hay không?

- Tôi tin, tôi tin chắc vào điều đó! - Socrate gần như kêu lên.

Lão gù vẫn tiếp tục nụ cười của hắn:

- Vậy thì, thưa ông Socrate, xin ông hãy cứ tin như vậy! Vì niềm tin ấy, ông sẽ không phải trả tiền con gà quay ấy nữa đâu.

Cả Socrate, cả đám học trò của ông đều không hiểu nụ cười của lão chủ quán. Không ai nói một lời nào, họ ra khỏi quán như những người thất trận.

Vẻ bối rối của Socrate đập vào mắt Xanthippe. Đó là lần đầu tiên ông không còn giữ được vẻ ung dung, thư thái. Bà nhớ rằng từ giọng ông thoang thoảng phà ra hơi rượu. Đáp lại những câu hỏi của bà, ông nói:

- Tôi chỉ biết một điều, đó là tôi chẳng biết gì hết!

*

Socrate bị xử phải uống thuốc độc. Những giây phút cuối cùng của đời ông được Platon kể lại vô cùng cảm động trong cuốn *Phédon*:

*Chúng tôi ngồi đợi ở phòng ngoài, lòng buồn vô hạn. Ông cũng như cha, bây giờ ông chết, chúng tôi không khác gì những kẻ mồ côi. Giờ mặt trời lặn đã gần kề. Khi ông trở lại, lại ngồi với chúng tôi, chuyện trò rất ít. Chẳng bao lâu, người giữ ngục đi vào, đến gần ông và nói: "Ông thật là người cao qúi nhất, hiền lành nhất trên đời. Chắc ông sẽ không cỉm ghét tôi giống như những kẻ vẫn thường chửi bới, mắng nhiếc tôi khi tôi tuân theo lệnh trên, đem thuốc độc vào đây cho họ uống. Xin ông hiểu cho rằng, tôi với ông không có thù hằn gì. Chúc ông can đảm chịu đựng." Nói xong người giữ ngục oà khóc và "ô mặt đi ra ngoài.*

*Socrate đáp với theo: "Tôi sẽ làm như lời ông nói và xin chúc ông mọi sự tốt lành." Quay về phía chúng tôi, Socrate nói: "Người đó rất tốt với thầy. Nhưng Criton, con ơi, hây đem chén thuốc vào đây!" Criton nói: "Thưa sư phụ, mặt trời hãy còn trên đỉnh núi. Nhiều kẻ đợi trời tối mới uống, và trước khi uống thuốc họ có quyền ăn no say!" Socrate đáp: "Những kẻ ấy làm rất phải, vì họ có lợi trong sự chần chừ, nhưng ta thì không thấy có lợi gì khi uống chén thuốc độc chậm hơn một chút. Hãy làm như ta nói, xin đừng từ chối!"*

*Lát sau người giữ ngục cầm chén thuốc độc đi vào. "Uống xong ông nên đi dạo một lúc, khi nào cảm thấy nặng ở hai chân thì nằm xuống, thuốc sẽ ngấm dần lên đến tim" - Ông ta nói rồi đưa thuốc cho Socrate. Socrate nhận lấy một cách vô cùng nhã nhặn: "Tôi có cần phải dành một phần chén thuốc để dâng cúng thần linh không?" Khi người cai ngục nói rằng ông ta chỉ chế thuốc vừa đủ, Socrate bèn vui vẻ nâng chén lên môi.*

*Từ trước đến giờ chúng tôi cố nén đau buồn, nhưng khi thấy ông uống cạn chén thuốc, chúng tôi không còn cầm lòng được nữa. Nước mắt tuôn trào, tôi ôm mặt khóc. Không phải tôi khóc ông, mà chính là tôi khóc tôi từ nay vĩnh biệt tôn sư...*

Platon kể tiếp:

*Socrate đi dạo một hồi cho đến khi cảm thấy nặng ở chân, rồi nằm xuống đúng theo lời dặn. Người giữ ngục quan sát tay chân ông, đè mạnh xuống hai bàn chân và nói: "Ông có cảm thấy gì không?" "Không" - ông đáp. Người ấy lại đi lần lên phía trên, vừa đè vừa hỏi. Socrate lấy tay ấn thử và nói: "Khi nào thuốc ngấm đến tim là xong."*

*Khi lạnh đến thắt lưng, Socrate bỏ miếng vải che mặt và nói:*



## HOÀNG XUÂN SƠN

# Đợi chờ

Vào hàng
phắc
nghiêm
nghỉ
cuộc đời trò chơi phí
vào hàng vào hàng
đêm cùng quẩn bu miệng chai
ngửa cổ uống tràn
men đắng men cay
tụt xuống
ngoài trời chân không trăng sữa
lả
làm gì có người con gái tên hoa
hương lẫn vào hốc
tối.

HOÀNG XUÂN SƠN

- *Criton, ta nợ Asclepius (2) một con gà, con nhớ trả* (4)!

*

Platon đã ghi lại chính xác câu nói cuối cùng của Socrate?

NGÔ TỰ LẬP

(1) Anytus: Nhà lãnh đạo Athènes.
(2) Tiền Hy Lạp. Theo tài liệu cổ thì tiền công của công dân và nô lệ Hy Lạp làm việc trên các công trình xây dựng thường vào khoảng 1 drachme mỗi ngày. Xem H. Francotte, L'industrie dans la Grèce anciene. Bruxelles 1990, trang 316.
(3) Asclepius: Con trai của Apollon với một cô gái người trần, được thần nhân mã dạy chữa bệnh và săn bắn. Asclepius bị thần Deus giết chết vì dám chữa cả cho người chết sống lại và người ta thường cúng gà trống cho ông. Biểu tượng của ông là cây gậy và con rắn.
(4) Chúng tôi dịch câu nói nổi tiếng của Socrate qua bản tiếng Pháp: "Criton, nous devons un coq à Esculape. Payez cette dette, ne soyez pas négliegents." Xem Platon, Phédon, GF - Flammarion, Paris, 1991, trang 309.



QUỲNH DAO

# Sợi tình.



Bà Thị Nhụy Trần, nhũ danh Lê, 34 tuổi, gốc Á đông... Đây là câu bắt đầu trong hồ sơ bệnh lý của tôi.

Tôi mới 34 tuổi, tôi còn trẻ tôi còn đẹp. Mắt tôi vẫn sáng, da tôi vẫn mịn, bụng tôi vẫn sát, đùi tôi vẫn thon. Trên ngực, chiếc vú bên mặt nhỏ tròn vẫn vừa vặn trong nắm tay của chồng tôi, còn bên trái phải gọi là gì cái mặt phẳng bọc da này?

Ông bác sĩ giải phẫu nói với tôi:

-Trong lúc chờ đợi chỉnh hình, bà hãy đeo miếng mút độn ngực cho đỡ thấy chênh lệch.

Ngực chênh lệch thì dùng mút để độn, còn đầu chênh lệch thì dùng gì để nâng?

Đầu tôi đang chênh lệch, đầu tôi đang mất thăng bằng, đầu tôi đang quấn khăn trắng để tang cho một phần thân thể đã bị mất, để tang cho chiếc vú đã bị cắt.

Tôi là người đàn bà một vú, làm sao mà tôi không chênh lệch? làm sao mà tôi không mất thăng bằng?

Ông bác sĩ nói:

-Vài tháng nữa, tôi sẽ làm cho bà một chiếc vú khác gần giống như vú thật.

Có phải không? hay đó chỉ là một nhúm thịt mỡ chắp vá vào

ngực?

Người ta vẫn thường nói đôi vú là biểu tượng của người đàn bà, được ca tụng được chiêm ngưỡng được vuốt ve. Đáng thương cho cái biểu tượng của người đàn bà nơi tôi, nó chột một mắt, nó què một chân, nó cụt một tay. Có ai trầm trồ một biểu tượng sứt mẻ không? có ai nâng niu một biểu tượng tàn phế không?

Chỉ trong vòng mười ngày thôi mà tôi khỏe mạnh nguyên vẹn trở thành tôi đau yếu khiếm khuyết. Cơn lốc mười ngày cuốn hút tôi trong cú điện thoại của người bác sĩ gia đình báo tin có một tý nghi vấn trên tấm ảnh chụp vú, trong cái hẹn gấp cùng ê kíp bác sĩ chuyên khoa tại viện ung thư Gustave Roussy, trong những thử nghiệm lấy máu khám tim... Và đến khi thức dậy trên giường bệnh, tôi mê mê tỉnh tỉnh như thấy thiếu vắng một cái gì đó. Tôi vẫn bấp bênh trong trạng thái mơ hồ lãng đãng ngay cả lúc cô y tá đến tháo băng và khen vết mổ lành nhanh chóng, tôi thoáng nhìn thật nhanh ngực mình phẳng lì một bên như một cái gì thật xa lạ không phải của mình. Giọt nước mắt trào ra khi tôi đưa tay lên xoa nhẹ trên ngực, giọt nước mắt ràn rụa khi tôi không tìm ra khối tròn nóng ấm quen thuộc. Và chỉ lúc đó tôi mới biết mình đã mất mát, chỉ lúc đó tôi mới nhìn ra cái mặt phẳng trên ngực là của mình, và chỉ lúc đó tôi mới hiểu giọt nước mắt rơi xuống là để tang cho phần thân thể bị cắt xẻo.

Chồng tôi rất tốt, nhưng anh càng tốt bao nhiêu tôi càng mặc cảm bấy nhiêu, anh càng cố tự nhiên như không có gì thay đổi tôi càng thấy mình khác biệt với khi xưa.

Tôi cần thời gian để đội khăn tang, tôi cần khoảng cách để làm quen với thân thể xa lạ này, tôi cần lắng đọng để chấp nhận cái bản sắc mới của người đàn bà nơi tôi.

Màu trắng bao phủ gần hết căn phòng, nhìn đâu cũng là trắng, trắng tái của sơn trần, trắng đục của giấy in hoa nổi dán tường, trắng nhợt của thảm vinyl lót sàn. Ngần ấy trắng khiến cho căn phòng thật sáng, nhưng không phải thứ ánh sáng dễ chịu đằm thắm mà là thứ ánh sáng gay gắt sỗ sàng, nhắc nhở đây là bệnh viện, đây là chỗ của mọi người, đây không của riêng ai, đây không phải cho riêng tư. Riêng tư là ở nơi khác, là ở nhà trong phòng ngủ vàng mỡ gà thân quen ánh sáng đồng lõa hay trong phòng khách xám khói hương thanh thản ánh sáng dịu dàng.

Ở đây ánh sáng lột trần con người ra, bóc địa vị chức tước, tháo giàu sang nghèo hèn, phơi bày toàn diện cái xấu xí của bệnh hoạn và cái ác độc của khổ đau. Ở đây ánh sáng sống sượng nhưng công bằng.

Buổi chiều dài như không bao giờ hết. Chiếc đồng hồ báo thức chậm chạp lắc lay từng tiếng một, như phải nghỉ lấy hơi giữa hai tiếng tích tắc. Tích tắc...nghỉ...tích tắc...nghỉ...tích tắc...Một phút có sáu mươi giây với bao nhiêu tích tắc và bao nhiêu lần nghỉ? một giờ có ba ngàn sáu trăm giây, phải còn đến bao nhiêu tích tắc và bao nhiêu lần nghỉ nữa để đến tối, để sang ngày mới?

Nhụy muốn bước xuống giường đến ngồi ở ghế mây bên cửa sổ, nàng xoay người thật nhẹ dò dẫm tìm thế để ngồi dậy. Chiếc giường cao nên chân nàng không chấm đất, Nhụy chống hai tay lên cố trườn người xuống. Vết mổ trên ngực nhói buốt như lưỡi dao xoáy vào, dưới giường lò xo khe khẽ thở dài ngầm chia sẽ nỗi đau.

Nhưng tôi không kịp khóc thương, tôi không kịp tiếc nuối, tôi không kịp thì giờ để tang cho phần thân thể bị mất, vì cái tang này chưa phải là đoạn kết mà chỉ là khởi đầu cho con đường tôi sắp phải đi. Một tuần sau khi mổ, một ngày trước khi ra về, người ta báo tin cho hay kết quả thử nghiệm không tốt và tôi sẽ phải trở lại bệnh viện để qua hai ải trị liệu «nặng».

Mới đó mà cái phần thân thể vừa mới tách rời khỏi tôi bỗng thành xa lạ, nó bây giờ là khối thịt nổi u, nó bây giờ là chùm hạch tròn, được cắt từng lát mỏng lúc nhúc những tế bào ung thư dưới kính hiển vi, tôi bây giờ tùy thuộc nơi nó, nó nắm lấy sự sống còn của tôi, nó quyết định cho tương lai của tôi.

Bà Thị Nhụy Trần, nhũ danh Lê, 34 tuổi, gốc Á đông, ung thư vú trái, mổ ngày...

Ông bác sĩ chuyên khoa về ung thư chăm chú đọc hồ sơ bệnh lý và phác họa cho tôi nghe chương trình trị liệu:

-Bà sẽ qua ba tuần chạy quang tuyến và cùng một lúc tiếp hóa chất vô người trong vòng bốn tháng. Con đường sắp đi sẽ vất vả gian nan nhưng ê kíp chửa trị luôn luôn bên cạnh...

Tôi ngạc nhiên, ngạc nhiên đến hoang mang, vì mình quá bình thản khi ngồi nghe ông bác sĩ nói về chương trình trị liệu, không khác gì đang ngồi nghe quảng cáo chương trình du lịch tại một cơ quan thương mại.

Trong lòng bằng phẳng mặt hồ không gợn sóng xúc động , trong đầu sạch bóng như lau không nhúm mây ưu phiền. Tôi chai cứng tôi ù lì, bao nhiêu xúc cảm như đã bị tê liệt. Bình thản bắt tay chào ông bác sĩ, bình thản lấy métro về nhà, bình thản ghé tiệm chạp phô nơi đầu

xóm của ông Ả rập, bình thản chọn mua một cây cải xà lách tươi non, bình thản nói chuyện trời mưa trời nắng với bà hàng xóm, bình thản kể chuyện trong điện thoại cho chồng về cuộc hẹn buổi sáng tại bệnh viện. Tôi ở đó nhưng ba hồn chín vía tôi đi đâu, tôi đứng đó nhưng tôi đã trở thành người máy robot, người máy thì làm sao có tình cảm, người máy thì làm sao biết buồn biết lo biết sợ. Tôi-Người máy nghe nhạc tình Khánh Hà, đọc sách chưởng Kim Dung, ăn cơm tối với chồng món bíp tết kèm xà lách trộn dầu giấm, xem phim cao bồi «bắn súng cỡi ngựa» trên truyền hình, và chỉ lúc vô giường, trong vòng tay che chở của chồng, hồn vía tôi mới nhập lại lay tỉnh Tôi-Trần thị Nhụy thức dậy. Bàn tay chồng tôi vuốt nhẹ trên tóc và dần dần đưa xuống xoa nơi chóp mũi, cái cử chỉ thân quen nồng ấm tình vợ chồng như đã vừa mở chiếc cửa nhốt khóa tình cảm trong tôi. Tôi mềm nhũn trong xúc động đang ồ ạt như đê vỡ, lòng ngun ngút lo sợ cho tương lai.

Và mưa tức tưởi giọt nước mắt, và gió nức nở tiếng nghẹn ngào, và tay chồng tôi vuốt đều trên tóc cho đến lúc tôi thiếp ngủ trong tiếng vỗ về bên tai...

Hai tay chống xuống đất, một đầu gối co lại, một đầu gối gập đụng đất, đằng sau hơi nhổm lên, người thí sinh chạy đua đang tập trung tinh thần đợi tiếng súng hiệu nổ để phóng người ra trước. Trong đầu không có ai cả, không có huấn luyện viên, không có gia đình, không có bè bạn, không có khán giả, chỉ có chân sải dài, tay kẹp sát , đầu ngước thẳng, ngực thở đều. Là tôi đấy, là tôi đang lấy đà, là tôi đang dọn trớn, là tôi đang sắp sửa chạy thi trên sân đua chỉ có hai đối thủ: tôi và Bệnh. Bệnh viết chữ hoa vì Bệnh là con ác quỷ hung hăng dữ tợn, Bệnh đã cướp mất một phần thân thể của tôi nay lại lăm le muốn giựt luôn cả cuộc sống. Tôi phải chạy đua, phải qua mặt Bệnh, Bệnh là những tế bào ung thư đang nằm vùng trong tôi, một tế bào sanh đôi, hai tế bào sanh bốn, bốn tế bào sanh tám..., chúng nó đang nhân thành hai, thành bốn, thành tám... sanh sôi nẩy nở và lấn chiếm từng phần thân xác. Sự sống tôi đang bị lung lay, bây giờ trước mắt không chỉ là cái tang của một phần tôi nữa mà là cái tang của tôi trọn vẹn đang ám ảnh đe dọa...

Một lỗ đục trên ngực, chiếc ống dài ngoằn ngoèo chạy qua da, dẫn hóa chất nhỏ giọt vô người tôi, không phải chỉ một hóa chất mà nhiều hóa chất đang giúp tôi chiến đấu với con ác quỷ ung thư. Từng micron, từng ly, từng phân thịt xương phải dành giựt lại nhanh chóng. Hóa chất vào dọn sạch rừng cây bệnh, quang tuyến đến đốt tận gốc rễ

trả chỗ cho những mầm tươi tốt nảy nở, và một tế bào lành mạnh nhơn thành hai, hai tế bào lành mạnh nhơn thành bốn, bốn thành tám, tám thành...Và tôi sẽ bình phục, và tôi sẽ khỏe mạnh, và tôi sẽ trở lại giống như xưa,... gần giống như xưa.

Tôi đang đợi đến phiên mình vô chạy quang tuyến, mỗi ngày mỗi trở lại nơi này tôi gần như quen hết những khuôn mặt ở đây. Họ cũng thế, họ cũng gặp mặt tôi hằng ngày đến đợi như họ. Những thân hình tiều tụy, những khuôn mặt hốc hác, những chiếc cổ đen sạm, những bàn tay cháy nám, không ai nhìn đến ai, không ai nói với ai. Họ đấy, những người cùng ngồi đợi với tôi mỗi ngày ở nơi đây. Tôi cố tìm một tia hy vọng, một thoáng tin tưởng trên mặt họ, nhưng vô ích chỉ là đám sương mù bao quanh khuôn vườn tâm tư của mỗi người.

Tôi bước vô ca bin cởi áo để trần đợi cô y tá gọi vô phòng chạy quang tuyến. Trên tường treo một bảng lớn với hàng chữ: -Bệnh viện không chịu trách nhiệm về tiền bạc hay nữ trang bị mất. Người ta nhắc đến tiền bạc nữ trang bị mất, nhưng người ta không nhắc đến nhân phẩm bị mất, người ta quên đi nhân phẩm, vì ở đây không có chỗ cho nhân phẩm, vì ở đây không có người bệnh mà chỉ có căn bệnh. Trần thị Nhụy không còn là bà Trần thị Nhụy mà là bà ung thư vú, Jean Dupont không còn là ông Jean Dupont mà là ông ung thư dạ dày, con người không còn được biết dưới tên mình, mà dưới tên của nơi bị bệnh. Đừng nhớ đến nhân phẩm khi nằm trên đi văng khám, thân hình để trần phơi ra dù cho xấu xí dị dạng khiếm khuyết. Cây thước đo trên vùng bị bệnh, cây viết vẻ những lằn kỷ hà ngang dọc trên da, thế là xong người bệnh đã được làm dấu. Cái máy chạy quang tuyến làm việc quần quật không nghỉ, người bệnh xếp hàng ra vô không ngừng. Người «đứng» cho máy chiếu vào khung mực làm dấu sẵn trên người «nằm». Giữa hai người, «đứng nằm» khác nhau, không có lấy một lời nói chuyện, không có lấy một câu hỏi han. Sau đó ra ngoài đưa miếng thẻ cho cô y tá ghi giờ hẹn cho ngày mai, và thế là xong.

Tại sao tôi lại tủi thân, tại sao tôi lại chua xót, tại sao tôi lại thấy người ta lạnh lùng vô tình, tôi phải thấy họ cũng chới với trước sự đau khổ, tôi phải thấy họ cũng hụt hẩng trước cái biên giới mập mờ giữa sống và chết, tôi phải thấy họ nhút nhát không dám bộc lộ tình cảm, và nhất là tôi phải thấy mình được an toàn trong sự chăm sóc của họ.

Nhụy qua hai tuần lễ đầu tương đối không khó, ngoại trừ trong người lúc nào cũng thấy gật gờ ngầy ngật và cánh tay trái bị sưng nên cử động hơi đau. Ngoài lúc đi chạy quang tuyến và đi thoa nắn bắp tay, thì giờ còn lại chỉ để ngủ. Nhụy cần ngủ chứ không cần ăn, nàng nghe

mơ hồ như chồng nàng đang dỗ ăn, nàng nghe mơ hồ như đang trả lời: -em không đói chỉ muốn ngủ. Và Nhụy ngủ, ngủ li bì, ngủ say mê, ngủ như chưa bao giờ ngủ, ngủ như đã thiếu nợ với giấc ngủ, ngủ như để trả hết vốn lẫn lời. Trong giấc ngủ, Nhụy thấy núi đang nổi giận khạc lửa và biển đang gầm thét phun sóng.

Căn phòng ngủ mê trong bóng chiều chạng vạng. Đối diện chiếc giường hai chỗ là bức ảnh chân dung phóng to chiếm gần hết bức tường. Bên trái, tủ áo chạy dài đến cửa kính mở ra ngoài ban công, bên phải, khít cửa ra vào bàn phấn dựa sát vào kệ sách cao gần đụng trần. Nhụy nằm thiêm thiếp trên giường, khắp người ê ẩm đau nhức, tay chân mềm xèo như bông gòn. Hậu quả của thuốc, thuốc nào? thuốc chống ung thư, thuốc chống nôn, thuốc chống nấm, thuốc chống đau, thuốc giúp bạch huyết cầu, bây giờ Nhụy uống thuốc còn nhiều hơn ăn cơm, thuốc nước thuốc viên thuốc chích, thuốc sáng thuốc trưa thuốc tối, thuốc nằm trong máu làm bạn với nàng ngày này qua ngày khác.

Im lặng quá. Bên ngoài không một tiếng lá lao xao, không một tiếng trẻ la khóc. Trong phòng, đồng hồ báo thức kín đáo nhốt tiếng tích tắc và phiến gỗ lót sàn giữ kẽ không trở mình. Im lặng quá, im lặng như đe dọa, im lặng như trong mộ.

Nhụy với tay bật công tắc đèn. Căn phòng thức giấc với bức ảnh chân dung nở hoa hạnh phúc của vợ chồng nàng. Nơi bàn phấn vài thỏi son héo hon đứng ngồi. Trên kệ sách, giò lan cánh mềm mại trắng hồng sáng rực rỡ một góc tường.

Thế đấy chồng Nhụy luôn luôn tế nhị. Lần hẹn hò đầu tiên nơi quán ăn, trên bàn có bày giò lan trắng, Nhụy trầm trồ khen hoa dịu dàng thanh thoát, và từ đó mỗi năm đến sinh nhật ngày hẹn anh đều tặng nàng giò hoa trắng.

Hôm nay là ngày nào? không lẽ là ngày sinh nhật? trời ơi tôi không còn một ý niệm nào về ngày tháng nữa, thứ hai thứ ba thứ bảy chủ nhật? bây giờ tất cả thời gian hoàn toàn cô đọng vào những ngày đến bệnh viện tiếp hóa chất.

Tưởng đã biết rõ người đàn ông tôi gọi là chồng từ hơn mười năm nay, thật ra anh vẫn làm tôi ngạc nhiên. Cũng người đàn ông này khi hung bạo khi dịu dàng đã đưa sự đàn hồi dục tính của tôi đến chốn cộng hưởng cùng cực, cũng người đàn ông này bây giờ đang kiên nhẫn bón cho tôi từng muỗng cháo thìa canh. Cũng người đàn ông này lúc trước dè xẻn từng lời nói, cũng người đàn ông này bây giờ mỗi

đêm nằm bên tôi thì thầm «khi nào em khỏi bệnh». Khi nào em khỏi bệnh, mình đi thắp nhang lạy Phật ở khắp tất cả chùa tại Pháp. Khi nào em khỏi bệnh mình đi Lourdes hành hương như người có đạo. Khi nào em khỏi bệnh mình đi Venise dạo thuyền, khi nào em khỏi bệnh mình đi Hòa Lan ngắm hoa uất kim hương nở, khi nào em khỏi bệnh mình đi... Và tôi gật đầu hứa sẽ đi cùng anh...

Từng bụm tóc vương vãi trên gối lúc thức giấc, từng nhúm tóc nằm trong tay khi xoa nhẹ lên đầu. Trên lớp da đầu trắng bệch, loe hoe vài đốm tóc xác xơ đang cố nấn ná bấu víu, nơi bàn phấn chiếc lược vẫn nằm đó ...bên cạnh mái tóc giả. Nhụy sa sút bết bát thấy rõ, khối sinh lực đang tan dần thành chất lỏng, bỏ nàng lại yếu ớt như con sên.

Buổi chiều đi làm về, chồng tôi lấy ở trong cặp ra một hộp nhỏ:

-Anh có mua sâm Cao Ly, người ta nói loại hồng sâm này là thần dược trị bá bệnh. Chỉ ở Belleville mới có bán, mấy chỗ khác không tin được, nói là hồng sâm nhưng làm sao biết là không pha sâm xấu vào. Tiệm này được bộ Y tế Pháp cấp giấy phép đàng hoàng chứ không phải kiểu bán chui muốn nói thánh nói tướng gì cũng được.

Rồi mỗi tối, anh lui cui ngâm vài lát thần dược trong ly nước sôi để cách đêm cho tôi uống.

Buổi chiều đi làm về, chồng tôi xách một bịch ny lông Tang Frères đầy ụ.

-Anh có mua trái khổ qua, người ta nói ăn khổ qua hầm trị bệnh rất tốt.

Buổi chiều đi làm về, chồng tôi viết thơ về Việt Nam nhờ tìm mua rể cây nhãn lồng.

Buổi chiều đi làm về, chồng tôi điện thoại qua Mỹ nhờ mua chỉ cúc.

Buổi chiều đi làm về,...

-Anh nghe người ta nói...

Buổi chiều đi làm về,...

-Anh nghe người ta bày...

Những người ta này là bạn của em gái của... , cô chồng của chị vợ của ..., dì của chị họ của..., những người ta này đều bị ung thư vú, đều đi mổ, đều trị bằng quang tuyến và hóa chất, đều dùng thêm hồng sâm hay khổ qua hay rể cây nhãn lồng hay chỉ cúc hay... và đều... lây lất khập khiễng.

Ôi tình vợ chồng, đã rót thêm nghị lực và ý chí đang lụn dần trong tôi như nén nhang thắp trên bàn thờ.

Đoạn đường chạy thi giữa tôi và Bệnh chỉ mới được hơn phân nửa, tôi chỉ mới qua xong chặng thứ sáu trên mười của chương trình trị liệu bằng hóa chất, nhưng tôi đã đuối sức mệt nhoài . Chùm tóc cuối cùng đã rụng, đầu tôi trần trụi như ngày mới rời lòng mẹ.Từng kí lô thịt xác ngoảnh mặt ra đi, hai mươi kí hay hơn nữa, tôi không nhớ, đúng hơn tôi không muốn nhớ lần cuối trèo lên cân lúc nào. Mũi ngửi chi cùng thấy hôi thúi lưỡi nếm gì cùng nghe tanh tưởi, tôi gần như bỏ ăn luôn. Người tôi tọp lại như con tép rim nhiều lửa, chiếc vú mặt teo nhỏ gần bằng mặt phẳng bên ngực trái chỉ cách đó vài tháng tôi định để tang.

Bây giờ mỗi lần đến bệnh viện để tiếp hóa chất, tôi lại bàng hoàng nhận ra đây mới là chỗ của mình, đây mới là thế giới của mình với những người giống mình, những người đồng loại với mình. Chung quanh tôi, là những xác chết còn tươi, những bộ xương biết cử động, những mái tóc giả đội xộc xệch, những hố mắt sâu quắm, những cái nhìn cam chịu buông xuôi, những nét mặt nhớn nhác lơ láo. Ở đây cái bất thường không phải là chiếc đầu trọc lốc mà là mái tóc dày rậm. Ở đây cái quen thấy không phải là gương mặt hồng hào ánh mắt tinh anh mà là gương mặt xanh mét ánh mắt lạc thần. Tôi mệt quá, tôi đau quá. Tim tôi mới 34 tuổi mà sao thoi thóp muốn ngừng, phổi tôi mới thở 34 năm mà sao nhọc nhằn muốn tắt. Thuốc chống đau chỉ ngăn được phần nào trận bão sóng dìm tôi vô cơn đau tận cùng xương tủy, nhưng không nhốt được những đợt sóng nhỏ đang âm ỉ quất roi trên tôi. Người tôi nát nhừ như bị dần trong cối, cái chày đá liên tục nện xuống giã tôi ra lụn vụn. Đừng bắt tôi uống thuốc, đừng bắt tôi chích thuốc, đừng bắt tôi vô hóa chất, tôi không muốn làm gì nữa, miệng cứ buốt lỡ, bạch huyết cầu cứ ra đi, xương thịt cứ bị đục ruỗng, tôi đầu hàng tôi chịu thua tôi bỏ cuộc. Tôi không chống đối nữa, vì Bệnh ở trong tôi lâu ngày Bệnh ở với tôi lâu tháng, Bệnh đã trở thành bạn-bạn bất đắc dĩ-, Bệnh cùng ăn với tôi, cùng ngủ với tôi, cùng thở với tôi và sẽ cùng đi với tôi. Hãy để tôi nằm yên, hãy để tôi ngủ say, ngủ say một giấc dài...

Nhụy nằm thiếp trên giường, hai lõm mắt trũng sâu trên sọ dừa nhẵn thín, thân hình nàng dẹp lép như lá lúa, từng khúc xương nối liền bọc sát trong lớp da xanh nhợt. Chồng Nhụy nâng đầu nàng lên thật nhẹ, như sợ làm gãy chiếc cổ mỏng manh, anh đút chầm chậm muỗng cháo hoa vô miệng nàng. Ngụm cháo chạm vô vết lỡ trong miệng làm rát buốt như xát muối, Nhụy nhăn mặt lắc đầu ra dấu muốn nằm. Nàng mê man trở lại, chiếc áo ngủ hơi phập phồng theo nhịp thở dốc.

Giấc ngủ nở hoa với cô bé Nhụy súng sính trong chiếc áo đầm hồng mẹ vừa may, váy lót bằng nhiều lớp vải hồ cứng khiến cho áo xòe rộng khi cô bé quay tròn, cô bé đi thật chậm không dám chạy vì sợ té làm rách áo mới, chung quanh ai cũng trầm trồ khen cô bé xinh đẹp, cô bé thấy mình giống nàng công chúa như trong các chuyện cổ tích bắt đầu bằng «ngày xưa có ông vua bà hoàng hậu sanh được một cô công chúa...».

Giấc ngủ nở hoa với cô Nhụy học sinh lớp nhất lần đầu tiên đi đò về quê nội bên cồn. Không phải cô hay ông lái đò mà là thằng nhỏ lái đò da đen sạm tóc đỏ hoe, trên người chỉ độc nhất chiếc quần đùi. Khách qua sông chuyền tay nhau chiếc hộp thiếc đựng tiền đò và với lấy chiếc ghế thấp úp hai bên khoang để xuống ngồi. Mặt sông óng ánh sắc bạc của nắng xế ngọ khẽ cau mày khi mái chèo rẽ nước. Chập chờn sóng gợn từng lát nhỏ như lát sương sa mát lạnh mẹ để dành trong chén cho cô bé sau giấc ngủ trưa ngầy ngật; ở nhà ba gọi là sương sa, mạ xa Huế đã lâu nhưng vẫn gọi đông sương, còn con nhỏ bạn Bắc kỳ thì kêu thạch.

Giấc ngủ nở hoa với cô Nhụy mắt ướt tuổi trăng tròn ngồi buồn vu vơ trước bài thơ tình chép bằng mực tím trong quyển vở học trò.

Giấc ngủ nở hoa với cô Nhụy thẹn thùa núp sau đóa lan trắng để tránh cái nhìn đắm đuối của chàng trai ngồi bên cạnh.

Giấc ngủ ngột ngạt với Nhụy dò dẫm tìm lối ra trên con đường núi hẹp lổn ngổn đá nhọn, đầu nhức bưng dưới lữa trưa, chân tươm máu vì cạnh đá sắc. Giấc ngủ đe dọa với Nhụy bị vây bủa trong rừng khuya đen nghịt, oằn người dưới ngọn roi cành lá đang tới tấp quất vào nàng. Giấc ngủ bất trắc với Nhụy giãy giụa trong vùng sương mù dày đặc càng lúc càng đông cứng lại thành khối đá trắng nhợt...

Gian bếp nhỏ nhưng gọn gàng, cái gọn gàng thiếu thứ tự thiếu như ly như lau của bàn tay người đàn bà. Trên kệ, lọ cà phê đứng lẻ loi trong góc xó, thẩu mứt bỏ bạn đến nhập bọn với hũ chao, ve nước mắm, lọ xì dầu. Trong tủ, chén dĩa chồng chất hỗn độn không phân biệt chén lớn chén bé, dĩa sâu dĩa cạn. Nơi chạn, ly cốc đứng nằm úp ngửa xô bồ, trên mình lấm tấm vết nước khô. Tất cả như trông ngóng nữ chủ nhân trở lại.

Người chồng bỏ chén cơm xuống bàn, hạt cơm nấu bằng gạo mới đầu mùa thoắt chốc trở thành sạn đá trong miệng. Anh ngồi thừ ra ngó đăm đăm chiếc ghế đối diện, nỗi buồn đặc quánh trong lòng. Giọt nước tròn rơi xuống mằn mặn trên môi, cái vị mặn này tưởng đã quên từ dạo anh còn là cậu bé lên tám. Ba cậu bé bảo con đến nhìn mặt Mẹ lần cuối. Trong chiếc hộp gỗ, Mẹ nằm ngủ say không cười với cậu,

nhưng sao Mẹ ngủ mà lại mặc áo đẹp và còn đánh phấn hồng thoa son đỏ nữa? Áo gấm màu dưa cải này Mẹ chỉ mặc vào ngày tết khi lên chùa lễ Phật cùng Ba và cậu, sau đó cả nhà đi vườn bách thảo chụp hình. Trong album hình, cậu bé mỗi năm mỗi cao thêm, đến bụng rồi đến ngực Mẹ. Ngoài nghĩa trang, cậu nhìn sửng chiếc hộp Mẹ nằm ngủ trong đó đang từ từ hạ xuống huyệt, Ba đứng sau bấu chặt vào vai cậu như muốn tìm chỗ tựa. Bên cạnh, Bà và các dì khóc sụt sùi rấm rứt. Vòng trong vòng ngoài, người đến tiễn đưa càng lúc càng đông, họ bắt đầu tụng kinh theo tiếng gõ mõ của vị sư do ba mời từ trên chùa đến.

Cốc cốc... Nam mô A-di-đa bà dạ, đá tha dà đá giạ, cốc cốc...đá địa giạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đá, tất đam bà tỳ, cốc cốc... a di rị đá tỳ ca lan đế, a di rị đá tỳ ca lan đá, cốc.cốc... già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha. Cốc cốc...

Họ đọc kinh như họ hát, giọng hát đều đều buồn nẫu ruột đan quyện vào khói hương từ bó nhang cháy nghi ngút rồi tan dần trong không gian dầm dề âm khí. Cậu bé lẩm bẩm đọc, hai mắt khô queo hệt giếng cạn: -Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật...

Và cậu đã đứng đó như trời trồng, cho đến lúc gò đất đắp vun lên, vun lên như gò bụng mẹ lúc đứa con còn nằm ngủ chưa mở mắt chào đời. Buổi tối ngồi ăn cơm với Ba, cậu bé nhìn chiếc ghế bỏ trống nơi Mẹ vẫn thường ngồi, và cậu rơi nước mắt, và Ba cũng rơi nước mắt. Lúc trước, Mẹ bảo đàn ông con trai không khóc chỉ có đàn bà con gái và trẻ nít mới hay nhè, bây giờ Mẹ không còn nữa để nói cho cậu biết rơi nước mắt có phải là khóc không?

Người chồng ngước mặt lên thẫn thờ nhìn chung quanh. Gian bếp nhỏ nhưng thênh thang, như nỗi cô đơn đang trải rộng trong anh. Anh bật kêu: Nhụy ơi...

Phía trước thật mênh mông và hun hút. Như có cái gì mời gọi tôi bước tới. Nó làm tôi sợ nhưng nó thu hút tôi. Nó quyến rũ như mắt môi người thương, nó lôi cuốn như trăng sao đêm biển. Nó là chốn xa lạ chưa ai được biết, nó là cõi hứa ngút ngàn hạnh phúc. Ở đó không có buồn, không có khổ, không có đau, không có bệnh, không có lạnh, không có nóng, chỉ có vui, chỉ có sướng, chỉ có khỏe, chỉ có mạnh, chỉ có ấm, chỉ có mát. Và ngày rạng rỡ, và đêm hiền hòa. Bước tới đi, nó ở phía trước kìa, nó đợi tôi đấy. Một bước đi tới, hai bước đi tới, ba bước, bốn bước...

Sao như có ai đang gọi tôi. Giọng nói khao khao đều đều tôi nghe thật thân quen, giọng nói hình như đã bao lần kể tôi nghe

chuyện yêu thương, đã bao lần vỗ về tôi lúc tụt dốc và đã bao lần thì thầm câu « khi nào em khỏi bệnh mình đi...»

Có phải giọng nói là tình vợ chồng thắt bện ba nhánh yêu nghĩa dục, tình yêu tình nghĩa tình dục ba nhánh quấn quít quyến luyến với nhau, cùng vui một niềm, cùng khổ một nỗi, cùng nhìn một hướng. Có phải giọng nói là sợi giây trì níu tôi đứng lại, nhắc nhở lời hẹn «khi nào em khỏi bệnh mình đi...».

Khi nào em khỏi bệnh, mình đi thắp nhang lạy Phật ở khắp tất cả chùa tại Pháp. Khi nào em khỏi bệnh mình đi Lourdes hành hương như người có đạo . Khi nào em khỏi bệnh mình đi Venise dạo thuyền, khi nào em khỏi bệnh mình đi Hòa Lan ngắm hoa uất kim hương nở, khi nào em khỏi bệnh mình đi...

Nhưng hoa oất kim hương chỉ nở vào mùa xuân, mà bây giờ trời vừa mới vô thu và...

ô kìa, phía trước đang dang rộng hai tay đón chờ tôi.

Bước tới đi, phía trước rợp hồng đồi mẫu đơn đang làm duyên với gió, thỉnh thoảng lại lắc lay che giấu nụ cười. Bước tới đi, phía trước mướt mịn giải cỏ xanh đang nhẩn nhơ nằm dài, trên mình lấm tấm sương đêm như mồ hôi rịn nơi da con gái... Bước tới đi, phía trước trong suốt giòng suối mát đang róc rách trò chuyện với lũ đá cuội tròn nhẳn. Bước tới đi...

-N..h..ụ..y ơi, N..h..ụ..y ơi...

Tiếng kêu lại vang lên, vẫn giọng nói cũ, khao khao đều đều thân quen ấy.

Ôi sợi tình, hãy quấn tôi sát thêm, hãy buộc tôi chặt nữa, hãy nhốt tôi, hãy khóa tôi, hãy giam tôi, cho chân tê, cho người cứng, để tôi đừng bước tới, để tôi đừng lỗi hẹn. Siết tôi thêm nữa, trói tôi thêm nữa, sợi tình ơi...

*Sceaux 26-4-2000*
ĐỖ QUỲNH DAO

ĐÍNH CHÍNH VÀ XIN LỖI

Trong HL số 53, trang 159, tên tác giả truyện ngắn Lisa và con thỏ bông là QUỲNH DAO, đã bị đả tự viên đánh nhầm thành QUỲNH GIAO. Hợp Lưu thành thật xin lỗi tác giả và độcgiả...



**HOÀI ZIANG DUY**

# Cầu Hôn

Hỏi thăm mưa nắng bên đường
Câu em mắng khẽ ta phường ba sinh
Cái tôi là cái của mình
Ba hoa một chút tình tang với đời
Cười già đôi lúc hởi ơi
Thương thì để đó tình thôi muốn về
Biết sao yên đủ mọi bề
Cái duyên khéo gạt bên lề ngó mong
Sắc không, không sắc cầu vồng
Mai yêu nhỡ muộn, phải lòng trúng mưa
Lựa lời chất phác xin thưa
Cau tươi trầu lá úp vừa ngực em
Nhớ mùi nguyệt lý thoảng êm
Nhớ con suối cạn sương đêm gọi đò
Đời ta dâu bể hẹn hò
Đôi khi lỡ vận cũng mò tự kinh
Dáng em xinh, lúc ta nhìn
Thân trong ngọc giả, lục bình làm thinh
Say câu bóng, sống với hình
Hẹn em nữa kiếp phù sinh trốn về
Thương em những lúc cận kề
Lá kia xước nụ cũng bề gia môn
Những khi nắng có bồn chồn
Có khoe xiêm áo gọi hồn ta hay
Mai ta ngựa, áo, giáp cài
Khi không có tiếng thở dài bên tai

HOÀI ZIANG DUY



**TRẦN THỊ NGH**

# Chín biến khúc quanh tuyệt tác



Hình như cách đây bốn tháng tôi không ưa cái thủ cấp của nó. Chẳng phải nó xấu cũng chẳng phải nó không có óc mà chỉ vì tôi không thấy có sự nhịp nhàng giữa tóc tai mắt mũi màu da khung xương sọ lưỡng quyền vân vân. Sau ngày lễ Tình Yêu tôi tiếp tục nhận những vụ hôn từ thinh không, do thủ cấp nó bị cắt mỗi khi chúng tôi đối diện. Dạo sau này tôi cũng đổ những nụ đẫm đìa vào khoảng trống phía trên cổ nó tính từ đường cắt ngọt xớt bằng lưỡi lam Gillette. Tôi ngửi sau vành tai, gáy, ổ mắt, vùi mũi trong mái tóc nay đã dài thêm bốn phân, và theo rãnh nhăn kéo nhằng từ trên cánh mũi xuống khóe môi vòng qua cằm, hớp lấy môi nó như cá đớp không khí. Tôi thở trong khoảng trống đó.

1. Chỉ vài ngày sau lễ Tình Yêu tôi đã tỉa xong cái thủ cấp đó bằng chì đen mà không cần nó làm mẫu hay dựa theo ảnh. Có nghĩa là tôi bị ám bởi chính những chi tiết tôi không ưa ; vì càng bôi xóa chúng, tôi càng vận dụng mãnh liệt trí tưởng tượng. Cuối cùng đó là phần dày vò tôi nhiều nhất. Tôi dựng đầu nó trên bàn trước mặt rồi dùng màu trắng acrylic pha với nước lỏng quệt lên giấy đen bộ vó nó ngồi chân phải cong lên che khuất một phần đùi trái, bàn chân này đút phân nửa dưới bắp chuối của chân kia, tay phải lơ ngơ trước ngực, tay trái gát

thỏng lên đầu gối phải. Cọ bò lên rãnh xương vai và chỗ lõm ở cổ bên dưới rồi ngừng. Thủ cấp chìm vào nền giấy đen . Trông xa vẫn thấy như nó ngồi khỏa thân trong một vũng tối quá đậm đặc ở phần đầu. Tôi đặt tên cho bức này là Âm Bản .

Âm Bản làm tôi nhừ tử mất hai đêm nhưng tôi hả hê nhận thấy mình chịu khó cầm cọ sau hơn hai mươi năm nghỉ xả hơi. Té ra nó là nguồn cảm hứng, mặc dù đối với tôi lúc ấy, cơ thể nó chỉ là một âm bản chưa được nhúng vào thuốc rửa để lộ ra những chi tiết mà tôi chưa có dịp nhìn thấy .

2. Chiều cuối tuần nó mang đến một chai XO bốn chục độ. Chúng tôi ăn tối ở cái bàn kê cạnh cửa sổ. Từ chỗ ngồi nhìn ra vách tường đối diên dọc hàng hiên có thể nhìn thấy mưa lất phất trên những lá trầu bà buông lòng thòng trên nền rêu. Mỗi người làm một phần sà-lách trộn dầu dấm échalote, ăn bánh mì với lưỡi heo nấu đậu nấm và uống brandy. Đến giữa bữa thì có điện thoại của Khánh từ Seattle. Khánh hỏi em ổn không? Tôi nói em không ổn. Nói xong tôi mếu và bắt đầu khóc. Nó nắm lấy một bàn tay của tôi bóp lại, bàn tay kia tôi bấu lấy cái điện thoại không dây áp sát vào lỗ tai nhưng chỉ nghe Khánh lùng bùng. Tôi nghỉ chắc tại mưa ào xuống to quá hoặc đường dây bị nhiễu vì vậy tôi cúp rồi tiếp tục khóc. Khánh gọi lại một chập nữa nhưng tôi không bắt máy cho dù đó không phải là Khánh. Nó quàng cánh tay dài qua vai kéo tôi về phía nó. Tại sao nó không nghiêng về phía tôi? Chai XO gần cạn; rồi hình như tôi đột ngột đứng dậy xiêu vẹo bước qua phòng khách, chỗ bộ ghế mây kê dưới cái hốc cầu thang. Hình như tôi say rồi, tôi nói, hình như vậy. Cho tôi xin miếng nước. Trong khi nó còn loay hoay lấy nước trong tủ lạnh ở nhà bếp, tôi nhào vô phòng tắm mửa sạch mớ lưỡi heo vào bồn cầu, sau đó thì hết đứng dậy nổi. Nó móc đầu tôi ra khỏi bồn cầu, xốc nách tới chân thang rồi bưng trọn 39kg giác lên 16 bậc đá rửa quẹo vào phòng ngủ. Hình như nó hoảng, vì khi tôi tỉnh dậy lúc hai giờ sáng căn nhà im như tờ. Tôi nằm trên giường, vẫn trong bộ đồ của lúc ăn tối, bàn ăn dưới nhà đã được dọn sạch, chai XO còn một phần mỏng dưới đáy được đẩy vào góc bếp chung với các chai lọ khác .

Nó đã biến. Y như người đẹp trong tranh. Tôi lò mò uống nước trở lên phòng tuột hết quần áo rồi lơ mơ quệt màu đỏ lên giấy. Nó có dáng đang bước tới, xoay lưng về phía tôi. Sóng lưng lõm kéo dài xuống hai mông tròn, một chân thẳng một chân gãy nơi nhượng, cùi chỏ tay trái khuỳnh, tay phải gập, bàn tay xòe ốp bưng một quả cầu màu vàng đục. Cọ bò lên tới vai thì ngừng. Ánh sáng từ quả cầu tạt qua

vai, tràn lên hai cánh tay rồi chảy xuống lưng, mông và mặt sau của vế và bắp chân. Những vệt tối đen trên nền đỏ như nhúc nhích theo bước chân đi của người đàn ông khỏa thân không đầu. Tôi đặt tên cho bức này là Đưa Trăng Lên Cao.

Bức vẽ làm tôi lửng thửng cả tuần lễ; có thể là XO còn xần quần trong người, có thể là những đường cọ lần theo các phần trên cơ thể nó.

3. Nó không thể hình dung ban đêm tôi làm trò gì đến nỗi ban ngày lờ đờ đi đứng như mộng du. Trưa nào nó cũng gọi điện hỏi thăm Diên khỏe không? Khỏe. Khỏe. Yên chí lớn. Đêm nó về thăm và hỏi diên khỏe không? Tôi giương mắt nhừ nhừ nhìn nó, nghe đây em , tôi khỏe re. Nó nắm lấy bàn tay của tôi đan ngón vào rồi kéo về phía nó. Tại sao về phía nó? Tôi ở phe bên này. Nó thuộc không gian ba chiều còn tôi thì dẹt.

Bởi vậy tôi bỏ hai đêm và một buổi chiều để trấn bốn lá bùa tròn không có độ dày lên ngực và bụng nó. Phông màu đất, hai cánh tay nó giơ hoảng loạn lên trời trong khi chân trái cong vô chỏi ngược bàn chân vào vế phải. Bốn lá bùa chồng chất che mất cái đầu vô hình đang gục xuống hạ bộ bị yểm bởi một phần của lá bùa trắng. Phải công nhận anatomy của tôi tốt. Cọ đã phết đủ hai be sườn, vùng nhô của ngực, vùng hóp của bụng, vùng tối giữa hai vế nhưng tôi đành đoạn ếm xì bùa. Nhìn vào bức vẽ chỉ thấy bốn vòng tròn dẹt tô đặc trắng và nâu đất với ba sắc độ khác nhau, hai cánh tay quơ quào, hai chân chỏi. Tôi dựng nó ở chỗ thường đi qua đi lại trong nhà rồi ba ngày sau thêm một cục tròn màu đỏ đứng lẻ loi ở không gian thứ ba. Bức vẽ được đặt tên là Tâm Hư .

Cùng trong thời gian này gam Ré thử bỗng trổi lên trong đầu rồi nhạc bùng bùng nổ ra một đoạn mà tôi chắc mẽm sẽ là điệp khúc của một bài hát chưa có đầu đuôi .

Một mình một mình tôi thôi
Đã đời cơn đau vùi
Gặp người nghe rã rời
Tội tình ôm tim mình
Một mình một mình tôi thôi
Ngậm cười đi qua đời
Trầm mình trong vũng lầy
Vầy vọc tôi với tôi .

Nghe lợm giọng. Trò chơi này bậy bạ hết sức, nhưng đố ai biết. Đêm, tôi cứ việc vẽ khơi khơi vậy rồi đắm đuối một mình, cho tới một hôm tôi không thể ngồi dậy nổi buổi sáng để chuẩn bị đi làm.

4. Nó đến đón đúng giờ như thường lệ, tự mở khóa cửa, vào bếp pha hai tách cà phê để sẵn theo thói quen rồi lò dò lên lầu. Đó là lần thứ hai nó vào phòng ngủ. Lần trước, sau khi đưa trăng lên cao, nó biến. Lần này nó khều trăng dậy. Tôi nhướng mắt nhìn kẻ lạ mặt mà tôi đã chăn gối bằng cọ số 18 và màu arylic. Nó nhắc Diên có buổi họp sáng nay lúc bảy giờ ba mươi. Tôi nó ô-kê ô-kê nhưng chỉ ngóc đầu lên được chừng vài giây rồi sập. Tôi nghỉ làm ở nhà, nằm lừ đừ đến mười một giờ rồi bò dậy quậy một ly bột Bích Chi thay bữa ăn trưa, xong dứt luôn tách cà phê nó pha sẵn còn để trong bếp trước khi đi làm.

Tôi thấy trong đầu một màu trắng của đêm mấtngủ còn nó màu tím. Thứ tím lợ của mực Quế Lâm nếu có pha một tí nước, hoặc ngã sâm sẫm nếu thả vô vài giọt Parker xanh đen. Nó đang chỗi dậy , vẫn không có đầu, ngực trần, tay phải chống ngược ra phía sau, tay trái với chồm về phía trước khều một khối tròn tím rịm, chăn xanh đen phủ ngang bụng, lõm giữa hai đùi kéo nhăn nhíu ra cái phông trắng rồi mất tăm. Tôi dựng đứng bức vẽ. Mực chảy ra ngoài khối tròn dẹt màu tím, vùng ngực nó tối hút mắt làm tôi ngộp như bị chặn họng. Tím Mai, tôi định gọi vậy, nhưng sau lại ngần ngừ đổi thành Trăng Chảy.

5. Sau chai Lou Piac 94 nó quyết định ngủ lại vì đã hai giờ sáng. Tôi nhốt hết mấy bức vẽ vào trong tủ áo rồi ra phòng ngoài nằm với nó. Trong cái hốc ngực tối được quệt bằng mực Quế Lâm, tôi cong người như con tép, môi và mũi thăm dò để kiểm chứng từng phân vuông của cơ thể nó mà tôi đã nghuệch ngoạc trước cả lúc được nhìn thấy. Nó thở đều đặn trầm tĩnh tha thiết và trân trọng. Tôi biết nó muốn níu một chút lãng mạn, tôi cũng vậy. Khung vai XL chụp xuống và tôi bẹp dí một màu vàng loang ra từ cái vòng tròn thật to đang lặn xuống phía sau dáng lưng nó nằm nghiêng .

Lại nền đỏ, nhưng bầm hơn. Vẫn nó khỏa thân không đầu, dáng nghiêng gần úp xấp, tay co quặp bên dưới ngực, đùi cong ngược ra phía sau, hai bàn chân như như đá giò lái cái vòng tròn uốn lượn theo độ cong của cái bụng thót. Tạm thời tôi gọi đêm co ro là Nguyệt Ngọa.

6. Từ sau cái đêm hai người nằm cong như con tép, nó trông có vẻ già sọm, hoặc là nó bị lây cái mặt chầm dầm của tôi. Hình như nó

nhận ra tôi đang đối xử với nó qua hình ảnh của một ai khác. Nó chứ ai. Ngu quá trời. Có điều nó bắt đầu mở miệng cóc, mang đồng hồ dây da mặt lật vô trong, để tóc dài thêm bốn phân , tắt điện thoại di động khi ở cạnh tôi, ngủ lại đêm thường hơn, vẫn trong chừng mực lãng mạn đẹp. Thời kỳ này đầu tôi ong ong gam La trưởng. Sau mấy ngày trăng mật ở DaLat với những buổi đi dạo sáng sớm trên con dốc một bên là lũng rau một bên là đồi thông, những buổi tối lập cập bên hồ mờ hơi sương, tôi bỗng ngân nga mấy câu du dương cỡ như

Yêu dấu ơi mai trầm thơm hương thông
Yêu dấu ơi đêm hồ Xuân Hương trong
Đèn nhòa ôi đèn nhòa trên phố chợ ... ớ ...
Em nhòa ơi em nhòa trong tôi không ?

Chỉ có món này là nó chơi với tôi được vì nó thích hát . Giọng nó chùng xuống rất mềm rồi ớ lên rất sũng và mướt từ phố chợ. Nó nhập cuộc rồi, dù vẫn chưa cùng không gian .

Tôi ném nó lên một phông trắng trống hoác theo dáng ngồi suy tưởng của Rodin nhưng tay trái tự ôm vòng qua đầu một cách khốn khổ còn mông thì tựa lên một quầng tròn đỏ tươi có đường kính vừa khớp với góc gẫy 90° giữa vế và ống chân. Bây giờ tôi gắn thủ cấp vào cổ nó tuy chưa có mắt mũi miệng. Nhưng là nó. Cái đầu đó dày vò tôi, và tôi hụt hơi sau mỗi cú đớp không khí từ lỗ trống bên mặt nó. Hình như nó bắt đầu đăm chiêu hơn, hoặc là tôi tưởng vậy, sau bức Nguyệt Tọa.

7. Để vẽ xong sáu bức trên tôi đã thức từ đêm này sang đêm khác trừ những đêm có nó ngủ lại. Ý tôi muốn nói là có nó thì tôi ém sáu tên kia vô tủ áo rồi tiếp tục thức cong vòng trong ngực nó để nghe nó thở mùi Quế Lâm. Một cuộc hôn nhân kỳ quặc. Tự tôi cưới lấy mình, hôn phối với bản thân, đặt tên cho thời gian là trăng mật, dựng nó trước mặt để kiểm chứng, lột trần nó ra để ngắm, hôn nó trong trí tưởng tượng, nhận chìm Khánh. Có những lúc tôi run lên, người yếu quặt, điếng ngất ngay cả khi nó hãy còn lẩn quẩn tự khóa cổng ra về. Nó không biết gì, tất nhiên, nhưng nó quấn quýt hơn. Chúng tôi gần như khó rời nhau. Hai bàn tay không thể không tìm nhau dù trong quán ăn, lúc nghe nhạc thính phòng , khi đi dạo giữa phố đông người, trong tiệm giày, trên taxi. Trong cái xã hội đầy ước lệ và giáo điều, nó có dáng vẻ của một thanh niên điền đạm, tỉnh táo. Trách nhiệm điều mình đang làm nhưng không có ý thách thức. Tôi thích thái độ đó. Với

tôi, sự trân trọng trong quan hệ kềm nó lại. Nó như con ngựa sung sức bị ghìm dây cương, ngoan, nhưng không phải là không có cá tính của một con ngựa. Chúng tôi không làm điều gì tầm thường với nhau trừ những đêm co ro trên tấm nệm trãi ở phòng ngoài, nghe vĩ cầm rít từng chập qua da thịt, và thở chung.

Tôi đã binh lên nền giấy thẫm dáng ngồi ngạo nghễ của một cơ thể tràn thanh xuân, chân bắt chéo , đầu gối xoạc, hai tay vòng qua gối đan những ngón thon vào nhau che hờ hững cái phần nhạy cảm nhất của người đàn ông. Vẫn cái vũng tối ở ngực và bụng, ánh sáng lọc trong veo qua khung vai XL màu xanh lá cây. Màu xanh này lẩn với một tí vàng trên nền đen, thêm một vạt sáng từ nến đã khiến bức vẽ trở nên rợ, chốc chốc lại lung linh và đột ngột dịu dàng. Tôi không tìm được cái tên nào để gắn cho kiểu ngồi đó.

8. Âm bản đã lộ nét, còn tôi thì đã đời cơn đau vùi. Nó vẫn đều đều mang tới hoặc Schnoering hoặc Saint Martin. Tôi lắc lư ngõ nhịp hai.

Nào em thức dậy uống với tôi đi
Chút men cay
Nào cạn ly !
Cùng nhau ngất ngưỡng bước xuống mông lung
Rữa tan trong lòng mộ chí
Ngày đang chết dần bỗng khát môi em
Đắng như những giọt mật đen
Chờ em thức dậy đuối trái tim thâm
Ngất ngư theo nhịp ưu phiền

Lại ré thứ. Hơi sến, nhưng những nốt nhạc cứ bật tưng tưng hoài trong đầu làm tôi ngất ngư thật. Đã hai tuần tôi nằm liệt giường, bỏ hẳn công việc ở sở, nhắm tịt mắt và dõng tay đón từng tiếng động ngoài cổng. Nó không biết tôi mắc chứng gì, mỗi đêm ghé về thăm, ôm ghì cái mối tình mà nó không dám đặt tên rồi gọi Diên ơi ! Tôi xua, em về đi. Tôi tự ra toa thuốc và điều trị, xong bò ra phòng ngoài lúc quá nửa đêm khi xung quanh đã hoàn toàn im vắng.

Trong cái nhá nhem của ngọn đèn tường tạt vô hàng hiên, tôi mót lấy thứ ánh sáng đã bị nhợt đi qua lớp màn cửa để vẽ nó ngồi xếp bằng màu tím than, vải trắng phủ trùm trên vế còn chừa ra một phần của bàn chân phải, đầu lả xuống, má trái ép trên ngực người đàm bà ảo màu đen nằm thẳng đơ giữa ngực và đùi nó, gọn lõn trong cánh tay trái



**THU TỨ**

## Chống rét

Trời rét giở rương mở tủ tìm chăn
Đời rét lục bộ nhớ tìm kỷ niệm
Cứ tưởng thiếu gì hóa ra cực hiếm
Khăn quàng may chưa đủ đắp làm sao!

THU TỨ

nó luồn từ dưới lưng trồi lên giáp mí cánh tay mặt vòng từ trên xuống. Đó là lần đầu tiên tôi đưa chi tiết vào cái thủ cấp mà tôi đã trãm từ mấy tháng trước. Tóc tím đen có pha trắng đổ lên chiếc cổ lõm của người đàn bà mỏng, trán tối, mắt cụp sâu, mũi và môi chìm xuống cái ngực xác ve màu đen. Chưa bức nào tôi vẽ với cơn náo động tơi tả như vậy. Tôi gọi tên nó theo nhịp chỏi, gập người trong cơn đồng thiếp. Nguyệt Tịch. Ôi, một mùa trăng chết theo nước xanh.

9. Cuối tháng năm, không đoạn chi yễm dương bế tâm trãm thủ. Nguyệt Tận thì làm gì nữa? Tôi cho nó mặc áo cà sa thùng thình màu xanh da trời, đầu cạo trọc lóc, tay bế người đàn bà đen sì có tóc bạch nhủ. Những sợi tóc đã chết rũ. Nó quỳ một gối ngửa mặt lên trời hướng về phía con trăng xanh ngắt, trong leo lẻo như màu trời hè. Người đàn bà ảo chỉ thò ra phần ngã ngữa trên cánh tay trái và hai đùi mỏng vắt vẻo buông qua cánh tay phải; toàn thân trần truồng đã bị lưng áo của cha thầy chùa che khuất. Màu trăng chì nhả lên gáy của nó một bệt trắng bạc, nơi tôi muốn hớp lấy một ngụm và gọi nào em thức dậy .

TRẦN THỊ NGH.
*Sartrouville*
*tháng 6, 2000*



**LÊ CẦN SƠN**

# Lẽ phải & sự thật

Khi Sự Thật cúi gầm mặt xuống giữa đám đông
Bên dĩa thịt nguội và cốc nước lọc
Mọi người mới cảm nghiệm rằng
Đời sống đã vay mượn quá nhiều mặt nạ

Khi Lẽ Phải một mình một ngựa cùng cây kiếm gãy
Quanh tiếng chó sủa khuya
Lặng lẽ giữa đêm trường
Và đợi tiếng gà gáy tinh sương
Mới biết đêm dài đã qua
Mà hồn còn mịt mờ hư ảnh
Bên chén độc dược
Biết rằng ngày mai ai cũng chết

Khi hai kẽ lạ gặp nhau
Tay bắt mặt mừng
Thời tiết mùa xuân trở lại bất ngờ
Bên những đụn tuyết chưa kịp tan
Theo những điều sấm giảng
Hai kẽ lạ bắt đầu vẽ hai ngọn giáo vô duyên
Và họ bắt đầu giết nhau từ khi có tiếng nói

Và khi những truyền thuyết
Thành những bức thư rơi
Thì dĩa thịt nguội
Ngọn kiếm gãy
Chén độc dược
Mùa xuân, đụn tuyết
Những chiếc mặt nạ ...
Thật không còn cần thiết
Của thời sơ khai ở truồng ăn cỏ

Cuối cùng mặt trời nuốt chửng mặt trăng
Những tấm gương mù vỡ tan
Trái tim mỗi người chia ngàn hầm hố
Mỗi hầm hố là một thiên đàng !

**LÊ CẦN SƠN**



**MAI NINH**

# Nến trong kẽ liếp



Lúc ấy, đầu buổi trưa, sau cửa liếp. Tôi vẫn yêu khoảng tranh tối tranh sáng của căn phòng cài bằng những song cửa gỗ. Chúng để lọt các vạch nắng hắt qua khe, tạo cảm giác một không gian khép, vừa ngăn chia nhưng vẫn còn chút tương giao với thế giới hở tung hỗn độn bên ngoài. Ở đó, hơi nóng nhiệt đới bốc lên hừng hực từ mặt lộ nhão nhựa đường. Cả nhà, anh Vân và chị Hạc, sau bữa ăn trưa hẳn đang thiếp ngủ. Tôi lăn từ tấm nệm giường xuống sàn đá hoa tìm hơi mát, lẩn thẩn sờ tay lên những lằn sáng kẻ vệt trên các ô gạch in đường cong cong mà màu sắc chỉ còn nhờ nhờ khó định. Chiếc quạt máy trong góc phòng lay nhẹ tấm màn chị Hạc đã căng lên hai hôm trước. Bóng màn rọi cùng khe sáng, tôi nhỏm dậy kéo tuột chiếc áo vải phin ra khỏi người. Đúng lúc ấy, anh Vân đẩy cửa. Anh nhìn sững vào thân thể tôi đang chơi đùa với những vằn nắng vẽ trên da.

Chiếc trực thăng thả tôi xuống phi trường quân sự. Tên phóng viên Mỹ ngồi cạnh từ thành phố ra, lăm lăm chiếc Nikon kềnh càng, giơ lên bấm lia lịa khi tôi bước xuống ba bực thang sắt. Gió từ cánh quạt thổi bay những sợi tóc tôi cố nắm lại, vạt áo dài trắng bật tung quấn cả vào chiếc xách tay mà người phụ tá của anh Vân đến đón đang cầm hộ. Tôi xấu hổ cuống quít kéo gỡ, tự trách mình sao chẳng mặc quần *jean* cho tiện. Gã phóng viên đã đứng sau lưng, to lớn chừng đổ

xuống là lấp kín cả tôi nhỏ bé, lại lách tách cố thâu khuôn mặt tôi vào ống kính. Tôi vội vàng quay đi, hắn cười: - *Sorry*, tại cô em đẹp quá. Tôi cáu giận muốn nói câu gì, nhưng chẳng tìm ra chữ. Thì ở trường tôi nào học đủ ngoại ngữ để thốt ra những lời lẽ cọc cằn. Anh chàng phụ tá liến thoắng giọng Đà Nẵng nhiều âm chữ a và e, giúp tôi trèo lên xe *jeep* và bảo, Trung úy chờ cô bên kia cầu. Bên kia cầu? Tôi mừng rỡ tưởng rằng anh Vân sẽ đưa đến gặp Đăng ngay. Màu xi măng xám ngắt của phi đạo chợt sáng nắng trong lòng mắt tôi mong đợi.

Không như tôi nghĩ, anh Vân mặc thường phục, trẻ và đẹp trai hơn Đăng đã tả. Hai hàng mi cong cười cùng với hàm răng trắng. Nhưng anh nhìn lơ đãng, chỉ một cái gật đầu. Tiếng nói miền trung của anh trài trại, không ấm và lai giọng bắc như Đăng, cũng chẳng giống anh hạ sĩ phụ tá.

- Đăng bất ngờ bị hành quân. Tôi đưa Miên về nhà trước.

Câu nói ngắn đủ làm mắt tôi cay cay. Những háo hức mê muội lúc chân trước chân sau rời nhà, lúc ngại ngùng dối mẹ đi thăm con bạn tận Nha Trang, lúc gom những tờ thư luôn viết dở chừng cả tháng qua đem đi cho Đăng, bỗng chốc loà đi với nắng trưa trải loang trên mặt nước con sông dưới chân cầu. Vậy mà Đăng réo gọi, vậy mà Đăng hứa, Anh sẽ có mặt ngay, khi anh Vân cho biết em đã tới. Dãy núi trọc bên kia bờ sông chắn ngang tầm mắt, cắt cái nhìn gãy gọn với chân trời xanh băn bẩn. Làm sao tôi có thể tưởng tượng ra vùng đồi núi mù sương mà Đăng từng kể cho tôi trên những hàng chữ chăm chút dưới *bunker*. Đành lững thững theo chân anh Vân, lại trèo lên xe *jeep* băng qua cổng trại lính kiên cố, chung quanh hàng rào chất đầy bao cát chắn đạn. Phố phường lèo tèo hàng quán, không gian khô rang. Tôi đảo mắt tìm vài bóng cây xanh, chỉ bắt gặp những ống quần bà ba rộng dưới quang gánh, mấy tấm áo bông hoa của người con gái đạp xe mệt mỏi và dăm cặp mắt thiêm thiếp của cụ già ngồi dựa cột bờ hiên. Ở góc phố, rạp chiếu bóng tường vôi vàng đất hiện ra với tấm tranh che gần hết nửa mặt tiền, vẽ ảnh đôi trai gái màu mè rực rỡ nhưng mặt buồn rười rượi, lại cảnh chia ly. Bọn Mỹ mang sang đầy phim cao bồi trinh thám mới mẻ để chiếu xem trong trại, nhưng nhiều lần anh đã vào rạp xi-nê này, chỉ để nghe tiếng ghế kéo, và được ngỡ đang ngồi bên em, ở Rex. Đăng đã bảo như thế, chàng đã kể bao nhiêu về cái tỉnh ly nhỏ này, về những buổi chiều cuối tuần từ trên đồi cao trở xuống tìm một tách cà-phê bên bờ sông. Tiếng đại bác lúc ấy chỉ còn là âm thanh mơ hồ rơi rớt như những giọt mưa đầu thu trên thành phố xa lắc. Đã bẩy tháng hơn, sau những ngày Tết khủng khiếp, Đăng chưa được về phép. Tin Đăng khi có khi không, lo âu, nhớ chàng điên dại, tôi gọi

cho anh Vân, anh thu xếp chỗ trực thăng cho tôi liều lĩnh đi tìm Đăng. Sự liều lĩnh của cô gái thành thị, mười bảy tuổi.

*

Anh Vân vừa chỉ cho tôi căn phòng nhìn ra sân thì chị Hạc về. Chị reo vui như từng thân thuộc, tiếng Huế mềm không chờ đợi từ một dáng người khô gầy và mái tóc cắt ngắn. Nhưng cặp mắt chị to sâu đến nỗi tưởng rằng không bao giờ chúng khép lại và người đối diện có lúc không chịu đựng nổi, sẽ phải cúi nhìn thuần phục. Thế mà ai biết được điều gì gạn đục đời người đàn bà ấy, ít nhất trong lúc tôi có mặt trên thị trấn này vào những ngày hè nung đốt, tiếp nối một mùa xuân rực lửa. Dắt tôi vào phòng, chị khoan thai mở to hai cánh cửa, khí trời còn hừng hực cuối chiều ập vào càng làm long lanh hai đồng tử đen nhánh. Những giọt mồ hôi ứa rịn mấy sợi tóc mai bên thái dương, chị Hạc mỉm cười nhìn ngắm tôi rồi chặc miệng :

- Yêu chi cho khổ ri trời. Sao mà gan dữ rứa, tiểu thư yểu điệu thế ni, dám bỏ nhà bỏ cửa ra đây, rủi mệnh hệ nào.

Lời than khiến tôi rùng mình. Bóng nắng sau lưng chị nhập nhoà với gương mặt nghiêm khắc và bàn tay thoăn thoắt búi lọn tóc chặt chẽ của mẹ tôi. Tôi ấp úng định trả lời thì chị Hạc đã đưa hai tay ôm eo tôi kéo sát gần. Vẫn đôi mắt rút cuốn ấy, chúng đang nở lớn hơn nữa, choàng áp, bao phủ cả mặt tôi, chiếm cứ. Tôi cố gượng tránh né, chị bỗng buông ra, quay ngoắt nhìn ra sân, chỉ vào cái chòi lợp tôn sơn xanh dưới cây chuối hột, giọng thản nhiên :

- Đó là phòng tắm. Tắm nước mưa da mềm hơn nước máy.

Tôi ngẩn ngơ, nơi đây có đủ mưa để tắm ư với từng bãi cỏ vàng cháy trên con đường vừa đi qua.

Đêm hôm ấy tôi nằm co trên chiếc giường trải ra xanh mướt. Chị Hạc kêu với anh Vân, Con bé cứng đầu không chịu giăng mùng, ngày mai da dẻ mịn như xu xoa sẽ sần sùi đậu đỏ! Anh Vân, vẫn ít nói trong suốt buổi tối, cất tiếng ngần ngừ :

- Hay đợi Miên đã ngủ, em vào treo mùng lên.

Lạ, anh Vân học ai, cứ gọi tôi bằng tên như người đồng hàng, vừa xa cách lại như cố tình gần gũi. Anh chỉ là người chỉ huy trung đội cũ của Đăng, từng giúp chàng chuyển thư từ về Saigòn cho tôi được nhận nhanh chóng, mà sao họ quan tâm đến tôi nhiều thế. Tôi để cửa mở nhìn lên trời đen, nghe ngóng. Không có ''đại bác ru đêm'', không cả ánh hỏa châu, chỉ tiếng oàm oạp, vo ve côn trùng, thỉnh thoảng ré lên chu chéo bọn mèo đang rượt đuổi tìm tình. Ở cõi này mà bình yên

thế sao, trong khi nơi thành phố, chẳng đêm nào không bị đánh thức bởi những tiếng nổ chẳng đoán được xa gần. Có lúc chừng như mơ hoang đường, thế mà vẫn lo âu. Sáng mai vào lớp, tên đứa bạn nào sẽ bị xoá sổ vĩnh viễn trong gạch ngói tan tành đêm qua, một cái chết vô thường.

Gần sáng, tôi choàng thức với hơi thở ngắt dồn dập và chuỗi kêu sảng vọng qua từ bên kia vách tường mỏng. Vội tìm chiếc gối ôm đã rơi xuống đất, tôi xiết vào lòng, che chặt vành tai. Rộn ràng nhớ Đăng xa xót. Hai bàn tay chàng cuống quít nhưng cuối cùng âu yếm vào cần cổ, có xa hơn chỉ là khoảnh da thịt thật nhỏ bé bên hông, hé giữa hai vạt áo dài tôi, thiếu nữ. Bao giờ Đăng hành quân về, khi nào tôi nhìn thấy Đăng. Rồi những lúc được có nhau chúng tôi sẽ đi đến đâu, có dám bung toang tất cả những rào chắn, như Đăng đã điên cuồng khao khát trong những tờ thư gần kề cái chết, như tôi ngây thơ tội tình tự hứa sẽ cho đi nếu Đăng sống sót. Hai chân quặp chặt chiếc gối, người và giường bên phòng anh Vân vẫn không ngừng gây tiếng động rập rình bỡn cợt, lấp cả mấy con chim cu đang rúc lên gọi sáng.

*

Ba bốn ngày đợi Đăng khắc khoải. Từng sáng anh Vân vào trại rồi chị Hạc lên xe máy đến trường dạy học. Nhìn vòng mông chị hẹp, xiêu trên yên với hai vai nhô xếch thân áo dài màu thiên thanh, tôi tự hỏi, với sức lực nào chị đã hò hét rồi van vỉ trong đêm. Chị vuốt dọc theo sống lưng tôi rồi lên mái tóc, sau đó nheo mắt cười, xong đủng đỉnh dắt xe ra ngoài đường cái. Vợ chồng họ giống nhau ở hàm răng đẹp lạ lùng. Nhưng nếu chị Hạc luôn nhìn tôi thẳng suốt bằng đôi mắt trong thì anh Vân thường ngó qua rồi quay đi lẩn tránh. Điều đó đã xảy ra, ngay cả trước giấc trưa ấy, sau cửa liếp.

Khi họ đi, tôi bước ra phố thị, chỉ vài con đường là hết. Dần dà tôi tìm thấy mấy cây phượng còn sót ít lá xanh và vài cành vớt vát chùm hoa đỏ. Trên thân thỉnh thoảng đen xịt dấu vết trái nổ hay vệt đạn trụi cành. Từ đầu con đường chính đổ xuống bến tàu, quán phở, cơm bình dân rồi đến tiệm may âu phục với nửa hình nhân bằng nhựa không đầu, không tay, vải áo vét bạc nhếch dưới tia mặt trời chiếu xuyên tủ kính. Người đàn ông duy nhất mặc quần đùi, ở trần, che tay ngáp bên tấm bàn gỗ rộng và cao. Tuy thế, bỏ qua hai căn nhà đóng cửa im ỉm là gặp ngay những mảnh áo phụ nữ đầy hoa treo lủng lẳng ngay trên vỉa hè, chúng phất phới như reo cùng giọng cười rúc rích của dăm cô thợ may. Có cô chúi đầu đạp máy, cô quì trên tấm phản, cong

chồm ra trước gần như bò theo đường kéo cắt vải. Một bà nhiều tuổi hơn, ngồi ngay cửa vào, chẻ từng lọn rau muống xoắn xít, sau làn vải mỏng tanh hai vệt vú chảy dài xuống tận chiếc ghế đẩu bé con. Bên kia đường, một cửa tiệm quan tài lớn choáng hai mặt tiền, và cạnh nó một mái nhà lụp xụp bán vàng mã. Chỉ bán thôi mà chẳng hiểu sao mới sáng đã mùi khói hương sực nức. Giấy tiền vàng bạc bày trong thúng, những khung tre dán giấy bồi hình xe gắn máy, nhà cửa, tivi, máy hát, xếp từng chồng. Dưới tấm bạt che mưa nắng chìa ra hẳn lề đường, móc đầy quần áo, sơ-mi trắng quần tây đen, thêm vét-tông, gi-lê và cà-vạt hẳn hoi. Cả những bộ binh phục với sao bạc sao vàng, hoa mai, cứng ngắc giấy hồ. Đặc biệt, hàng mã ở thị trấn này toàn vật dụng đàn ông. Chợt vài chiếc xích lô và xe gắn máy đỗ xịch, thắng rèn rẹt, mấy người ùa xuống vội vã, kẻ vô tiệm hòm, người vào hiệu bên cạnh. Đám đàn bà của tiệm may cùng ngửng lên, nhìn sang. Cô trẻ nhất xì xào :

- Lại ở trong đó ra.

Cô cắt vải phụ vào :

- Thì mấy bữa trước đụng độ dàng trời, chết biết bao nhiêu.

Người đàn bà già chẻ rau nhếch nửa miệng :

- Cha mẹ nó, thời này chỉ bán quần áo cho ma là có lời. Cúng kiếng chi gấp gáp. Đem xác về trỏng, rồi cúng cũng được mà.

Chợt thấy tôi lóng ngóng trên vỉa hè, bà ta không biết nghĩ gì mặt hiền hẳn, hướng cái nhìn thương hại. Tôi lạnh người vội bước đi. Bỗng nghe mình bật khóc. Tôi quay trở về cùng lúc với hai người lính Mỹ từ đầu đường đi đến, phút chốc đã có mấy đứa trẻ từ đâu ào ra lẹ làng, xì xồ với những bàn tay ngửa.

*

Anh Vân khép cửa lại khi tôi vội vàng kéo tấm áo đậy người. Nằm im rất lâu trên nền gạch, tôi nghe anh nói nhỏ với chị Hạc :

- Đêm nay anh cấm trại.

- Chừng nào Đăng nó xuống?

- Chưa biết, em cố giữ Miên lại thêm vài ngày.

Có tiếng chị Hạc thở dài, rồi gọi to hơn :

- Mai anh nhớ về sớm.

Chẳng hiểu khi tôi thức dậy là mấy giờ, chị Hạc để tờ giấy trên bàn bảo đi công việc. Tôi ôm áo quần ra nhà tắm sân sau. Mấy cụm vạn thọ vàng đáu của chị Hạc trồng làm tôi lại rùng mình tưởng đến bàn thờ hương khói. Nắng chiều đã nhạt đi trên nóc tôn của những căn nhà

thấp thoáng sau bụi chuối. Lu nước mưa nổi váng nhưng tôi đã quen, múc dội ào ào. Nhờ vành trăng gần rằm tối qua óng ánh những bọt xà phòng bong trắng trên nửa thân người thẳng dẹp và chiếc quần đen thõng ướt. Chẳng hiểu sao chị Hạc thích mặc quần để tắm ngoài sân như thế. Nhưng đâu ngờ, hai trái ngực đàn ông màu sữa, chỉ đoán được nhờ hai núm nổi rất hồng, nghiêng ngiêng đường rãnh lưng không đủ trũng, cùng phần sa tanh đen bóng của mảnh vải ấp cặp chân dài, lại vương vương liêu trai, kích thích lạ lùng. Không rõ chị nhìn thấy tôi sau khung cửa chăng mà thỉnh thoảng chị quay về phiá ấy, mỉm cười.

Tắm vào, tôi mở toang hai cánh cửa gỗ song, mắt bắt ngay vùng đất trống bên kia con đường. Chính giữa chỏng trơ cái chòi gác bằng gạch xây vội vã. Vòng kẽm gai quấn dưới chân, lăn thênh thang trên mặt bãi lơi khơi từng chụm cỏ khô vàng. Một lần, anh Vân đã thản nhiên :

- Dấu tích của những ngày chiến tranh chưa tràn tới thị trấn. Người ta chỉ cần cái chòi này để thỉnh thoảng leo lên ngồi ngó trời là đủ. Bây giờ, Miên sẽ thấy dàn súng phòng vệ trên đồi, oai lắm.

Chị Hạc lúc ấy đang dọn cơm trong nhà, nói với ra, mai mỉa :

- Không chỉ dàn súng, còn nhiều thứ khác, em bảo anh Vân chỉ cho coi, ở bến tàu đó, ảnh rành lắm.

Anh Vân nghiêm ngay nét mặt, ném điếu thuốc hút dở ra mặt đường rồi bước mạnh, thẳng lên con lộ dẫn về phía tiệm may. Tôi ngồi xuống trước đĩa cá nục hấp và những cọng rau thơm xanh bồng. Bỗng thấy no ngang, hơi lợm mùi mắm nêm đáng lẽ phải bốc thơm cùng ớt chín đỏ nhừ. Chị Hạc long lanh khoé mắt, nhếch miệng:

-Ăn đi em, kệ ảnh.

Không rõ chị Hạc đi đâu giờ này, lũ trẻ con mấy nhà bên cạnh đã đi học về, xúm xít búng đạn đánh bài, tiếng la hét cãi cọ ồn ĩ chen với giọng cải lương từ đài phát thanh trung ương toang toang, lên bổng xuống trầm não nuột. Tự nhiên tôi xót nhớ căn gác nhìn ra cây gòn và vườn chùa im vắng. Mới mấy ngày tôi bỏ nó đi thế mà hình ảnh đã loang theo ánh sáng trống trên bãi đất cằn trước mặt. Trong căn gác ấy, còn lật nửa chừng trang truyện Kim Dung. Anh chàng Dương Quá đương tuyệt vọng gục xuống vực sâu gào gọi, nhưng Tiểu Long Nữ không đáp trả cái hẹn mười sáu năm, làm cô bé Miên quặn nấc. Vẫn trên chiếc giường đầy gối cuốn văn phạm Pháp mà con Miên phải ôn lại cho kịp ngày phỏng vấn đi du học, mẹ bảo vậy. Có cả tấm màn voan mong manh vuốt ve trang thư Miên viết cho Đăng, gọi chàng về gặp trước khi Miên buộc phải nghe mẹ đi xa. Chuông mõ buổi kinh chiều

lóc cóc boong boong từ dưới chùa ngân lên hoà lẫn với tiếng mưa Đăng thì thầm kể chuyện. *Mấy hôm rồi không tiếng súng, họ chạy đâu chẳng biết trong mưa lũ chợt đổ trắng núi rừng này em ạ. Hình như cả hai bên đều mỏi mệt, đều thèm thuồng một chút dừng nghỉ. Một khoảnh khắc chỉ để bình an trông mưa, ngửi nắng, nghe thiên nhiên động tĩnh hiền hoà. Nhìn, nghe và thương nhớ. Để thấy không phải chỉ toàn mùi tử khí mà còn hương sự sống và màu sắc tươi sáng lẫn nghẹn ngào của ước mơ. Chiều hôm nọ anh xuống làng chân đồi. Mấy cụm nhà lèo tèo còn ươm khói. Đám trẻ con lếch thếch chạy theo, tranh nhau nhặt bất cứ cái gì của mấy người lính Mỹ lẫn Việt từ trên xe vứt xuống. Bao tử anh dội chất chua nhờn lẫn cay xé. Nhưng sau những khuôn mặt choắt khô, những bàn tay đen đủi, anh đã bắt gặp một đôi mắt tròn mở sáng và nụ cười đồng tiền rạng thắm của cô gái mặc áo bà ba trắng đứng bên vách tường của ngôi trường duy nhất. Cô giáo làng ấy chừng không hơn em bao tuổi, nhưng cao lớn bởi phong thái điềm đạm, săn sóc ngọt ngào với lũ trẻ. Thằng trung sĩ Mỹ vung xuống hộp kẹo, một đứa nhỏ chụp được. Cô gái gọi lại để phát chia cho cả đám. Tên trung sĩ thấy vậy nhảy xuống xe, hề hề đến gần giơ tay vuốt má cô ta. Không ngờ bị nàng quất mạnh hộp kẹo vào trán. Hắn lạng quạng, ôm mặt rít: Shit ! Bọn lính còn lại trong xe cười ngặt nghẽo. Hắn cáu, đưa chân đá tung đám bàn ghế gẫy chất ở gốc cây. Chợt tiếng đại bác 155 ly dội toang từ phía đồi. Cả bọn tức khắc rút súng, nhào xuống đất. Cạnh mái hiên trường, người thiếu nữ giang hết cả cánh tay như muốn ôm trọn những đứa bé nằm dẹp trên sân. Đấy em, một chiều trời trong và thanh bình với những dòng mây mỏng tanh của thứ hồn người không được quyền mơ ước một thực tế lành lặn. Anh trở lên đồi khi tràng nổ chỉ còn là âm vang mơ hồ. Nhưng khuôn mặt cô giáo trẻ càng lúc càng rõ nét trong đêm. Xin lỗi em Miên ạ, lần đầu tiên, anh cảm thấy một người đàn bà gần cận đến độ có thể chia sẻ cả bóng tối của núi rừng thẳm hoặc.*

Tiếng nấc ức nghẹn buồn tê điếng dồn trong ngực tôi. Nơi Đăng đóng quân xa mù với thành phố tôi sống, với căn gác tôi nằm. Làm sao tôi đến với Đăng để núm má lõm đồng tiền kia đừng thay thế mình trong giấc mơ hoảng của chàng. Tôi đau đớn di ngòi bút trên trang giấy những dòng thương cảm và hờn giận. Những tiếng súng đoàng đoàng rầm rầm vang bên tai tôi như một bản nhạc nền. Thỉnh thoảng có hợp âm đập bùng bùng, tưng bừng ngời sáng ánh hỏa châu. Lằn đạn rít qua đồi trại của Đăng thốt lẫn với giọng mẹ tôi gọi từ lầu dưới:

- Con Miên làm gì chưa đem cháo sang cho bà kẻo muộn.

Con Miên vội bỏ tờ thư, rớt hẫng khỏi giấc mơ đại bác, chực nhớ

tới bà nội nằm ngay ngắn trên chiếc giường kê gần cửa sổ trông ra cây trứng cá đỏ hỏn trái quanh năm. Bên cạnh đó, bà cô lỡ thì gục gặc mân mê mũi kim thêu những bông hồng nhỏ tươi thắm như nhan sắc ấy, một thuở nào.

Lần này, tôi bước qua tiệm bán áo quan và đồ mã, đi dọc theo dăm quán nước vắng tanh thả xuống bờ sông. Vẫn tấm biển vẽ cặp trai gái hoen lệ choáng ngợp rạp chiếu bóng thấp tè, đám học trò mút kem và cắn hạt dưa lau chau đợi giờ mua vé. Dẫu sao chỗ này cũng sống động hơn vùng đất khô bụi trước căn nhà anh Vân. Nhưng làm sao tưởng được Đăng từng vào đây để tìm một ảo giác? Gió sông chiều nay nổi mát, tôi đi xa hơn và bấy giờ nhìn thấy những quán ba nhấp nháy ánh đèn. Tiếng nhạc ngoại quốc rần rật chen giọng tình ca tiền tuyến hậu phương sướt mướt. Mặt trời ngả đỏ trên đỉnh núi đen bên kia khúc sông mở rộng để sẵn sàng tìm biển. Đôi thuyền đánh cá thả cảm giác an bình trên mặt nước lánh bạc. Tôi tìm chỗ ngồi trên đúm cỏ khuất sau võm bàng rộng lá. Vài đốm sáng lóe lên rồi vụt tắt từ núi trọc, chắc chắn đó không phải nơi Đăng đóng quân. Đồi núi chàng cây cỏ mù đường, vây nhìn thung lũng có ngôi trường làng và cô giáo trẻ, mà *mortier* có thể bay qua hay rớt xuống phá tung bất cứ lúc nào. Sau lưng tôi, bắt đầu xuất hiện những người lính *marine* Mỹ, bộ binh Đại-Hàn và cả đàn ông xứ tôi cười nói cùng các cô gái váy ngắn, nủng nỉnh mấy câu ngoại ngữ vô tội. Dĩ nhiên lũ trẻ con như ruồi bu tới với thùng đánh giầy, khay kẹo và thuốc lá, không kể những bàn tay lật ngửa xin tiền. Anh Vân đã dặn dò đừng đến bờ sông mà tôi chẳng nghe. Anh nào nghĩ rằng những cảnh tương tự cũng có mặt giữa trung tâm thành phố, tôi từ đó ra đây. Nhạc ở mấy quán ba đập ồn lên theo bóng tối đổ. Mây từ núi chùng xuống, phủ thảm mặt nước đang ngả sắc thạch đen. Tôi đứng dậy đi về, nhìn qua lòng đường chợt bắt gặp dáng anh Vân ôm lưng một người đàn bà đầy đặn, tóc quấn dài che nửa khuôn mặt bày cặp môi cam đỏ .

Chị Hạc chờ cơm dưới ngọn đèn nê-ông xanh rợn. Tôi vẫn ghét thứ ánh sáng lột trần này. Tối nay nó càng làm bộ mặt và thân hình gầy guộc của chị Hạc tóp lại như những cọng cải luộc lọp xọp, lạnh ngắt trên bàn. Tôi rùng mình nhưng chị Hạc vui, giục:

- Ăn đi em, cả nguội hết chừ. Anh Vân cấm trại tối nay.

Tôi nhìn mắt chị, đờ đẫn nhai những hạt cơm rời rạc. Đến đêm bất ngờ đổ mưa, bức nồng khí đất, chị Hạc bước vào nằm cạnh hít hà :

- Người thơm như vầy sao muỗi không thịt hè? Chẳng lẽ không đánh hơi ra mùi trinh nữ.

Tôi bật cười :

- Sao chị biết ?

- Răng không biết. Nè, ráng giữ nghe, đừng có vội cho đi. Chắc chi thằng Đăng xứng đáng. Mi ngu rứa Miên ơi.

- Chị Hạc à, chị khôn hay dại ?

- Khôn ba năm, dại một giờ cũng đủ. Hồi xưa dù đâu hấp dẫn bằng em nhưng chị không dẹp lép như ri, cũng mông đùi đầy đặn. Lấy nhau sáu năm rồi mà chẳng có con. Đàn bà không con, khô đét thành mắm.

- Tại chị hay anh Vân ? Tôi tò mò.

Mưa đã nhẹ đi, nhưng nặng tiếng thở chị dài :

- Chị thèm con lắm, anh Vân còn hơn nữa. Chị vào tận Saigòn chữa trị nhưng cóc hiệu quả. À, sáng mai em đi với chị tới chỗ ni, thôi chừ ngủ đi.

Tôi muốn hỏi thêm nhưng lặng lẽ gật đầu, nằm nghe chị Hạc trăn trở. Chốc sau, một bàn tay rờ rẫm lên vai tôi rồi luồn xuống tìm lật tà áo ngủ, giật mình tôi nhích ra, quay mặt vào tường. Chị Hạc xoay người, đâu lưng thở hắt. Những con mối đục gỗ lục cục rầm rì cùng mưa nhỏ đều trên ngói dường đưa chị vào giấc ngủ. Ngoài đường vẫn còn xe gắn máy thỉnh thoảng rồ ngang, không có đèn hay trăng rọi qua song cửa. Cũng những tiếng đạn nổ đâu từ xa, mơ hồ trong đồi núi, chẳng khác gì nằm trên căn gác nghe pháo kích và mấy chiếc L19 lượn vòng mấy vùng ngoại ô thành phố. Mưa như đêm mẹ khêu đèn thầm thì với ảnh bố. Gió kêu tiếng rên đau của bà nội khô queo cứ kéo tấm chăn che kín hai bàn chân bó chặt chỉ bằng nắm tay nhỏ thó. Luôn luôn thế, dù giữa tháng hè nóng bức. Bà không muốn ai nhìn thấy chúng, ngoài mấy người con gái của mình. Thỉnh thoảng bà đòi đỡ dậy đi ra phòng khách, nhìn lên bàn thờ bày toàn ảnh đàn ông. Ở giữa là ông nội áo mũ cân đai, chung quanh là ba đứa con trai yểu mệnh của bà. Ba khuôn mặt đàn ông trẻ tươi, bác, ba và chú tôi đều qua đời trên dưới tuổi ba mươi. Bà run rẩy cầm mấy nén hương khấn khứa, cầu giải một lời nguyền, bằng thứ ngôn ngữ mà tôi không hiểu nổi, rồi gục xuống tủ thờ. Người bà cao dài, nên miệng ngang tầm những tấm hình, bà hôn dễ dàng lên ảnh những đứa con. Trong khi tôi phải kiễng chân mới chạm được ánh mắt người cha chết quá sớm, chẳng hề biết mặt. Chẳng biết mặt đã đành, tôi phải thay người gánh vai trò đứa con trai trong dòng họ, vì những thằng bé cháu nội của bà cũng qua đời non nớt. Tôi tự hỏi lời nguyền bí hiểm khủng khiếp, mà theo bà đã đưa

đến sự yểu tử của tất cả những người con trai và những thằng cháu ấy, có phải chỉ tuyền là sự tưởng tượng huyễn hoặc trong trí óc một người đàn bà vương giả nhưng bị bức uất bởi định mệnh cay nghiệt. Hay lời nguyền đó xuất phát từ một thảm kịch nào? Bà chẳng nói cho tôi hiểu đã đành, ngay cả mẹ tôi là con dâu cùng những người con gái đẹp và yểu điệu còn lại của bà ngày ngày ra vào, ẩn hiện như bóng ma cô độc. Mẹ tôi thì thào lập lại :

- Bà nội bảo: Đừng cho con Miên để tóc dài, cắt ngắn đi. Con Miên học giỏi, cho nó đi du học, nó phải đỗ đạt thành danh như ông nội hồi xưa.

Rồi mẹ rướm nước mắt :

- Con cứ để tóc nhưng gắng học rồi bay đi, nhất quyết phải thoát cảnh mấy bà cô già của mày ngồi chong ngọn nến.

*

Sáng sớm anh Vân về, cởi chiếc áo mang hai hoa mai máng lên cột gỗ. Tôi thốt nhớ màu vải ca-rô xanh anh mặc tối qua ở bờ sông. Chị Hạc đã dắt hai chiếc xe đạp ra ngoài hiên, giục tôi xỏ giầy. Xoay người, tôi chạm ánh mắt bám chặt của anh Vân. Anh không quay tránh như mọi lần, tiếp tục nhìn chăm vào dáng tôi cắt trên nền cửa sáng. Khi chúng tôi đã ngồi lên yên, anh mới chạy ra hỏi :

- Hai chị em đi đâu ?

Chị Hạc cười đáp gọn :

- Nhà thương. Chút về em sẽ kể.

Tôi chẳng thèm ngạc nhiên, cố gắng đạp sau xe chị. Chị ngồi lưng thẳng tắp, lái thật khéo qua con đường đất đá ngược hướng con sông. Tôi suýt ngã mấy lần vì bận ngó nhìn những con người lăng quăng vật vờ dưới các mái che bằng lá hay tôn dựng vội vàng. Trận mưa đêm qua đọng vũng sình lầy lội. Người lớn và con nít chạy đi chạy lại hai bên đường cùng với mấy con heo đen nhớp và bọn gà lúc túc xòe cánh dưới bánh xe tôi. Chị Hạc đạp chậm lại để nói nhỏ:

- Họ từ trên núi xuống tránh pháo kích.

Thế là tôi hốt hoảng nhìn kỹ hơn những bộ mặt đăm đăm cằn cỗi. Chăm chăm tìm ở đó một núm đồng tiền và đôi mắt to tròn của cô giáo trẻ, cho Đăng.

Nhà thương dân y cách trung tâm chừng ba cây số. Kẻ ra người vào, gấp gáp lầm bầm hay lệt bệt thẫn thờ. Chị Hạc ra dấu dừng xe trước một hàng rào đầy người ngồi dưới đất, rồi dẫn ngay tôi đến một người đàn bà mù ôm đứa bé độ ba tháng trên tay. Chị sà xuống vạch

cái mũ rơm rách che mặt đứa trẻ trầm trồ nựng nịu :

- Coi nì Miên, con nhỏ dễ thương không. Cỡ này được sữa đầy đủ thì phải biết.

Xong chị quay sang người mẹ :

- Hộp sữa hôm qua hết chưa ? Còn gói xôi?

Bà ta nhướng nhướng hai tròng mắt trắng dã, làn da sạm tái không đoán nổi tuổi:

- Cô cho bao nhiêu thì ló dí ngộ ăn hết dồi.

Giật mình, tôi nhận ra mái tóc thường cắt bum bê của những người đàn bà Tàu, giọng nói lớ ngọng đã từng nghe đâu đó. Chị Hạc gỡ gói bánh mì và hộp sữa buộc ở cần xe đặt vào tay bà ta, rồi nâng đứa bé lên :

- Tui ẵm nó chút. Có mấy trăm nữa đó, bà giữ kỹ kẻo bị giựt mất.

- Cô ui, đem ló đi đi. Ngộ không cần liềng đâu. Cô cho ló ăn, sương ló như con là đủ dồi.

Chẳng thể chịu đựng hơn, tôi quay đi, ngửng nhìn những vệt nắng ứa trên màu ngói cũ của bệnh viện. Tôi nhịn hơi thở, tôi chặn đứng những sợi thần kinh, tôi bít chặt hai tai để đừng cảm, đừng nghe, đừng nhìn thấy khung cảnh quanh mình.

Sốt trưa tôi nằm vật vờ trong căn phòng khép cửa chấn song, người hâm hấp nóng. Chị Hạc bỏ dậy học, ló đầu vào hỏi han, đưa thuốc và nước cam ép uống. Chị lại leo nằm cạnh, nhưng lần này thuỗn người ngay ngắn, tay vắt qua trán :

- Chị đem con nhỏ về nuôi Miên ơi, em thấy sao. Bà Tàu đó tội quá, mang thai mà bỏ Chợ Lớn ra đây thăm chồng rồi bị trúng mìn mù mắt, nghe tin chồng tử trận trước đó mấy tháng. Chẳng hiểu sao không ai trong nớ ra đây đưa bả về.

Tôi không đáp trả, chị ngỡ tôi ngủ, bỏ đi ra. Có biết đâu tôi chỉ muốn gào lên : Đừng nói tới bà Tàu. Đừng đụng đến máu huyết tôi. Đừng dựng lại trong trí não tôi hình ảnh người đàn bà Trung Quốc, từ xa xưa, vì tình yêu bỏ lìa xứ sở và cuộc sống nhung lụa, phải làm dâu và bị hành hạ trong một gia đình phong kiến Việt Nam. Người đàn bà còn xuân sắc đã sớm mất chồng, chỉ ngọng nghịu vài câu nói nước người. Bằng hai vai gầy và đôi bàn chân còn bó chặt thời công nương, dẫn dắt sáu đứa con trên đường di tản từ bắc vào nam. Để rồi mất dần, mất hết những hòn máu thừa tự quí giá nhất. Quên cả mình trốn mẹ ra đến tỉnh lẻ cháy thiêu cỏ vàng này để làm gì, tôi lịm đi trong những ý nghĩ nhức đau bừng bừng, giữa buổi trưa hè oi đến sủi nhựa trên người.

Đầu chiều anh Vân ở trại về. Tôi tỉnh dậy với tiếng hát Thái Thanh từ bên hàng xóm, xé tim : *Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại. Anh trả lời mai mốt anh về. Anh trở về trên đôi nạng gỗ, anh trở về dang dở đời em*...Tôi lại định bịt tai nhưng thoáng nghe tiếng chị Hạc phòng ngoài :

- Con nuôi mà mình thương thì cũng như con ruột. Bố nó cũng lính như anh. Tội nghiệp nó dễ yêu lắm anh à.

Anh Vân gắt :

- Tự dưng nuôi con Tàu lai, ăn xin ngoài phố. Điên.

Chị Hạc phản đối ngay :

- Không phải ăn xin, anh đừng đổ oan cho người ta.

Rồi hạ giọng, thẫn thờ:

- Thế thì...không bao giờ mình có con.

Tôi chẳng ngờ anh Vân tàn ác :

- Vấn đề là ở cô. Tinh trùng tôi tốt, tại sao phải xin con!

Chị Hạc gào lên :

- Chẳng biết ai hơn ai. Mấy mụ đàn bà anh hẹn hò ở bến sông, anh gặp gỡ trong thành phố mỗi lần đi phép, đã ai cho bằng chứng là tinh trùng anh tốt.

Không có tiếng anh Vân trả lời, chỉ có tiếng xe rồ máy ào đi. Tôi vuốt lại tấm áo nhàu nát, bước ra. Chị Hạc gục đầu trong cánh tay nơi thềm cửa ra vào. Bụi trên đường cái bay mù với mấy chiếc xe vận tải và xe đò chạy qua. Tôi cảm tưởng chúng tung lên rồi sẽ tỏa thành sương phủ xuống thân hình đã gầy hao đi vì những chịu đựng âm thầm của chị Hạc. Thì ra chị đã biết hết. Có thể chị thấu hết tất cả bản chất và thân phận đàn bà mà không nói ra. Goá bụa đơn độc như mẹ, các cô tôi, đau đáu như mấy cô thợ may hằng ngày ngóng sang cửa tiệm đối diện để đếm từng người đi mua hòm đón xác. Can cường và hiền hậu như cô giáo làng vùi nhốt tuổi xuân trong thung lũng rì rầm bom đạn. Và cả bà nội già của tôi cùng người mẹ mù, hai người đàn bà Tàu một đời lạc bước. Tôi ngồi xuống bên chị, nhìn sang bãi đất. Những vòng kẽm gai dưới chân chòi gác chạy tròn tròn, thoáng chốc rủ nhau vượt qua mặt đường, ùa đến quấn xoắn lấy tôi và chị Hạc.

Nhưng chúng tôi mệt nhoài, không vùng vẫy, lặng im như thế cho đến lúc anh Vân lái xe *jeep* trở về. Anh chẳng thấy gì, cử chỉ lại nhẹ nhàng thường lệ, đỡ chị Hạc dậy và nói với tôi :

- Đăng đã hành quân về nhưng có lệnh cấm trại.

Đầu óc tôi mù mịt, chẳng còn một khái niệm về thời gian, ngay cả sự thương nhớ, đợi chờ. Chị Hạc ngập ngừng:

- Hay...anh đưa Miên lên đó gặp Đăng.

Anh Vân chớp mau cặp mắt nãy giờ vẫn đậu trên vai tôi :

- Nếu Miên muốn, mình đi ngay.

Tôi vội vàng bước theo anh Vân. Chiếc xe *jeep* bỏ nhanh đường phố, băng qua đồng ruộng héo hắt cạn queo để leo lên đồi núi ấy. Chiều buông rất nhanh, vài đọt sáng sắp rút đi sau rặng cây. Chẳng biết lũ chim lạ đang xúm xít rỉa rói gì trên những đám đất bắn tung giữa vùng cỏ dại. Thật sự cũng không muốn ngó nhìn kỹ lưỡng, đôi mắt chập chờn, chúng khờ đi vì những sợi thần kinh bị căng chùng đột ngột bởi bao điều vượt quá tâm hồn tôi mười bảy. Quên cả mơ ước được nhìn thấy không gian Đăng sống thở, chỉ còn quay quắt một điều mau lên đến dãy trại trên ngọn đồi, choàng lấy cổ Đăng, oà khóc. Anh Vân lẳng lặng suốt từ lúc lên xe, thỉnh thoảng ném cái nhìn lên tôi lọt tỏm vịn cứng hai vành ghế. Chiếc *jeep* tưng lên dội xuống theo những vũng hố lỗ chỗ cày suốt con đường. Chúng tôi đi qua vài khu nhà dưới chân hay lưng chừng đồi. Chẳng nhà nào nguyên vẹn, thưa vắng như bỏ hoang dù vài sợi khói và mùi củi rạ vương thơm. Bầy quạ vụt bốc bay từ một hốc đá, quang quác, hỗn loạn. Tôi co rúm người cùng lúc với máy truyền tin của anh Vân báo hiệu. Anh Vân nhấc nghe rồi vội quặt tay lái :

- Báo động, chúng ta phải quay lại.

Xe vừa trở ngược đầu đã đùng đùng mấy tiếng nổ nghe rất gần. Chúi người ra trước tôi đưa tay ôm lấy mặt. Anh Vân dừng xe nghe ngóng, nhưng sau đó lại thinh lặng, chẳng một tiếng quạ kêu. Tôi chưa kịp ngước lên đã thấy một bờ môi mềm áp trên cổ, vòng tay bện qua vai. Một vài giây chao đảo mông lung, không phản ứng, rồi tôi vụt ngồi thẳng dậy, xô anh Vân ra. Tôi nghe rõ giọng mình chững chạc đến chẳng ngờ:

- Về mau, không chết cả.

Anh Vân ngồi ngay lại, anh nuốt gì mà trái táo *Adam* trồi thụt dồn dập. Xa xa, từ lưng đồi bên phải, cột khói bốc lên mang theo ánh lửa. Nhưng lặng im chẳng bao lâu, lại rầm một phát nổ toang vỡ đầu óc, tôi níu chặt lấy thành xe, để đừng bắn tung với cột gỗ mái tôn đang bung xuống từ xa trên trời. Anh Vân vừa nhấn ga lao về phiá trước vừa cuống quít :

- Đừng sợ Miên, Miên. Anh sẽ đưa em về đến nơi an toàn.

*

Ngọn nê-ông đã sáng trưng trên lưng chị Hạc đang mân mê

mấy cuộn len màu hồng. Tôi kêu mệt bỏ ngay vào phòng. Hình như hai vợ chồng nhủng nhẳng vài câu và anh Vân lại lên xe. Rồi chị Hạc đẩy cửa, sờ tay lên trán tôi la hoảng :

- Úi chà, nóng ri trời. Cởi áo ra, chị cạo gió.

Tôi ngần ngừ, nhưng chị không tha :

- Ta cạo bằng gừng, có đụng tới da thịt mi đâu, nằm sấp lại.

Chất dầu Nhị Thiên Đường ran rát trên da, chắc đang trở đỏ mấy dọc sườn từ vai xuống cạn lưng. Chị Hạc vừa đẩy cục gừng vừa nói :

- Chị quyết định rồi, anh Vân không chịu kệ ảnh. Ngày mai chị lấy con bé về, em đi với chị nghe. Cùng quá, thì nuôi một mình. Chị mới mua len đan áo cho nó, coi vậy cứ mưa là con nít dễ bị lạnh. Nì, để yên yên vài bữa, rồi thế nào Đăng cũng xuống.

Tôi úp sấp cứng đờ cho chị cạo gió, nghe tiếng chị than vãn mang mang trong căn phòng bình yên. Nhưng hồn tôi thì co quắp, tôi vẫn ngửa nghiêng hoảng lạc giữa ruộng đồi bốc cháy. Lần đầu tiên cô học trò thành phố mới bàng hoàng sát cận chiến tranh đến độ này, dù đấy chỉ là một phần nhỏ trên bề mặt. Chẳng mở miệng nổi để trả lời chị Hạc một câu là dù sao, thì ngày mai tôi cũng tìm cách trở về thành phố, tôi không chờ, không tìm Đăng nữa. Thoáng chốc, thấy mình nhỏ nhoi, bất lực, lạc đàn. Chắc chi giữa bom đạn này Đăng còn nhớ đến tôi, hay sự sống chết của cô giáo trẻ đáng thương kia mới là quan trọng. Tôi không hờn giận Đăng, mà lao đao dằn vặt. Đúng như khi về đến giáp giới tỉnh lỵ, anh Vân đỗ lại chỗ khúc sông cạn lờ, vắng vẻ, để ngó đăm một ánh mắt trĩu bóng chiều. Lần này giọng anh trầm, nặng chát:

- Tại sao Miên ra đây? Tâm hồn và thân thể tươi mát của Miên không dập nổi lửa khói súng đạn, chẳng hề tưới sống một cọng cỏ khô. Chúng chỉ khơi bừng trong chúng tôi, những thằng đàn ông trên đất cát nơi này, ngay cả cho Đăng, nếu hắn được về, sự cồn cào khát bỏng, thèm thuồng sự sống, tuổi trẻ, bình an lành lặn. Để làm gì, làm gì ? Đây không phải là chỗ của Miên. Đừng hành hạ chúng tôi bằng sự có mặt của em.

Có phải chính lời Đăng đang cảnh cáo: Đây chẳng phải là chỗ của em. Lặng nhìn bóng núi tím lịm, tôi cố hình tượng nơi Đăng đang trú quân lần cuối. Máy bay và trực thăng ồn ồn cất cánh, những mắt đèn điên của loài dã điểu rực đỏ từ phi trường quân sự. Chất bọt đắng ngắt ở đâu nghẽn cổ họng, mới vài bữa trước tôi hớn hở liều thân bước xuống nơi ấy. Quay mòng một ý nghĩ học đâu lãng mạn ''Nhụy đào thà bẻ...'', trong khi thơ ngây vụng dại, có đâu một khái niệm rõ rệt nào về những gì có thể xảy ra.

Bây giờ hơi thở gấp, lưỡi hôn xoáy của Đăng trong Rex hay trước cổng tối nhà tôi đã mơ hồ như chưa từng hiện hữu. Có áp vào ngực chàng, chắc khác gì mùi ngai ngái trộn nắng và mồ hôi trên cổ áo anh Vân đã cúi sát mặt mình. Cả núi rừng, mưa lũ và nắng ngàn Đăng từng dựng lên, đổ ngập, trải dài trong hồn tôi bằng những dòng thư, cuối cùng cũng vô cùng xa lạ. Lạ như dãy phố với những bán buôn ảo dị nơi này. Nhưng làm thế nào để xoá chúng đi trong trí nhớ? Bởi vì dù muốn dù không, chúng đã trở thành một phần đời tôi, bất ngờ, ám ảnh, cứa đau.

Đêm ấy, trăng mười bảy đứng lâu ở hướng tây, chiếu qua song gỗ. Chị Hạc vắt tay qua người, thỉnh thoảng mân mê hai núm ngực tôi ngửng sau làn vải. Tôi thương xót để yên cho chị ú ớ một cơn mê, rồi cũng chìm lịm đi, rời rã. Dường như tôi đã trở về nhà bà nội. Chẳng còn thân người nằm ngay ngắn trên giường với tấm chăn mỏng đắp che chân, mà hai ngọn bạch lạp đang lập loè bên tấm áo quan chưa đậy nắp. Những nén hương thấy tôi, chợp bùng bắn những tia lửa. Mấy bà cô mặt trĩu dài hơn năm tháng, cặm cụi cắt may những mảnh sô trắng. Trí óc tôi sao còn sáng suốt để tự hỏi thầm: người Tàu có mặc thứ này ngày đại tang, hay bà tôi đã khép mình làm người đàn bà Việt? Đến cạnh quan tài, tôi cúi xuống khuôn mặt khép, đôi môi mỏng và vành tai đeo hạt vàng. Hai bàn tay dài chấp trên nền áo gấm đỏ cài nút một bên tuyệt đẹp và sang cả. Cũng bàn tay này từng cho tôi phong bao lì xì ngày Tết. Bao giờ tôi cũng được nhiều hơn những đứa cháu gái khác của bà. Nó tỉ lệ với vai trò thằng con trai bà đã đặt lên tôi. Quay lại, mẹ đang quận vòng gai để con gái mình đội ngày mai, đưa đám. Hình như tôi hiểu, chẳng thể nào khác hơn số mệnh, tôi sẽ đi học xa, sẽ cắt băng những sợi tóc ngang vai trước khi rời xứ sở.

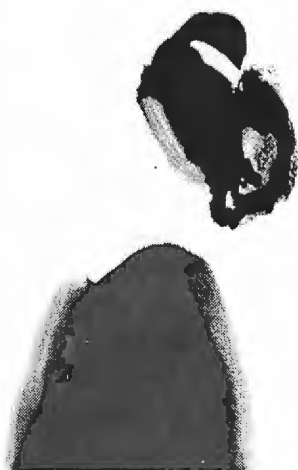
Nến cháy mãi, cháy mãi cho đến lúc ánh bình minh lọt vào khe cửa.

MAI NINH
*(giữa hạ, 2000)*



**PHẠM THỊ MINH THƯ**

# Insulin



Chiếc quạt trần đã được lũ trò mở đến hết cỡ vậy mà Vi vẫn thấy mồ hôi túa ra trong chiếc áo contton trắng dài rộng thùng thình. Trời với đất, nóng đến quái đản! Vi bất chợt lắc mạnh mái đầu có mớ tóc tỉa gọn như con trai, rồi cất tiếng - cùng lúc chị nhận thấy cái giọng vừa vang lên đó cũng bức sốt cáu kỉnh y hệt thời tiết và cơ thể mang nó:

- Các em lấy giấy ra làm bài kiểm tra. Phải, bữa nay tôi không giảng lý thuyết như đã định trước, bài làm mới rồi của các em khiến tôi phải soát lại kiến thức cũ của lớp ta lần nữa. Nào, lấy giấy ra đi, sẽ có nhiều việc phải làm đấy.

Những đôi mắt nhiều vẻ nhưng thẩy đều linh lợi thôi giương lên "chiếu tướng" cô giáo. Tiếng rút giấy, tiếng xé vở đã loạt xoạt vang lên.

Sau ngót chục năm sống bằng lũ trò trung học đang nuôi chí vào đại học "khẽ nhặt" trong đầu Vi cũng ra cả loạt mẫu bài, nào phải nghĩ ngợi gì mà... gãy tới ba viên phấn chị mới chép được chữ đầu tiên lên bảng - Cả đến nét viết của Vi cũng có gì như dằn xuống, bực bối...

Kết thúc những dòng chữ là số xiêu xiêu. Vi lập tức rút vào sau tấm ri-đô vải lanh ngăn cách các vật dụng gia đình với phần trống dành cho lớp học. Vừa buông người xuống ghế bố chị đã nhổm

phắt dậy bước mau tới bật công tắc chiếc quạt cây Tàu. Khi gió đã vù vù thổi vào tấm thân bé tẹo, Vi trở lại chỗ cũ buông rơi mình xuống như một vật thể rối rắm đang gây nên các phiền nhiễu bức sốt cho chính nó. Thọc bàn tay nhỏ có các khớp tay thô thô vào mớ tóc ngăn ngắn Vi tóm chặt lấy một món, dưới bàn tay làn da đầu được kéo căng ra. Bên ngoài nơi lũ trò đang làm bài thi thoảng vọng vào âm thanh thưa thớt này cùng tiếng quạt quay "vù vù" đơn điệu như làm tăng thêm những bức sốt bất an trong người đàn bà bé nhỏ. Hết tóm tóc lại đến cụng quậy người trong chiếc ghế chả hề rộng rãi, rồi như thể càng thêm khó chịu bởi chính các động tác bất lực này, chị đột nhiên bật dậy, khẽ khàng đi tới chiếc bàn nhỏ thấp kê áp tường đối mặt với chiếc ghế bố, trên đó mặt bàn vừa đủ rộng để đặt một máy thu hình hiệu Sony và một đầu vidéo hiệu Sharp. Ngồi quỳ chân xuống sàn nhà lát gạch men cũng khẽ khàng như các bước chân, Vi ấn nút, tua lại băng hình đã lắp sẵn trong đầu vidéo. Chị lấy làm vừa ý khi tiếng tua băng rè rè chìm hẳn trong tiếng gió quạt. Trong mười phút băng tua đó gương mặt nhỏ hơi dài kín đáo của người đàn bà chợt biểu lộ một trạng thái suy tính khá căng thẳng. Khi cuốn băng được tua đến một phần nào đó thì cái ngón giữa nổi gờ lên những khớp là khớp vươn ấn vội vào cái nút stop. Rồi một tay cầm cái điều khiển nhấn vào nút vidéo, tay kia nhấn lia lịa vào bên âm của nút volume. Kết cục là khi hình vừa kịp hiện trên màn huỳnh quang cũng là lúc tiếng được giảm đến... tắt hẳn. Trút ra một tiếng thở, vẫn nguyên cái tư thế ngồi quỳ chân gò bó, Vi chăm chú nhìn vào cái màn hình mười bốn inch, đôi mắt đen to đến choáng gần hết chiều ngang của gương mặt hẹp căng thẳng rõi vào các hình ảnh đang nối nhau hiện ra của người đàn bà lúc này hệt như mắt một con thú rình mồi.

Và bây giờ thì, đôi mắt quá cỡ đó không hề chớp trên màn hình đang hiện ra trường đoạn giết chồng trong cuốn phim tâm lý xã hội Mỹ: "Ngôi nhà quỷ ám."

Người đàn bà bơm rất nhanh cho chồng một mũi thuốc, rồi thay bông tẩm cồn, bà ta dùng một nùi bông khô miết mạnh vào vết tiêm. Kéo ống quần người bệnh xuống, cầm cả ống thuốc rỗng không lẫn bơm tiêm bà biến vào toalét. Gói các vật đem theo vào một mảnh bìa dày bà dùng một vật rắn ra sức đập vào nó. Tới khi giở mảnh bìa thấy trong đó có một mớ thủy tinh nhỏ li ti bà liền rũ tất cả vào bồn toalét, xé nát mảnh bìa vất luôn cùng. Giật nước cho xối sạch.

Trở lại phòng người bệnh, ngó nhanh tấm thân dài ngoẵng bất động, người đàn bà xé một rẻo bông nhỏ giơ ra trước hai hốc mũi, thấy nó không hề động đậy bèn hấp tấp mở tủ lấy ra quần áo, khăn

trải giường, và một tấm khăn bông sạch. Phải chăng sự trút bỏ một linh hồn nào cũng là nặng nhọc? Ở cận cảnh, trên tấm thân đã lìa đời vừa được cởi bỏ quần áo, mồ hôi tía ra đầm đìa. Vất vả lắm người đàn bà mới lau khô được mọi ngóc ngách của một tấm thân ướt sũng dài đến thế. Thay khăn trải giường. Mặc đồ mới cho cái xác trong lúc luồn ống quần vào một bên chân chồng bà cúi mặt nhìn như soi vào chỗ ban nãy đã chọc kim... vơ cả mớ những quần áo khăn trải giường rồi khăn bông vất bừa bãi dưới nền nhà tống vào máy giặt, xả nước, rót cho mình một cốc cafe uống hết, rồi kẻ sát nhân chậm rãi nhấc điện thoại gọi cho bác sĩ riêng báo tin chồng mình vừa qua đời...

Băng vẫn còn khá dài nhưng tới đây thì Vi vội vã tắt máy. Nhổm dậy, mang bộ mặt căng thẳng trên tấm thân còn ướt sũng sĩnh mồ hôi hơn cả nạn nhân trong cuốn phim, chị cứ đi tới đi lui giữa các đồ vật lộn xộn như đang tìm kiếm một vật, hay điều gì mà chính chị còn chưa xác định nổi.

*

Vẫn ngồi nguyên trên chiếc Cub còn ầm ầm nổ máy, Lạng ngó ổ khóa trên cửa nhà, liếc nhanh đồng hồ đeo tay. Mười hai giờ rưỡi. Lớp học tan đã được tiếng rưỡi, chẳng lẽ Vi còn chưa ăn trưa xong? Nhưng trên đường về anh đã ngó cả lượt mấy quán cơm cô thường ăn đó sao? Lắc đầu, tắt máy, khóa xe, Lạng mở khóa cửa, uể oải bước vào.

Các bộ bàn ghế gấp của Nga đã được xếp đặt đúng chỗ, nhưng trên bảng đen các dòng chữ và con số xiêu xiêu của Vi vẫn còn nguyên, cũng như tấm ri-đô đã được kéo ra để ngăn cách hai phần của gian phòng. Vẹt tấm ri-đô về một bên, Lạng bước vào phòng không gian thực tự thuộc về hai vợ chồng và đứa con. Đôi mắt tinh tường lập tức phát hiện cái gạt tàn đầy mẩu thuốc đặt dưới sàn nhà bên chiếc ghế bố. Vi hút thuốc, mà hút tới mức này đây? *"Anh. Em đã không thể chờ. Hiểu rằng việc là thế, hy vọng khác đi chỉ rối đầu. Em tới một cô bạn cũ. Chiều đón con hộ em. Không phải nấu cơm, bữa tối cả nhà ra quán. Vi."*

Nhấc chiếc gạt tàn đặt lên bàn, vo tròn mảnh giấy ấn vào đó. Bật quạt, Lạng ngồi phịch xuống chiếc ghế bố. Vậy mà sáng nay anh đã phải lật đật ra đi từ bảy giờ sáng để kịp có mặt ở phòng làm việc ngay đầu giờ, rồi từ đó cho đến mười hai giờ đã không dám rời phòng nửa bước chỉ sợ tuột mất mấy cú điện thoại đã mong ngóng

từ nửa ngày trước, đến mức sau bốn tiếng rưỡi "làm việc" sự căng thẳng của nhiều nỗi đã khiến Lạng phải đâm bổ vào toalét, rồi từ toalét lại đâm bổ về nhà hòng... chia sẻ với cô những thất vọng của sự chờ đợi! Lại thêm lần nữa trong lúc đầu óc anh đang rối tinh lên, tiêu hủy vô số năng lượng vào những bực dọc nôn nóng thì cô đã lẳng lặng chạy vượt lên, tính toán xong một điều gì đó để kịp thản nhiên trước chính sự cố của mình. Nhưng có thật đầu óc Vi tỉnh táo khôn ngoan đến vậy hay cô đã chỉ sớm "tự vệ" bằng cái cách tới đơn giản: "mặc thây sự đời," cứ lỳ ra mà đón đợi?

Lạng bất chợt thở ra, hai năm biết Vi, chín năm làm chồng thử hỏi anh đã biết được những gì về người vợ bé nhỏ kín đáo?

Cô hay quên, cất vật gì đâu chỉ nửa ngày sau muốn có đã phải bới lộn lung tung mới thấy nổi. Cô rất khoái bún riêu tra mắm tôm và thật nhiều ớt chưng mỡ, chỉ bộc lộ hứng thú ăn uống ở mỗi món này, hễ sáng nào ăn được đúng nó cô vui vẻ cởi mở hẳn. Ham nghiền tiểu thuyết và bất kỳ cuốn sách nào liên quan tới cái gọi là lịch sử. Trừ những lúc phải chấm bài, đọc thêm các loại sách để bổ sung vào chương trình dạy các mẫu bài luyện thi mới ra trong tay cô bao giờ cũng có một trong các cuốn sách loại này, bởi thế việc dồn tất quần áo bẩn của cả nhà tới vài ba ngày mới đem giặt là hiện tượng... bình thường trong sinh hoạt gia đình họ. Khi ngủ hễ cứ nằm xuống là theo một quán tính nào đó tay phải cô cứ co dần lên ngực, co đến hết có nghĩa là đã gác hẳn nó sang mé ngực trái thì lao ngay vào giấc ngủ với cả tràng ú ớ khiếp đảm, nhưng không thế cô sẽ phải dùng tới seduxen sau cả hồi trằn trọc nghiêng người hết bên này lại tới bên nọ, mà hễ cô phải dùng seduxen là Lạng rất mệt mỏi bởi những trằn trọc trước đó của vợ thường vừa đủ để chồng tuột khỏi một cơn buồn ngủ. Khác Vi, Lạng không bao giờ mó tới bất cứ loại thuốc ngủ nào, độc dược thường khiến anh khiếp đảm.

Còn gì nữa đây trong tính tình, sở thích, thói quen hằng ngày của Vi? Hết rồi chăng hay lúc nãy, do mỏi mệt Lạng đã chẳng thể nhớ ra hơn?

Quá khứ, quan hệ gia đình và xã hội của Vi ư?

Cô mất mẹ từ năm lên tám. Nửa năm sau ngày vợ chết, thu xếp xong cho đứa con gái tám tuổi rưỡi đến sống với người chị gái, và đứa con trai tròn ba tuổi đến sống với cô em muộn chồng, ông bác sĩ bố gia nhập quân ngũ để được vào chiến trường B. Trong cách chăm nom nhiều ít thất thường của một bà bác đông con, một bà cô lỡ dở, với hai nửa suất lương thoạt đầu là của một bác sĩ đại úy, rồi

sau của một bác sĩ thiếu tá, hai chị em cứ thế mà lớn lên. Năm bảy nhăm, tháng tư tiến vào Sài Gòn thì tháng bảy ông bác sĩ bố gửi quà và thư ra. Quà khá nhiều, cho không chỉ hai chị em, còn thư lại rất ngắn và chỉ riêng cô. Ông bác sĩ trung tá bố vắn tắt hỏi thăm con gái, vắn tắt thông báo, rằng do công việc đòi hỏi ông sẽ phải lưu lại Sài Gòn, trong quân ngũ, thời gian bao lâu chưa rõ, rằng tốt nhất cho hai chị em cứ tiếp tục sống như ông đã thu xếp. Vi đã không cho em đọc thư đốt luôn nó và lập tức ngẫm ngợi các cách để thuyết phục bác và cô cho hai chị em về sống trong ngôi nhà mà bấy nay vẫn khóa cửa. Việc đã được thu xếp theo ý cô muốn. Năm đó, Vi học lớp chín, Cự học lớp bốn. Vốn thông minh, Vi chẳng tốn mấy thời gian cho học hành, cô chị vất vả nhiều, rất nhiều vì đứa em trai đã ngỗ nghịch chậm tiếp thu lại còn lười học. Một năm sau ngày đưa em về nhà, Vi nhận được thư bố. Lá thư thứ hai tính từ khi cô biết thế nào là thư, và nó lần này cũng chả hề dài hơn lần trước. Viên bác sĩ cho hay ông đã giải ngũ, hiện làm tại một bệnh viện lớn ở Sài Gòn, ngoài giờ làm ông còn hành nghề đông y, nên từ nay hằng tháng hai chị em sẽ nhận được nhiều tiền hơn. Ông cũng cho con gái hay số bis của ngôi nhà mình đang ở trên con đường Huỳnh Tịnh Của thuộc quận Ba Sài Gòn, dặn có việc gì cần cứ điện vào cho ông. Cũng như lần trước, Vi đã đốt ngay lá thư không có lại hóa hơn này. Rồi cô thi vào khoa Sử trường Đại học Tổng hợp. Ngày cô hay tin mình đã đỗ thủ khoa, cũng là ngày đứa em trai lần thứ nhất sa lưới pháp luật, nhảy tàu điện móc túi bị nạn nhân tóm cổ nó phải ngồi trong đồn công an phường một đêm cho muỗi cắn...

Rồi Vi tốt nghiệp đại học, được nhận ngay về một trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội quốc gia khá lớn. Cô đi làm được hai năm, Lạng hỏa hồng lại được căn buồng dài ngoẵng trên tầng hai ngôi nhà phụ cách tòa nhà chính có căn phòng rộng rãi của hai chị em một khoảng sân hẹp, họ trở thành hàng xóm. Lạng đã dọn đến nhà mới cùng "lò" luyện thi đại học của anh. Hằng ngày ngoài công việc của Viện, thời gian còn lại Lạng thuộc về "cái lò" có nghĩa vụ trả một món nợ mua nhà và thêm vào ba đồng lương phó tiến sĩ còm để "mang vác" cái bao tử, đã nhà quê lại còn xuất ngoại tới... mười năm! Vi sau những giờ ngồi như bắt vít ở đủ loại thư viện về tới nhà, thì chỉ những lo đi tìm em ở hết các tụ điểm chơi bời lại tới các đồn công an phường này quận nọ đã đủ bã bời, mê mụ cả người. Tóm lại, hàng xóm đấy, nhưng họ, một gã trai... ba mươi lăm tuổi và một cô gái không thể xem là còn trẻ, chả còn hơi sức nào để biết tới nhau ngoài hai cái vỏ người thi thoảng chường ra cùng lúc

trên một lối đi. Cứ thế cho đến một buổi tối của ngày trước Noel năm nọ... Đang ngồi chấm bài kiểm tra, thi thoảng lại rùng người vì lạnh. Lạng chợt nghe tiếng gõ cửa. Cộc... cộc... cộc! Ba tiếng gõ tách khỏi nhau vừa đủ cho lịch sự cần thiết nhưng vang lên mới rành rẽ dứt khoát làm sao... Người hiện ra trên cây cầu thang hẹp dốc ngược khi cửa mở là cô hàng xóm bé tẹo thường mang một gương mặt vô cảm hoặc khép lại, kín đáo đến lạnh lùng.

"Tôi đủ sức tự vệ, anh cứ khép cửa vào cho ấm." Khi đã vào tới bên trong với một túi xách nặng trong tay Vi đã ngoảnh nhìn cánh cửa còn mở và nói thế, cùng lúc, đôi mắt cô vụt sáng cởi mở hồn hậu. Vị khách không chờ này đã lập tức gây cho Lạng một ấn tượng mạnh về một nữ tính là lạ... bây giờ sau này và khi đã là chồng Vi, anh đã được chứng kiến không ít những thành công của năng lực thu phục đối tượng cần thuyết phục bằng lời nói giản dị, tự tin, sôi nổi và chân thành đến đột ngột này. Nhưng... chỉ là khi cô muốn, cô định mà những cái "muốn," cái "định" ấy nảy sinh vào những lúc thế nào, với ai và do đâu, thì Lạng chịu!...

Nhớ lại. Tối đó, sau khi đột nhập vào phòng Lạng, sau vài ba câu chuyện lặt vặt về đêm Noel, về tạp chí Sputnhik - cuốn tạp chí chả hiểu do đâu lại có mặt trên bàn anh, về cách khắc phục những đường rạn trên mảng tường vàng khè đã tróc tiệt vôi đang nằm trong tầm nhìn của họ, đôi mắt vẫn sáng ngời trên gương mặt nhỏ xanh gầy - một gương mặt hoàn toàn mới mẻ so với hai dạng thức chán ngắt thường nhật. Vi đã chuyển câu chuyện vào ngay chủ đề cô muốn. Vẫn giản dị, tự tin, sôi nổi và... chân thành. Vi cho Lạng hay về công việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam cận đại của mình, những gọi mời hấp dẫn của nó với cô trong suốt bốn năm học và ba làm việc, rồi vô số ngán ngẩm, điên đầu nó đã đem tới khi... triển khai công việc. Sau ba năm làm việc cật lực cô thấy thật vô ích và ngớ ngẩn nếu cứ tiếp tục còm lưng đan len thuê tới ba giờ sáng để húc đầu vào các... sự thật lịch sử. Cô đã làm đơn xin thôi việc. Và vài tháng nay đã chuyển lao động sang một nẻo khác... Nói tới đây, Vi lôi từ dưới gầm bàn lên chiếc túi mà Lạng đã chẳng còn nhớ tới, cô lần lượt lôi ra từ đó bày trước mặt anh các cuốn sách dày cộp cả tiếng Việt lẫn tiếng Nga, bộ cẩm nang mà không một ông thầy luyện thi toán nào có thể thiếu. Vi đã mê sử từ nhỏ, nhưng suốt mười năm học phổ thông toán lại là môn cô đạt điểm cao nhất trong khi thời gian dành cho nó chẳng bao giờ vượt quá các tiết học trên lớp... Tóm lại, trong tình trạng thất nghiệp tự nguyện này, để không phải mưu sinh bằng đôi kim đan của mấy bà già rỗi việc, cô đề nghị Lạng dành cho một chân trong lò luyện thi

nếu sau khi kiểm tra thấy kiến thức của cô là đủ...

Một tuần sau tối Noel một nghìn chín trăm tám tư, Vi đã có chân trong lò luyện thi của Lạng, cô được giao dạy các lớp đầu của cấp học phổ thông cuối.

Hai năm sau họ cưới nhau. Lạng thảnh thơi trở lại "cống hiến" toàn bộ mình cho Viện, bởi Vi lúc này đã đủ sức thế anh trong cái lò mà uy tín mỗi ngày một được củng cố. Nếu không có những suất kèm theo của "gánh nặng lịch sử" thì đời sống vợ chồng họ kể như hoàn hảo. Phải, nếu sự cởi mở tâm hồn, những dịu dàng sôi nổi ấy được bộc lộ vừa chân thành vừa nồng nhiệt nơi Vi đã lập tức hấp dẫn Lạng trong ngày đầu gặp gỡ thì sau này khi thường xuyên mất hút trong vẻ khép kín thường nhật nó luôn nhắc anh nhớ đến những bổn phận làm người thật nặng nề, nó khiến anh thương cô, thương thân, rồi lại khiến anh thù ghét chính cái lòng thương quá đỗi nhọc nhằn này.

Nhưng chẳng lẽ Vi có thể khác được khi phải làm mẹ một cậu bé từ các trò trộm vặt quậy phá đã "vụt lớn lên trong nháy mắt" để thành một tay cờ bạc chuyên cháy túi? Tiền nong cùng vô số nhục nhã kèm theo các cuộc trả nợ đầy đã khiến Vi sau những giờ làm việc cật lực chỉ còn biết... lặng thinh trước số phận hẩm hiu, giải tỏa và quên đời bằng các cuốn sách chẳng rõ cô lôi về được từ những đâu. Thậm chí cô đã không dám có con khi chưa tìm ra một lối thoát... Đã không ít lần Lạng rụt rè gợi ý đến ông bác sĩ bố nhưng lần nào Vi cũng lập tức loại bỏ khả năng... không tưởng này. Vẫn biết với đầu óc luôn tỉnh táo (mà bằng chứng hiển nhiên là cuộc "kết hợp" đầy đủ chủ động với anh!) Vi không bao giờ sống bằng những sự... chứng tỏ, nếu cô phải chịu có nghĩa là sự việc không thể khác. Thì đấy, chẳng phải trước ngày họ cưới nhau anh đã tìm cách đọc lá thư của ông nhạc hết ý khi Vi kịp đốt nó là gì?... "Bố rất đau lòng phải bó tay trước lời cầu cứu của con, biết rằng phải căng thẳng tới mức nào con mới thốt lên nó. Nhưng bố hoàn toàn bất lực. Cự đã trượt quá sâu vào một thói quen, đến mức thói quen tệ hại ấy đã trở thành bản tính chính yếu nhất của nó. Con suốt từng ấy năm làm cái bổn phận người mẹ với nó, yêu thương, đau đớn và nỗ lực đến thế, mà... vậy thì thử hỏi một người bố từ lâu đã không tham dự vào cuộc đời các con, phải chịu hầu như toàn bộ trách nhiệm trước thực tế tai hại này, chẳng lẽ giờ lại có thể cất nổi một lời để dạy dỗ em nó? Bố chỉ làm được cho con một việc thôi, nhưng từ lâu rồi cả nó và con cũng đã khước từ..." Vẫn biết và vẫn biết... Nhưng nỗi mệt mỏi triền miên không lối thoát thi thoảng lại khiến Lạng gợi nhớ tới "ông Lung" đang thản nhiên

hành nghề tại một bis nào đó trên đường Huỳnh Tịnh Của để rồi lại phải sống nhiều ngày ân hận, mệt mỏi hơn, bởi cứ sau mỗi lần thế Vi lại càng thu mình lại, khép kín gương mặt hơn, tha lôi về nhiều hơn các cuốn sách "quên đời" của cô và xếp xó quần áo thay ra trong các chậu nhiều ngày hơn, đối mặt với chúng nhiều lúc ông phó tiến sĩ Hải Dương tưởng mình có thể hóa điên.

Nhưng tạo hóa đã có thể bày đặt ra các cớ thì ông ta lại càng có thể dẹp sẵn nó theo lối riêng của mình; bé Ái đã hình thai trong một lần mẹ nó... sơ sếch. Nếu không có sự can thiệp kịp thời này, Lạng hai đời vợ là cái chắc. Thiên thần bé nhỏ xuất hiện khiến được Vi hướng tình mẫu tử vào đúng chỗ. Cự không còn chi phối được đời sống người chị như trước nữa. Cái vỏ cam chịu đã vỡ ra từng lúc. Và đâu chỉ đem lại sự hồn nhiên thanh thản trên nét mặt trong tâm hồn mẹ nó. Huyền bí, khó tin đấy, nhưng quả là bằng một cách nào đó đứa con gái bé bỏng đã có một can thiệp thật quan trọng đến số phận bố mẹ. Khi con bé tròn một tuổi thì ông cậu sau những đợt nghiện ngập, cai luân phiên, mà số tiền chi vào các đợt là cân bằng, đột nhiên bằng lòng với phương án "làm lại cuộc đời" ở một nước Đông Âu nào đó mà người chị đưa ra ngay khi trong nước những người khôn ngoan thay vì liều mạng trong các chuyến vượt biên đã tràn sang đó dưới đủ mọi dạng thức. Sáu tháng sau cái ngày cứu thế đó, nghĩa là khi Ái vừa tròn tuổi rưỡi, vợ chồng Lạng đã nhượng xong căn buồng của anh bấy lâu vẫn thuộc về Cự, cũng lo xong một suất đi Nga...

Ấy thế rồi, đùng một cái, sáng qua Lạng nhận được cú điện thoại chết người của bạn Cự: nếu sáng mai không điện lại thì chỉ hai ngày sau Cự sẽ lên máy bay về nước. Hẳn tiền oan nghiệp chướng nào đấy chứ, cái quả bom tưởng đã ký thác xong cho đất Nga này lại lộn về. Buôn uranium bị bắt và trục suất nghe đã đủ rùng mình, nhưng rùng mình hơn rất nhiều là họ lại bị cầm tù ngay tại chính bốn mét vuông của mình cùng quả bom hẳn còn nặng ký hơn thuở nào.

Đấy, cả một tai họa có kém gì AIDS đang lù lù tiến đến, hỏi sao đầu óc anh không mệt mỏi và rối tinh rối mù lên. Vậy mà, trước cả nó lẫn anh, cách ứng xử của Vi là vậy: lẳng lặng đốt chín điếu Vina, rồi ra phố "tới một cô bạn cũ!"

*

Trong mơ Vi thấy một gương mặt đàn ông đang cúi xuống, một gương mặt thật quen mà chị không sao nhớ nổi là của ai, đã gặp ở đâu? Còn đang cố bới lộn trong mớ hỗn độn mịt mùng các hình ảnh chị bỗng lạnh toát người nhận ra sự đụng chạm của hai bàn tay đàn ông vào tấm thân lớp nhớp của mình. Hỏng rồi, hai bàn tay này

đang sắp sửa lật nghiêng người chị, sắp sửa tuồn vào tấm thân đang ngấp nghé sống chết này một tấm khăn bông khô tiếp theo sẽ là cái chết, là im lặng vĩnh viễn cho một sự thật... Trong lúc cần phải hét lên thật to, thật mau cho bé Ái, cho Lạng đến kịp thì sao đầu óc mê mụ của chị lại quay sang tìm hỏi xem gương mặt vừa xa lạ vừa thật quen đang cúi xuống này là của ai? Trời ai, sao lại ngu ngốc thế? Không kịp rồi! Con tôi, Ái của mẹ ơi... Có cái gì cứ chặn lấy họng Vi trong lúc chị dồn hết sức lực vùng quẫy nhằm thoát khỏi tấm khăn bông dối trá, độc ác... Vùng quẫy, cứ vùng quẫy mãi rồi bỗng nhiên chị thấy mình chuồi khỏi hai bàn tay nọ, cùng lúc, một vùng sáng mờ đột ngột dọi vào đôi mắt vụt mở của chị. Hiện ra trong vùng sáng này là gương mặt cưng cứng với các đường nét cũng cưng cứng như thế của Lạng. Anh đang cuối xuống, phả vào mặt chị hơi thở nồng nặc mùi thuốc lá.

- Em mơ gì khiếp thế. Quẫy lộn lung tung, đạp cả vào con.

Lúc này Vi mới nhận ra họ đang trong màn, cái vùng sáng mờ dọi vào mắt chị là ánh sáng ngọn đèn ngủ, Lạng nửa nằm nửa ngồi, bàn tay đang nhoài qua bé Ái đặt lên Vi chắc đã vừa lôi chị khỏi giấc mơ... Lạng mặc pizama, có vẻ anh cũng đang lâng châng trong một giấc mơ nào đó bởi cái giọng lầu bầu nghe sền sệt ngái ngủ.

Vi nhấc tay Lạng ra, nhỏm dậy. Chị chợt thấy đầu mình nặng trịch còn bụng thì chộn rộn một cảm giác khó chịu vô tả.

- Mấy giờ rồi nhỉ?

- Ai mà biết! - Lạng nằm xuống, cọ quậy tấm thân kềnh càng hòng lựa một tư thế dễ chịu trong phần giường còn lại.

- Em ngủ lâu chưa?

- Lâu. Từ những buổi chiều cơ.

Cố dằn xuống cái cảm giác càng lúc càng chộn rộn trong dạ dày, Vi nhíu mày cố nhớ ra một điều gì mà không nói.

- Sao lại từ "những buổi chiều"?

- Thì em đi những đâu đấy từ trưa. Tới bảy rưỡi tối được cô Muội chở về trên một xích lô. Cô bảo em uống tới chín mười chén rượu gì đấy rồi nằm vật ra ngủ từ chiều. Thấy trời đã tối lại sắp mưa nên cô thuê xe đưa em về.

Hai cô cháu em có dễ vui vẻ tới cả lít? Cô ấy cứ dí miệng vào mặt anh mà nói, phả ra toàn những rượu với mắm tôm, khiếp quá. anh đã phải thanh minh với hàng xóm hộ cô giáo rằng: "Cháu đến thăm cô, đi đường nắng nóng, tắm rồi bị cảm..."

Giờ Vi mới hiểu do đâu dạ dày đang bị khấy lộn. Chị cất tiếng, và đột nhiên thấy giọng mình một vẻ thận trọng dè dặt nào đó:

- Thế cô Muội còn nói... có bảo gì nữa không?

- Không. À có! Bảo anh lấy dầu cao con hổ xoa vào gan bàn chân và thái dương. Bảo lấy khăn lau mồ hôi cho em kẻo ngấm vào sẽ nguy. Mồ hôi thì vã ra như tắm mà nào có lau nổi? Mới lau khăn vào, em đã quẫy lộn, đạp, rồi lảm nhảm như điên. May con hôm nay không ngủ trưa nên chưa hết Bông hoa nhỏ đã ôm cổ bố ngủ lăn chứ nó mà trông thấy cái cảnh đó thì em hết đường dạy dỗ nhé.

- Thôi, nằm xuống đi. Anh ngủ đây, mệt lắm!

Nói rồi Lạng trở người quay mặt vào tường. Dường như chỉ ngay sau đó anh đã cất tiếng ngáy. Lúc này Vi mới nhận ra tiếng mưa rơi rào rộ, tiếng quạt số thấp chạy êm êm đều đều, nhận ra bầu không khí vây quanh chị đã khác hẳn ban ngày, ảo giác nào đó chợt khiến chị luồn tay vào áo, nhưng tấm lưng chị vừa chạm phải thật khô ráo, mát mẻ. Cúi nhìn con đang dúi mặt vào gối ngủ, ngủ đến ngoan và ngon, nhớ lại giấc mơ vừa thoát khỏi Vi bất giác rùng mình. Tiếp ngay đó chị vội vã nhấc màn toài ra. Vừa vào kịp buồng tắm là chị ngồi thụp xuống, ôm bụng nôn thốc tháo từng đợt. Người rũ ra sau một đợt nôn hết thì nhẹ hẳn.

Vã nước lạnh vào mặt. Lau khô. Chậm chạp chị rời buồng tắm. Cũng chậm chạp thế chị tới bên bàn làm việc, ngồi xuống chiếc ghế đã kéo sẵn. Rót một tách trà nguội uống, rồi một tách khác, tách nữa... Giờ thì chị đã có thể hiểu được điều gì đã diễn ra.

Phải, ngay sau lúc chia tay Khuất, Vi đã tới thẳng nhà cô Muội. Một mình với các đôi kim đan trơn bóng bà vẫn sống trong căn buồng bé tẹo giữa các đồ đạc mà kể từ ngày Vi tới đón Cự về nuôi đến giờ vị trí kê đặt chúng vẫn không hề thay đổi. Sau vài ba câu chuyện giao đãi Vi móc túi lấy ra hai chục nghìn đồng, nói, cô đi mua đồ ăn và bia để "vui vẻ" nhân dịp cô cháu gặp nhau.

Bà cô vừa khấp khởi xách chiếc rổ nhựa ra khỏi nhà Vi đã bước ngay tới bên chiếc tủ áo gồm rất nhiều ô kéo có tay nắm bằng đồng. Vừa kéo cái ngăn dưới cùng ra Vi đã sững người trước mùi băng phiến hắc lòm đang xộc thẳng vào mũi mình, nhìn các viên băng phiến đã mòn đến chỉ còn bé tí ti trăng trắng hiện ra ở lượt quần áo, lòng chị nao nao. Lẽ nào tới giờ bà cô nghiện rượu vẫn chưa thôi bỏ băng phiến vào những quần áo có dễ đã mòn mủn?

Khi thọc tay vào giữa các mớ lành lạnh hình ảnh Cự trong cái ngày xa lăng lắc khi nó được đưa đến đây cùng các bộ quần áo này vụt hiển hiện. Bấy giờ Cự mới lên ba, lên ba nhưng nó còn ngọng líu, ngây ngô chứ đâu được như bé Ái sau này? Rồi đè lên những hình ảnh bé bỏng đó là vẻ ngơ ngác đáng thương của đứa em trong bộ complet chững chạc xa lạ với nó chả khác nào quang cảnh đang

diễn ra trên sân bay Nội Bài buổi trưa ngày ra đi năm nào...

Nhưng Vi cũng đã kịp trấn tĩnh, dẹp sang các cảm xúc vẩn vơ để bắt đầu công việc tìm kiếm đã định. lần lượt nhấc từng bộ đồ ra khỏi ô kéo xếp vào lòng, nhấc cho đến khi nó chỉ còn rỗng không, rồi mau chóng xếp trả lại theo trật tự cũ. Xong ô kéo thứ nhất, thì chuyển sang ô kéo thứ hai, thứ ba... Thất vọng đến mức đờ đẫn chị đóng trả ô kéo cuối cùng. Với sự cẩn thận quá đáng của bà Muội thì chỉ còn một cách giải thích: vuông vải cào bông màu hồng nhạt có in các dây hoa trắng, bốn xung quanh viền vải cũng màu trắng đã không cùng Cự tới ngôi nhà này, mà vuông vải đó là chăn đắp của thằng bé lên ba trong những ngày chớm lạnh...

Nếu lúc rút hai mươi ngàn đồng đưa cho người cô Vi chỉ nhằm xua bả ts ra khỏi nhà thì khi bà trở về với một rổ đầy nem chua, lòng lợn, bún, mắm tôm và linh tinh các loại ớt, rau thơm, hành củ, việc ăn uống với bà đã hóa ra một nhu cầu thực sự. Họ đã uống, đã ăn. Cháu hỏi, cô nói. Người ngập ngừng thận trọng, người ồn ào vô tư. Quá khứ đã được gợi lại sống động, rành rẽ. Thoạt đầu là quá khứ của Cự, những kỷ niệm nhói lòng trong suốt tám năm trong trắng, vô tội. Không, cũng không hẳn hoàn toàn vô tội, thằng bé đã một lần, à hai thì đúng hơn, phải thằng bé đã hai lần lấy trộm tiền của người cô để mua ô mai sấu, nó rất khoái loại ô mai trắng xóa muối, mặn chát... Xa hơn là quá khứ của một gia đình. Vụn vặt, lộn xộn đấy nhưng trong điều bà cô trả lời, kể lể tịnh không có một lời ca thán nào về người chị dâu tuyệt đẹp, về cả người anh trai giỏi giang hay vơ lấy việc của thiên hạ vào mình. Phải, cái gia đình đã tồn tại cho đến ngày một thành viên của nó lìa đời trong hồi nhớ của bà cô càng uống càng tỉnh đã hiện ra không một tỳ vết.

Chính sự bất lực chứ không phải buồn thương đã khiến Vi liêu xiêu từ chén rượu này sang chén rượu khác. Một gia đình êm ấm, hạnh phúc? Ô hô!

Nhưng dẫu sao, trong trắng, vô tội, Cự đã sinh ra và lớn lên ở đó cho đến tuổi thứ hai rưỡi của nó. Đem cái mốc tuổi thơ ngây này đặt bên những tháng năm dày đặc các tình thế kinh hoàng mà nó đã đặt Vi vào, rồi tới bây giờ là nhà tù của một xứ sở xa lạ, là lệnh trục xuất, là chuyến một về không trở đi nay mai của đứa em, chị bỗng thấy lòng trống hoang, lạnh ngắt. Sao sự đời lại có thể xoay ra tới nông nỗi ấy? Sao tạo hóa lại cứ nhằm vào gia đình chị mà chọn người để "giao phó" các việc ghê gớm làm vậy?

Bên ngoài mưa vẫn rào rộ rơi. Trong mưa các ý nghĩ ảm đạm u tối cứ âm ỉ trong đầu Vi. Âm ỉ, trương nở... lấp đầy các bản thể trống

hoang rồi bùng lên bi phẫn, cuồng nộ. Như chợt hiểu cái việc mình phải làm, ngay lúc này đây, người đàn bà bé nhỏ mang gương mặt đang hằn lên các suy tính lạnh lùng, quyết đoán hấp tấp khoác lên mình chiếc áo mưa màu ghi xám, hấp tấp mở ngăn kéo bàn lấy ra dưới tập vở một tờ bạc năm mươi ngàn đồng, nắm rõ chặt tờ bạc trong tay chị mở cửa bước ra, mất hút vào cơn mưa tối đen.

*

Mưa vẫn rơi thật lớn nhưng hoàn toàn câm lặng bên ngoài cabin kín mít. Mất tới vài phút quan sát sự câm lặng tuôn chảy trên các bức tường kính Vi mới tính ra được mình bước vào đây làm gì?

- Alô!... alô! Ai đấy, sao cứ im lặng thế?

- Chào bố. Con, Vi đây... - Sau cả hồi im lặng giọng nói Vi vang lên lạnh lùng, tách bạch.

- Ồ ra là Vi. Con đang ở đâu thế? Có việc gì khẩn cấp mà con gọi muộn thế?

- Con đang ở trong một cabin điện thoại công cộng. Cửa cabin đóng rất kín, bên ngoài lại đang mưa lớn...

- Sao con lại nói thế? Bố hỏi vậy vì chợt nghĩ hay con đã vào đây, đang ở đâu đó trong Sài Gòn.

- Không, con đang ở Hà nội, gần nhà. Bố ngày kia Cự sẽ có mặt tại Hà Nội. Nó buôn uranium, bị bắt, rồi bị trục xuất về nước.

Im lặng.

- Chiều nay con có tới cô Muội. Bố có hiểu để làm gì không? Con tới để tìm vuông vải cào bông vốn là cái chăn của Cự trước ngày mẹ chết.

- Bố hiểu Cự về sẽ là một gánh nặng quá sức con. Bố bây giờ rảnh rang hơn, con có thể đem em vào đây ngay sau khi nó về nước.

- Bố, con đang nói... - Giọng Vi chợt gắt lên - Con nhớ rất rõ, buổi sáng đó, khi từ trường về con đã thấy bố đang dùng nó lau người mẹ. Khi con vào bố vẫn tiếp tục lau. Rồi bố ngồi xuống ôm con vào lòng, bảo: “Con lại với mẹ con đi.” Con bước tới. Chỉ thấy mẹ đang ngủ. Với một đứa bé lên tám thì sự nhắm mắt của một con người chỉ có nghĩa là ngủ. Các việc sau đó có lẽ chả cần gợi lại.

Im lặng.

- Mẹ con đã chết vì một mũi insulin, có đúng vậy không?

...

- Con sẽ im lặng, nhưng bố thì phải trả lời con. Trả lời ngay đi, con không thể chờ hơn được nữa đâu.

- Đúng, insulin, đúng là nó đấy...

Rời rạc, mất trí, sự thật vang lên rồi mất hút. Đường dây đã bị cắt.

Ngón tay bệch bạc dăn dúm vì ngấm nước mưa giận dữ nhấn liên tiếp vào các con số nhưng vừa nhấn xong con số thứ chín thì bàn tay không mang nó bất đồ gác máy.

Chừng giữa buổi sáng của ngày hôm sau khi Vi còn đang nằm bệt dưới tấm chăn mỏng, người cứ lạnh run lên từng đợt bởi cơn sốt cảm lạnh mà chỉ mình chị biết khi chiếc Cub của Lạng chợt ầm ầm lao về. Xồng xộc bước vào, vẹt tấm ri-đô, cúi nhìn gương mặt đỏ bừng của Vi, vừa thở anh vừa hối hả tin cho vợ hai cú điện thoại mới nhận được. Một: chiều tối nay Cự sẽ lên máy bay, bẩy giờ sáng mai nó về tới Nội Bài. Hai: bố Vi mất hồi đêm - Các con bệnh đến cắt thuốc và phát hiện ra, người gọi điện là một anh cảnh sát khu vực, anh ta nói thấy số điện thoại của Lạng ghi trên bì chúc thư. Trong nhịp hối hả này Lạng cũng tin luôn anh đã kịp mua hai vé máy bay chuyến ba rưỡi chiều nay, một cho nhà họ, một cho cô Muội...

*

Viên bác sĩ nghỉ hưu bấy lâu vẫn hành nghề đông y tại một bis trên đường Huỳnh Tịnh Của đã chết vì các viên gardenan. Trong thư để lại cho cảnh sát khu vực ông nói rõ điều này, lại nói quyên sinh vì biết mình đã mắc phải một chứng bệnh nan y. Do bức thư này, do quá trình sống mọi hoạt động của ông đều rõ ràng, lương thiện nên việc khám nghiệm tử thi không diễn ra, cái chết được xem là tự nhiên. Các việc chuẩn bị cho tang lễ đã được các con bệnh mang ơn cứu nạn của người đã khuất lo liệu đầy đủ, thành thử sau khi có mặt tại ngôi nhà nhỏ, sạch sẽ, luẩn quẩn đủ mùi của các vị thuốc bắc, chẳng tồn tại một gia đình nào ngoài thi thể cứng ngắc đã được khâm liệm nằm rất gọn trong cỗ hậu sự màu xác pháo, điều Vi phải làm chỉ là bóc phong bì đựng chúc thư trước sự chứng giám của cô Muội và anh cảnh sát khu vực.

Ra chúc thư đã được hoàn tất từ nhiều năm trước, vắn gọn đến không thể hơn, nó chỉ đem tới cho ba người sống hai thông tin, ngôi nhà, các tài sản trong đó cùng số tiền có trong sổ tiết kiệm sau khi viên bác sĩ chết sẽ được chia thành ba phần bằng nhau, thừa hưởng mỗi phần ba này là người chị gái tên Mân, người em tên Muội, Vi và Cự. Phần ba thuộc về Vi và Cự sẽ do Vi phân định.

Trao hai trong ba bản chúc thư cho cô, Vi xin phép được ra phố đi dạo. Người thương xót, kẻ ái ngại, cả bà cô già lẫn viên cảnh sát khu vực đều thấy việc thoát khỏi bầu không khí chết chóc

trong chốc lát thật cần thiết đối với người đàn bà bé nhỏ xanh tái này, họ chỉ ân cần khuyên chỉ cố gắng bình tâm và chớ nên đi xa.

Phải chăng lời khuyên là hiệu lực? Ra khỏi con phố ngắn, vừa bươn sang ngả bên của con phố cắt ngang nó, Vi đã vội vã tạt vào một tiệm cafe, vội vã ngồi ngay xuống chiếc ghế đầu tiên bắt gặp.

- Cho một ly nóng.

Vừa dứt lời bà chủ quán lạch bạch bước tới rồi lại lạch bạch bước đi, Vi lập cập xé bì thư để lại cho mình.

Không ngày tháng, không cả tên Vi trên dòng đầu trang giấy nồng nồng mùi các vị thuốc bắc hẳn đã được xé vội từ cuốn vở ghi tên các con bệnh.

Bức thư được bắt đầu ngay, nó như thế này:

"Ngày đó mẹ con bị bệnh, một căn bệnh ít người qua khỏi, mọi người đều hiểu rõ điều này, rõ như ta biết khả năng vượt qua nó của cơ thể bà. Nhưng chính trong những ngày đó ta đã phát hiện ra cả con và Cự đều không do ta sinh ra! Người đàn bà đang phải hầu hạ và sẽ còn phải hầu hạ vất vả, nỗ lực trong nhiều năm nữa đã phản bội ta nhiều lần, với nhiều người khác nhau... Ta có đủ cơ sở để khẳng định: con và Cự được sinh ra bởi hai chứ không phải một người bố.

Con hãy đặt mình vào địa vị ta lúc ấy?

Con nói sẽ im lặng chỉ cần ta công nhận sự thật đó với con. Thì đấy, ta đã nói, nhưng cái chết của người đàn bà đó đã đeo đẳng, đầu độc, suốt hơn một phần tư thế kỷ sống của ta, được thoát khỏi nỗi ám ảnh này âu cũng là tốt.

Con đã mơ ước trở thành một sử gia, rồi đã phải mau chóng từ bỏ nó. Thử nhớ lại mà xem, những ngày nào con gặp bế tắc trong công việc cách nay bao lâu!

Vừa đúng mười hai năm! Sau một chu kỳ sống số phận lại bắt con đối mặt với sự nghiệp của mình, phải thế không? Con đòi hỏi sự thật ở ta ư, thì đấy, con đã đạt được nó. Nhưng ai đã sinh ra con? Ra Cự? Tiếp tục đào bới quá khứ lần tìm các sự thật này chăng, hay đành tấp nó lại dành sức cho mưu sinh, cho cuộc vật lộn mai này với đứa em nghịch tử của con?

Ta đã có tám năm yêu thương và gắn bó với con. Lại là đàn ông, đã trải qua hơn sáu chục năm sống, nên thực sự ái ngại cho gánh nặng mà rồi đây con sẽ phải mang, nhưng chỉ đành thở dài cho con trước khi từ giã cái phận làm người cũng chả nhẹ gì với ta này. Thật buồn, ra những thông minh của con vẫn chưa đủ để vượt khỏi cái bẫy của lòng tự thị. Lối thoát của con người ngày nay trước các sự



**ĐẶNG HIỀN**

## nhan sắc

Em nói rằng quên nhau
Đừng phổ thêm nhạc vào thơ mỏi mệt
Niềm vui lớn nào rồi cũng hết
Lũ bạn cũng già đi cũng chán
Khi chàng đã biến thành thiếu phụ
Nhạt buồn và không nhan sắc

Em nói rằng ngạc nhiên
Lạ lùng làm sao mùa hạ
Thôi thì nhớ em như sớm mai
Như gió nhẹ
Như bất chợt hồn nhiên

Em nói rằng không yêu
Em trơ ra
Trơ hơn bao giờ hết
Trăng sắp tròn vào tháng Tám
Em, khi nào quên được.

ĐẶNG HIỀN
*(Aug.03-2000)*

biến dường như không ngoài những thỏa hiệp, con là ai mà muốn mình vượt khỏi kích cỡ của bề dày kinh nghiệm đã đúc rút từ biết bao nhiêu trả giá này?

"Người ta thường u mê trong sự khôn ngoan của chính mình" - Ta chợt nhớ ra một câu đã đọc ở đâu đó, hoặc nghe được từ miệng một người nào, chép lại cho con thay lời giã biệt."

PHẠM THỊ MINH THƯ



**Ý LIÊN**

# Chấm phá, chiều

Nỗi bình an ẩn mình nơi đây
khi mùa hạ trắng xóa triền cát
phơi mình sau vách đá chớn chở
nơi những bờm ngựa đỏ cúi xuống
cúi xuống
nỗi bình an
buồn như cỏ khộ

Mùa hè lặng thinh bên kia sóng vỗ
én biển dìu nhau về đâu
mà chùng màu trời
các gợn mây liền nhau qua vùng đá nhọn
ký ức sổ tung lọn tóc
lọn tóc đẫm mồ hôi
chút hương thầm biển cũ.

Trên hành trình thẳm dài bất định
kể chi hai mươi năm
những én biển ngàn đời vẫn lạ
nối một biển khơi với một biển khơi
từ phố thị nhỏ nhoi đến phố thị xa xôi
từ thành phố quen
vỗ về tiếng sóng
về thành phố thiếu ngủ muôn vàn tiếng động .

Chiều qua Santa Maria nhớ về quận lỵ xưa
có đàn ngựa lang thang đồi quạnh
mùa nắng cháy nước gáo dừa mát
ngọt thơm hơn lon nước mang theo đường dài
Từ Santa Babara nhớ về thành phố biển
nhớ cành sứ bên ngôi mộ trắng
tuổi thành niên khởi đầu hoang sợ
những tay đòn
hạ huyệt
rướm máu vết sướt lẻ loi
nỗi mồ côi dấy mù tâm tưởng.

Sau chặng đường dài trăm dặm
thấy lại những bờm ngựa cháy đỏ
Ô hay ,
còn chút trẻ thơ
thèm chút bình an nơi cồn cát lạ
bên ghềnh trí nhớ
vùng biển La Jolla
thoáng cánh diều ấu thơ
và hoang đường én biển
chao ngang một chiếc ghế bỏ trống
trên cồn cát nhìn từ cửa biển

mông quạnh, gió .

Ý LIÊN
*Aug 24, 2000*



SƠN NAM

# Bản thảo của một người bạn



Ghé chơi quán cà phê của nhà xuất bản X, tình cờ gặp chàng thanh niên đến cúi đầu, trao cho cái bao thư khá dày loại bao khổ lớn. Bản thảo nhờ tôi xem giùm. Nói xong, chàng thanh niên lại chào và đi ngay vì việc riêng hơi gấp.

Mở ra, gặp lá thơ khá dài: Tự giới thiệu hồi kháng Pháp đã quen thân (nhưng chắc tôi quên), ân cần nhờ điều chỉnh lại, tự do thêm bớt, không cần trao đổi với tác giả. Cuối thơ, ghi tác giả ở huyện Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long, thêm địa chỉ liên lạc ở Sài Gòn của chàng thanh niên vừa trao bản thảo. Viết trên tập học trò, nét chữ khá đẹp, không sửa chữa lăng nhăng nhưng hơi ôi, chỉ là những câu ngắn, vài chi tiết đáng lưu ý, ghi nhanh. Tôi thở dài, thất vọng. Làm sao đọc được, chẳng lẽ tôi làm công việc cam go là "chấp bút" từ đầu đến cuối. Đề tài gì? Dường như là ái tình, tôi chẳng có sở trường về "tâm lý thời đại." Tác giả là Trần H.Đ. Bao nhiêu người trùng tên, làm sao nhớ đủ mặt những bạn bè cùng hoạt động thuở xưa, gần nửa thế kỷ. Đành để vào túi xách, về nhà, vội cất vào hộc tủ, đề phòng trường hợp đòi bản thảo. Làm mất là khinh tác giả...

Rồi trưa hôm ấy, lại đọc thử. Nhiều chi tiết sống động mà tôi sẽ gạn bớt, đề tài này dính dấp đến xã hội hiện tại và trong nhiều năm sắp tới. Khó biên tập lại vì truyện ngắn không ra truyện ngắn, phóng

sự dài không phải và chưa là tiểu thuyết. Một kiểu tạp bút gì gì đó. Tôi cố tóm tắt, hi vọng tác giả sẽ hài lòng khi thấy in vào tập "Dạo chơi" này. Tên tác giả và nhân vật dĩ nhiên tôi đổi lại, nhưng sẽ ngẫu nhiên trùng với vài người khác, thời buổi này những tên người gần như giống nhau, tuy đa dạng.

*

Nhiên đã lớn tuổi, góa vợ, làm chủ miếng vườn nhỏ vùng ngoại ô, đào ao nuôi cá, tạm sống được, các con trưởng thành làm công nhân viên hoặc mua thúng bán bưng. Ham đọc sách, đã theo Trung học thời Pháp nhưng không đỗ đạt. Không khí sôi động thời mở cửa. Người tu hành còn sắm xe gắn máy, học tiếng Anh, huống gì Nhiên đã từng theo Tây học, tuổi non sáu mươi, rất sợ nỗi cô đơn của thời đại.

Ban đầu quán bia "đèn mờ" mở ở ngoại ô phía xa, gần khu vực có ruộng, lần hồi phát triển hơn. Người trong xóm lúc đầu phản đối, làm đơn phàn nàn với tổ Dân phố, riết rồi quen vì đây không là trường hợp cá biệt. Nghe đâu ven bờ sông thơ mộng gần đấy mở ra quán "Đặc sản Âu - Á" trá hình. Ai thích, sẽ xuống thuyền nhỏ, có mui, nghe ca nhạc và ngâm thơ với các cô. Các quan bài trừ đồi trụy theo dõi, nhưng chưa bắt quả tang vụ nào cả; thân chủ là dân chợ trời và cán bộ cỡ nhỏ ngoài thị xã đến, giả dạng thường dân.

Buồn vì đơn chiếc, thêm tò mò, tháng ấy trúng mùa cá chép. Nhiên thấy nên quan sát để tiêu dao ngày tháng vì những quyển sách cũ đọc đi đọc lại thấy nhàm chán. Đêm ấy, Nhiên đi cho biết. Thấy cũng vui vui. Quán bia không có cửa, chỉ là tấm ri-đô che lại. Đèn rất mờ có lẽ vì vậy mà các cô đều thay da đổi thịt xinh đẹp, áo quần, tóc tai cũng một tám một mười so với các ca sĩ trong nước và... quốc tế. Chọn ai bây giờ. Các cô rất đa dạng nhưng gần như giống nhau. Vài thanh niên đến với xe gắn máy thứ tốt ngồi bàn bên kia được các cô chiêu đãi thích săn đón. Nhiên không thắc mắc, lát sau, từ trong buồng có cô nọ bước ra, nhìn về anh. Không đẹp, không xấu, khỏe, vóc dáng trông khoan thai, sang trọng. Cô thử bước lại gần. Nhiên mời. Cô ngồi xuống bên cạnh. Hỏi tại sao nãy giờ mới đến, cô trả lời, bẽn lẽn: "Em lớn tuổi hơn tụi nó, tụi nó giành ngồi chung với lớp trẻ." Nhiên sực tỉnh: "Già như tôi thì.. để dành cho cô."

Nhạc phóng ra, khá to, khuất lấp tiếng nói của nhiều lứa đôi. Bia lon lại khui, như là nghĩa vụ tiêu thụ của thân chủ, với giá tương đối cao. Từ chỗ gọi nhau cô và anh, đến gọi anh và em không còn gì

ngượng ngập. Bóng tối chập chờn. Nhiên xúc động, từ từ nhận ra cô này đẹp. Bèn hỏi. Đáp: "Em là Hoa." "Bao nhiêu tuổi?" "Hai mươi sáu. Tuổi này không còn cạnh tranh với ai được. Già rồi." Rượu vào lời ra. Hoa nâng ly rượu, mời Nhiên. Nhiên mời cô cùng uống. Hết lon thứ nhất, đến lon thứ nhì rồi thứ ba. Nhiên đã nghe bạn bè bảo rằng tiền bia giá cao thuộc về chủ quán, các cô làm không ăn lương, chỉ mong vào tiền thù lao (gọi là "boa") của khách. Hoa lần lượt giải đáp những câu hỏi của Nhiên. Cha chết ngoài mặt trận, binh nhì, ở rừng Tây Ninh không biết mồ mả, bấy giờ Hoa mới sáu bảy tuổi. Hoa có một người cậu ruột chết ở Cai Lậy, trước giải phóng chừng bảy ngày. "Oan ức quá, ai cũng thấy Sài Gòn thế nào cũng mất, biểu đào ngũ, do dự. Đẹp trai lắm. Như Tây lai."

Hoa nói ít, khi nào Nhiên hỏi thì mới trả lời. Chừng một tiếng đồng hồ sau, Nhiên ra về, gởi cho người đẹp chút ít tiền. Khách vào càng đông. Bàn bên kia, mấy chàng thanh niên bắt đầu quậy phá, thỉnh thoảng cười hô hố. Nhiên thấy bất mãn với chính mình. Các cô chiêu đãi làm việc giỏi thật. Vài vị khách vừa mới ngồi đã gọi một "két" bia, hai gói ba số năm. Tiền ở đâu? Nhiên tự hỏi. Riêng anh, thấy đủ khả năng tới lui mỗi tuần một lần là tối đa. Một thế giới lạ. Nhiên thấy mình lạc hậu. Biết mình lạc hậu là bắt đầu thấy mình còn trẻ rồi.

Tới lui vài lần nữa, vẫn là bia lon, thịt bò xào, những câu hỏi và câu trả lời trùng lặp, nhưng hôm nay nghe thấm thía hơn hôm qua; ngày mốt, cũng câu ấy lại dường như giả dối. Ngôn ngữ mang ý nghĩa này, ý nghĩa kia tùy bối cảnh cũng như nhan sắc người tuổi non ba mươi; khi xấu, khi đẹp, khi hồn nhiên, khi thì õng ẹo. Những lần đến sau, Nhiên tìm Hoa rất dễ. Bị liệt kê vào loại "ế độ" Hoa cố làm thêm, gây cảm tình với bà chủ hàng bằng cách tiếp tay nấu nướng, Nhiên đến, lần nọ Hoa phải thay áo cho bớt mùi gia vị và khói bếp.

Nhiên hỏi thử địa chỉ. Hoa mượn cây bút bi, tìm miếng lịch, đến gần quầy tiền cho đầy đủ ánh sáng hơn. Viết rất lâu, trao cho Nhiên. Rõ là chưa rành chữ quốc ngữ. Đại khái ấp Tích Thiện, lại viết Tít Thiện, gần Cầu Ván, lại viết gần Cầu Giáng, nét chữ run, xiên xẹo. Chắc Hoa vừa học lớp một là gặp ngày Giải phóng. Thêm nét đáng yêu, đáng kính! Cha chết sớm. Hoa đã tâm sự hôm trước rằng chẳng nhớ rõ mặt cha, bấy giờ Hoa còn nhỏ cha không ở nhà. Hoa căn dặn sáng hôm nào rảnh thì đến chơi, mẹ ở nhà vui vẻ và... còn trẻ. Sau giải phóng, hốt hoảng vì có chồng và đứa em ruột đi lính rồi chết cho phe bại trận, đành đăng ký đi Kinh tế mới để làm lại cuộc đời. Nơi đất phèn và úng. Rủi ro cho số phận: Bà con gần xa chẳng có ai đi tập kết

hoặc "nằm vùng" để bám víu, như nhiều người khác. Bốn năm sau, lục tục kéo về, lại tranh chấp cái nền nhà cũ đang bị người khác chiếm. Ngày ở Kinh tế mới, muỗi mòng, cơm không no, độn khoai mì, trồng thêm khoai lang, cắt đọt lang, bó lại. Hoa còn nhỏ mà gánh đống rau to tướng, ai cũng khen, bán rẻ trong xóm, để nuôi mấy đứa em.

Nhiên cảm động, nghe đồn đãi bấy lâu nay rằng những cô gái làm nghề chiêu đãi này, với chút ít nhan sắc thường khoe mình thuộc nhà khá giả, bà con không nghèo. Và ít khi nào dám ghi địa chỉ thật. Nên chờ xem. Hoa còn căn dặn thêm: Rảnh, anh đến chơi giây lát. Má em ở nhà. Cứ hỏi tên em là Hoa, bảo đến tìm em vì hôm trước em có nhờ anh tìm việc làm, thí dụ như tập sự ở xí nghiệp May công nghiệp xuất khẩu nào đó.

Mấy điểm "đèn mờ" bị kiểm tra, đồng loạt, chủ quán bị lập biên bản, phạt tiền khá nặng. Vài bà chủ mượn cớ bán bia để câu khách... đến, và cố chiêu đãi sẵn sàng "nhảy dù" ở nhà bên cạnh. Nhiên thử đi qua quán hôm trước, thấy treo bản "Bán nhà." Tình cờ gặp cậu bé giữ xe đạp gần đó, nó bảo Hoa đang "làm việc" ở quán cách đó chừng vài trăm mét, với cái bảng hiệu nghe khá thơ mộng.

Nhiên đến, gặp lại, khá vui nhưng dạo ấy thâu nhập ít, lại lo tu bổ nhà, vét ao cá. Chừng xong việc, lại nghe tin các quán nầy vừa bị đóng cửa.

(Đến đây, bản thảo của Nhiên đứt đoạn, còn nhiều trang giấy trắng vẽ hình cánh buồm, hoặc phóng tay ký tên cho vui. Vẽ cái gạt tàn thuốc với làn khói, thô sơ. Dán vào tập, có bài thơ của Hàn Mạc Tử, đăng hồi trước 1945, trên tuần báo Dông Dương, đề "Tặng Trọng Quy").

Trọng Quy là nhà biên khảo, chuyên về tự điển, bút hiệu Thanh Nghị. Bản gốc của báo Đông Dương này quý giá, vào lúc Hàn Mạc Tử chưa nổi danh:

*- Lãng tử ơi, mi là tiên hành khất*
*May không chết lạnh trước lầu mỹ nhân!*
*Ta đi tìm mộng tầm xuân,*
*Gặp vua nhà Nguyễn bay tầng trên mây...*
......
*Trời hỡi làm sao cho khỏi đói,*
*Gió trăng có sẵn làm sao ăn?*
*Làm sao giết được người trong mộng?*

*Để trả thù duyên kiếp phụ phàng.*

Lại cắt trong tờ báo Xuân hồi khoảng 1936 bài thơ Đào Nguyên của Khổng Dương, giải nhất của thi Thơ năm đó:

*Nước chảy xuôi, thuyền đời trôi mãi mãi,*
*Thời gian qua, không bao giờ trở lại.*
*Đào Nguyên ơi, đâu nữa vạn hương hoa?*
*Đào Nguyên ơi, lãng đãng ánh trăng ngà.*

Tôi sực nhớ địa chỉ ở Cầu Kè, toan gởi thơ để hỏi thêm, nhưng chưa chi đã có thư bảo đảm gởi đến, kèm tập nhì của bản thảo. Chàng ta tự giới thiệu là hôm trước có đến gặp tôi, tình cờ gặp quyển tập thứ nhì, gởi nốt cho tôi, tùy nghi sử dụng và ghi thêm: tác giả đang đau yếu, sống không thiếu thốn, bản quyền sẽ tặng cho tôi.

Tôi cố gắng đọc rồi tiếp nối câu chuyện. Theo địa chỉ, Nhiên đánh bạo đến nhà Hoa. Xóm nghèo, sình lầy, ở ngoại ô, với ruộng, ao vũng. Đúng xóm và số nhà, nhà nhỏ, lợp tôn, phía trước lủng lẳng vài nải chuối thêm mớ hũ đựng kẹo, bán cho vui. Trong xóm này gần như ai cũng bán những món như vậy.

Bước vào nhà, Nhiên giựt mình, suýt chút nữa là dẫm vào mấy đứa bé đang nằm ngủ kề nhau trên nền xi măng, gần như không có khoảng trống. Trẻ con khoảng tám chín tuổi, đứa ở trần, đứa mặc áo đứt nút. Một thiếu phụ còn trẻ bước ra chào. Nhiên hỏi nhà... cô Hoa. "Có chuyện gì không, cậu?" "Dạ, dạo trước, cô Hoa nhờ tìm công việc tập sự ở Công ty May xuất khẩu."

Mời ngồi nhưng khó tìm chỗ ngồi. Dẹp mấy món linh tinh, xuống bếp tìm cái ghế thấp. Thiếu phụ bấm nút cái quạt máy:

- Con Hoa nấu cơm dưới bếp, nó ra bây giờ.

Trên vách, vài bức tranh màu, cắt từ mấy tấm lịch Tết năm ngoái. Nghệ sĩ sân khấu. Thắng cảnh đâu bên Thụy Sĩ với núi tuyết phủ, Hoa chạy ra, mừng rỡ:

- Bố! Tới hồi nào? (day qua). Đây là má của em.

Thiếu phụ mỉm cười:

- Con Hoa là con gái đầu lòng. Ủa, sao không lo nước uống.

Hoa vào trong, chải tóc lại, trở ra với tách nước trà nguội. Rõ là cảnh nghèo túng. Nhìn suốt đến phía sau, chẳng có món gì có giá trị kinh tế đáng kể. Duy có cái tivi, phủ vải bông.

Hoa kể lại chuyện mấy tháng qua. Đang thất nghiệp, chưa biết làm gì. Hôm trước, thử bán cháo huyết, nhưng ít ai ăn, có ăn thì

cũng người quen lối xóm, họ thiếu chịu.

Hai cậu trai cao lêu khêu, khoảng mười sáu hoặc mười bảy tuổi xăm xăm vào nhà, đi thẳng xuống bếp, lục lạo, hỏi thức ăn cơm. Lát sau, mỗi cậu bưng một tô, với con cá hấp, xem chừng như mệt và đói. Hoa nhìn Nhiên:

- Hai đứa em (nói khẽ), mẹ tôi tái giá, sanh ra tụi nó. Được lắm. Đứa vác lúa, đứa đào đất, móc mương vườn, ai mướn gì làm nấy, không uống rượu, không hút thuốc. Ngặt khó tìm việc làm. Mỗi ngày làm, được khoảng mười ngàn.

Từ trong buồng hai bà lão bước ra, không nhìn Hoa, vì không ngờ Nhiên đã cúi đầu chào nên họ không kịp chào lại. Hoa nói:

- Bà ngoại, bà kia là chú bác với bà ngoại, neo đơn, về đây.

Nhiên tò mò:

- Như vậy là bà ngoại có chàng rể là cha của Hoa và đứa con trai út chết.

- Dạ. Một thanh niên vạm vỡ bước vào, đi giày da, dáng điệu kém tự nhiên. Chàng bồng đứa con còn nhỏ, hôn lia lịa. Hoa nói:

- Em ruột của Hoa đó. Phế binh, đi nghĩa vụ đánh Khơ-me đỏ bên Campuchia. Cụt một chân, đi chân giả.

- Cũng buồn, tôi hiểu hoàn cảnh Hoa.

- Nhưng thằng em này chạy chọt giỏi, mới đây được cấp căn nhà tình nghĩa, lót gạch bông, khá rộng, mười cây là giá chót. Chỗ đó mua bán được. Nó để dành... làm tương lai cho nó.

- Nhà đông quá.

- Biết sao bây giờ. Ai có tiền, phụ vô cơm nước, ai không tiền thì thôi.

Con chó cái khá to chạy vào, thẳng xuống bếp, chắc là đói. Hoa bảo hai đứa em cho chó ăn cơm vì nó mới đẻ.

Nhiên hút thuốc, nhìn trời. Bỗng nghe tiếng chim gáy. Anh nói:

- Bụi tre đằng kia mà có chim à? Chắc là loại cu đất, con trống gọi con mái.

Hoa cười ra tiếng:

- Không phải, bố ơi! Người ta nuôi để đem ra chợ bán cho nhà giàu. Cái nghề nuôi chim, nuôi cu không dở đâu. Nhà giàu ngoài chợ, họ nhớ nhà, mua đem về nuôi trong lồng. Thời buổi này, cái gì cũng kỳ cục.

Giựt mình vì đã trót gợi chuyện chim cu nghe kém thanh tao, Nhiên nhìn ra. Mẹ của Hoa ngồi đó, chờ bán những món chuối kẹo lặt vặt.

- Xin lỗi Hoa, má ở nhà có khó tánh không? Rủi lát nữa, tôi

ra về, mẹ rầy Hoa.

- Nhà nầy ai cũng lớn rồi, tự lo sanh sống. Mẹ không can dự vô chuyện của con cái, đứa nào khôn thì đứa đó nhờ.

Mấy đứa bé lần hồi thức dậy, gài nút áo. Chắc đói bụng, tới giờ ăn cơm, chúng không ngủ được. Hoa nhìn bọn nó:

- Rửa mặt rồi ăn cơm. Chào... bố chớ.

Lập tức, không cần rửa mặt, bốn năm đứa đứng hàng ngang khoanh tay cúi đầu. Để đáp lễ, Nhiên đếm số tiền lẻ trong túi áo sơ-mi, trao cho mỗi cháu một ngàn để "ăn bánh kẹo." Các cháu "dạ" nghe vui tai. Riêng một lứa lớn hơn, khoảng mười hai tuổi đến gần Hoa, nũng nịu. Nãy giờ nó không đứng khoanh tay như đám nhóc con. Hoa nói khẽ:

- Đây là con riêng của em, chồng trước, em lấy chồng hồi đi kinh tế mới trở về, theo bên chồng ở Trà Vinh, anh nầy sống bám cha mẹ, sớm chiều chỉ biết uống rượu, đá gà rồi đá banh, lại đánh đập em nhiều lần. Con còn nhỏ, chịu đựng được hai năm, em bồng con về đây. Nó là Thuận.

Nhiên đưa ra tấm giấy năm ngàn, gọi là quyền ưu tiên của Thuận, so với mấy cháu khác. Đã trưa, buổi cơm dở dang. Anh ngỏ ý ra về. Hoa nói:

- Cám ơn bố. Rảnh bố đến chơi.

Giọng phát âm của Hoa như gò ép, ngọng nghịu. Hoa cau mày bảo rằng mấy ngày qua, mọc nhiều mụn trong cổ họng, lắm khi lại nóng sốt. Hoa há miệng ra. Nhiên đến gần xúc động khi thấy vẻ tươi tắn của Hoa đang "xuống cấp" nặng nề. Không son phấn, để lộ ra nhiều đốm đen khít nhau trên má. Yếu gan, vì uống bia quá nhiều; khách uống ba lon, người chiêu đãi uống ít nhất một lon để tăng doanh thâu cho chủ.

(Bản thảo đứt đoạn, nhiều hàng tả đêm trăng, mưa gió như lạc đề, lại trích vài câu ca dao trữ tình không chuyển đoạn. Tôi không dám hư cấu thêm. Rồi bản thảo qua đoạn khác, đột ngột).

Trời chuyển mưa, như đã hẹn trước, khi đến nhà. Nhiên thấy Hoa mặc chỉnh tề, quần Jean, áo sơ-mi sọc tím, khá đẹp, son phấn vừa phải, tóc chải bới gọn, thêm mùi dầu thơm. Cùng đi đến quán ăn do Hoa chọn. Quán bình dân, mặt bằng rộng, khi vào còn nhiều bàn trống, ghế thấp, mặt bàn tròn không trải vải cao su nhưng sạch sẽ. Mấy thâu băng trỗi lên, bếp lò cháy rực. Hoa gọi món "lẩu bò" rồi nói khẽ, cô ngồi bên cạnh Nhiên để nói chuyện riêng, không đối diện:

- Giá bình dân, cái lẩu này có chín ngàn.

Nhiên yên tâm, quả là Hoa giữ được phong cách bình dân, không "vung tay quá trán" tiết kiệm và biết rằng người nhiều của chẳng ai chịu đến làm quen với cô trong lúc thất nghiệp này. Nhiên uống rượu, Hoa uống nước ngọt, nhưng nể lời Nhiên, vui vẻ nâng ly rượu mà Nhiên trao cho, gọi là "cùng chung chén rượu thề." Nhiên say ngà ngà sau khi uống ly thứ nhì: "Hôm nay, như là kết nghĩa trọn đời. Hoa hiểu không?" Hoa đáp: "Đã như vậy rồi." Đột nhiên, Nhiên lấy tay che miệng cười. Hoa không chú ý. Nhiên cao hứng, nói thêm: "Bữa nay đáng lý mình cho con Thuận, con của Hoa cùng đi ăn, vì ngày vui của mẹ nó." Hoa e thẹn. Nhiên nói khẽ: "Nhưng không sao đâu. Tôi chuẩn bị số tiền mọn, để con Thuận mua cặp đi học, tạm ăn quà vài ngày." Hoa mỉm cười: "Còn gì bằng hơn!" Đã đến lúc Nhiên không cần che giấu nụ cười. Quả là Hoa còn bị "méo mó nghề nghiệp." "Đã như vậy rồi," và "Còn gì bằng hơn" (với nghĩa "Còn gì bằng lòng hơn") gần như là tiếng lóng của các cô chiêu đãi. Hoa nâng cái ly rượu của Nhiên, từ từ uống, rồi lấy gói thuốc lá của Nhiên, rút một điếu, đưa vào miệng mình mà châm lửa, hút một hơi, phì phà, trao cho Nhiên. Cũng là tàn tích của "méo mó nghề nghiệp." Hai người nói chuyện "trời trăng mây nước" khá lâu. Nhiên kết thúc: "Miễn là Hoa bỏ nghề cũ. Mình nhà nghèo, học hành không hơn ai, bà con chẳng ai làm lớn, không ai ở nước ngoài gởi đô-la về." Hồi lâu, Hoa nói khẽ: "Không đổi nghề cũng không được. Bịnh hoạn đủ thứ, cứ nhức đầu bất thường, muốn điên lên, chẳng biết uống thuốc gì. Nghe theo lời mẹ, mua rễ tranh nấu nước, uống cho giải nhiệt. Gái chiêu đãi bây giờ khoảng hai nhăm tuổi là bị chê rồi. Em quá lớn tuổi. Gặp anh là may." Khách vào quán đông hơn, đã đến lúc nhường chỗ cho những người đang đến. Ra về, Nhiên thấy nên giữ bí mật "Mạnh ai nấy về. Chẳng lẽ đưa Hoa về tận nhà, hàng xóm dị nghị." Hoa cầm số tiền mà Nhiên vừa trao (đâu khoảng bốn mươi ngàn). Hoa đến cái xe bánh bao. Nhiên đi theo; thấy ghi giá bánh ngon năm ngàn, bán rẻ hai ngàn. Hoa chọn sáu cái thứ hai ngàn. "Đem về cho mẹ, bà ngoại, mấy đứa nhỏ."

(Bản thảo của anh bạn tôi đến đây là hết).

*

Câu chuyện như vậy, tôi giữ hầu hết các chi tiết. Tác giả quả thật đã "đi thực tế," cảm thông với nhân vật, không triết lý dông dài, không oán trách ai hết. Không như Roméo và Juliette, không là Lương Sơn Bá với Chúc Anh Đài để trở thành huyền thoại. Đề tài lẩm cẩm

của xóm nhỏ. Chẳng lẽ tôi hư cấu thêm để kết luận, kiểu tuồng cải lương? Phải hỏi ý iến tác giả. Tạm thời để vậy, thời giờ rảnh rang, tôi viết bài vụn vặt để mưu sinh. Rồi buổi sáng nọ, đến quán cà phê của nhà xuất bản, tình cờ có anh bạn trẻ đến chào, rất lễ phép. Chưa kịp nhận ra ai (mắt tôi quá yếu) thì anh bạn tự giới thiệu:

- Cháu... hôm trước đem bản thảo. Hôm nay...

Tôi chuẩn bị nói lơ lửng, rằng biên tập lại gần xong. Nhưng anh bạn tự động kéo ghế ngồi sát bên, nói khẽ:

- Chú ơi, chắc chú không còn mất thời giờ vì cái bản thảo đó. vì... tác giả đã mất từ hai mươi ngày qua.

- Trời, tội nghiệp, còn trẻ hơn tôi mà.

- Chẳng rõ bịnh gì. Viêm gan, nghe nói vậy, phát bịnh nặng được mươi ngày là chết. Trước đó một năm, dường như biết trước mà không nói ra, hút thuốc nhiều, đêm đêm viết văn để tự an ủi. Cháu kêu bằng cậu ruột.

Để giải cơn sầu, tôi gọi hai chai bia, mời chàng trai nọ cùng uống, để nghe về cuộc đời của người bạn đáng mến, ẩn náu ở ngoại ô tỉnh lẻ chàng trai cho biết đã hỏa thiêu, đám tang đơn giản.

- Thế nào tôi cũng xuống thắp nén nhang. Tác giả đã nghĩ đến tôi, quá tin cậy nơi tôi. Tôi đang hối hận.

- Xuống đó, không còn ai. Cái hũ cốt đưa về quê nội, gởi trong chùa gần biển, thuộc xã Trường Long Hòa, xa xôi lắm. Nhà và ao cá bán cho người bên cạnh. Mấy đứa con về dự đám tang đầy đủ, rồi mạnh ai nấy lo làm ăn và chẳng đứa nào biết cha mình trót ham viết văn kiểu nghiệp dư. Tuổi già, mang chứng nan y. Trời cứu.

Hỏi về lý lịch, được biết anh bạn của tôi kháng Pháp nửa chừng trở về, đầu năm 1952. Thời Mỹ, có móc nối, nhưng nằm cùng kiểu... quần chúng tốt, sau 1975 giữ chức chủ tịch Mặt trận Tổ quốc phường được hai tháng, rồi người khác thay thế. Từ đó, buồn bực, vườn rau ao cá.

...Đến tận Tích Thiện, chàng trai nọ dẫn tôi gần suốt con đường chật hẹp, lát sau dừng lại rồi bảo là cô Hoa ở căn nhà phía sau có treo mấy nải chuối, bà chủ nhà đang cầm quạt phe phẩy. Tôi nghĩ đây là chuyện quang minh chính đại, đến thăm chẳng lẽ chủ nhà lại trách móc. Vui, mình nói chuyện, buồn thì mình ra đi. Cái máu văn nghệ khiến tôi lạc quan. Đến đây nào phải là để "săn tin" rồi viết lại méo mó. Chuyện đời bao la, nhiều sự kiện ngỡ là đề tài tốt, dè đâu, viết thành chuyện lỡ đăng báo lại càng bộc lộ cái tài năng bé bỏng, đáng thương hại của mình.

Chàng thanh niên là Lễ, nói khẽ:

- Chú vô một mình, cháu ngán lắm vì chẳng có phận sự gì trong cái chuyện tình này. Chẳng qua là cháu cầm lòng không được; trước khi nhắm mắt, cậu cháu bảo nên báo tin để chú quên cái bản thảo đó cho rảnh. Và rất cám ơn chú.

Đúng như Nhiên mô tả, bấy giờ mười một giờ trưa, bốn năm đứa bé nằm trên nền xi-măng, khách vào, chúng không màng mở mắt. Chắc đang đói bụng, thèm quà vặt. Người mà tôi đoán là mẹ của Hoa đứng dậy, nói hồn nhiên:

- Tôi là mẹ con Hoa. Để tôi kêu nó ra.

Từ phía sau nhà, Hoa bước ra, ngạc nhiên khi gặp người khách lạ. Cô mặt loại quần cụt theo thời trang, áo sơ-mi xanh nhạt. Hoa nói:

- Để tôi thay áo, rót nước. Chú chờ...

Tôi nói ngay:

- Nhắn cô chút chuyện gấp. Cô ngồi đây, tự nhiên. Tôi sắp đi.

- Dạ, chuyện gì, thưa chú, cháu mới biết chú lần đầu.

Tôi cố giữ bình bĩnh trong giọng nói:

- Tôi là bạn anh Nhiên, bạn thân. Tới đây báo tin anh Nhiên mất rồi. Chết vì bịnh viêm gan. Đám tang đã xong xuôi từ hai mươi ngày. Vậy thôi.

Hoa day mặt lên, cúi xuống, rồi ôm lấy mặt, nói khẽ:

- Trời ơi! Trời hại tôi!

Ba mẹ day lại, chắc nãy giờ nghe lõm bõm, đoán ra sự việc.

- Con tôi quen với cậu Nhiên. Cậu ấy... lớn tuổi rồi. Đàng hoàng lắm. Chẳng hay... còn việc gì không?

Tôi nói:

- Vậy thôi. Anh Nhiên trước khi mất nhờ tôi đến đây thăm vào báo tin. Tôi ở trên Sài Gòn, bạn thân hồi xưa.

- Sợ con tôi trót hứa hẹn nợ nần tiền bạc chưa trả. Cậu Nhiên coi bộ không khá. Nhà nghèo thì mới làm quen với nhà nghèo. Chuyện quen biết này, chưa ra cái gì hết. Gặp người khác thì họ cậy tiền bạc xe cộ để rủ rê con gái tôi. Chuyện không gì hết mà cậu Nhiên trăn trối, nghĩ cậu cũng tử tế. Tội nghiệp. Lạy Chúa. Lỗi tại tôi. Nếu biết như vậy, nhà nghèo tôi cũng ráng mua một hộp sữa gởi cậu. Mà nhà cậu ở đâu, tôi không dám hỏi.

Hoa lau nước mắt với bàn tay trần trụi, móng tay thon màu tím sẫm. Hai bà lão ra vào, rồi hai cậu con trai mà Nhiên đã mô tả. Thấy chẳng còn gì để nói, càng nói càng lung tung và càng khách sáo, tôi đem cái bao thư, bên trong có hai trăm ngàn đồng mà tôi và thằng Lễ đã chuẩn bị trước.

- Cô Hoa, đây là chút ít, tụi tui gởi cho đứa con riêng của

cô. Mong cô nhận giùm.

- Dạ, cám ơn, nó đi học chưa về. Sau này lớn lên, tôi nói cho nó nghe. Đội ơn mấy anh.

Tôi đứng dậy, chợt nhận ra mấy tấm ảnh trên bàn thờ và trên vách. Bà mẹ nói:

- Ba con Hoa đó, hồi xưa, tôi đứng bên cạnh. Lâu lắm rồi. Còn bên vách là cậu ruột nó. Chết sớm. Giặc giã mà.

Ra về, đêm ấy tôi và thằng Lễ nói chuyện tương đắc, tự hào mình đã làm được một cái điều mà nếu linh thiêng, Nhiên sẽ hài lòng vì những người còn sống cũng cố giữ lòng nhân ái như anh. Thằng Lễ có vợ bán rau cải, chưa con, từng là nhân viên Phòng Văn hóa quận, giảm biên chế vì vậy chẳng khách sáo, nỗi lòng của những nhân viên thầy ra không ra thầy, thợ không ra thợ. Ngủ vùi, vì rượu, tại nhà thằng Lễ, cả hai nằm dưới nền gạch, hực sáng hồi nào không hay biết. Thức dậy, rửa mặt, ăn sáng, tôi chờ thằng Lễ đưa ra bến xe, đón chuyến tốc hành Cầu Kè - Sài Gòn. Uống cà phê xong, tôi lại ngẫu hứng:

- Lễ, mày khỏe không?

- Dạ, chi vậy? Luôn luôn khỏe. Hay là chú ở lại chơi một vài ngày, mình đi Trường Long Hoa thăm bà mẹ của cậu Nhiên. Bả hơn tám mươi tuổi, đang rầu vì con.

- Thôi, dịp khác. Tao phải làm văn nghệ dứt điểm giùm cho anh Nhiên đa sầu đa cảm của mình. Đưa tao đến nhà cô Hoa, chút xíu thôi, rồi lập tức ra bến xe. Trong tập bản thảo, anh Nhiên tả ngôi nhà rất đúng.

Nhà hoa mở cửa sớm. Mấy đứa cháu, đứa con, bà mẹ và mấy bà khác đang xúm xít trên nền nhà, trước cửa là gánh bún riêu. Cả nhà ngồi ăn. Nhiều miệng ăn như vầy, ai nuôi cho xuể? Không thấy Hoa. Chợt lén nhìn lên bàn thờ: bức ảnh người cha của Hoa, đôi mắt như buồn như vui. Ông thắt cà-vạt, nhìn thẳng về ống kính bên cạnh là mẹ của Hoa thời trẻ trung, uốn tóc kiểu mái hiên, theo thời trang buổi nào. Bên vách, ảnh người cậu, đẹp trai, áo sơ-mi sọc, miệng cười tủm tỉm, như mai mỉa. Hai bức ảnh đã phai chưa nghĩ đến việc phục chế cho đậm nét. Hương tàn khói lạnh, trong cái lư bằng gốm thô, đôi ba cọng chân nhang cắm nghiêng ngửa. Nhạc ở băng cát-xét rên siết: “Ngoài kia súng nổ, đốt lửa đêm đen, tầm đạn thay tiếng em.” Tiếng nhạc làm nền, chẳng ai nghe, nhưng thiếu thì buồn bực. Cái ký ức tập thể của gia đình tạm thời chìm lắng, trước mấy tô bún riêu bốc khói mà ai nấy đang ăn, hài lòng yên tâm. Ngôi nhà khiêm tốn. Những người cô đơn - Trong đó có tôi và thằng Lễ -



**PHƯỢNG**

## Vũng mặt trời

(gửi đại ca)

gió ráp chương thung lũng
đá lúng ba lúng búng
mẫu tự nhìn nhau
(mắt máu hoàng hôn)
tôi lõa lồ
        ôm
        ghì thân bạch đàn
đôi đùi rớm máu cương vân trời chiều
bão!        !õab

*

sẽ đo lòng mẫu tự gió đá
và cả
tình anh áo giáp mu rùa
- *mặt trời thơ thun lủn* của tôi

PHƯỢNG

đang cùng nhau được may mắn sống vài phút giây phù du, không cô đơn. Đứa con gái của Hoa bỗng kêu lên: "Má à, như là mấy ông nào bên kia đường." Hoa ngồi trong góc, sát vách, lại nghiêng mình ra. Tôi ra lịnh cho thằng Lễ:

- Rồ máy! Bôn tẩu lập tức ra bến xe! Nãy giờ, tao có cảm giác...

- Cảm giác gì mà... chạy trốn?

Là kẻ đến đây để rình rập chờ ăn trộm những tình cảm bình thường của những người đã bị ăn trộm nhiều lần trong cuộc đời, tôi thấy việc "thương vay khóc mướn" nầy chẳng gây được hiệu lực gì lâu dài cả. Lại xấu hổ một mình, như đã xấu hổ bao nhiêu lần.

SƠN NAM



## THẬN NHIÊN

# Lửa sương

Khi ngày đã tắt
máu trôi chậm từ tim
những đóa hoa đỏ muộn mãi về sau
mùa sương dâng đầy
cánh cửa đêm đóng sập
anh rơi dọc dòng đời dòng xe xa lộ nhỏ
giọt đèn vàng nhỏ giọt lệ đêm
những vết thương xướt trầy cõi lòng kiêu hảnh

Đứng trên một building cao
ngó xuống những phận người chen vai
Anh soải tay như chim
bay trên ngày mưa dầm
lăn ngược đời mình một giọt lệ điên
mãi mãi là đứa bé áo sô gai bóng
đỗ dài vắt ngang huyệt mẹ
ngó vô hồn
gió giật
tàu chuối khô

Hãy bước qua
câm lặng bước qua mặt đất này
đừng ngoái lại
ánh mắt tủa đầy gai sắc
cào nát giấc mộng Nguyễn Du
ảo tưởng nhiều đêm giấy ố

Đêm rớm sương
nơi khởi đầu là kết cuộc
anh hắt đổ đời anh như cặn rượu
Hãy nổi lửa
hãy nổi lửa !
cho lãng quên man rợ nhảy múa

THẬN NHIÊN
*15/6/2000*



**NGÔ KHẮC TÀI**

# Bông hoa nở muộn



Năm cô Tư Huệ ba mươi tuổi trông cô oai nghi lắm. Đố ai dám gọi cô là Tư-Huệ-Héo.

Năm nay cô bốn mươi lăm, người ta đổi Héo ra Úa gọi thẳng trước mặt cô, cô chẳng buồn phàn nàn. Tư Huệ biết đã qua cái thời của mình rồi. Cô ra vào trong căn nhà ngói phủ rêu xanh một mình thui thủi, nỗi buồn chẳng biết bứng đi đâu. Trong nhà, ngựa gỗ, tủ cẩn được bán đi trống trơn. Nhìn cô đi bán hột gà ngoài chợ, lối xóm đoán cô giờ đã nghèo nên chẳng ai trách hờn gì chuyện cũ, còn nghe thương cô nữa là khác. Tư-Huệ-Úa mặt trông cũng còn xinh xắn, chỉ phải có người da hơi ngăm đen; tướng người có vóc. Cô rất giỏi giang, nhanh nhẹn, khác với Ba Sơn, người anh ruột hiền lành trông đến khù khờ. Cô chọn trong đám con của anh mình - thằng Sửu - đem về nuôi. Cũng như lúc cô mướn con Hoa làm công chuyện vặt trong nhà, trước khi nuôi Sửu, cô xem tướng, xem vây nó dữ lắm. Chuối cô đếm từng trái, giả bộ bỏ quên tiền để thử thách con Hoa. Bây giờ con Hoa đi lấy chồng, thằng Sửu về huyện làm việc, bỏ cô thui thủi một mình.

Hồi lão Sáu Xị còn sống - lão uống một này đến sáu xị đế - lắm đám khá giả hỏi cưới cô Tư, nhưng rồi không biết sao, hết đám này đến đám kia, bông hoa huệ hèo dần. Sáu Xị với hai bàn tay trắng, ăn uống hoi hút một đời, tạo được 50 công ruộng, sáu công vườn bốn ao cá mè vinh. Của để của, hổ phụ sinh hổ tử cái, Huệ chẳng kém thua con trai, đến lượt cô của cải sinh thêm: máy suốt, máy xới, máy bơm nước v.v... Anh con trai coi như bỏ đi (đến ruộng chia

cho, Ba Sơn cũng bán). Con giỏi thì cha sung sướng. Sáu Xị ngồi lai rai tối ngày nhìn cơ ngơi của mình do một tay cô con gái quản lý.

Tư Huệ đi cắt cỏ cho trâu ăn, cầm lái máy xới. Mùa xới các chủ trả cho nhân công 10% trên tổng số lời. Riêng cô, cô nhìn mặt, tùy theo người cô ra giá 5 đến 6,7%. Ban đầu không ai chịu làm mướn, Tư Huệ cùng thằng Sửu đứng ra làm. Hai cô cháu lặn lội xới đất trên đồng, nước da đen lên mặt. Hai cô cháu còn dám cả gan chèo chống đưa máy xuồng tận Rạch Giá làm mướn. Với cái máy suốt như vậy, những người chủ khác cứ 100 thùng lúa ăn 4 thùng, riêng Tư Huệ ăn 5. Ai không chịu thì thôi. Máy móc đến mùa đông ken lại hiếm. Riết rồi người ta bị bắt chẹt phải phục tùng cô và do đó, cô có uy quyền. Đám dân nghèo xem cô như một trường hợp đặc biệt: "Ối, gái già khó tánh." Cũng giống như cái kiểu này "mầy đánh tao như đánh ông nội mầy," người ta vừa căm ghét mà không làm gì được, vừa sợ vừa tự giễu cợt: "Ớt, chín cây người ta còn hái, bậu lỡ thời...," rủa độc "Cây độc không trái, gái độc không chồng."

Cô Tư không phải là không nghe người ta xì xầm đâu nhưng cô phớt tỉnh. Hường nhan không tạo cho cô được tấm chồng thì công sức phải tạo ra tiền. Ai nói lấy của che thân, lấy thân che của gì cũng được.

Cánh đồng Ba Thê về múa lúa chín có cái bụng hiền như tấm lòng bà ngoại. Thiên hạ từ các nơi đổ về gặt lúa, mót lúa kiếm ăn. Trẻ con đi rong trên đồng buổi sáng, đến đéng bóng trở về là được cả bao lúa. Tụi nhỏ đem lúa đổi sương sáo, sương sa ăn đâu có hết. Vì thế, tụi nhỏ thích lắm, vừa làm vừa chơi. Thằng Sửu bề ngoài trông nghiêm trang vì bị cô Tư kèm cặp làm ăn, bên trong nó thèm khát được tự do như lũ trẻ lắm.

Tư Huệ không bao giờ đánh cháu. Nhiều lần Sửu có lỗi, như việc Sửu lén xúc trộm 5 giạ lúa đem đổi lấy con gà trống nòi, cô Tư nửa đêm dựng Sửu dậy. Giọng cô nhỏ nhẹ, ngọt ngào một Sửu à, hai Sửu à với tiếng rít ở kẽ răng. Trẻ con đêm khuya mê ngủ, có kêu dậy cho vàng cũng chẳng thèm, hà huống... Bởi thế Sửu sợ cái bài học chẳng bình thường đó. Cũng như con Hoa ngại ngồi đối diện với cô lúc ăn cơm mỗi khi vắng mặt Sửu. Trong gian nhà ngói rộng thênh thang giọng cô lạnh lẽo: "Mày lấy chồng mà làm gì, như tao đây phải khỏe. Cái bọn đàn ông nó ỷ có cái giống, nó hành hạ mày. Chẳng lẽ mày không thấy sao?" Cô cứ lải nhải kể tội đàn ông, rồi đến kể tội đàn bà, bữa cơm thành ra mất sinh khí. Lối xóm bảo giữa hai người có điều khác thường điều mà ngày nay gọi là đồng tính luyến ái... Riêng Tư Huệ thương con Hoa lắm. Cô bảo nó có mối nào

chọn đi, rồi cô cho vốn làm ăn.

Hoa và Sửu sợ Tư Huệ như sợ cọp. Lối xóm sợ còn hơn. Ai trái ý cô, cô cười hiền lành, chẳng vội phản đối. Đến lúc túng hụt thiếu ăn, qua năn nỉ cô để vay mượn thì một giạ trả hai, Tư Huệ để cho người ấy năn nỉ khô nước miếng một lát cô mới buông giọng nhẹ ra, ngọt ngào:

- Lúc tối lửa tắt đèn cần gì he?

Nhìn cô, người ta bảo kẻ giàu có không biết buồn. Ngay nhiều lúc cô bóc lột người ta, bị chửi mắng vào mặt mà cô vẫn cười. Trong nhà không ai thấy cô Tư khóc. Cô không bao giờ để lộ cho ai thấy mình buồn trừ con Hoa, nó ngủ chung một buồng với cô. Nhưng Hoa biết được chuyến ấy cũng là giây phút tình cờ. Một lần Hoa bắt gặp cô soi kiếng, mặt cô đánh phấn; nước mắt chảy dài trên má...

Không ở đâu buồn bằng cánh đồng sạ vào mùa nước nổi. Bốn tháng là một biển nước trắng xóa sóng đập bòng bong. Rồi mưa, gió. Ở đây về mùa nước nổi hằng năm chẳng ai làm vườn được nên trống trải đìu hiu lắm, gió không có cây ngăn cản nên cứ rú lên lồng lộng. Gió bứng sập mái nhà nghèo. Gió đè rạp bụi tre. Gió rít, buốt vào trong tận mùng mền tưởng là dày dặn lắm, nước vây quanh nên thiên hạ nhà ai nấy ở. Tư Huệ nằm thút thít trong mền. Con Hoa nghe tiếng rấm rức đoán là cô khóc. Nhưng khi cô tung mền ngồi dậy, trạng thái ấy liền bị cắt đứt. Cô nhanh nhẹn, tay bằng miệng, miệng bằng tay, đố ai biết được chuyện cô khóc vừa qua.

*

Kể ra thì cũng rất tội nghiệp cho Tư-Huệ-Úa. Lý do đầu tiên khiến cho cô Tư ế ẩm là do ở lão Sáu đánh mất đi nhân nghĩa. Hồi lão còn nghèo đi móc từng gốc tràm khai phá từng mét đất, lúc ấy lão Sáu được lắm. Rồi đến khi ruộng lão trúng mùa trong khi chung quanh lại thất bát, lão phất tay mua thêm ruộng, bấy giờ trong cách ăn ở của lão có điều khang khác. Năm cô Tư lên mười, Sáu Xị dắt ở đâu về một đứa bé không cha, không mẹ trạc tuổi cô - thằng Bảy - lão bắt nó chăn trâu với một giá rẻ mạt. Cuối năm, lão trừ cấn lung tung, vào tiền quần áo, tiền mua thuốc uống lúc Bảy đau, Bảy chỉ còn có vài giạ. Sáu Xị dỗ dành "Tao nuôi mầy ăn cơm no ngày hai buổi là được rồi, mầy còn cần gì nữa, có bánh trái gì, nhà cũng đều chừa cho mầy." Ý của lão muốn thằng Bảy ở không công trong lúc thằng Bảy chăn trâu cực muốn chết, Bảy ủ dột mặt mày nhưng chỉ mới có 12 tuổi đầu, nó không biết phản ứng chi.

Bảy thức khuya, dậy sớm cần mẫn. Dưới bàn tay chăm sóc của Bảy bầy trâu ú quây. Cô Tư là con gái mà cũng ngộ, cô rất thích chuyện giữ bò, coi trâu. Tư Huệ tối ngày quấn quít bên Bảy. Bảy nó ở như vậy trong nhà lão Sáu đúng bảy năm. Năm nó lên 18 thì lối xóm đồn đại rằng nó và Tư Huệ thương nhau. Ở cái bưng biền lau lách này, chân đạp đất, đầu đội trời, lúc ngủ người ta chỉ cần lấy hai bàn chân chà vào nhau cho sạch rồi lên giường ngủ, nên tình yêu hai đứa trẻ tiến tới rất mau, mộc mạc, chẳng đẩy đưa lời nói màu mè... không biết hai đứa thương nhau từ lúc nào. Bảy năm qua rồi còn gì, từ tuổi thơ, tình bạn thắm thiết, đến một tình yêu. Bên cái đầm nước nở đỏ rực bông súng, Bảy mở lời đầu tiên, Tư Huệ nhìn đàn cò trứng bay vẩn vơ về núi, mơ màng gật đầu đồng tình.

Hai người lần lần để lộ cử chỉ cho Sáu Xị biết. Sáu Xị là một ông già thâm; lão dẫn Tư Huệ đến nhà ông Hội Đồng chơi, định bụng nơi này sẽ làm Tư Huệ mê và quên Bảy. Nhà ông Hội Đồng giàu lắm, mấy đứa con trai đi học ngoài tỉnh, ăn nói dịu ngọt. Tư Huệ đoán được ý định của tía nên phản đối. Sáu Xị biết tánh con gái nên dụ dỗ riết. Một tối Bảy đi đồng về muộn tình cờ nghe được:

- Mầy lấy thằng làm mướn không biết mắc cỡ sao?

Tư Huệ đầu cúi xuống trả lời nhỏ:

- Thôi, tùy tía.

Thôi rồi, Tư Huệ bởi do cái dòng máu di truyền, nặng lắm, đã đầu hàng trước vật chất. Bảy đau xé tâm hồn và bỏ ra đi.

Rồi con ông Hội đồng cũng không thấy tới. Cô Tư biết buồn từ dạo ấy. Tuy nhiên vì cái bản tính bình thản trước mọi chuyện đời, cô không để hé lộ ra cho người ta thấy. Cứ mỗi lần gió bấc già ngọn thổi trong, cô nhớ da diết các đám lửa un trâu lập lòe trong đêm của Bảy.

Bảy ra đi như một lời nguyền rủa. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn càng xa. Từ cái tiêu chuẩn kén chồng giàu sụt xuống nghèo nhưng biết lo làm ăn. Ngày lại ngày qua, cái tiêu chuẩn ấy lại rớt xuống hạng mồ côi không cha không mẹ miễn chịu dưới quyền điều khiển của cô. Phải chi Sáu Xị cho cô Tư đi học, đàng này lão lái riết cái lanh lẹ xốc vác của cô. Cô Tư vì quá giỏi nên ít ai muốn tới để sánh vai làm bạn. Tháng ngày cô như búp hoa không nở.

*

Ngày Ba Ẩn về cất cái mái lá sau hè đình, làng xóm vui hẳn lên, không khí đổi khác. Bọn thanh niên uống rượu lè nhè phá làng phá xóm chịu không nổi, giờ cũng uống rượu nhưng trở nên đứng

đắn, lịch sự lịch sàng hơn. Công lao đầu tiên ấy đối với làng này là của anh Ba. Ba Ẩn không biết người gốc gác ở đâu, cũng không rõ có trách nhiệm, chức vụ gì trong Ủy ban xã, nhưng làng xóm nể nang mến phục anh lắm. Bà con thường nhờ anh can thiệp chuyện này, chuyện kia, anh rất nhiệt tâm. Với cái chân đi khập khiễng một bên, anh Ba không nệ khó một chuyện gì. Với mái đầu tóc đã hoa râm, tưởng anh Ba bị bọn trẻ tẩy chay như những ông già khác, nhưng trái lại tụi nhỏ tối ngày cứ tìm anh và xem anh Ba như một người anh tinh thần. Sửu năm nay lên mười sáu tuổi. Sống ở đồng từ nhỏ đến lớn, Sửu ngỡ chuyện gì của đồng nó cũng biết nào ngờ nó thua chú Ba nó xa lắm. Ba Ẩn nhìn con kênh chăm chú một lát rồi nhảy xuống, lúc trở lên hai tay cầm hai con lịch. Vào đêm mưa, Ba Ẩn giả giọng ếch kêu ồm ộp trầm trầm để dụ bày ếch tụ lại. Ba ẩn đi đến lúc nửa khuya trở về là một xâu ếch dài. Cái giọng giả làm ếch kêu đêm khuya đó, đố bọn thanh niên trong xóm bắt chước được. Cũng là tiếng ộp ộp nhưng phải có một cái tình cảm nào đó trong tiếng kêu, lũ ếch mới tưởng lầm tiếng nói giống mình mà kéo về, Ba Ẩn nói thế.

Những năm ở rừng, đánh giặc Mỹ, Ba Ẩn học được ở thiên nhiên rất nhiều điều.

Đêm nào Sửu cũng lén cô Tư đến nhà Ba Ẩn, riết rồi nghiền. Sửu nhìn anh Ba đưa ngón tay dịu dàng lướt trên phím đàn kìm, nó biết mình phải học nhiều chuyện lắm. Rồi đây thế hệ đàn anh qua đi, đến lượt nó biết đâu ngày sau nó đảm trách chức vụ tinh thần như anh Ba, ngồi đánh cây đàn kìm cho đàn em út nghe.

Tư-Huệ-Úa thật tình cũng mến Ba như làng xóm. Tiếng đàn của anh gợi cho cô nỗi buồn xa. Tiếng đàn không nhấn nhảy, luyến láy như bọn thanh niên bây giờ. Nó cứ rỉ rả, rỉ rả xoáy sâu vào những gì người ta cố cất giấu trong tâm hồn.

Xóm làng ngày một thay đổi tạo bộ mặt mới mẻ. Người hồi cư về ngày một đông. Rồi quy hoạch lại ruộng đất, rồi hợp tác hóa nông nghiệp. Cô Tư không sao rõ được cuộc đời. Xóm làng đang êm ả bỗng dưng như được tháo gút mở tung. Rõ ràng là cô Tư đã hết cái ngày oanh liệt. Mọi chuyện dường như dồn lại cho kẻ hết thời. Ủy ban xã thấy cô chỉ có một mình mà làm chủ đến hai, ba loại máy, nên đề nghị cô đưa cái máy xới vào tập đoàn. Tư Huệ tức mình tìm người bán luôn cái máy suốt. Cô chở máy ra đi, ba bữa sau cô trở về bứt đầu, bứt tóc kêu trời: số tiền bán máy của cô bị kẻ cướp chặn lấy dọc đường. Từ đây về sau lúc nào cô cũng than mình nghèo. Mấy chục công ruộng, mấy chục công vườn là đủ để nuôi sống cô lúc tuổi

già. Cô nói thời thế bây giờ làm chi nhiều cho mệt. Cổng vườn nhà cô bắt đầu khép kín. Lối xóm từ đây, ngay cả người anh ruột cô, đừng mong vay mượn gì cô. Theo kế hoạch Nhà nước, trước sau gì cũng phải chia lại đất cho người nghèo. Nhưng bây giờ người ta chưa ai đả động gì đến mấy chục công ruộng của cô. Cô tìm cách sang tên lại cho Ba Sơn. Về lời hứa của cô với con Hoa, tới năm nay đúng tuổi rồi, Tư Huệ vẫn chưa thực hiện. Mấy lần nó định bỏ cô ra đi nhưng vì quá thương cô, nên nó ở lại. Nhưng lúc này, khi nó dẫn thằng bồ về trình diện cô, nó bất chấp sự phản đối có vẻ quyết liệt hơn những lần khác của Tư Huệ. Tư Huệ cấm cửa không cho nó vào nhà. Hoa đi ra tay trắng, bỏ lại bao nhiêu là công lao.

*

Khi Sửu nghe cô Tư mời Ba Ẩn và mấy anh em du kích đến nhà chơi, nó mừng quýnh. Nhà nầy lâu rồi không thấy khách khứa. Lần nầy ngôi nhà ấm hẳn lên với tiếng đàn, tiếng hát thân mật. Tư Huệ làm hai con vịt trống xiêm to. Anh em du kích tuy có rượu vào nhưng không sỗ sàng gì cho lắm. Thật tình cô Tư đã qua hết thời con gái nhưng phút rung động của nó vẫn còn, cô nhìn những bắp thịt cuồn cuộn của bọn thanh niên đang cởi trần ngồi trước mặt, cô đè nén một nỗi khát khao. Ba Ẩn trầm ngâm nhìn lên bàn thờ:

- Hình chú Sáu chụp lúc nào đấy cô Tư?

- Anh biết tía tui?

- Biết chứ cô Tư, tôi quen với chú lúc trước.

Tư Huệ nhìn Ba Ẩn trông hao hao quen. Nếu anh Ba không có vết sẹo nằm vắt ngang trán...

Nhìn Ba Ẩn cô Tư chợt đâm ra bâng khuâng:

- Sao anh Ba chưa chịu có vợ như người ta?

- Ví như ai cũng có tiền hết, thì cuộc đời lấy gì có chuyện biển dâu. Mấy năm ở rừng, tui quen sống một mình rồi cô ơi.

Theo thói quen cái kiểu dò mối làm ăn. Cô Tư hỏi dồn:

- Giờ anh Ba làm gì trong Ủy ban hén?

- Tui không có chức vụ gì chính thức trong Ủy ban nhưng có chân trong chi bộ xã.

- Tối lửa tắt đèn người ta cần gì hén anh Ba?

Giọng anh Ba tỉnh táo:

- Có người nói cần chòm xóm bà con. Nhưng cũng có người nói chỉ cần hộp quẹt thôi cô Tư à!

Bọn đàn ông kéo nhau đi, thằng Sửu nằm dài trên bộ ngựa,

say chẳng biết trời đất. Lần đầu tiên Tư Huệ nén lòng cho Sửu uống rượu trước mặt cô. Cơn giận hồi nãy, giờ bốc lên trút hết lên người nó. Cô Tư quơ một khúc củi đập liên tiếp lên người Sửu. Có rượu trong người và bị đánh đau vô cớ, Sửu trợn mắt la lên:

- Đồ gái già!

Tư Huệ sững sờ, khúc củi trên tay rớt xuống hồi nào, chẳng hay. Ngay cả người thân, thằng cháu yêu quý cũng rủa lời độc ác. Tư Huệ thấy mình không hiểu gì hết sự việc xảy ra chung quanh. Ngày xưa ngay cả những tên trung úy, đại úy, cô vung tiền là bọn họ phải chịu phục tùng dưới tay cô. Còn ngày nay tự nhiên cô đâm ra hối tiếc là mình đã làm hai con vịt, tốn hết mấy lít rượu nếp ngon để đãi Ba Ẩn nhưng không có kết quả gì. Tư Huệ Úa lần này được tự do khóc trong căn nhà âm u, quen thuộc. Con Hoa đi theo trai, và Sửu nằm ngáy khò khò đằng kia. Tất cả đều trôi tuột ra khỏi bàn tay cô.

*

Kết cuộc rồi Ba Sơn cũng được chia đất. Chuyện này Ba Ẩn giải quyết cũng hợp lý. Ba Sơn đông con, dù sao cũng là đất của gia đình người ta. Biết rằng trước đây Ba Sơn đã từng bán đi một miếng đất của lão Sáu Xị chia cho, nhưng hiện tại thì Ba Sơn không có một cục đất để vụt chim.

Đất, đất, đất bao đời rồi áo vá bốn mùa, ăn cơm nguội mặc áo vá làm thuê, làm mướn cho nhà chủ. Giờ cái ngày chia đất đã đến, ước mơ khao khát đã đến, đầu trên, xóm dưới xôn xao. Trong niềm vui ấy, nhìn Tư Huệ mót từng cái hột gà đem ra chợ bán, người ta đâm thương hại. Thỉnh thoảng cô mượn em thằng Sửu lại coi chừng nhà vài bữa, để cô đi chơi cho khuây khỏa. “Giờ già rồi đi chơi cho nó sướng, tui còn miếng vườn đó, ai dại gì không lấy của che thân. Thằng Sửu mọc lông, mọc cánh đã phản tui rồi.” Tư Huệ than thở... Sửu đã lên mười bảy, ngày một lớn khôn. Nó thấy mình với người cô già ngày càng xa cách. Từ cái câu gái già, lỡ lời với cô nó, đến cái chuyên lên xã làm việc Tư Huệ chẳng cho, Sửu nghe buồn lắm nhưng không biết dùng lời lẽ nào để nói với cô. Tư Huệ không chịu nghe. Ngày Ba Ẩn giải quyết trả cái máy xới lại cho cô Tư, Sửu được dịp trở về nhà, Sửu cố làm thân với cô.

- Giờ Nhà nước khoán sản phẩm rồi cô ơi, cô đừng lo sợ nghèo nữa. Trả cái máy xới lại cho cô, từ nay cô làm bao nhiêu ăn bấy nhiêu.

Tư Huệ háy Sửu một cái:

- Tui đâu có sợ mấy người. Lấy hết miếng vườn tui còn chưa

ngán!

Ba Ẩn được đổi về huyện. Ngày đi Ba Ẩn hỏi ý kiến của Ba Sơn về chuyện dắt thằng Sửu đi theo. Hai thầy trò đến từ giã Tư Huệ. Ba Ẩn nhìn mái tóc hoa râm của Tư Huệ, biết rằng sau khi Sửu đi rồi cô sống một mình trong ngôi nhà ngói âm u này cô quạnh lắm. Tóc Ba Ẩm cũng đã chớm bạc nên càng hiểu rõ sự thiếu thốn tình cảm trong lúc trở về già. Ba Ẩn e dè mở lời:

- Tui... tui đến xin phép cô cho thằng Sửu...

Tư Huệ chẳng còn giữ được phong độ ngọt ngào, cô lạnh lùng nói trỏng:

- Đi đâu thì đi, ai mà cần, có lông có cánh rồi.

- Chẳng phải như cái ý cô nói vậy đâu. Cô Tư, tui biết chú Sáu và cô lúc còn nhỏ. Sửu, thắp cho ông nội một cây nhang đi!

- Anh là ai sao sỗ sàng như vậy?

- Tui biết cô từ cái ngày cô mang cơm cho mấy đứa giữ trâu. Ngày ấy tụi nó thương cô lắm!

Tư Huệ nhìn Ba Ẩn đăm đăm, linh tính chẳng cho cô đoán trước một điều gì.

Ba Ẩn giọng tha thiết.

- Cô Tư có tiễn cháu nó đi không?

- Không. Tui giờ nghèo lắm, chỉ có Nhà nước như anh mới giàu.

Ba Ẩn thở dài, nắm tay thằng Sửu đứng lên:

- Thôi từ giã cô mày rồi đi. Tui là ai... Cô Tư có khi nào nhớ tới một người tên Bảy không?

Tư Huệ chợt như người từ trên trời rớt xuống. Cô ngồi ngớ ngẩn. Hai người đã đi khá xa cô mới bật dậy chạy ra cửa kêu Bảy, Bảy... Mối tình đầu ngày đó ánh lửa un trâu lập lòe trong đêm gió bấc năm xưa. Mười sáu năm qua, Bảy thay danh đổi họ, lại nhờ chiến tranh cải sửa diện mại, xóm làng còn không biết được Bảy, Bảy.

...Tình già là tình hoài, ngó nhau con mắt còn có đuôi. Cái bụi lau, cái bụi cổ đuôi chồn, cái đầm bông súng, cái bầy trâu do công lao của Bảy đấy. Tiền giấu trong gối ôm này, mười lạng vàng chôn dưới mấy tấm gạch tàu kia...

Tư Huệ úp mặt vào gối nhớ lại tiếng "gái già" của Sửu mắng cô. Gần suốt đời ở vậy một mình cô tưởng trái tim mạch máu đã chai rồi. Bây giờ cô biết rõ, cô là một bông hoa tuy đã héo úa nhưng vẫn còn là một cái búp. Theo tuần tự thông thường của một kiếp hoa, nó phải nở rồi mới tàn. Cái búp hoa có tên là Tư Huệ Úa chưa từng nở. Kiếp phận hẩm hiu đó tự nó tạo ra cho nó chứ không có



**TRỊNH THANH THỦY**

## Tháng tám

mùa trăng đi khuất
mà ta chưa trung thu cho nhau
trăng chạm vào trăng
thẳng thốt
tình yêu vuột khỏi đời nhau

tháng tám
có kịp trung thu trong nhau
trăng trong
một dòng xanh lạnh
anh, loài cá lạ
bơi đuối trong giọt nước mắt
người đàn bà đã ngang qua đời mình

tháng tám, hẳn còn trung thu bên nhau
trăng mất
những mùa trăng biệt khuất
người mê mải đuổi bóng
những chiếc bóng đổ dài
trên những vòng quay kéo quân

những chiếc bóng mệt nhoài
theo những vòng quay kéo quân

mất về đâu những múa trăng thơ dại trên mặt đất

TRỊNH THANH THỦY

ai vùi dập. Bây giờ nó đòi được nở mặc dù trễ muộn... Cô mong Bảy trở lại...

NGÔ KHẮC TÀI



## THƯỜNG QUÁN

# Ca từ

*tưởng nhớ điêu khắc gia Đỗ Toàn*

Mưa to vỡ đêm về say màu rượu
Ly thơ ngây trong suốt đóa tay người
Món đảo xứ trầm trồ điều ngự
Lòng Âu nhớ lại tựa chiêm bao

Mưa thất tán Sài Gòn mười bảy
Tuổi sông Hàn đi vắng rớt hiên Tây
Mây đổ xám bão chiều khí tượng
Thuỷ ngân nần níu nặng bao vây

Nước - nước trên tay khum gò má tượng
Đầu trán vần trôi dạt tuổi hoa mai
Dang một cánh tay che giùm để ngập
Túa tràn ly phố lụy, khiếp! Đầy

Mưa để đấm mấy con thuyền rạc
Bãi sơn xanh rây, rức, lục tàng cây
Em xuân nữ phố hàng hiên đá xám
Tạc kiêu kỳ sắc quá để đứt tay

Mưa vắt tóc chảy hồ cầm trắng
Loang hồng quyên toile giá được bày
Mùng để phủ thân người được ngụ
Một đêm trần ngoài xứ sở sắp bay

Xanh đá rạn chân trời náo níu
Đường quang nắng tạnh đá vuông bày
Phố đài tượng khuôn mặt em lễ thức
Tiễn đưa về mãi mãi cửa hôm nay

Mưa đã phá tấc lòng chừng mực
Sông yêu ma núi cháy lạc thần
Lá ngủ hết còn riêng hoa búp
Màu nâu ngoài mắt của hàng cây

THƯỜNG QUÁN



**VÕ ĐÌNH**

# Thập thành: chuyện bên lề



Tuy rằng hội họa chiếm hết phần lớn trong kinh nghiệm sau đây của người viết, thực chất của câu chuyện là bản sắc của người nghệ sĩ sáng tạo nói chung và áp lực của kim tiền. Đông Tây, cổ kim, vô số giai thoại được tạo dựng chung quanh người nghệ sĩ. Những giai thoại này có khi thay đổi cả diện mạo con người, trong khi chính tác phẩm mới là khuôn mặt thật và mãi mãi của người nghệ sĩ.

Khá lâu về trước, tranh tôi vẽ được bày bán ở một nhà bán tranh (*art gallery)* tại Nữu Ước. Một hôm, ghé thăm, ngồi nói chuyện với ông chủ tên F., người Mỹ gốc Pháp. F. hỏi tôi có hộp "đồ nghề" trong xe không. Tôi nói có; ông bảo tôi làm ơn đi lấy rồi sẽ cho xem cái nọ hay lắm. Tò mò tôi xách "đồ nghề" đi theo F. lên lầu trên, nơi chứa hàng trăm họa phẩm của *gallery.* F. mở cửa kho, kéo ra một bức tranh sơn dầu khá lớn. Tôi nhận ra ngay tác phẩm của C.Y., một tên tuổi của trường phái Paris. Ong chủ đưa tay xoa xoa một vạt lớn màu vàng đất sét (*ochre)* của bức tranh rồi giải thích : Hôm kia có bà khách *Park Avenue* (1) tới chơi, thích bức này lắm, muốn mua. Ngặt cái là bả rất không ưa màu vàng đất sét này, bảo phải chi nó là nâu sẫm *(burnt umber)* thì ký cái chi phiếu ngay, không bớt một xu. Bà khách vừa ra khỏi cửa, tôi bốc điện thoại gọi ngay Paris hỏi C.Y. còn có bức tương tự nào với màu nâu sẫm không. C.Y. nói không có nhưng giải quyết vấn đề liền tay. C.Y. bảo kiếm một ít sơn dầu màu nâu sẫm ấy quẹt đại lên chỗ vàng đất sét đó là xong. Còn

dặn là nhớ trộn thêm vào nhiều *siccative*, dầu làm cho sơn chóng khô.Tuần sau có thể mời bà khách đến chơi xem tranh. Nếu cần, cứ nói là mới nhận được, gửi hỏa tốc từ Paris sang!

Ong F. bảo tôi (năm ấy chưa tới 30) giúp một tay, lấy sơn dầu màu *burnt umber* mà tô lên che lấp màu *ochre* đi. Tôi ngần ngừ, rồi từ chối: "Làm gì kỳ quá! Ông muốn làm thì làm đi, sơn cọ đây". F. cười hề hề: "Cậu ngại hả? Muốn tôi làm hả? Thì làm!" Ong cầm ống sơn tôi cho mượn, bóp phọt một đống nâu sẩm trên vạt màu vàng đất sét rồi lấy cọ phết đều ra. Không tới nửa tiếng, xong.Chuyện xảy ra đã gần bốn mươi năm mà trong một thời gian dài mỗi lần nhớ lại tôi cứ cảm thấy............lợm giọng như thể chứng kiến một cảnh tượng gớm ghiếc. Tuổi tác, chúng ta nghe nói, có thể thay đổi những định kiến kiên cố nhất. Ngày nay tôi không còn lợm giọng nữa vì nghĩ rằng trong toàn cảnh bút pháp của C. Y. cái vạt màu đó là vàng đất sét hay là nâu sẫm thật ra chẳng nhằm nhò vào đâu. Họa sĩ chìu chuộng khách, *gallery* thu được tiền, nhà giàu mua được tranh, mọi người hài lòng. Cớ chi tôi lại nhăn nhó?

Tuy nhiên, từ lâu tôi vốn quan niệm rằng công việc sáng tạo của một nghệ sĩ có tính cách bất khả xâm phạm. Một quan niệm có thể xem như kiêu kỳ và lỗi thời. Tôi không còn "lợm giọng" nữa nhưng vẫn cho rằng việc làm của họa sĩ C.Y. là một phản bội. Một phản bội được ngụy trang dưới cái lốt thỏa hiệp.

Suốt đời, từ ngày cầm cây bút cây cọ vung vít "sáng tác", nghĩa là cách đây gần nửa thế kỷ, tôi đã khăng khăng tin tưởng rằng làm văn nghệ thì phải cương quyết giữ gìn cái ý chí của mình: Không vì danh lợi mà "đánh đĩ" cây bút cây cọ, v.v. Nói cụ thể: Không để cho khách chơi tranh và đồng tiền của khách ảnh hưởng đến cái vẽ của mình. Ấy vậy mà mới đây thôi, tôi có điều nghi hoặc. Bản thân tôi vẫn giữ phép tắc ấy cho cây bút của mình. Nhưng tôi đã có cái nhìn khác, có lẽ đúng đắn hơn, về việc áp dụng nguyên tắc ấy vào đời sống người khác.

*

Tuổi "hoa niên" của tôi ở Việt nam nhằm vào thời kỳ mọi sự trong đời sống bắt đầu nhuốm vẻ nghiêm trọng. Mẹ tôi là người hiền lành, "thương khó" (2) nhưng cha tôi là một người rất nghiêm nghị.

Ong thương vợ con, thương người nhưng ông thi hành một thứ kỷ luật cứng rắn đối với gia đình và bản thân. Trong nhà thì vậy, ngoài ngõ thì đó là thời Nhật đuổi Pháp, Việt Minh cướp chính quyền, những vụ bắt bớ, thủ tiêu xảy ra liên miên. Rồi những cuộc tản cư, hồi cư, ăn ở chuệch choạc, thiếu thốn. Ấy vậy mà ở tuổi 13, 14 tôi lại đâm đầu vào cái mê hồn trận của sách vở. Dĩ nhiên, như bao nhiêu người đồng thời, tôi yêu Thơ Mới, Tự lực Văn đoàn......... Nhưng thần tượng của thằng bé không phải là tráng sĩ Tiêu sơn của Khái Hưng, hay chàng Dũng của Nhất Linh. Thuở ấy, người hùng của tôi đã là ông...............Đào Tiềm, hiệu là Uyên Minh đời Tấn bên Tàu! Lâu về sau, đọc được mấy dòng ông Nguyễn Hiến Lê viết về ông Đào, khoái tỉ lắm (3).

Tôi đi học xa với cái não trạng ấy. Ở Pháp, tôi đụng vào những ông Đào Tây phương. Thằng bé vô tình hay hữu ý để qua một bên những họa sĩ tài danh của những thời đã qua, được vua này chúa nọ yêu chuộng, rượu thịt vàng lụa ê hề (4) và chỉ chú tâm vào các nghệ sĩ "ngược ngạo" của thế kỷ 20 cận kề. Paul Cézanne thi trượt ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Paris, rút lui về quê dưới Aix-en-Provence sống ẩn dật, vẽ lui vẽ tới mấy trái táo quèn, về sau được tôn vinh là cha đẻ của nền hội họa hiện đại. Ở tuổi đôi mươi, cùng bạn bè, tôi quen một nhà văn già người Pháp, năm ấy đã khoảng bảy lăm, được ông kể cho nghe: Các cậu mê Modigliani lắm hả? Các cậu sinh sau đẻ muộn chỉ biết hắn qua sách vở. Tớ, tớ biết rõ hắn lắm. Cái thằng! Lúc nào cũng làm dáng. Mũ đen vành rộng, áo choàng đen dài chấm gót, quấn cái khăn đỏ... Bộ tịch vậy chứ ở dơ số một. Và ngang tàng số một. Có bữa, chính mắt tớ trông thấy, hắn vẽ chân dung chớp nhoáng cho bọn du lịch ngồi uống lai rai ở quán Dôme, ngoài Montparnasse. Du khách chê bai hình vẽ "không giống", kỳ kèo sao đó, "Modi" nổi sùng cầm cả xấp *portraits* xé toẹt rồi đưa cho khách, nói: "Biếu quí vị, lần sau đi "va-te" (5) lấy mà dùng!"

Được nghe kể về "Modi" như vậy, lại càng ngưỡng mộ. Ta phác họa theo cái ý của ta, ta đâu vì mấy đồng phật lăng mà phải vẽ cho vừa ý các ngươi. Đây, không ưng thì lấy mà... chùi đít!

Cũng vào thời gian đó, tên tuổi họa sĩ trẻ Bernard Buffet nổi lên đùng đùng. Một nhà phê bình mỹ thuật đẻ ra một từ mới: *misérabilisme* (6). Giới thượng lưu trưởng giả đua nhau mua tranh Buffet chừng nào, giới trí thức nghệ sĩ khinh bỉ, dè bỉu Buffet chừng ấy. Đến khi Buffet mua Rolls-Royce, mướn tài xế riêng, thì ai nấy coi như chàng ta đã từ cấp "đĩ" suông tiến lên hàng "đĩ thập thành".

Thằng bé yêu Đào Tiềm ngày xưa tha hồ lún sâu vào thành kiến của mình. Thành kiến cho rằng tự bản chất người nghệ sĩ mang tính phản kháng, đối nghịch với xã hội chung quanh. Thành kiến cho rằng người nghệ sĩ bảo vệ bằng tất cả mọi cách cái chí hướng của mình, coi danh vọng, lợi lộc như rác rưởi... Thành kiến cho rằng người nghệ sĩ giữ khí tiết như người phụ nữ giữ trinh. Nếu ý nghĩa của chữ trinh có thể đổi thay theo thời thế thì cái khí tiết của người nghệ sĩ lại được ôm cứng lấy như một chân lý bất di bất dịch.

Cũng dễ hiểu thôi nếu du khách không bằng lòng vì Modigliani phác họa chân dung họ theo lối ông đã từng vẽ Béatrice Hastings, Blaise Cendras, Soutine,v.v. "Modi" đã không ngồi xuống vẽ lại theo lối thông thường để chiếm lấy cảm tình của du khách – và mấy đồng phật lăng còm. Nét bút của "Modi" phóng túng mà sang trọng, sơ sài mà vững chãi,ung dung mà quyết liệt, thành quả của bao công phu tìm tòi và rèn luyện. Ong không thể phụ phàng nét bút ấy. Từ bỏ nó không khác gì chọn cái chết. Khủng khiếp hơn cả cái chết. Chết mới chỉ là giã biệt. Giã biệt sự sống, giã biệt người thân, giã biệt nghệ thuật. Từ bỏ nét bút của mình, từ bỏ bút pháp của mình, là cầm dao mà tự rạch mặt rạch mày, thay đổi cả diện mạo của mình. Người nghệ sĩ không thể tự hủy như thế.

Tài hoa thì thật tài hoa, nhưng Modigliani nghèo túng, bệnh hoạn, nghiện ngập, cùng quẫn. Năm "Modi" chết thảm trong một nhà thương thí ở Paris, họa sĩ đồng thời Pablo Picasso đã từng đi qua Thời kỳ Xanh, Thời kỳ Hồng, Lập thể Phân tích, Lập thể Tổng hợp, đã bước vào Thời kỳ Tân Cổ điển sau chuyến du ngoạn La mã, Pompéi với Jean Cocteau và lấy người đẹp Olga Koklova làm vợ. Chưa tới tứ tuần (Picasso lớn hơn Modigliani 3 tuổi) Picasso đã bước lên đài danh vọng quốc tế. Tên tuổi ông vang lừng hai bờ Đại tây dương.

Hai thiên tài của Paris, thế kỷ 20: Cả hai đến từ Nam Au, một từ Tây-ban-nha, một từ Ý-đại-lợi, hai quốc gia có truyền thống hội họa phong phú và lâu dài. Hai cá tính đam mê quyết liệt. Tuy vậy, đời sống, số phận của họ lại vô cùng khác nhau.

Mới đây, được đọc một bài viết của Nguyễn Minh Quân (7) càng làm cho tôi suy nghĩ thêm về công việc sáng tạo và áp lực của đồng tiền. Ong Nguyễn viết: (...) "Fyodor Dovstoyevski và Honoré de Balzac, cả hai suốt một đời cứ bị câu thúc chuyện áo cơm, phải viết

nhanh để trả nợ, nhưng các tác phẩm của hai nhà văn này vẫn là những tuyệt tác văn chương của nhân loại. Nước ta có Vũ Trọng Phụng. Đã viết trong 'cơn ho lao và dưới ngọn đèn tù mù' để kiếm chén cơm cho một gia đình, 'viết để nuôi bà, nuôi mẹ, nuôi vợ và nuôi thân'. Nhưng văn chương của ông cũng đầy tính sáng tạo."

Ong Đào Tiềm "không vì năm đấu gạo" treo ấn từ quan, ông Modigliani bất cần mấy đồng phật lăng, xé toẹt những phác họa trao cho du khách dùng làm giấy...chùi đít; người nước Tàu, kẻ nước Ý, sống cách nhau đến 15 thế kỷ vậy mà có chỗ giống nhau: Thà chịu nghèo, không thà khom lưng. Ong Balzac, người Pháp, "viết nhanh để trả nợ", ông Vũ Trọng Phụng, người Việt, viết trong "cơn ho lao và dưới ngọn đèn tù mù" lại có chỗ giống nhau: Trong cảnh ngặt nghèo vẫn sáng tác có nghệ thuật. Thế còn ông Rubens? Ong Picasso? Đứng hàng đầu thời kỳ *Baroque*, thế kỷ 17, ở Au châu, ông Rubens sống trong nhung lụa. Đứng hàng đầu thế kỷ 20, ông Picasso từ tuổi trung niên đã giàu có đến mức có thể mua cả một lâu đài, vẽ chất đầy tác phẩm, đến khi hết chỗ treo tranh lại mua lâu đài khác. Người gốc Phờ-lăng *(Flanders; Flandres)*, kẻ gốc Tây-ban-nha, sống cách nhau đến 300 năm, lại có chỗ giống nhau: Chẳng những phát huy được cái đại tài của mình mà còn tạo được một cuộc sống vương giả (trường hợp Rubens) hay cực kỳ phong lưu (trường hợp Picasso).

Những sự kiện trên đây làm sáng tỏ được những gì?

Ai là người cương quyết bảo vệ cái tư cách của mình? Ai là người khéo léo đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu của những thế lực văn hóa, xã hội và kinh tài? Ai là người dứt khoát chống đối tất cả những gì lăm le xâm lấn vào đời sống tinh thần của mình? Và ai là người, bất kể hoàn cảnh cá nhân nghèo khổ hay giàu sang, vẫn vận dụng được tài hoa thiên phú của mình?

Chúng ta biết là không ai có thể biết rõ được. Con người thiên hình vạn trạng, con người với bao nhiêu uẩn khúc và trăn trở, bao nhiêu đớn đau và hoan lạc, con người khi thì cứng mạnh khi thì yếu đuối, con người rốt cuộc đi vào hư vô. Chỉ tác phẩm mới tồn tại, mới ở lại với đời, và đó là cái đáng xét, cái có thể xét được.

. Người chết đã gần hai ngàn năm, kẻ mới chết vài chục, nghệ nhân đã chết và tác phẩm là những gì còn lại, còn sống với chúng ta. Chỉ những tác phẩm mà thôi.

Tôi có nói ở trên: "tuổi tác có thể thay đổi những định kiến kiên cố nhất". Trước, tôi có thói quen đánh giá người nghệ sĩ ở cái cốt cách, cái ý chí. Nay, tôi chỉ nhìn vào tác phẩm.

Hơn 80 năm trôi qua từ ngày Modigliani lang thang ở Montparnasse phác họa chân dung "mì ăn liền" cho khách du lịch. Những mảnh giấy dùng đi "va-te" (5) có nét vẽ của "Modi" chắc đã tan biến mất tiêu rồi. Không có cách gì tìm lại được, rửa sạch, phơi khô, lồng kính, treo ở viện bảo tàng để khách yêu tranh ngắm nghía. Nhưng biết bao tác phẩm khác của "Modi" vẫn còn đó với chúng ta.

Cái ngang tàng của Modigliani, cái lưng thẳng của ông Đào Uyên Minh là những cái thuộc về giai thoại. Nói là huyền thoại cũng không quá đáng. Ong Balzac buông bút phóng ra cửa sổ chạy thoát thân khi chủ nợ đến đòi tiền thuộc về giai thoại. Ong Vũ Trọng Phụng vừa ho vừa viết "dưới ánh đèn tù mù" thuộc về giai thoại. Ong Picasso đãi khách hậu hĩ, rượu thịt ê hề, nhưng riêng ông thì chỉ ăn cơm trắng với nấm, uống nước suối, ngày nào cũng vào phòng vẽ làm việc từ... 12 giờ khuya đến 5 giờ sáng, ông Picasso ấy cũng thuộc về giai thoại.

Tuy nhiên, tác phẩm của họ lại *không* thuộc về giai thoại. Tác phẩm của họ có thật, bởi chăng chỉ tác phẩm mới chứa đựng trọn vẹn sự sống của người nghệ sĩ. Với tác phẩm, người nghệ sĩ khẳng định sự hiện hữu của mình.

*

Ở đầu bài viết này tôi có nhắc đến họa sĩ tên tuổi C.Y. của *Ecole de Paris*, vì mấy đồng đô-la đã để người khác xóa bỏ màu vàng đất sét của mình bằng cách tô lên đó một mảng nâu sẫm. Tôi đã lợm giọng trong mấy chục năm trời mỗi khi nhớ đến chuyện cũ bởi vì, từ thuở non dại, tôi đã tin rằng người nghệ sĩ phải biết "thủ tiết", kiểu nàng Mị- Ê (8).

Ngày nay, tôi có đổi khác. Tôi không lưu tâm đến ông C.Y. nữa. Ong trọng cái vẽ của ông hay ông trọng tiền bạc, mặc ông. Tôi chỉ nhớ lại tác phẩm của ông, nhớ lại những họa phẩm khác

của ông mà tôi đã được xem.

Thuở xảy ra chuyện đổi màu này, C.Y. đã bước đến tuổi trung niên, một họa sĩ tên tuổi của Pháp quốc, tranh ông được sưu tầm nơi này nơi nọ cả hai bên Đại tây dương và Nhật bản. Tôi may mắn đã không bị tên tuổi của ông làm mờ mắt: Trước kia, nhìn tác phẩm của ông mà thôi, tôi đã ngờ rằng đó chỉ là những tác phẩm tầm thường. Ngày nay, nhớ lại, tôi tin rằng cái "ngờ" ấy có cơ sở. Và tôi nghĩ rằng, vàng đất sét hay nâu sẫm, thật ra, chẳng nhằm nhò gì cả. Biến vàng đất sét thành nâu sẫm giúp bán được bức tranh nhưng bản chất họa phẩm chẳng thay đổi gì. Tầm thường vẫn cứ tầm thường.

Với ý nghĩ đó, tôi đã tìm được cách "làm lành" với ông C.Y. Từ nay, tôi có thể quên ông đi, quên cả tác phẩm ông đi.

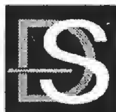
VÕ ĐÌNH
2000

.Chú thích:

(1) Đại lộ Park, trung tâm quận Manhattan, là khu giàu sang nhất thành phố New York. Cách đó chừng 5, 10 phút đi bộ là nơi có nhiều *art galleries* nhất thế giới.
(2) Nói theo lối Huế, "thương khó" không phải là "khó thương". Thương khó là chịu thương chịu khó: nhẫn nại, cần kiệm, nhiều tha thứ và hy sinh.
(3) "Từ 29 đến 40 tuổi, vì nghèo phải ra làm quan, nhưng vì tính tình ông cao khiết, không chịu luồn cúi, nên không nhận được chức nào cao, mà cũng không ở chức nào lâu. Mới đầu (29 tuổi) làm chức tế tửu ở Giang châu, ít lâu xin về cày ruộng. Hồi 35 tuổi lại ra làm một chức quan nhỏ, không lâu, rồi cũng xin về. Lần thứ ba, ông làm chức tham quân, rồi đổi qua làm huyện lệnh ở Bành trạch. Nhân trên quận sai viên đốc bưu đến huyện, nha lại trình với ông nên đeo đai ra đón. Ong than: "Ta có thể nào vì năm đấu gạo (lương huyện lệnh hồi đó) mà phải khom lưng ư?"Rồi trả áo mão cho triều đình, bỏ về lần nữa, viết bài *Qui khứ lai từ.*"
Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch, *Cổ Văn Trung Quốc,* Tao Đàn, Sài gòn, 1966.

(4) Ví dụ tiêu biểu: Peter Paul Rubens, họa sĩ hàng đầu của thời *Baroque*. Sinh năm 1577, ở tuổi 30 tên tuổi ông đã vang lừng Tây Au. Ong thân cận với giới quyền quí đến độ một dạo trở nên sứ thần lưu động giữa các triều đình từng mến mộ ông. Tác phẩm ông được yêu chuộng rộng rãi và đạt được giá rất cao. Những xưởng vẽ của ông, với đông đảo tay nghề phụ giúp, trở thành những cơ sở đại qui mô cho khách đặt hàng. Trong lịch sử nghệ thuật cổ kim hiếm có người lúc sinh thời sống đời cao sang như ông. Năm 40 tuổi, góa vợ, ông tục huyền với một giai nhan tuyệt sắc...16 tuổi! Và bỏ tiền ra tậu cả một lâu đài để "đưa nàng về dinh".

(5) "va-te": người Pháp dùng một từ Anh (?) để chỉ cái cầu tiêu, *water-closet* (viết tắt là W.C.) Họ thường nói chữ đầu thôi, và đọc theo lối Pháp, "vater(re)".
*(6)* *Misérabilisme*: có thể dịch ra là "khốn cùng chủ nghĩa". Những năm 60, một vài họa sĩ ở Sài gòn đã đi theo con đường này.
(7) Nguyễn Minh Quân, *Cách tôi đọc một bài khảo cứu văn học*, Hợp Lưu 53, 6&7/2000, tr. 51.
(8) "Năm Giáp thân (1044) vua Thái tông ngự giá đi đánh Chiêm thành. [...] Thái tông tiến binh đến quốc đô là Phật thệ, vào thành bắt được vương phi là Mị-Ê [...] Khi xe giá về đến sông Lý nhân, Thái tông cho đòi Mị-Ê sang chầu bên thuyền ngự. Mị-Ê giữ tiết không chịu, quấn chiên lăn xuống sông mà tự tử."
Trần Trọng Kim, *Việt nam Sử lược*, Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, Sài gòn, 1971.



**THỤY KHUÊ**

# Nguyễn Bình Phương



Nguyễn Bình Phương sinh ngày 29/12/1965 tại thị xã Thái Nguyên. Trong chiến tranh, gia đình sơ tán về xã Linh Nham, thuộc huyện Đồng Hưng, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 79 mới trở lại thành phố Thái Nguyên.

Học hết phổ thông trung học năm 1985 rồi vào bộ đội. Năm 1989 thi vào trường viết văn Nguyễn Du. Ra trường đi công tác một năm tại đoàn kịch nói Quân Đội. Sau đó làm biên tập viên nhà xuất bản Quân Đội cho đến nay, với cấp bậc đại úy .

Bắt đầu viết văn từ những năm 86-87. Những sáng tác đầu là những tập thơ Khách Của Trần Gian (trường ca, nxb Văn Học, 1986), Xa Thân (1997), Lam Chướng (1992). Có viết một số tiểu luận và truyện ngắn, trong đó có truyện Đi, in trên Văn Nghệ Trẻ (số ra ngày 10 tháng 1 năm 1999) đã gây dư luận khá xôn xao. Sau cùng là một loạt tiểu thuyết: Vào Cõi (nxb Thanh Niên, 1991), Những Đứa Trẻ Chết Già (nxb Văn Học, 1994), Người Đi Vắng (nxb Văn Học, 1999, Trí Nhớ Suy Tàn (nxb Thanh Niên, 2000).

## Khuynh hướng hiện thực huyền ảo trong tiểu thuyết *Những Đứa Trẻ Chết Già*

Trong quan niệm cổ điển, những người viết truyện thần kỳ thường đứng riêng một phía, như Trung Quốc Liễu Trai Chí Dị Bồ Tùng Linh, như Việt Nam Truyền Kỳ Mạn Lục Nguyễn Dữ.

Văn học có khuynh hướng tự phân: Truyện kỳ và truyện thật. Trừ một vài trường hợp đặc biệt, tiểu thuyết không mấy khi rời xa lãnh vực hiện thực và tâm lý. Hiện tượng siêu linh ít khi có mặt, hay nếu có, cũng chỉ vãng lai, tạm trú để chờ đợi một giải thích khoa học, hoặc bị kỳ thị như một ám ảnh bệnh hoạn...

Khi khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa trở thành chỉ đạo trong văn học miền Bắc thì những hình thái truyền kỳ hầu như tuyệt chủng. Mặc nhiên, tâm linh huyễn hoặc chưa bao giờ tách hẳn đời sống hàng ngày của người Việt, và thể hiện linh dị, như một thực tại khác của đời sống, phải chăng là sống lại, là bước một bước nữa gần hơn về phía con người.

*

Dân tộc Maya coi mình phát xuất từ ngô -Maya-mais. Ngô là mẹ đẻ nhà văn Miguel Angel Asturias, Guatemala, Nobel 67. Asturias đã bám rễ vào tổ tiên bên ngoại để xây dựng «hiện thực thần kỳ» hay «hiện thực huyền ảo» của mình bằng ngôn ngữ bên nội: Tiếng Tây Ban Nha, tiếng của người cha conquistador đã chiếm đoạt, cưỡng hiếp, diệt chủng Mẹ Maya, đẻ ra Guatemala-Asturias. Asturias, từ rễ da đỏ, chồi lên cách suy tưởng của người Maya: tại sao thổ dân Maya thấy một tảng đá lớn hóa thành người khổng lồ, hoặc một đám mây biến thành tảng đá? Bởi họ nghĩ bằng hình ảnh. Họ nhìn sự vật -tạm gọi là thực tại thứ nhất- qua một kích thước mộng mơ, rồi những mộng mơ đó tự biến hóa thành hình thể sờ mó được, để tạo ra một thực tại thứ nhì: Thực tại huyền ảo.

Ở một nơi khác, Colombia, Gabriel Garcia Marquez, năm 1967, đã lấy siêu linh như một cốt yếu, giải tỏa nỗi cô đơn hiu quạnh của con người từ lúc sinh đến lúc chết, từ thuở khai thiên lập địa đến ngày tận thế, trong mỗi chu kỳ khép kín 100 năm. Có thể xem đó là vài khuynh hướng hiện thực huyền ảo khá tiêu biểu của văn học Châu Mỹ La Tinh.

Với tiểu thuyết Những Đứa Trẻ Chết Già Nguyễn Bình Phương dường như muốn đưa hiện thực, huyền ảo vào văn học Việt. Đó là một thử nghiệm đáng trân trọng.

Tác phẩm xuất hiện từ năm 1994 nhưng không được chú ý(1). Điều đó cũng dễ hiểu, vì lối viết mới lạ của Nguyễn Bình Phương

---

(1) theo lời nhà văn Nhật Tuấn kể lại trên đài RFI tháng 4/2000.

không dễ ngấm vào công chúng «cổ điển».

Hành trình tiểu thuyết chia làm hai lộ song song: Hiện thực người sống và hiện thực người chết (người đọc liên tưởng đến thằng bé bằng xương bằng thịt và cái bóng của nó, sống chung, trong Asturias). Cả hai có mặt cùng lúc trên vùng sông Linh Nham và núi Rùng, với những địa danh như Làng Phan, Trại Cam, Đầm Đục, Khe Bò Đái, v.v... thuộc địa phận tỉnh Thái Nguyên mà dường như chỉ là hư ảo. Điều thực nhất là thời gian -theo lời tác giả- «thời gian là kẻ sát nhân tàn khốc.»

Làng Phan của Nguyễn Bình Phương, tựa như Macondo của Marquez, tựa như Guatemala của Asturias, có không khí đặc biệt của một vùng đất thần bí, hoang đường. *«Ngày 7 tháng 6, giờ Dậu, dân làng thấy trong đáy ao nhà Trường hấp bốc lên cột khí trắng hình con rắn.*

*Ngày 9 tháng đó, phía tây có đám mây mầu đỏ xuất hiện, hình dáng không khác gì người đàn ông cụt đầu, tay cầm dao quắm.»* (trang 9)

Nhại lối chép sử biên niên, đã thấy trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư: «Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 5, động đất ba lần. *Mồng 10, có mây không mưa, rồng vàng hiện ở góc Đoan Minh. Bầy tôi chúc mừng, duy có nhà sư Pháp Ngữ nói: Rồng bay trên trời, nay lại hiện ra ở dưới là điềm không lành(2).»* Các «sử thần» xưa cũng đã cho nhiều «loại» hiện thực gặp gỡ: hiện thực hiện tượng như động đất, mây, mưa, và hiện thực linh vật hay ảo tưởng như rồng, còn đưa cả điềm vào chính sử. Điều này chứng tỏ Nguyễn Bình Phương không bịa đặt gì thêm, anh chỉ làm công việc chép linh truyện, ngoa truyện, bằng lối viết chính sử đã được thăng hoa qua hình tượng nghệ thuật. Và đó cũng là không khí hiện thực cõi dương trong tác phẩm, trích những đoạn được gọi là chương.

Vẫn bầu trời và mảnh đất Thái Nguyên, còn có một hiện thực khác: «Không khí ảm đạm và lưu cữu. *Hoàng hôn trung du bao giờ cũng rề rà mệt mỏi. Những quả đồi chầm chậm lùi lại, chầm chậm xuất hiện. Đôi chỗ, chè hoang mọc xanh đậm lên tận chóp đồi. Hương chè nhả ra, chát đặc.»* (trang 17)

Đó là hiện thực cõi âm trong những đoạn được gọi là vô thanh. Người âm chừng luôn di chuyển, họ thấy những quả đồi chầm chậm lùi lại..., như thế chết là vẫn tiếp tục sống một đời không có âm thanh, hay âm thanh trong âm cõi, người trần không nghe thấy được.

---

(2) Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, tập I, nxb Khoa Học xã Hội, 1983, trang 279.

Những chương và những vô thanh nối tiếp, xen kẽ, như thể cả hai cõi âm dương đều cùng sống trên mảnh đất Linh Nham này. Khác chăng là người sống có cuộc đời hữu hạn và người chết đã bước vào du trình bất tận. Thời gian có thể tiêu diệt người sống nhưng không thể triệt hạ người chết. Chết chỉ có nghĩa là Đi. *«Sau khi bị chém, Lưu Nhân Chú buồn bã men theo con đường trở về quê.»* (Người Đi Vắng, trang 320) «Động tác» đi này, Nguyễn Bình Phương còn viết, về sau, trong truyện ngắn Đi, cô đọng hiện tượng đi, về (chết đi chết lại) của một người lính đã chết như muốn thể hiện các ngả «vào đời» khác. Dòng Linh Nham cũng như chiếc xe trâu, tải vận các cuộc đi vào vĩnh cửu. Bachelard đã từng viết những dòng tuyệt tác về du trình này trong L'eau et les rêves (Nước và mộng). *«Chết là đi và mỗi cuộc đi là một lần chết» (La mort est un voyage et le voyage est une mort (3)).*

Tất cả mọi dòng sông đều trôi về thủy tận -tous les fleuves rejoignent le Fleuve des morts(4)- Chiếc quan tài không phải là chiếc đò cuối mà chính là chuyến đò đầu bước vào chuyến linh du, vào khởi thủy và nước vừa là tri âm, vừa là đồng hành của cái chết.

Người Việt cũng không khác gì. Chúng ta nói về người thân vừa chết: «Cụ đã đi rồi.» Và Thần Thủy (hay thủy thần) trong chúng ta, luôn luôn là người bạn đồng hành của Thần Chết.

*

Nguyễn Bình Phương biểu dương chuyến đi của người chết bằng chiếc xe trâu, một hình ảnh rất Đông phương, với một gã đánh xe cha truyền con nối, gầm gừ hai tiếng «vắt, diệt», những âm thanh bí mật, có thể là tiếng của rừng núi Thái Nguyên, mà cũng có thể là tiếng người thời trước, tiếng âm người trần không hiểu.

Cõi trần có gia đình Trường hấp. Hàng con, lão Liêm. Hàng cháu, Hải và Loan.

Cõi âm, nhân vật chính được gọi là Ông. *Ông là một tiền kiếp hay hậu kiếp của Hải.* Hai cõi âm dương giao hòa trên vùng đất huyền ảo Linh Nham «toàn ma quỷ với những chuyện lạ lùng» (trang 129), đại loại như «cả làng bị mất tiếng», «cứ về đêm, mọi âm thanh của người và vật đều biến mất. *Những con chó sủa không thành tiếng, chỉ thấy mõm chúng ló ra, ngậm vào như hình ảnh trong giấc mơ.»* (trang 59). Đấy là một hiện thực đáng sợ. Hiện thực chó tru ma. Hiện thực

---

(3) L'eau et les rêves, Bibliothèque Essais, Livre de poche, trang 89.

(4) L'eau et les rêves, Bibliothèque Essais, Livre de poche, trang 89.

người mất tiếng nói. Có thể là huyền ảo, mà cũng có thể là biểu tượng của thực tế Linh Nham, thực tế Âu Lạc xưa và nay.

Còn nhiều hiện tượng kỳ quặc khác nữa:

«Ngày 21, sông Linh Nham cạn sạch. *Ao nhà bà Liêm tự dưng đầy ắp nước, trong ao có con cá trê đỏ to bằng bụng chân, mắt mù, đuôi dài như chiếc khăn phu-la» (trang 90)*

hoặc:

«Bà giáo có chửa và sinh con đầu lòng [...] *Nó là trai. Người ta phát hiện ra rằng con bà giáo có râu. Không những thế, ba bốn ngày sau, tóc nó bạc trắng. Đứa trẻ không khóc, nó dương đôi mắt kèm nhèm nhìn mọi người như phán xét.»* (trang 58)

Tất cả những «điềm» gở này là những cơn mộng chờ diễn giải. Nhìn trực từ con mắt «mê tín» của người dân quê, có nghĩa khác, mà nhìn chéo từ con mắt «tỉnh táo» của một nhà sử học, xã hội học, lại có những ý nghĩa khác. Những quái thai, những khốc liệt, những biến hình đổi dạng trong đời sống... chẳng qua chỉ là thực tại, chiếu dưới những góc độ quan sát khác nhau, mơ mộng khác nhau, ngay cả sự chung sống giữa người sống và người chết. Hiện thực huyền ảo, không phải do những nhà văn như Asturias hay Marquez sáng tạo. Họ chỉ viết lại thực tế của Châu Mỹ La Tinh, nơi mà những người dân da đỏ (theo Asturias, có người đã «ăn giấc ngủ» của mình để hóa thành đất) vẫn ướp xác người thân đã chết, trong vị thế tĩnh tọa, tới ngày lễ, giỗ, con cháu bê các cụ (đã ướp) ra ngồi chơi, xơi nước, ăn cỗ chung với lũ trẻ.

Trong đầu óc người dân quê Việt Nam, cõi âm không sống trực hệ thể xác với cõi dương như thế, mà gián cách trên bàn thờ, trong cây đa, cây đề, trong núi Ông Voi, hang Ông Tạ... Trong thế giới đó, thiên nhiên cất giấu những linh vật, âm vật của trần thế để tạo ra những «điềm» và mỗi dân tộc có một cách «giải điềm» khác nhau. *«Ngọn Rùng đen thẫm in trên nền trời. Khói hương bốc ngùn ngụt. Ngay cả tiếng thầm thào ở gốc si cũng biến mất như kẻ tuân theo một mệnh lệnh nghiêm khắc.»* (trang 59)

Miền Linh Nham, Núi Rùng, có thật hay là một vùng tưởng tượng? Thái Nguyên đầy đủ yếu tố để phát triển thực tại huyền ảo: diễn biến của nhiều thế hệ sống và chết giao nhau trên mảnh đất này. Mọi hành động đều như tuân theo một lời nguyền có từ nhiều đời trước. Những nhân vật còn sống và đã chết, đều ít nhiều là những kẻ ham hố trong cuộc đời. Họ tìm của, tìm vàng, tìm hạnh phúc, tìm tự do, nhưng rồi đều bị cuồng lực của hung hãn, thô tục, bạo tàn, lôi cuốn vào những cuộc chiến thảm khốc, phi lý. Ở đây, không có sự cảm

thông giữa con người, mà là một không khí nghi ngờ, đối đầu triền miên, giữa cha con, chồng vợ. Phũ phàng trong đối thoại, cộc cằn trong đối xử. Sự tàn phũ bao trùm cả cõi âm lẫn cõi dương. Con người mất liên lạc với nhau. Ông nói gà, bà nói vịt. Ở đây, là thế giới chiến tranh không ngừng giữa người và người. Dã man. Bạo hung. Tàn nhẫn. Những miếng đời chặt ra, xương xẩu, vấy máu, không có sự thông thương đồng cảm. Ở một thế giới như thế, loạn luân và tội ác là những tất yếu. Mọi việc đều bí bí, mật mật, đến cả cỗi rễ của gia tộc, cũng trở thành mật bí, làm sao tránh khỏi anh em giết nhau hoặc giao hợp với nhau, mà không biết rõ ai là ai?

*

Vai trò của tưởng tượng, trong một tác phẩm như thế, có thể tung hoành đến vô tận. Bởi tất cả mọi tình huống đều khả thể.

Rút cục, ở bờ bến cuối cùng và cũng là bờ bến khởi đầu, mọi người đều gặp nhau trong cái chết. Chết là khởi hành vào vĩnh cửu. Luận đề của tác phẩm phải chăng là con người chẳng hiểu gì về mình, từ lúc sinh đến lúc chết. Nguyễn Bình Phương viết:

*«Cái chết bao giờ cũng là điều vĩ đại cuối cùng mà con người đạt đến. Bao nhiêu năm nay, con người cứ khao khát thanh thản, khao khát tự do, bình đẳng, khao khát cả nỗi cô đơn tịch mịch nữa? Những điều đó đều nằm trong cơ thể của cái chết.»* (trang 173)

Những bạo tàn, tranh chấp, chiến tranh xẩy ra trên mảnh đất Linh Nham này, thảy đều vô ích, phi lý. Hạnh phúc phải chăng chỉ là con thú lạ. Con linh vật mà người ta không biết và người ta chờ đợi, rình rập, ở đây là con nghê, và khi nó đến, người ta giành giật, cướp đoạt làm sở hữu để mở cửa kho tàng. Khi đã chặt được đầu nghê thì sự chiếm hữu trở thành phi lý: hạnh phúc đã bị tiêu diệt, và con người, chết đi để gặp nhau ở một cõi khác. Lại bắt đầu hành trình sục kiếm và đấu tranh để tìm một bến bờ không có trong cõi âm, chẳng có trong cõi dương. Bởi lẽ: không có bến bờ. Và cuộc đời ngàn năm vẫn chỉ là điều không sao hiểu được.

**Tính chất hiện thực linh ảo âm dương**
**trong tiểu thuyết *Người Đi Vắng***

Tiểu thuyết Người Đi Vắng, tác phẩm thứ nhì của Nguyễn Bình Phương, in năm 1996, bốn năm sau cuốn Những Đứa Trẻ Chết

Già đem lại cho người đọc một kỳ ngạc, kỳ ngộ pha lẫn kỳ vọng, bởi, sau Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, có lẽ đây là tác giả thứ ba trổi dậy trong vòng 15 năm nay, như một giá trị khai phá đích thực.

Với Người Đi Vắng, linh địa tìm kiếm đã rõ hơn: Bình Phương khai triển và phát triển vùng hiện thực linh ảo âm dương của những người đi vắng. Đó là một thế giới bao quát, gồm thiên nhiên, vật giới, hiện tượng và con người, bộ mặt toàn thể vũ trụ hiện diện khi người đi vắng. *Đi vắng, ở đây, có thể là đi xa, thoát kiếp, mà cũng có thể là vẫn sống đấy mà như đã chết: tình trạng hôn mê (coma).*

Người ở đây không còn giá trị độc tôn, luôn luôn nắm quyền sinh tạo, như trong cái nhìn cổ điển. *Người ở đây, chỉ là một phần tử, có tiếng nói, hoặc không có tiếng nói, cũng như, vật giới xung quanh.* Nói khác đi, đối với Nguyễn Bình Phương, lá chuối, cục đất, mặt đất, sấm, chớp, mưa, mây, ban mai, con mọt, con bò, con sâu răng, con rồng, con đom đóm, không khí, sương mù, đôi giầy, cây nhãn, cây tùng, ánh sáng, thai nhi, cái chuông, cái chậu... đều phát ngôn, đều «hành động», tác dụng vào môi trường, có phản ứng như một thực thể tồn tại, không khác gì con người. Tính chất đa giọng, đa âm của tiểu thuyết lộ rõ một cách khá triệt để, trong tác phẩm.

Sự kỳ ảo đến từ các hiện tượng siêu linh, có thể là mê tín, có thể là hoang tưởng, là bệnh hoạn, là mê hoặc, nhưng có thể chỉ đơn thuần là sự sống của những vật giới và linh giới bên cạnh chúng ta mà chúng ta không biết, hoặc không cảm -vì chủ quan, hoặc vì tính tự tôn của loài người- đã loại tất cả những hiện tượng ấy ra ngoài cái vùng được gọi là ánh sáng khoa học, hoặc cũng có thể chỉ vì bất lực không giải thích được.

Nguyễn Bình Phương đã đem «những hiện tượng không giải thích được» ấy vào tiểu thuyết, trình bầy như một quan niệm bao quát hơn về vũ trụ nhân sinh, kết hợp cỏ cây, vật giới, hiện tượng và âm dương. Tất cả đều đi tìm bản thể của mình, như lời cây chuối: «Tại sao ta ở đây? *Tại sao ta là chuối mà không là gì khác?*» (trang 193)

*

Mảnh đất Thái Nguyên, quê hương tác giả, với những đại ngàn âm u, trùng điệp, bí mật, là mảnh đất linh ứng truyền đời, phù động để tác giả dựng nên hành trình về cái chết của mỗi «nhân vật» trong tác phẩm (chữ nhân vật hàm nghĩa: người, vật và hiện tượng). Bởi chính hành trình về cái chết là mục đích tối thượng của vạn vật, cao nhất và đáng nói nhất.

Mảnh đất Thái Nguyên này, từ thế kỷ XII đến ngày nay, đã

chứng kiến bao nhiêu cái chết? Bao nhiêu sự vắng bóng? Bao nhiêu chuyến đi về Đất? Mỗi hành trình ấy đã diễn ra như thế nào? Ai là tác giả? Ai chủ động? Ai chứng kiến? - *Thời gian và Đất.* Đó là hai yếu tố chủ chốt của cái chết và của tác phẩm.

Khai tử khái niệm thời gian để đưa tác phẩm vào vùng đất phi thời gian bằng cách cho thời gian chồng chéo lên nhau, trên mảnh đất Thái Nguyên: Cảnh công chúa Diên Bình đời Lý, nghe lời phụ hoàng, lấy thủ lĩnh phủ Phú Lương, thế kỷ XII; rồi việc Lê Sát chém Lê Nhân Chu ở thế kỷ XV; rồi cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên của Đội Cấn và Lương Lập Nham (tức Ngọc Quyến) đầu thế kỷ XX; rồi cuộc sống ngày nay -kinh tế thị trường, của những gia đình cụ Điển, gia đình ông Khánh... được «hiện diện», được «tồn tại» cùng một lúc. Như thể là ký ức của Đất.

Đất kể lại chuyện mình. Đất Thái Nguyên kể lại chuyện mình. Chuyện những thế hệ đã sống và đã chết ở đây. Và Đất thì không có ý niệm thời gian, hoặc có biết, nhưng đất cứ lờ đi, coi thời gian như một loại ký sinh trùng, chỉ có tác dụng hủy diệt sinh vật, nhưng không hủy diệt được đất, bởi đất không bị chết. Đất là vĩnh cửu.

Sự giao tranh giữa Đất và Thời gian là sức mạnh của tác phẩm. Con người sống trên mặt đất, dày xéo lên nó, nhưng khi hai chân chỉ rời mặt đất vài gang -như trường hợp người treo cổ- là chết ngay (trang 163). Nhận xét tàn nhẫn và chính xác trên đây, giúp con người khiêm nhượng hơn khi nói đến chính mình, đến khả năng «làm chủ muôn loài», khả năng lấp sông, xẻ núi.

*

Vào truyện, Nguyễn Bình Phương cho xuất hiện những nhân vật chủ động đầu tiên: Mưa rào và sấm, và đây là chân dung của «họ»:

«Mưa xuân ắt phải khác mưa rào. *Mưa xuân buồn bã phơ phất lang thang như người mộng du mặc áo xám đi trên đồng vắng bãi thưa. Nhưng đây là mùa hạ, dù thích hay không mưa rào vẫn có mặt ồn ã hào phóng chẳng khác gì một gã trai đẹp mã nhưng hơi ngu độn, nông cạn. Mưa rào lấp lánh ngân nga tiếng chuông. Sấm gừ gừ ở chốn cao xa, uyển chuyển hệt như con mèo thoắt lui về thoắt phóng ra, soãi hai chân trước, móng co cứng lại cào lên tấm vải bạt đã cũ rích nhưng còn khá bền. Mưa rào thực sự là một đám rước.»* (trang 9)

Nguyễn Bình Phương dùng những hình ảnh đặc biệt sống động để tả chuyển động của sấm: uyển chuyển hệt như con mèo,

thoắt lui về, thoắt phóng ra v.v... và nền trời được nhìn như một tấm bạt vải đã cũ rích nhưng còn khá bền.

Một nghệ thuật tạo hình mới vừa xuất hiện: hoạt hóa và linh hóa những thực thể tưởng như không hoạt động, không linh hồn. Cách viết này bao trùm tác phẩm, bất kể vật thể hay trạng thái, đều có thể có một đời tư, một tính cách, một thân phận. Thí dụ: «Tiếng mọt đang rào rào nghiến ngấu [...] *làm ngôi nhà ngứa ran lên» (trang 21), «giữa đống thư có một giọng cất lên nhỏ đều đều và buồn» (trang 110), «cơn đói màu xanh đen lồng lộn trong dạ dày thoát lên cổ, ra khỏi mồm rồi lại tụt xuống» (trang 115).*

«Cương giẫm phải cành khô, nó kêu răng rắc rồi oải ra thành nhiều mảnh vụn» (trang 36), «căn phòng dãn ra, rộng mênh mông nhưng không có tầm nhìn» (trang 43), «cánh hoa héo đang ngả sang màu khoai tây rán rúm ró đau khổ» (trang45), «trong bóng tối, chiếc điện thoại ở cạnh giường tỏa ra ánh lân tinh xanh mờ, nó rung rẩy theo nhịp chuông tựa như con mèo thở» (trang 23).

Và đây là lời tâm sự của dòng sông Linh Nham, mà có thể cũng là một phát ngôn ngạo mạn của thời gian:

«Ta vươn qua lớp lá mục chồng chéo hàng vạn đời. *[...] Thời gian thắng thế chỉ vì biết kiên nhẫn. Ta trong suốt lướt êm ru qua mặt trời qua trăng, trên những đám mây mờ tỏ đôi khi ai đó còn quên lại một bàn cờ màu gụ [...] Ta róc rách miên man, yêu những buổi mai khi ánh sáng chưa kịp tỏa rạng trên vạn vật với làn da xanh trong của cơ thể không hình hài đột nhiên hiển hiện giữa sương sớm mát dịu và thanh khiết. Xa xửa xa xưa có một thằng bé tên là Thắng đã tắm trong ta...»* (trang 48)

Đôi khi lại là giọng đối thoại của một hậu thân nói chuyện với tiền kiếp: «Mày là tao ngày xưa phải không?» (trang 165)

Đôi khi là cả một bức tranh hoành tráng, siêu thực và đầy chất thơ, cảnh những đứa trẻ chăn trâu tha ma, vàng mã, ăn quả cậm cam:

*«Cậm Cam chín vào tháng sáu, những chùm quả nhỏ xíu óng ánh trong sắc xanh nhạt ẩn dưới các mặt lá. Tầm ấy trẻ trâu mò ra, chúng đi theo tốp, mỗi tốp hai ba đứa, sục sạo một cách hờ hững, ngứt những chùm quả ăn ngay tại chỗ rồi nhìn nhau cười đắc chí. Trong im lặng mênh mông của bãi tha ma chiều, tiếng bọn trẻ lúc ngân nga, lúc rời rạc đứt quãng. Những đứa trẻ gầy gò nhưng rắn rỏi bền bỉ, quần áo xộc xệch vá chằng vá đụp, bóng chúng hòa lẫn bóng những lùm Cậm Cam đổ dài trên cỏ được bao phủ bởi màu vàng xộm của nắng. Mỗi đứa trẻ di chuyển đều gây ra một cảm giác kỳ ảo như ở thế giới khác, thế giới chỉ hiện diện sau khi người ta nhìn thật kỹ vào đồ vàng*

*mã. Tiếng rứt quả xoàn xoạt. Một thằng bé đặt chùm Cậm Cam lên lòng tay xòe ngửa giơ trước mặt ngắm nghía với con mắt thỏa mãn. Chùm quả rung lên trên tay nó, những chiếc cuống vươn dài cong xuống vì sức nặng mơ hồ của quả, mỗi quả nhỏ tròn như mắt cá chuối đính vào một chiếc cuống, nhiều chiếc cuống đính vào một chiếc to tạo thành một bản nhạc dập dềnh trôi nổi vượt qua sự kiểm soát của lý trí. Chỉ có vẻ đẹp của kỷ niệm mới cân bằng với vẻ đẹp của trái Cậm Cam. Chiều không đi về chân trời như người ta vẫn tưởng, chiều lăn vào Cậm Cam. Lũ trẻ trâu biết được bí mật đó, với sự tinh quái, chúng xơi tất cả các buổi chiều sau đó trâu đứa nào về nhà đứa ấy, đứa nào ngủ trên giường đứa ấy nhưng giấc mơ thì luôn giống nhau» (trang 172-173)*

Nhiều đoạn văn hiện thực linh hoạt và thơ mộng như đoạn trên đây dàn trải trong tác phẩm. Trước tiên là một hiện thực trần thế. Lũ trẻ chăn trâu, ăn quả cậm cam trong những buổi chiều mùa hạ. Nhà văn đã âm hóa chúng khi gắn bó với thực tại: Chúng xuất hiện ở bãi tha ma, chúng từ một thế giới vàng mã. Quả cậm cam -có những «chiếc cuống vươn dài cong xuống» có «hình tròn như mắt cá chuối»- đã trở thành «nhân vật» có chuyển động, có linh hồn và với «nhiều cuống nhỏ đính vào một cuống to» tạo thành một «bản nhạc dập dềnh», thì cậm cam dẫn ta vào tưởng tượng siêu thực «vượt qua sự kiểm soát của lý trí» để so sánh vẻ đẹp của trái cậm cam với vẻ đẹp của kỷ niệm, một thật, một mộng. Tiếp đó là nhận định «chính xác»: «Chiều không đi về chân trời như người ta vẫn tưởng, chiều lăn vào cậm cam» để đưa đến một nhận xét thần tình: «Lũ trẻ trâu (có thể là ma, ma trâu) biết được bí mật đó, chúng ăn cam tức là chúng đã xơi tất cả các buổi chiều.» Thật ít có một hình ảnh nào đẹp, nên thơ, huyền hoặc, hư ảo mà lại chính xác đến thế.

Đây là một trong những đoạn văn khá tiêu biểu cho tính chất hiện thực linh ảo, âm dương, của tác phẩm. Những đoạn văn như thế lôi cuốn người đọc, phải đọc đi đọc lại nhiều lần để khám phá thêm những hình tượng nghệ thuật ẩn dấu sau mỗi câu, mỗi chữ.

Khi chấp nhận tất cả các hình thái, hữu thể hoặc vô thể, vật chất hoặc tinh thần đều có tiếng nói, trong quan điểm tạo vật hòa đồng của Lão Trang thì vũ trụ sẽ vô cùng linh ảo và tầm nhìn của con người có thể mở rộng mãi ra: Ở đây, các «hiện tượng» thông thường và dị thường họp nhau trong một đại hội quần phi: sấm, chớp, gió, mưa giao thoa với những bí mật phong thủy như sức «đùn» của đất, sức «rút» của đất, vọng ảnh rồng hiện, huyễn tượng «khuấy rối» của người chết trở về, giao hòa cùng những hiện trạng mờ ám trong trí não

bệnh hoạn của con người, tạo nên những vũ điệu phù ảo, dị kỳ, đong đưa giữa hư và thực.

*

Muốn triệt tiêu sức tàn phá của thời gian, nhà văn đã làm «sống lại» tất cả mọi yếu tố: dĩ vãng, hiện tại, tiền kiếp, hậu thân trong một triết lý nhân quả được linh ảo hóa, tạo nên một dàn giao hưởng dị kỳ: Đất có quyền lực như một vị trí phong thủy chiến lược: Sự động thổ, xâm phạm vào dĩ vãng của đất có thể đưa đến những kết quả không thể lường được. Những điềm hay, điềm gở trong đầu óc mê tín của người dân quê -phản khoa học nhất- lại có thể tiên liệu xã hội trong thâm độ khắc bạc nhất về sự tha hóa của con người.

Thật vậy, sườn chính của tiểu thuyết là sự tha hóa của con người. Tha hóa cá nhân: Con người bệnh hoạn. Mỗi nhân vật trong tiểu thuyết đều mang một chứng nan y. Tha hóa gia đình: Bốn đời xông trận tức là bốn đời giết người mà không đem lại một «lợi lộc» gì.

Cá nhân cụ Điển, gia trưởng, bù nhìn, vô học, hí hửng với những ám ảnh nửa võ biền, nửa phù pháp: Ám ảnh rút đất để hạ địch thủ và cũng chết vì ám ảnh đó.

Phép «rút đất» của cụ Điển có thể là bệnh trưng ghê gớm nhất về sự thua đủ, ta-địch, nơi những chủ soái mù chữ, háo thắng. Ở cụ Điển «cầm súng» là một lý tưởng kiêu kỳ: «dân công thì mãn đời cũng chẳng được mó đến một viên đạn chứ đừng nói mó đến súng ngắn» (trang 122)

Ông Điều, con cụ Điển, anh hùng Điện Biên, đã từng «đập vỡ nắp hầm của thằng Đờ Cát để xông vào bắt sống toàn bộ tướng tá Pháp» (trang 122). Nay hầu như bị tê liệt hoàn toàn, đến bọn ruồi nhặng cũng qua mặt được.

Thắng, con ông Điền, cháu cụ Điển, anh hùng Quảng Trị, «đánh nhau vào sống ra chết sẹo đầy người, cuối cùng chẳng dọa được ai» (trang 129). Ngược lại, những xác chết không bao giờ dứt truy lùng Thắng trong những cơn ác mộng. Kỷ mắc chứng nan y tự kỷ ám thị. Yến nghiện mùi cồn, một thứ nha phiến ít tiền và thông dụng, chỉ cần ở gần những thân xác đã hôn mê phải tẩm cồn để che mùi thiu thối.

Sơn, có máu nổi loạn, trong một xã hội không được phép nổi loạn. Sơn là người ngay thực trong một xã hội không ngay thực. Rút cục hành động đáng kể nhất của Sơn trong cuộc đời là ăn cắp dàn compắcđít -có thể chỉ là hành động bất lương thuần túy, có thể là hành động cao đẹp- để giữ lời hứa «cho anh nghe nhạc thả cửa», lại xoay thành hành động giết người và diệt mình.

Hoàn, vợ Thắng, thể hiện trạng thái đam mê cuồng nhiệt, dẫn đến hôn mê (coma), bắc cầu giữa sống và chết: Một hình thái lẩn trốn hiện tại để chạy ngược thời gian tìm về tiền kiếp nhưng không thành công. Và cái chết của con người, dù là người đẹp như Hoàn, cũng bầy nhầy, hôi tanh, nhơ nhớp, không bằng cái chết cao ngạo, khô ráo của cây Tùng.

Ngoài gia đình cụ Điển, không khí chung quanh cũng không khá hơn: Ông Khánh, cha của Hoàn, bị mặc cảm hiện sinh. Sự «buồn nôn» nơi ông Khánh, như một «nhận thức» không tiêu hóa được về những khốn nạn của cuộc đời, đã khiến ông muốn đoạn tuyệt với con người để sống cùng cây cỏ.

Hà và Chung là những kẻ mắc bệnh mặc cảm. Hà bị mặc cảm nhà quê. Chung -có hình tích công an mật vụ- mang mặc cảm bị thiến. Mặc cảm bị thiến được tác giả triệt để nhấn mạnh trong tác phẩm, từ trang đầu, qua nhiều màn ngoạn mục.

Cụ Điển khoe đã tát Bụt, thiến Bụt (trang 28). Tính chất bị thiến đe dọa con người từ thuở còn thơ: «Thằng bé rùng mình, đột nhiên nó cảm thấy cô đơn sợ hãi. *Nếu như ông thiến lợn đến bây giờ thì sao? Mắt nhắm chặt, thằng bé cố kìm nỗi sợ bằng cách đặt ra câu hỏi ai là người đẻ ra những ông thiến lợn?*» (trang 10)

Ai là người đẻ ra những ông thiến lợn? Một câu hỏi ngây thơ của con trẻ, nhưng có thể là một câu hỏi đa nghĩa, hướng về những tác giả có trách vụ làm què quặt, thui chột, đui điếc, bất lực hóa con người.

«Ai thiến đê *...ê ...ê ...ê*

*Từ phía đối diện với cơn mưa tiếng rao cất lên khàn khàn ủ ê. Tim thằng bé nhói đau, chân tay bủn rủn, dái nó co lại, quắt đi, cố gắng lẩn vào giữa bụng để được an toàn.*» (trang 41).

Những «kẻ thiến lợn» có khả năng biến thiên, chúng không diện mạo, không cha, không mẹ, chúng thường ẩn dấu sau bức màn mưa, chúng hù dọa, đàn áp, chúng đeo đuổi con người từ lúc sinh đến lúc diệt. Chúng là một thực thể vô hình. Một sức mạnh tự kỷ ám thị. Một sự tự thiến. Tự hủy.

*

Tất cả mọi thành viên trong gia đình đều cô đơn, lạc lõng, mất liên lạc với nhau và mất liên lạc với cuộc sống. Xã hội xung quanh cũng không hơn. Đó là một tập hợp của những khối cô đơn bên cạnh nhau, mỗi người đều mang cây thập tự của riêng mình trên hành trình

về cõi chết. Những thế hệ trước cũng không khá gì. Lương Ngọc Quyến và Đội Cấn là hai mẫu cô đơn anh hùng. Tính chất anh hùng ở đây, được xác định như một khả năng hủy diệt và tự diệt: Khi bị Pháp vây khốn, Ngọc Quyến tức Lập Nham yêu cầu Đội Cấn bắn vào bụng mình. Và đến phiên Đội Cấn bị nguy, hạ lệnh cho Ba Nho không được, đành tự sát. Đội Cấn chết với ảo ảnh cuối cùng vọng về người yêu. Hành trình về cái chết của người anh hùng và người không anh hùng chỉ khác nhau ở một điểm: Người anh hùng có khả năng tiêu thụ sinh mạng của nhiều người và của chính hắn. Người không anh hùng, cố bám chặt cái phao hy vọng, vào sự sống, dù khi thể xác và tinh thần đã thối rữa, đã trống rỗng từ lâu. Anh hùng sống vận tốc nhanh, nhiều lần nhúng tay vào tội ác nhưng lại tránh khỏi tình trạng tha hóa tiệm tiến và được tiếng anh hùng.

*

Ở những cuộc đời bình thường, sự tha hóa tiệm tiến đến từ nhiều phía: Điên loạn. Tự Thiến. Tự kỷ ám thị. Bản thân là tập hợp nhiều yếu tố thiện ác, tích tụ từ nhiều đời, nhiều cõi. Bản thân là nhân quả của những tiền kiếp. Sự điên loạn cũng có thể đến từ chỗ con người không nhận thức được tầm quan trọng của những tồn tại khác xung quanh mình và chính những tồn tại ngoại lai ấy, như thiên nhiên, cây cỏ, như linh hồn, đã tác động con người trong hành vi tự hủy. Nhưng lại có lẽ cũng không hẳn thế. Vì ông Khánh là nhân vật duy nhất biết sống với cây cỏ, ở một khía cạnh nào đó, ông đã chấp nhận cây tùng như một người tình, một thành tố của cuộc sống. Sự giao hoan giữa ông Khánh và Cây Tùng khiến ông được sống những phút giây huyễn ảo, nhưng đồng thời cũng lại đưa ông vào bến bờ mê dại.

Dường như mọi con đường kết hợp giữa người và người, người và vật đều vô nghĩa. Bởi con người không thể kết hợp được với ai, dù «ai» đó là ai chăng nữa, cơn mưa hay ngọn cỏ, cây tùng hay cây bách. Con người bị kết án ngàn đời là khối cô đơn khổng lồ, sinh ra và chết đi, vĩnh viễn, cô lập.

**Những yếu tố của tiểu thuyết mới trong tác phẩm *Trí Nhớ Suy Tàn***

Trí Nhớ Suy Tàn, cuốn tiểu thuyết thứ ba của Nguyễn Bình Phương, do nhà xuất bản Thanh Niên phát hành tại Hà Nội tháng 2

năm 2000, hoàn toàn khác hai cuốn trước.

Với Trí Nhớ Suy Tàn, Nguyễn Bình Phương xác định vị trí tìm tòi của mình, trong dòng viết thường được gọi là Tiểu thuyết mới, Le nouveau roman. Trước khi phân tích tác phẩm của Nguyễn Bình Phương, chúng ta thử trở lại vấn đề tiểu thuyết mới. Thế nào là tiểu thuyết mới, và tiểu thuyết mới khác với tiểu thuyết cũ hay tiểu thuyết cổ điển như thế nào?

Để tìm một định nghĩa cho tiểu thuyết mới, Alain Robbe Grillet, một trong những người chủ xướng phong trào này, đã đưa ra một lối nhìn phủ định: Theo ông, tiểu thuyết mới không phải là một lý thuyết với những quy luật riêng mà chỉ là một sự tìm kiếm. *Mỗi tác phẩm là một sự tìm kiếm.* Bởi lẽ đơn giản là những người viết tiểu thuyết hôm nay, không biết rõ một cuốn tiểu thuyết thực sự nó phải như thế nào?

Nhưng điều rõ ràng nhất là người sáng tạo ngày nay, không còn như thời Balzac nữa. Tiểu thuyết Balzac miêu tả thế giới như thể người kể chuyện thấu hiểu tất cả mọi việc, mọi lẽ; tác giả có mặt ở khắp nơi, cùng một lúc. Tác giả giải thích được tất cả những gì đã xẩy ra trong quá khứ, hiện tại, tương lai. Một người như thế chỉ có thể là Thượng Đế. Tiểu thuyết gia ngày nay từ chối vai trò Thượng Đế, hắn chỉ dám đứng ở địa vị con người, một người chủ quan, với tầm nhìn, với cảm giác và với óc tưởng tượng của chính mình để trình bầy sự việc.

Nói như vậy không có nghĩa là tiểu thuyết mới không có những dự kiến chủ đạo. Mà ngược lại, những người viết theo dòng nhận thức này, có đặt lại một số vấn đề cơ bản.

Ngoài việc từ chối vai trò Thượng Đế, như một quan điểm ưu tiên; điểm thứ nhì, những người viết tiểu thuyết mới phủ nhận vai trò độc tôn của con người. Đối với họ, tương quan người-vật không còn là mối tương quan cũ: Con người ngày nay từ bỏ vị thế độc tôn trên vạn vật. Lối nhìn này trùng hợp với quan niệm tạo vật huyền đồng của Lão Trang. Nói khác đi, người cũng chỉ là một thực thể có vị trí tương đương như vạn vật. Người ta thấy thế giới đồ vật của Alain Robbe Grillet, của Francis Ponge; nhất là Francis Ponge đã đứng hẳn về phía sự vật như hòn sỏi, con ốc, để quan sát và mô tả con người.

Điểm thứ ba: Tiểu thuyết mới đặt lại vấn đề hiện thực.

Nhà văn nào cũng mơ tưởng đến một hiện thực đúng nhất, sát nhất, kề cận nhất với thực tế và sự thật. Đối với tiểu thuyết mới, cái hiện thực đáng chú ý chính là cái hiện thực nằm trong trí nhớ, trong trí tưởng tượng của nhà văn, chứ không phải là hiện thực chụp ảnh, cóp-

pi lại sự vật như trong tả thực cổ điển. Ví dụ nếu con chim là một đối tượng thì người viết tiểu thuyết mới sẽ không tìm cách tả cho nó y hệt giống, mà phải tạo ra một con chim mới với óc tưởng tượng, cảm giác và ghi nhận của chính mình. Con chim này có thể hoàn toàn sai lệch với con chim trong thực tế. Nhưng chính độ lệch đó là đáng kể.

Điểm thứ tư, về mặt «nội tâm». Nathalie Sarraute phản bác dạng thức phân tích tâm lý kiểu Dostoievski: Những khám phá phân tâm của Freud đưa ra nhiều «tầng» tâm lý và phần nào chứng minh rằng cái tầng mà chúng ta gọi là tâm lý hay «nội tâm» của nhân vật, thật ra chỉ là một cái thùng không đáy. Đúng hơn, nội tâm là một sự im lặng. Im lặng hoàn toàn.

Điểm sau cùng cũng là điểm khá quan trọng, phát xuất từ triết học hiện sinh. Đó là sự tồn tại. Tiểu thuyết mới chú trọng đến sự tồn tại và chỉ có sự tồn tại mới là đáng kể. Thân phận con người, theo Heidegger, là đang ở đấy. Tóm lại, người, vật, hiện diện lù lù ra đấy. Không cần giải thích vì không thể giải thích mà chỉ có thể quan sát. Từ đó phát hiện quan điểm «cái nhìn» (regard). *Tiểu thuyết mới còn gọi là Trường Phái Cái Nhìn (Ecole du regard).* Khi chấp nhận một quan điểm như thế thì những khái niệm về nhân vật có tên tuổi, có lý lịch, câu truyện có tình tiết, kết cấu v.v... không còn giá trị nữa. Và chỗ mà tiểu thuyết hiện thực cổ điển dựa vào như sự độc đáo của tính người, hay tính anh hùng v.v... trở thành phi lý, bởi thực chất không ai có thể làm kiểu mẫu cho một loại người lý tưởng nào đó trong xã hội mà mỗi người là một trường hợp riêng. *Nhân vật được xác định bằng sự hiện diện, bằng tồn tại của nó với những hành vi, những ứng xử trước mọi hoàn cảnh.* Không phải cái tên hay tâm lý xác định con người mà chính những hành vi, ứng xử xác định con người.

Thật ra, tiến trình «hiện đại hóa» tiểu thuyết bắt nguồn từ một vài khuôn mặt lớn:

Joyce trong Ulysse, tìm cách chiếu sáng một ngày (ngày 16 tháng 6 năm 1904) trong đời sống một số nhân vật, dưới nhiều ống kính đặt trong những vị trí hoàn toàn khác nhau, với những cách viết (thể loại văn học) khác nhau, trong một ngôn ngữ giầu chất sáng tạo, khởi phát một «hiện sinh» đa diện chưa từng thấy trong văn học và báo hiệu một nền văn học điện ảnh -điện ảnh văn học- sẽ xuất hiện trên toàn cầu.

Kafka tạo tiểu thuyết tình huống (situation) mà K, vai chính, phải đối phó với hoàn cảnh trong một sa mù tuyệt vọng. K hay Kafka trực diện tình huống phi lý, tiên đoán tình huống «KGB», tình huống bị theo dõi, rình rập của con người trong thế kỷ XX.

Với Marcel Proust, người ta khám phá ra rằng thời gian và ký ức mới là tác nhân chính trong tiểu thuyết. Sự khám phá kho tàng quá khứ ẩn dấu trong thời gian là một trong những rường mối cơ sở cho tiểu thuyết hiện đại. Với Proust, cái tôi Thượng Đế không còn là tác giả mà chính ký ức mới thực sự là tác giả của tiểu thuyết. *Tiểu thuyết mới đi xa hơn đến chỗ đối cực, phản đề, phản tiểu thuyết (anti-roman), đưa ra cấu trúc phi thời gian và sự lãng quên của hồi ức.*

Phim L'année dernière à Marienbad (Năm ngoái ở Marienbad) của Alain Robbe Grillet và Alain Resnais là một ví dụ. Đó là câu chuyện của hai người tình. Họ nhớ là họ đã gặp nhau và yêu nhau ở Marienbad, năm ngoái. Nhưng năm ngoái là năm nào? Có thực họ đã gặp nhau ở Marienbad hay không? Hay chỉ là ảo tưởng của trí nhớ? Sự nhập nhằng của ký ức tạo ra một không gian phi thời gian. Bồng bềnh, hư hư, thực thực...

*

Với tựa đề Trí Nhớ Suy Tàn dường như Nguyễn Bình Phương muốn xướng lên hai yếu tố: Trí nhớ và sự suy tàn của trí nhớ, như hai thành tố cấu tạo nên cuốn tiểu thuyết mới nhất của anh. Đây là một cuốn tiểu thuyết ngắn. Đúng hơn là một tạp ghi của trí nhớ, viết vội, kẻo sợ chóng tàn. Đây là một chuỗi hồi ức của một người con gái không biết tên là gì, ghi lại những ấn tượng chao đảo giữa hai người tình. Người con gái ấy tự họa bằng bút pháp tự động:

«Chẳng mấy tháng nữa sẽ tròn hai mươi sáu tuổi.

Mang trong mình sự phức tạp của phố phường, đôi lúc không tránh khỏi những giờ phút mơ mộng hão huyền từ thời sinh viên để lại. Nói nhanh, âm trong veo, không chịu rè đi ngay cả lúc đã mệt mỏi, chán nản. Giọng ấy tự nó ngân nga vang vọng, xoáy vào tình cảm cho dù ngôn ngữ cứ sắc lạnh. Mắt thông minh, cong với làn da mỏng và chiếc mũi hếch ngộ nghĩnh, tinh quái. Cái ấy mẹ cha chẳng can thiệp, nó là của trời. Giọng nói của trời, làn da của trời, con mắt của trời. Vào thời điểm bất chợt nào đó, đem những thứ của trời ấy dâng cho người mình yêu, như một sự bày tỏ, một đền đáp, một ân huệ vụng trộm.»

Đó là những dòng mở đầu tiểu thuyết.

Những mệnh đề hầu hết không có chủ từ nối tiếp nhau, như ở trên không võng xuống. Dưới hình thức cổ điển, người ta sẽ viết: «Tôi sinh ra trong một thành phố, cách đây 26 năm ...»

Nhưng Bình Phương chọn lối phát biểu mới: Nói trống, biểu lộ tính chất «không tiêu biểu», «không xác định» của nhân vật. Có thể là tiếng nói của «ai đó», một cựu sinh viên, không nhất thiết là

của một cô Lan, cô Huệ nào. Nhưng khi «căn cước» của người nói nhòa đi, thì cái điều mà người ấy muốn nói, muốn bầy tỏ; đúng hơn, cái ký ức mờ ảo, suy tàn của người ấy lại lộ rõ ra, muôn phần hơn, với tất cả tính cách độc đáo, nên thơ và huyền ảo của nó. Nguyên chất, ký ức đã mơ hồ, đã gần gũi với thơ, vì nó đã bị màn sương thời gian bao phủ, nhưng khi ký ức ấy được ghi lại bằng những câu vô chủ, (không có chủ từ) thì sự mông lung lại thêm bội phần.

Người ta có thể đọc tập ký ức này như một bài thơ dài, bị «tiếng nói nhanh, âm trong veo» kia kéo đi hết trang này đến trang khác, hết ngõ ngách này đến ngõ ngách khác của Hà Thành. Lạc trong những mê lộ của đường phố, rơi vào những khúc mắc của tình yêu, của ảo tưởng. Cái âm trong veo ấy, lúc thì vọng lên như từ một con đường, lúc thì vọng lên tự đáy tâm hồn, một tâm hồn xưng em ngọt ngào, với người yêu, với người đọc.

Cái âm trong veo ấy dẫn chúng ta xuyên qua Hà Nội băm sáu phố phường với những thực tại văn hóa đã được lập lại trăm, ngàn lần trong sách vở. Nhưng lần này, lạ hẳn:

«Những người đàn bà ăn mặc quê mùa chân chất, áo phin hoa, quần đen, gánh hàng rong đi qua cây điệp, bóng họ đổ xuống hè còn hình hài in trong cửa kính lẫn với xe máy, đài, tủ lạnh, phích điện. *Tuồng như những người đàn bà đó từ quá khứ trở về, lại tuồng như họ chỉ tình cờ đi ngang qua trong vẻ uể oải mãn tính. Điểm dừng chân của người bán hàng rong là một bí mật sâu kín.*

Cốm, chè lam, khoai luộc, bánh dầy giò trôi nổi luồn lách khắp Hà Thành như những chiếc lá khô trong cơn nước lũ. Mà không hiểu sao dạo này đài, báo lại hay ra rả nhắc đến lũ, làm lòng người bị lung lạc phấp phỏng.

Ăn một que kem ở cửa hàng cách cây điệp vài chục mét. Ăn chậm, nhẩn nha, chỉ cốt có chỗ ngồi ngắm kỹ lại cái màu vàng làm mình chao đảo.

*Hoa điệp nở thành nhịp điệu phức tạp lắt léo, gợn sóng ở tầng dưới, lộn xộn rời rã ở tầng trên. Màu vàng chạy chéo nhau đan cài dập dềnh với mối liên kết ma quái nhưng thi thoảng vẫn có những cụm hoa riêng lẻ tự do trôi dạt như những giờ phút lang thang chán đời. Cả cây hoa là một chiếc áo vàng chập chờn lay động. Và sực nhớ tới người đàn bà kỳ dị trong mơ.»* (trang 95-96)

Trí nhớ và cái nhìn ở đây là tác nhân của tiểu thuyết. Không logic, không biện luận, không mô tả theo nghĩa thông thường. Người viết truyện chỉ là thư ký, ghi lại những gì trí nhớ cô gái xướng lên, trong trạng thái nguyên thủy, mỗi liên tưởng có thể gần gũi mà cũng

có thể nhẩy cóc từ vấn đề này sang vấn đề khác. Trong thể loại cổ điển người ta gọi đó là tùy bút. Nhưng ở đây có cái gì rất khác, rất xa tùy bút. Đó là sự vắng mặt của cái tôi xác định. Ở tùy bút, cái tôi xác định của nhà văn luôn luôn hiện diện như một Thượng đế nhỏ, thay cho Thượng đế toàn năng, nơi tiểu thuyết cổ điển.

Ở đây không còn cái tôi xác định nữa, chỉ còn tiếng nói mờ ảo của ký ức, đang nhòe đi, đứt quãng, khi nhớ, khi quên, khi chắc, khi không chắc, lúc đoán, lúc tưởng.

Trí nhớ ấy rọi vào đời sống hàng ngày của Hà Nội, chiếu lên những khuôn mặt của hai người tình có tên Vũ, Tuấn, của những giao hữu thân sơ như cô bạn gái có tên «chủ hiệu cầm đồ», ông họ Trịnh với biệt danh «hai mươi bẩy vết thương» hay bà già độc thân hàng xóm, hoặc những người như Hoài, Huyền, Quẩy... Đó là những chân dung được ký ức ghi lại, khi tỏ, khi mờ, tất cả tạo nên một không gian Hà Nội của trí nhớ, phi thời gian, vừa thơ mộng, vừa hiện thực.

Cái hiện thực trong tác phẩm Trí Nhớ Suy Tàn của Nguyễn Bình Phương là một hiện thực hiện sinh trong trí tưởng tượng của nhà văn, nó đã khác xa với hiện thực chụp ảnh thời Balzac, được độc tôn và biến cải thành hiện thực tô hồng thời xã hội chủ nghĩa. Hiện thực hiện sinh trong trí nhớ nhà văn vừa huyền ảo vừa đa nghĩa, có thể đã xuất hiện từ xưa cùng một lúc với thi ca, nhưng trong khoảng thời gian dài -ít nhất là từ đầu thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX- đã bị hai phong trào hiện thực Balzac, rồi hiện thực xã hội chủ nghĩa lấn át. Sự trở lại của hiện thực hiện sinh trong trí nhớ nhà văn đã nuôi dưỡng những trào lưu tiểu thuyết nổi tiếng của thế kỷ XX như hiện thực huyền ảo Châu Mỹ La Tinh, như phong trào tiểu thuyết mới....

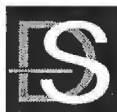
Và ngày nay nếu một nhà văn trẻ Việt Nam như Nguyễn Bình Phương, tìm kiếm những con đường này, vẫn còn chưa trễ, vẫn còn chưa muộn.

*

Tự nhận là khách của trần gian, Nguyễn Bình Phương đã đưa ra những suy ngẫm sâu sắc về chiến tranh, về thực chất của anh hùng, về những tha hóa truyền kiếp của phận người.

Một khách trần gian đang đi qua trong đời sống, mỗi bước đi của anh không chỉ dẫn tới tương lai mà còn có khả năng quay về dĩ vãng, phục vị những sáng tạo tiềm ẩn đang chôn sâu trong lòng đất.

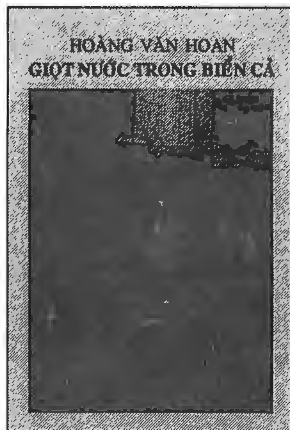
THỤY KHUE
*Tháng 6/2000*



**HOÀNG KHOA KHÔI**

# Đọc và bình luận Giọt nước trong biển cả của Hoàng Văn Hoan

( Tiếp theo kỳ trước -kỳ 2)




**Đảng Việt Minh đầu tiên thành lập năm 1936.**

Từ Nam Kinh đến Côn Minh, rồi từ Côn Minh qua Long Châu, Liễu Châu, Tịnh Tây v..v..đến Pắc Bó. HVH giữ một vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo đảng CSVN. Bất cứ chỗ nào đã qua, ông đều để lại dấu ấn của một chiến lược gia và một người tổ chức có bản lĩnh. **Năm 1936, ông là một trong ba người thành lập tổ chức Việt Minh đầu tiên: Việt Nam Độc Lập Đồng Minh hội, tiền thân của Việt Minh năm 1941.**

Năm 1939, HVH cùng với Phùng Chí Kiên, Vũ Anh (Trịnh Công Hải) tổ chức " Ban Hải ngoại của đảng, để lãnh đạo mọi mặt công tác của đảng tại Trung Quốc" (tr.128), HVH trở thành bí thư cuả ban này ít lâu sau đó. Năm 1941, ông được chỉ định vào ban lãnh đạo Việt Minh

Theo HVH, chính Hồ Học Lãm, đã có ý định đầu tiên thành

lập một tổ chức cách mạng hợp pháp. HVH và Hải[16], đồng chí cũ đã cùng học ở Quảng Châu với HVH, thực hiện việc này. Hải thảo điều lệ bằng tiếng Việt, nội dung như điều lệ của hội Phản đế đồng minh, Hoan dịch sang tiếng TQ.(tr103)

Cuộc hội nghị tuyên bố thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng minh hội, gọi tắt là Việt Minh được tổ chức tại phòng họp của Đảng bộ khu phố của Quốc Dân đảng TQ (Trung Hoa QDĐ). Tham dự hội nghị về phía người Việt có Nguyễn Hải Thần, Hồ Học Lãm và anh em khác khoảng hai mươi người, phía người TQ có hai đại biểu của trung ương Quốc Dân đảng TQ. **Cách tổ chức giản đơn như vậy, mục đích là hợp pháp hoá hoạt động chính trị yêu nước của Việt kiều dưới mắt nhà cầm quyền TQ ngõ hầu được họ giúp đỡ và hỗ trợ.** Đây là ý kiến của Hồ Học Lãm.

Hồ Học Lãm là ai ?Theo HVH, Hồ Học Lãm rất được mọi người quý mến và kính nể. Sống sót sau khi phong trào Đông Du thất bại, từ Nhật sang TQ, Hồ Học Lãm vào làm việc ở Bộ Tham Mưu cuả quân đội Tưởng Giới Thạch tại Nam Kinh với cấp bậc Trung tá. Là người quốc gia yêu nước, không vào đảng cộng sản nhưng luôn luôn giúp đỡ, hỗ trợ đảng và các đảng viên cộng sản Việt Nam. Ông đảm bảo cho họ chuyện ăn ở. Trong nhà ông lúc nào cũng có nhiều người cộng sản đến trú ẩn. Ông còn giúp họ bí mật tổ chức cả lớp dạy chủ nghĩa mác xít và lý thuyết về các giai đoạn cách mạng Việt Nam. Về mặt lý tưởng, ông thiên về người quốc gia của Việt Cách và Việt Quốc, nhưng về mặt thực hành ông luôn luôn giúp người cộng sản, vì thế có khi gây hại cho người quốc gia. Là sĩ quan của quân đội Tưởng, ông hay đứng ra bảo lãnh cho người cộng sản mỗi khi họ gặp rắc rối trong mối quan hệ khó khăn giữa họ và nhà cầm quyền TQ. Năm 1936, chính nhờ ông đỡ đầu, việc đăng ký và thành lập đảng Việt Minh mới thực hiện được. Báo chí Quốc Dân đảng nói đến đảng Việt Minh này với nhiều thiện cảm. Nhờ có cơ sở hợp pháp, người cộng sản đã rút tiả được nhiều thành quả tốt. Và để

*" biểu thị sự hoạt động tích cực của Việt Minh, Hồ Học Lãm tự bỏ tiền, ra một tờ tạp chí nhỏ bằng chữ TQ lấy tên là Việt Thanh, số lượng phát hành chỉ độ một trăm cuốn, cốt để gửi cho các cơ quan Quốc Dân Đảng TQ ở Nam Kinh, cũng có gửi cho Việt kiều ở Quảng Châu và Côn Minh độ vài chục cuốn" (tr.105).*

Chính vào lúc HVH và các đồng chí đang vận động thành lập Việt Minh thì Tưởng Giới Thạch thi hành chính sách chống cộng ác liệt (tr.108). Việt Minh bị tố cáo, mọi hoạt động của phong trào cộng sản bị ngừng chỉ. Tờ báo Việt Thanh cũng đình bản.

Bốn năm sau, vào cuối năm 1940, tình hình hoàn toàn thay đổi do sự hợp tác giữa Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch trước sự xâm lăng của Nhật Bản đối với TQ.:Việt Minh lại xuất hiện.

....Sau khi Phạm Văn Đồng tiếp xúc với một vài nhà văn TQ, Trung Việt văn hoá công tác đồng chí hội được chính thức ra đời, để thắt chặt tình bạn giữa hai dân tộc. Trong ban Lý sự hội Trung Việt này có 2 ủy viên Việt là Hồ Học Lãm với tư cách chủ nhiệm Biện Sự xứ Việt Minh tại hải ngoại và Phạm Văn Đồng, (dưới bí danh Lâm Bá Kiệt) phó chủ nhiệm Biện Sự xứ.

Dĩ nhiên mối tình "thân hữu giữa hai dân tộc" này chỉ là hình thức. Thật sự đôi bên đều rình rập, nghi ngờ nhau. Phía TQ sợ rằng nếu tổ chức này bị cộng sản lũng đoạn, thì việc biến nó thành một cơ quan chính trị thuận lợi cho kế hoạch Hoa quân nhập Việt của TQ sẽ bị cản trở . Phía cộng sản Việt Nam thì e ngại TQ sẽ nắm lấy một tổ chức hoạt động chính trị hợp pháp cuả Việt Minh.

Phong trào Việt Minh từ 1936 đến 1940 (ngược lại với Việt Minh của năm 1941) tuyệt đối không thể trở thành cơ quan chính trị có quyền lực do sự có mặt cuả các lực lượng quốc gia trong ban lãnh đạo. Người cộng sản Việt Nam trên nguyên tắc không bao giờ muốn chia xẻ quyền lực với người khác.

**Sách lược hoá giải từ bên trong.**

Giữa năm 1940, quân Đức xâm lăng Paris (ngày 20 tháng 6 năm 1940) . Hồ Chí Minh triệu tập các đồng chí và quyết định sửa soạn chuyển hướng hoạt động về trong nước. Trong khi chờ đợi, tất cả sẽ di chuyển dần về các tỉnh biên giới thuộc vùng Quảng Tây. Sở dĩ Quảng Tây được chọn là vì nơi đây quân đội cộng sản Trung Quốc khá đông đảo và vững mạnh trong khi vùng Vân Nam điều kiện không tốt bằng.

" Quyết định xong, bác đi Trùng Khánh gặp Trung Ương đảng Cộng sản TQ để trao đổi ý kiến "(tr.130)

Trên đường về Pắc Bó, HVH dừng chân ở Tịnh Tây, thành phố biên giới TQ đối diện với Cao Bằng Việt Nam. Ông được thư của Hồ Học Lãm báo tin rằng tại Tịnh Tây, Trương Bội Công với sự giúp đỡ của quân Tưởng, đang chuẩn bị tập hợp người Việt để dọn đường cho quân TQ kéo vào Việt Nam. Trương Bội Công có đề nghị Hồ Học Lãm cộng tác, nhưng Lãm từ chối và báo cáo cho các lãnh tụ Việt Minh. Hay tin này, Hồ Chí Minh lập tức phái Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh và Cao Hồng Lãnh đi Tịnh Tây, nơi có Phạm Văn Đồng đang chờ. Mục

đích nhằm đón bốn mươi người Việt vừa mới sang và để "triệt tiêu/ hoá giải lực lượng" Trương Bội Công bằng cách buộc Công phải đàm phán với Biện Sự xứ Việt Minh tại hải ngoại. HVH viết :

*"Nhưng chúng ta về Tịnh Tây không phải để bàn bạc công việc với Trương Bội Công, mà để tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng ở ngoài nước, tổ chức cách mạng ở trong nước " (tr.151)*

Phiá cộng sản đề nghị Trương Bội Công đổi tên tổ chức cuả Công là Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên hội thành Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh hội, với lý do là phải có quần chúng Việt Nam ở trong nước tham gia mới gọi là giải phóng Việt Nam. (Biện Sự xứ Việt Minh tại hải ngoại là đại biểu của quần chúng !) Đề nghị này được Quốc Dân Đảng TQ đồng ý, Trương Bội Công đành phải "cúi đầu làm ".(tr.152)

Đúng ngày Đại hội thành lập Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh hội , các đại biểu Việt Minh, hầu hết là cộng sản, từ khắp nơi kéo về, trong nước cũng như ngoài nước (Tịnh Tây, Long Châu).

*"đều được theo nhu cầu lúc đó mà "phân vai" ...Đặc biệt có một người lấy tên Hà Đức Phương đại biểu cho lãnh tụ Việt Minh là Hoàng Quốc Tuấn vì sức khoẻ và đường sá khó khăn quá không thể đến được. Hoàng Quốc Tuấn là cái tên chúng ta bịa ra ."..*

Hoàng Quốc Tuấn, cũng như Việt Minh trong nước, lúc đó không hề có thật.

Đại hội diễn ra với sự có mặt :

- phía cộng sản Việt Nam : khoảng hai mươi đại biểu Việt Minh

- phía Trung Quốc : năm sáu người của Trương Bội Công, vài đại biểu Việt Quốc, đại biểu nhà cầm quyền vùng Tịnh Tây cùng các đại biểu của Trương Phát Khuê, Dương Kế Vinh và Lý Tế Thâm[17].

Hội nghị chỉ định một Ban chấp hành Trung ương, Nguyễn Hải Thần được bầu làm chủ tịch. Đa số các chức vụ quan trọng đều ở trong tay người cộng sản[18]. Không có một người Hoa nào trong ban Chấp hành. Thế là Việt Minh đã thành công vì

" Bác đã nói dứt khoát đã là cách mạng Việt Nam thì không thể do Hoa kiều lãnh đạo "(tr.154)

Kết quả hội nghị này, dĩ nhiên không theo đúng ý nguyện của nhà cầm quyền TQ, dù đại biểu Lý Tế Thâm cuả họ đã gửi bức trướng mừng có bốn câu thơ như sau :

| | |
|---|---|
| *Trung - Việt dân tộc* | *hai dân tộc TQ - VN* |
| *Thuần xỉ quan thiết* | *gần gũi như môi với răng* |
| *Tiền sỉ đồ tồn* | *để rửa nhục cùng tự vệ* |

*Duy thiết duy huyết chỉ có sắt với máu*

Theo HVH : " Mục đích ta tham gia tổ chức Hội giải phóng này cốt để hợp pháp hoá những hoạt động của ta ở ngoài, và cũng để tranh thủ sự viện trợ ở ngoài về vật chất cũng như tinh thần "(tr.155).

Thật vậy, trong lúc chuẩn bị Hội nghị, người TQ bằng lòng giúp huấn luyện một số cán bộ quân sự (sáu mươi người) và một số cán bộ khác về bộc phá (12 người) (tr.156). Dĩ nhiên sự giúp đỡ này không phải không có hậu ý. Phía Việt Nam yêu cầu TQ huấn luyện quân sự nghĩa là :" theo ý Bác là cốt để có người lấy súng chúng mang về." (tr.156).

Quân QDĐ Trung Hoa thì hẳn là muốn lũng đoạn hàng ngũ cộng sản. Chiến tranh mà, giữa đôi bên đều có ý đồ, Nhưng HVH không chấp nhận điều đó, ông tố cáo quân Tưởng " có sự tính toán bẩn thỉu là sẽ nhồi sọ cán bộ ta, để từ nội bộ ta, chúng nặn ra một số tay sai đắc lực. " Và dù người cộng sản Việt Minh " chiếm ưu thế tuyệt đối về chính trị cũng như thành phần cơ cấu lãnh đạo, nhưng Hội giải phóng đó có thể coi là một tổ chức lãnh đạo cách mạng được không ? " (tr.155).

HVH đặt câu hỏi và tự trả lời :" Không ! ".

Bởi vì tổ chức này hoàn toàn do Quốc Dân Đảng Trung Hoa lập ra. Người cộng sản Việt không được tự do hành động.

Mọi sự sẽ thay đổi hoàn toàn vào một tháng sau, khi tổ chức Việt Minh do chính người cộng sản Việt Nam thành lập vào tháng 5/ 1941 sau Hội nghị Trung Ương lần thứ 8 tại Pắc Bó.

**Tranh chấp giữa nhà cầm quyền Trung Quốc và Việt Minh.**

Sự tranh chấp giữa nhà cầm quyềnTrung Quốc (QDĐ) và Việt Minh tuy ngấm ngầm nhưng có thật. Để dò xét thực lực của Việt Minh, nhà đương cục TQ yêu cầu bên Việt Minh cho phép một sĩ quan của họ vào Việt Nam quan sát tình hình." *Bác chỉ thị đồng ý cho vào" Viên Thượng tá họ Lục này, được hướng dẫn theo một kế hoạch tham quan và tiếp đãi do " chính Bác trực tiếp vạch ra và chỉ đạo thực hiện tỉ mỉ"*. Được dẫn qua những núi cao, rừng rậm, những suối nhỏ, hố sâu, Lục Thượng hiệu luôn luôn gặp bộ đội vũ trang của ta đi vòng quanh những trạm gác và đồn gác của địch (...) *đi rất mệt, rất khổ và nhiều lúc rất nguy hiểm và đến đâu ông ta cũng được dân Thổ, Mán, Nùng, Kinh, già trẻ bé lớn tiếp đón nồng hậu..".* (tr.157)

Quan sát xong, về Tịnh Tây, Lục Thượng hiệu làm một bản báo cáo dài năm mươi trang, cho viên tướng của Tưởng Giới Thạch tên là Trương Phát Khuê, với kết luận :

" Hơn 80% dân các tỉnh ông ta thị sát đều theo Việt Minh cả "

( Mà sự thật Việt Minh chỉ dẫn họ Lục đi loanh quanh những khu vực họ đã xếp đặt, bố trí trước !)

" nếu TQ muốn làm gì ở Việt Nam có hiệu quả, nhất định phải liên hệ với Việt Minh mới được.

*(...) Cố nhiên báo cáo ông ta có nhiều chỗ thổi phồng để khoe công nhưng kết luận như thế lại là một thực tế."* ( tr.158)

Hội Giải phóng ("Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh hội") thành lập trong điều kiện phức hợp như vậy tất khó đương đầu với những biến chuyển do tình hình đem lại. Trương Bội Công bị bắt vì một vụ buôn lậu. Thế là quân đoàn của Công tan vỡ. Hội chỉ còn lại cái tên.

Cùng lúc với sách lược hoá giải từ bên trong, người cộng sản còn dùng sách lược khác cũng rất có hiệu quả. Đó là sách lược chinh phục quần chúng từ bên trong. Việc thành lập chi bộ Vân Quí là một thí dụ. Vân Quí là tiếng gọi tắt mấy chữ Vân Nam và Quí Châu, hai tỉnh lớn của Trung Quốc. Chi bộ Vân Quí thuộc cánh tả của Quốc Dân Đảng. Việt Minh đã cài người vào và đã thành công trong việc lôi kéo tất cả trở thành đảng viên cộng sản. Chi bộ Vân Quí trở thành đội quân tiên phong của đảng CSVN sau này. Sau khi Trương Bội Công bị bắt, nhà cầm quyền TQ đặt hết hy vọng vào Nguyễn Hải Thần và Trần Báo. Trần Báo là kẻ phản đảng (CSVN), Báo biết rõ mọi bí mật của tổ chức đảng và không ngừng tố giác cộng sản với nhà cầm quyền TQ. Tuy không có bằng cớ, HVH nghi ngờ Báo và Nguyễn Hải Thần đã âm mưu khiến ông bị nhà cầm quyền TQ bắt tại Bình Mãnh về sau này.

Việc chuẩn bị cho "Hoa quân nhập Việt đã tiến triển khá tích cực " (tr.183), chỉ còn thiếu một tổ chức chính trị. Bộ Tư lệnh quân khu bốn TQ đề nghị một cương lĩnh và một "Ban trù bị " hội nghị thành lập "Việt Nam phản xâm lược đồng minh hội". Nhưng bên trong họ bí mật liên lạc với Nguyễn Hải Thần và Trần Báo để lập một "chính phủ lâm thời" gồm có :

| | | |
|---|---|---|
| *Nguyễn Hải Thần* | : | *Chủ tịch* |
| *Hoàng Lương* | : | *Bộ trưởng bộ Quốc phòng* |
| *Mai Công Nghị* | : | *Bộ trưởng bộ Ngoại giao* |
| *Dương Thanh Dân* | : | *Bộ trưởng bộ Tài chính* |
| *Trần Báo* | : | *Bộ trưởng bộ Tuyên truyền* |
| *Nông Kính Du* | : | *Cố vấn v..v..* |

Biết được danh sách chính phủ lâm thời này, HVH lập tức hội kiến với Nguyễn Hải Thần để giải thích rằng hai bộ quan trọng là Ngoại giao và Tài chính giao cho người TQ (Mai Công Nghị, Dương Thanh Dân ) và Hoàng Lương là một người nổi tiếng thân Nhật, như vậy Nguyễn Hải Thần còn lại quyền hành gì ?.

Thế là trong buổi họp có mặt Trương Phát Khuê, Nguyễn Hải Thần đột nhiên đứng ra tuyên bố phủ nhận Ban trù bị, viện cớ người Việt không được tham khảo trong việc lập danh sách Ban này. HVH đề nghị thêm tên người cuả Việt Minh ( tên ông và một người đồng chí khác) vào bản danh sách. Dĩ nhiên, mọi việc đi vào bế tắc. Bởi vì

*" Rõ ràng vấn đề cách mạng Việt Nam nên tổ chức như thế nào và nên làm gì. Không phải do ủy ban trù bị quyết định mà do Bộ Tư lệnh quân khu bốn, hay nói cho đúng hơn là do Trùng Khánh quyết định "(tr.193).*

Thật vậy, cuối năm 1942, chính phủ Tưởng Giới Thạch " đưa Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ từ Trùng Khánh về, thả Trương Bội Công và (...) *đưa Đặng Nguyên Hùng với Nguyễn Tường Tam về ". (tr.193) Những người này, do chính phủ Trùng Khánh đỡ đầu đã thành lập Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh hội (Việt Cách) và không cần Việt Minh hợp tác.*

Nhưng mục tiêu cuả họ là nhằm loại hẳn Việt Minh, nghĩa là người cộng sản, để thành lập một tổ chức chỉ có những người quốc gia thân Trung Quốc, mục tiêu này có đạt được không ? Câu trả lời nằm trong chương nói về hội nghị Việt Cách.

Trong khi đó, lực lượng cộng sản tiến triển nhanh chóng. Tháng 5/1941 hội nghị Trung Ương đảng lần thứ 8, tổ chức tại Pắc Bó, quyết định đổi Mặt trận Phản đế Đông Dương thành Mặt trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh tức Việt Minh.

*HVH có mặt trong hội nghị nhưng chỉ tham dự vài buổi, thời gian còn lại ông phải qua lại giữa Pắc Bó và bên kia biên giới để lo bảo đảm an toàn cho hội nghị.* So sánh chương trình điều lệ giữa hai mặt trận thì Việt Minh có phần nhân nhượng so với Mặt trận phản đế và cũng nhượng bộ so với chương trình Việt Minh hồi năm 1936.

*" Đấy là một Mặt trận rất rộng rãi nhằm liên minh tất cả lực lượng các giai cấp, đảng phái, các nhóm cách mạng cứu nước, các tôn giáo, để chống Pháp Nhật ".* (tr.160)

HVH được bầu vào Tổng bộ. Phong trào Việt Minh lớn mạnh nhanh chóng và trở thành công cụ cho việc giành chính quyền năm 1945.

**Trên đường về nước**

Cuối 1941, HVH từ Tịnh Tây về Pắc Bó để báo cáo tình hình cho Hồ Chí Minh. Khi trở lại, giữa đường HVH bị (quân Tưởng) bắt, tại Bình Mãnh (tr.164) . Theo lời ông thì trong chuyện bị bắt này có nhiều điều rắc rối kì quặc và bí ẩn. Ban đầu, người ta cùm tay chân ông, ngay sau đó lại mở cùm mời ông dùng cơm có rượu thịt tử tế với những viên chức địa phương. Qua hai mươi ngày mơ hồ hoang mang như thế, HVH được đưa về Tịnh Tây và được trả tự do. Không những thế ông còn được cấp tiền đi đường về Liễu Châu tiếp tục hoạt động cách mạng !

Tại Liễu Châu ông tiếp tục cuộc vận động chống lại chương trình Hoa quân nhập Việt của quân Tưởng. Sau đó ông trở lại Tịnh Tây để sửa soạn về Việt Nam.

Vào một buổi sáng đẹp trời, tháng tám năm 1942, lợi dụng lúc "Chỉ huy sở ( nơi HVH làm việc cho quân đội QDĐ) mở đại hội thể thao cho các đơn vị và bộ đội (...) *ăn sáng xong, tôi thủng thỉnh ra ngoài (...) nhằm hướng về biên giới một mạch đi luôn " (tr.201).* Đoạn đường gần sáu mươi cây số, ông đi bộ, chỉ ngủ một đêm ngoài trời, hôm sau thì tới Pắc Bó "và gặp bác Hồ."

Trong chương 4, HVH nói về những hoạt động của mình tại Việt Nam từ 1942 đến 1948. Ông có trách nhiệm xây dựng Khu giải phóng Việt Bắc, giáo dục cán bộ Đảng và tổ chức, huấn luyện quần chúng. Ông có điều kiện thuận lợi nhờ đi lại vùng biên giới nhiều lần lại biết nói tiếng Thái Lan (Xiêm) và tiếng TQ vì các thứ tiếng này cơ bản giống tiếng nói các dân tộc Nùng, Tày tại đây.

HVH nhắc đến những bất đồng ý kiến về chiến lược với Võ Nguyên Giáp ( và Phạm Văn Đồng ) vào tháng 5 năm 1944(tr.226-227): "Tôi lý luận mãi mà hai anh vẫn không nghe"(tr.226). Đó là chuyện có nên hay không phát động ngay cuộc chiến tranh du kích tại vùng biên giới TQ là Cao Bằng, Bắc Giang và Lạng Sơn. Theo HVH, tình thế chưa chín muồi, thêm vào đó "đường dây liên lạc quốc tế "[19] do Hồ Chí Minh phụ trách đã bị cắt đứt vì ông Hồ bị Quốc Dân Đảng bắt, phát động ngay chiến tranh du kích là không thực tế.

HVH kể tỉ mỉ chuyện Hồ Chí Minh bị bắt tại TQ vào cuối năm 1942 và chiến dịch của đảng nhằm đòi lại tự do cho ông Hồ. Khi Hồ Chí Minh ra tù, theo HVH, ông cho rằng HVH đã có lí về việc không đồng ý này (tr.227).

Theo ông, dường như một số lãnh tụ đảng đã không hiểu được ý nghĩa sâu xa của một số hoạt động của Hồ Chí Minh. Tuy không nói thẳng ra nhưng HVH ngụ ý rằng ông là một trong số bạn đường rất hiếm của Hồ Chí Minh đã nắm vững, hiểu rõ được ý tưởng và chiến lược thật sự của Hồ Chí Minh. HVH viết :

*" Đến như những hoạt động của Người như thế nào để đạt được kết quả chính trị có lợi cho mình, cho cách mạng thì rất ít người biết. Có người lúc đó biết được đôi chút về Người, khi viết hồi ký lại huênh hoang thêu dệt ra một số tình tiết để tỏ vẻ mình là người biết rõ sự việc, là người được Hồ chủ tịch tin cậy, dặn dò, giao phó việc này, việc nọ. Thực ra thời gian ở Liễu Châu khi chưa tham gia Cách mạng Đồng minh hội, Người chỉ chăm chú rèn luyện thân thể, cặm cụi đọc sách báo và dịch quyển Tam Dân chủ nghĩa*[20]*, không nói chuyện chính trị và tiếp xúc với một "nhà chính trị Việt Nam" nào, vì Người cảnh giác đối với các "nhà chính trị "đó." " (tr.234).*

Vẫn theo HVH, Hồ Chí Minh đã giữ yên lặng sau khi bị bắt và chỉ bắt đầu hoạt động lại sau khi vận động được bầu vào Ban chấp hành Việt Cách. **Những sự việc cụ thể này do HVH đã tham khảo "các tài liệu gốc của QDĐTQ mà gần đây mới sưu tầm được."**(tr.234) **Những sự việc đó cho đến nay chưa ai được biết.**

## Những hoạt động bí mật của Hồ Chí Minh tại Trung Quốc

1) Việc Hồ Chí Minh tham gia thành lập Việt Cách (tr.238-240) :

Vì Bộ tư lệnh Quân khu Bốn TQ tại Liễu Châu bế tắc sau khi thất bại trong việc thành lập hội "Việt Nam phản xâm lược đồng minh", chính phủ Trùng Khánh mới cho vời đến đấy hai người Việt được họ bảo trợ là Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ[21]nhằm mục đích thành lập đảng Việt Cách (Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh hội).

Ngày 1 tháng 10 1942, đại hội thành lập chính thức khai mạc ở Liễu Châu, Ban Chấp hành Trung ương rất thiên về TQ gồm 7 người :Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh,Nghiêm Thế Tổ, Trần Báo, Nông Kinh Du, Trương Trung Phụng. Nhưng dần dần xảy ra chia rẽ và bất hoà giữa những người này, mọi việc không diễn ra như ý muốn của người TQ.

Trương Phát Khuê muốn tổ chức một Đại hội khác để chỉnh đốn nội bộ, mở rộng và thay đổi Ban Chấp hành. Hồ Chí Minh và sau đó một số người trong Việt Minh lập tức xin tham gia.

Đại hội "chỉnh đốn" họp tại Liễu Châu từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 3 năm 1944, gồm 15 đại biểu các đoàn thể trong đó có 3 đại biểu của Việt Minh ( Lê Tùng Sơn, Nguyễn Thanh Đồng và Hồ Đức Thành), Hồ Chí Minh là đại biểu của Việt Nam phản xâm lược đồng minh[22], và Nguyễn Tường Tam là đại biểu của đảng Đại Việt.[23]

Trong Ban Chấp hành mới này, thay thế cho Nguyễn Hải

Thần, Vũ Hồng Khanh và Nông Kinh Du bị đẩy vào Ban Giám sát, là Lê Tùng Sơn, Bồ Xuân Luật (Việt Minh) và Trần Đình Xuyên. Hồ Chí Minh (và Nguyễn Tường Tam) được bầu làm ủy viên Trung Ương dự khuyết. Khi Trần Đình Xuyên bị gạt ra, Hồ Chí Minh nghiễm nhiên trở thành ủy viên Trung ương chính thức. "Thế là Hồ chủ tịch có một địa vị vững chắc trong Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh hội "(tr.240) Sau Liễu Châu đến lượt Phân hội Việt Cách tại Vân Nam "chỉnh đốn" nội bộ. Ba người Việt Minh ( Phạm Việt Tử, Lý Đào và Phạm Minh Sinh) vào Ban Chấp hành, (Phạm Việt Tử, Lý Đào còn kiêm thêm chức ủy viên Ban Thường vụ) Dương Bảo Sơn, một người Việt Minh khác vào trong Ban Giám sát.

Trước kết quả này,Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Thế Tổ phản đối dữ dội.Tiêu Văn, Chủ nhiệm văn phòng "đại biểu chỉ đạo", không những không thèm nghe mà còn hạ lệnh bắt cả hai ( Vũ Hồng Khanh nhờ Trùng Khánh can thiệp vào giờ chót nên không bị bắt ).

2) Hồ Chí Minh đi Côn Minh gặp Tư lệnh Không quân Mỹ.

Về việc này, một việc rất ít người biết, "có người biết ít nhiều cũng tránh đi không nói "(tr.243). Theo HVH, nếu không nói tới là một sai lầm, trái lại cần phải kể lại đầy đủ rõ ràng vì nó nằm trong một chủ trương chiến lược rất quan trọng.

HVH kể rất tỉ mỉ Hồ Chí Minh đã được đưa đón tiếp đãi dọc đường như thế nào, "bác" tiếp chuyện với ai và kể cả tâm trạng của "bác" trong những buổi chuyện trò khác nhau với người Mĩ.

"Bác đến Côn Minh với danh nghiã là Ủy viên Trung Ương của hội Việt Cách[24], tất nhiên có trách nhiệm xem xét tình hình Phân hội Việt Cách ở Vân Nam, và giúp đỡ cán bộ về tư tưởng và cách thức làm việc, khiến cho Phân hội trở thành một tổ chức cách mạng được quần chúng tin cậy.

*Nhưng mục đích chính của Hồ chủ tịch trong dịp đến Côn Minh là liên hệ với quân Đồng Minh Mĩ để cách mạng Việt Nam có một địa vị quốc tế rõ ràng trong phe Đồng Minh chống phát xít".*(tr.244-245)

Tại Côn Minh,"bác" Hồ đã gặp và nói chuyện khá lâu với tướng Mĩ Chen-nét-tơ.[25]

"Bác" kể chuyện Việt Minh (tại Cao Bằng) đã cứu hộ và giúp đỡ một sĩ quan nhảy dù Đồng Minh (người Mĩ) và tuyên bố Việt Minh sẵn sàng phối hợp với Đồng Minh để đánh Nhật. Nhưng khi tướng Mĩ đề nghị Việt Minh làm tình báo cho Đồng Minh thì ông Hồ từ chối và thêm rằng :"chúng tôi có thể thông báo tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam, cũng như tình hình hoạt động của Nhật ở Việt Nam ".

(tr245)

Hồ Chí Minh đối đáp như một lãnh tụ thay mặt Việt Minh trong khi ông thực hiện chuyến du hành này với tính cách đại biểu Trung Ương của Việt Cách.

3) Hồ Chí Minh đi Trùng Khánh để gặp Tưởng Giới Thạch.

HVH giải thích rằng chuyến đi này của Hồ Chí Minh cũng cùng một tinh thần với chuyến đi Côn Minh gặp người Mĩ và chuyến gặp gỡ hụt với Sainteny (người Pháp) tại Trung Quốc. HVH viết nhiều trang để chứng minh lời giải thích này. Xin trích ra đây vài đoạn chính :

" Việc Bác đi Trùng Khánh gặp Tưởng Giới Thạch ( không gặp được vì bị bắt ở dọc đường) việc đi Côn Minh để gặp Tư lệnh Mĩ, và việc liên hệ với tướng Pháp Xanh tơ ni trước Cách Mạng tháng Tám[26] thật ít người biết, có người biết ít nhiều cũng tránh đi không nói, vì họ nghĩ rằng như thế là hữu khuynh, là thoả hiệp. Cách nghĩ như vậy là không phù hợp với thực tế, không hiểu hết ý nghĩa chiến lược và sách lược của sự việc.

Chúng ta đều biết, từ Hội Nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (tháng 5-1941) quyết định lấy Mặt trân Việt Minh thay cho Mặt Trận Phản đế thì chúng ta đã tuyên truyền là chúng ta đứng về phía phe Đồng Minh chống Phát xít (...)

*Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã phân định thành hai phe rõ rệt, phe phát xít là Đức, Ý, Nhật; phe Đồng Minh là Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc. Trong đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản họp ở Mạc Tư Khoa năm 1935 đã quyết định các Đảng cộng sản trên toàn thế giới cần lập Mặt trận chống phát xít , mà đã chống phát xít thì khi có phe Đồng Minh chống phát xít, ta phải ủng hộ Đồng Minh. Việc ủng hộ phe Đồng Minh và đứng về phe Đồng minh chúng ta đã tuyên truyền nhiều, nhưng trên thực tế ta chưa trực tiếp liên hệ được với phe Đồng Minh. Ta đã biết chắc phát xít nhất định sẽ thất bại (...), ta cần phải có một hình thức liên hệ thực tế với Đồng Minh (...). Đến như việc muốn liên hệ với Pháp để trao đổi ý kiến, là vì Bác đã biết chắc khi quân Nhật thua, Đồng Minh sẽ đồng ý cho Pháp trở lại Việt Nam, nếu không có sự chuẩn bị trước thì lúc đó sẽ bị động. Vì vậy việc Bác định gặp Tưởng (...), gặp Mĩ (...) và (...) với Xanh-tơ-ni là một chủ trương chiến lược rất sáng suốt. Về mặt sách lược[27] thì Bác biết rất rõ là cách mạng thì phải dựa vào quần chúng (...). Bác cũng biết rất rõ là Mĩ (...) vẫn muốn hất cẳng Pháp. Tưởng (Giới Thạch) tuy phải thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Việt Nam nhưng cũng vẫn muốn (...) gây khó*

*dễ cho Pháp. Bác vẫn biết Mĩ và Tưởng sẽ không giúp cho chúng ta (...), nhưng gặp để tranh thủ ảnh hưởng, tranh thủ được sự giúp đỡ dù rất ít cũng vẫn tốt, gặp để phân hoá họ, để hạn chế họ.*(tr.250-251)

(...) *Về vấn đề đàm phán với Pháp là một vấn đề Bác đã nói rõ trong Quốc dân Đại hội ở Tân Trào, và sau Cách mạng tháng Tám (13/8/1945) Bác đã đàm phán với Xanh-tờ-ni đi đến Hiệp Định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Nhưng về sau trong tài liệu nói về Quốc dân Đại hội Tân Trào ta tránh đi không nói đến*[28]*. Tôi thấy việc này cần nói rõ, đây là một chủ trương rất sáng suốt ..." (tr.257)*

Tác giả đã nhiều lần phân biệt cẩn thận chiến lược với sách lược. Chiến lược là vận động cuộc cách mạng trong khuôn khổ " khối Đồng Minh chống Phát xít" quy định bởi Đại hội lần thứ 7 của Quốc Tế Cộng sản năm 1935 và được Hội nghị Trung Ương đảng (CSVN) lần thứ 8 chấp nhận. Sách lược là tổ chức cuộc chiến tranh võ trang và vận động quần chúng nổi dậy để giành chính quyền từ tay người Nhật. Như vậy Việt Minh đủ lực lượng làm áp lực với Đồng Minh ngõ hầu buộc họ ngồi vào bàn thương thuyết, với hi vọng, như "bác Hồ đã giải thích trong đại hội Tân Trào ( ...) *sau năm năm thì nước Việt Nam hoàn toàn độc lập* " (tr.256)

**Chiến lược và sách lược có thể hoán chuyển cho nhau !**

HVH không giải thích vì sao sách lược -chiến tranh vũ trang- được đổi thành chiến lược, nghĩa là trở thành phương hướng chính của Cách mạng Việt Nam, sau khi hội nghị tại Fontainebleau thất bại.

Hồ Chí Minh đã nói gì ở đại hội Tân Trào[29]? HVH kể lại lí luận phân tích tình hình của Hồ Chí Minh như sau :

" Lúc này tuy Nhật chưa đầu hàng, nhưng phát xít Đức đã đầu hàng khi quân Liên Xô đánh thẳng vào Béc -lanh; sáu mươi vạn quân của Nhật ở "Mãn Châu quốc" đã bị quân Liên Xô đánh tan, thì phát xít Nhật nhất định sẽ phải đầu hàng, đó là việc có thể biết chắc chắn. Phát xít Nhật đầu hàng thì quân Đồng Minh sẽ vào tiếp quản Đông Dương. Quân Đồng Minh đây có thể là quân Anh, quân Pháp, cũng có thể là quân Quốc dân đảng Trung Quốc, vì việc Hoa quân nhập Việt đã được chuẩn bị từ 1940, 1941. Bất kể là quân nào vào, đứng về mặt quốc tế mà nói là ta không thể cự tuyệt mà nói cho đúng là ta cự tuyệt họ cũng cứ vào. Như vậy là ta phải tiếp xúc, phải nói chuyện với họ, và nói chuyện với họ là ta phải có thế mạnh, thế mạnh đó là nước Việt

Nam đã giành được độc lập từ tay Nhật ".(tr.254)

Chính chủ trương "chiến lược" này đã giải thích vì sao Hồ Chí Minh ký Hiệp định sơ bộ ngày mồng 6 tháng 3 năm 1946 với Sainteny cho phép 15 000 quân Pháp kéo vào Việt Nam[30]

Thật ra thì ở trang 274, tác giả lại giải thích một cách khác khi nhắc đến lý do chính thức của việc kí kết Hiệp định sơ bộ : "15 000 quân Pháp vào thì hai mươi vạn quân Tưởng phải rút ( ...) *và để có hoàn cảnh chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống Pháp một khi chúng không thi hành đúng hiệp định đã ký kết"*.

Trở lại đoạn nói về việc "tham gia" Việt Cách của Hồ Chí Minh, khi Hồ Chí Minh được bầu vào Ban Chấp hành đảng Việt Cách, HVH khâm phục thành tích này của ông Hồ lắm. Làm sao ông Hồ đã thành công được trong khi các chủ nhân ông thực sự điều khiển việc thành lập Việt Cách đều là những tay sừng sỏ cả ? Từ Trương Phát Khuê đến Tiêu Văn, Hầu Chí Minh[31], những người này đều biết rõ ràng lí lịch của Hồ Chí Minh do sự phản bội của Trần Báo[32]:

*" đương cục (...) mới biết rõ Hồ Chí Minh là Lý Thụy, là Nguyễn Ái Quốc, là Hoàng Quốc Tuấn, là lãnh tụ cộng sản, là lãnh tụ Việt Minh ( tr.237) Nhưng sau khi biết rõ thân phận của Bác, Trương Phát Khuê lại càng kính nể và ưu đãi hơn trước "*. (tr.238).

Làm sao giải thích thái độ của nhà cầm quyền Trung Quốc ? HVH đưa ra hai lí do :

1) Tài "thuyết phục " của bác Hồ : Sau khi "trao đổi ý kiến" với Bác, Tiêu Văn đồng ý "chỉnh đốn" nội bộ Việt Cách và cho Bác tham gia vào Ban Chấp hành (tr.239-240).

2) Người TQ tìm cách "cảm hoá" (chiêu hồi) Hồ Chí Minh: từ 1941, trong bản báo cáo cho Trung Ương QDĐTQ, Trương Phát Khuê viết : "Hồ Chí Minh[33] từ lúc dời đến Bộ Chính trị quân khu vẫn được ưu đãi và được cảm hoá với một thái độ kính nể ". (tr.238)

HVH cho biết Trương Phát Khuê đã giao việc "cảm hoá" Bác cho Hầu Chí Minh. HVH dùng hai lần chữ " cảm hoá" nhưng có vẻ như chọn lối giải thích thứ nhất : nhờ " tài thuyết phục của Bác."

Sau khi đã giải thích kĩ lưỡng "chiến lược và sách lược" của Hồ Chí Minh, trong phần cuối chương, HVH nói về tình hình trước và sau khi Việt Minh cướp chính quyền vào ngày 19 tháng 8, "ngày toàn dân vùng dậy ".

Ngày 30/8/1945, Hồ Chí Minh về đến Hà Nội. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước 500 000 người[34], ông đọc bản Tuyên ngôn độc lập và thành phần chính phủ lâm thời, gồm có :

*Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao : Hồ Chí Minh*

*Bộ trưởng bộ Nội vụ : Võ Nguyên Giáp*
*Bộ trưởng bộ Quốc phòng : Chu Văn Tấn*
*Bộ trưởng bộ Tài Chính : Phạm Văn Đồng*
*Bộ trưởng bộ Kinh tế : Nguyễn Mạnh Hà*
*Bộ trưởng bộ Lao động : Lê Văn Hiến*
*Bộ trưởng bộ Thanh niên : Dương Đức Hiền*
*Bộ trưởng bộ Giáo dục : Đặng Thai Mai*
*Bộ trưởng bộ Tư pháp : Vũ Trọng Khánh*
*Bộ trưởng bộ Giao thông Công chính : Đào Trọng Kim*
*Bộ trưởng bộ Y tế Vệ sinh : Phạm Ngọc Thạch*
*Bộ trưởng bộ Xã hội : Nguyễn Văn Tố*
*Bộ trưởng bộ Tuyên truyền : Trần Huy Liệu*
*Bộ trưởng không Bộ : Cù Huy Cận*
*và Nguyễn Văn Xuân.*( tr.258-259)

Người ta nhận thấy các bộ quan trọng đều nằm trong tay người cộng sản. Các bộ khác giao cho các người có cảm tình cộng sản hoặc không đảng phái.

Trần Huy Liệu (Bộ Tuyên truyền) và Nguyễn Văn Xuân (không Bộ) là cựu đảng viên VNQDĐ.

**Đường lối chính trị của đảng Cộng sản Việt Nam sau khi nắm chính quyền.**

Sau Cách mạng tháng Tám, tình hình trở nên căng thẳng. Chính phủ Hồ Chí Minh phải đối phó với nhiều khó khăn. HVH kể ra một số khó khăn chính :

1*) Việc đối phó với quân Nhật :

Chủ trương của đảng là thuyết phục quân Nhật trao trả khí giới cho Việt Minh. Đa số lính Nhật muốn giữ thái độ trung lập, một số chỉ muốn giao cho Đồng Minh. Một số ít kín đáo giao hoặc lén bán lại cho Việt Minh. Vài người (sĩ quan và binh sĩ) xin gia nhập hàng ngũ Việt Minh. Thí dụ như đại tá Lam Sơn và trung uý Thanh Tùng đã giúp huấn luyện quân sự hay vài chuyên viên phục vụ như làm tài xế, thợ sửa máy móc v..v..

2*) Việc đối phó với quân Anh :

Một tháng sau ngày Nhật đầu hàng (15/8/1945), ngày 12/9/1945 quân Anh (khoảng 1400 người), phần đông là người Ấn Độ, do thiếu tướng Gracey chỉ huy, đổ bộ vào miền Nam (Sài gòn). Trên

nguyên tắc, họ có nhiệm vụ giải giới quân Nhật . Nhưng vừa đến nơi, họ ra thiết quân luật cho dân chúng Việt Nam : giới nghiêm, cấm báo chí, hội họp, cấm mang khí giới v..v..

Ngày 22 tháng 9, quân Anh còn chiếm Khám Lớn, thả 5000 tù binh Pháp, lấy khí giới Nhật giao cho họ và giúp họ chiếm giữ mọi vị trí hiểm yếu tại Sài Gòn (bến tàu, kho hàng, xưởng đóng tàu...)

Ngày 23 tháng 9, với sự giúp sức của quân Anh, quân Pháp chiếm Sở cảnh sát Trung Ương, Kho bạc, toà Thị Chánh Sài Gòn, trụ sở Uỷ ban Nhân dân Nam bộ. Chỉ trong vài ngày, quân Pháp kiểm soát cả Sài Gòn.

Trước tình thế đó, Uỷ ban Nhân dân Nam bộ phải rút về Bến Tre, ra lệnh cho dân quân phá hoại, cắt đứt mọi cầu phà, đường xá... Cuộc kháng chiến miền Nam bắt đầu. Chính phủ Hồ Chí Minh phái vào Nam các đội quân do các tướng chỉ huy Hoàng Đình Ròng, Đàm Minh Viễn và sau đó Nguyễn Bình. Tất cả các tướng này đều hy sinh tại miền Nam.

3*) Việc đối phó với quân Tưởng:

Tại miền Bắc, 200 000 quân Tưởng từ Vân Nam kéo đến, do tướng Lư Hán điều khiển và một đơn vị khác từ Quảng Tây kéo vào, do tướng Tiêu Văn chỉ huy. Theo lệnh Tưởng, nhiệm vụ của họ là hợp sức "diệt Cộng cầm Hồ " : tiêu diệt cộng sản và bắt giữ Hồ Chí Minh, đồng thời lập một chính phủ lâm thời làm bù nhìn cho Trung Hoa Quốc Dân đảng.

Nhưng giữa Lư Hán và Tiêu Văn có sự tranh chấp ngấm ngầm. Tiêu Văn là người của Trương Phát khuê, từ những năm 1940, 1941 cả hai đã tranh đấu thực hiện mục tiêu Hoa quân (từ Quảng Tây) nhập Việt cũng như lập một chính phủ Việt gồm những người quốc gia đồng nhất. Nhưng họ không được Tưởng Giới Thạch tin cậy, Tưởng đã gửi thêm đoàn quân Vân Nam với Lư Hán. Mặt khác, Lư Hán lại nghi ngờ Tưởng tống mình đi ra xa vùng Vân Nam để giành lấy quyền kiểm soát vùng này thay chân Lư Hán và đồng chí của Lư Hán là Long Vân (tr.269)

Tóm lại, trong hàng ngũ lãnh đạo TQ có đầy dẫy mâu thuẫn, cũng như trong Việt Quốc và Việt Cách. Một bên thì được Lư Hán và Tưởng ở Trùng Khánh bảo trợ. Một bên thì nhờ vả Trương Phát Khuê với Tiêu Văn. Chính vì lí do này mà những người Việt Nam thuộc các đảng phái quốc gia đã hành động phân tán và chậm trễ so với tình thế. Họ đã để cho Việt Minh tự do chiếm đa số các tỉnh, trừ vài nơi như Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa lộ, Việt Trì, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Hải Ninh

v..v..(tr.266) tại các nơi này nhờ quân Tưởng, họ lập được những cơ quan tuyên truyền (chống cộng sản).

**Đảng Cộng Sản Việt Nam công khai giải tán và bí mật tiếp tục hoạt động.**

Dù chia rẽ, các lãnh tụ TQ và những người quốc gia Việt Nam không ngừng làm áp lực đối với chính phủ Hồ Chí Minh. Họ đòi phải có những đại diện của Việt Quốc và Việt Cách trong chính phủ và trong Quốc hội. Họ đòi Việt Minh phải thay đổi một cách cơ bản thái độ đối với quân đội Trung Hoa và đối với các đảng quốc gia. Tình hình cực kỳ căng thẳng, đã có vài nơi xảy ra đụng độ giữa người quốc gia và người cộng sản.

Để đối phó với tình trạng nguy nan này, Hồ Chí Minh áp dụng chính sách dàn hoà, thí dụ ông ra lệnh cho quân Việt Minh tại Chèm phải trả lại số khí giới mà họ vừa tước được cuả một trung đội quân Lư Hán (tr.270). Việc thứ hai là ông nhân danh "đoàn kết quốc gia" tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Việt Nam nhằm trấn an Trung Quốc. Nhưng trong bí mật, "đảng vẫn tồn tại , vẫn bí mật hoạt động" (tr.267). HVH được giao cho nhiệm vụ vào khu Bốn (IV) giải thích điều này cho các đảng bộ biết.

Ngày 19 tháng 11 năm 1945, nhân danh Trương Phát Khuê, đại biểu Tiêu Văn mở hội nghị " hoà giải" với sự tham gia cuả đại biểu tất cả các đảng phái : Việt Minh, Việt Cách, Việt Quốc. Ba đảng này đồng ý thành lập một chính phủ Liên hiệp quốc gia. Các quyết định khác cũng được thi hành như không dùng vũ khí để giải quyết các vấn đề bất đồng, không công kích nhau trên báo chí. Và cuối cùng là quyết định thành lập một đội quân vào Nam kháng chiến. HVH mỉa mai "Cố nhiên cả đội quân ấy đều là người (cuả)Việt Minh ". (tr.267)

Còn một vấn đề khác chưa giải quyết đó là ngày bầu cử Quốc hội. Việt Minh đề nghị giữ nguyên ngày đã định trước là 23/12/45. Việt Cách, Việt Quốc đòi hoãn lấy lí do chuẩn bị không kịp. Việt Minh định vào ngày 6/1/1946, Việt Cách, Việt Quốc vẫn lấy cớ chuẩn bị không kịp, đòi phải dành cho các đảng họ 20 và 50 ghế. Việt Minh đồng ý và cuộc bầu Quốc hội diễn ra đúng ngày 6/1/46.

Sau bầu cử Quốc hội, Tiêu Văn lại đề nghị thành lập một chính phủ mới với chủ tịch là Hồ Chí Minh, phó chủ tịch là Nguyễn Hải Thần. Việt Minh sẽ nắm 4 bộ, Việt Cách, Việt Quốc cũng giữ 4 bộ. Hai bộ quan trọng là Ngoại giao và Nội vụ sẽ giao cho các nhân sĩ độc lập

và không đảng phái.

Ngày 2/3/1946 Quốc hội họp kì thứ nhất, với các đại biểu Việt Minh cũng như 70 đại biểu của Việt Cách và Việt Quốc, chỉ định chính phủ mới gọi là Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến.

1)Thành phần chính phủ gồm :

*Chủ tịch : Hồ Chí Minh*
*Phó Chủ tịch : Nguyễn Hải Thần*
*Ngoại giao : Nguyễn Tường Tam*
*Kinh tế: Chu Bá Phượng*
*Y tế : Trương Đình Trí*
*Giáo dục : Đặng Thai Mai*
*Tài Chính Lê Văn Hiến*
*Tư Pháp : Vũ Đình Hoè*
*Giao thông Công chánh : Trần Đăng Khoa*
*Nội vụ : Huỳnh Thúc Kháng*
*Quốc phòng : Phan Anh*
*Bộ trưởng không bộ : Bồ Xuân Luật*
*2) Ban Cố vấn : Chủ tịch : Vĩnh Thuỵ ( cựu hoàng Bảo Đại)*
*3) Uỷ ban kháng chiến : 9 uỷ viên. Chủ tịch : Võ Nguyên Giáp*
*Phó Chủ tịch : Vũ Hồng Khanh*
*4) Ban thường trực Quốc hội : Nguyễn Văn Tố*

Vì sao kế hoạch "diệt Cộng cầm Hồ " của Tưởng Giới Thạch thất bại ? HVH giải thích nguyên nhân thứ nhất là do chuyện chia rẽ giữa các phe quốc gia người Việt và giữa các tướng lãnh Trung Quốc, thêm vào đó các người cầm đầu TQ như Tiêu Văn, Trương Phát Khuê lại có cảm tình với Hồ Chí Minh. Nguyên nhân thứ hai và cũng là nguyên nhân chính : Việt Minh " được toàn thể nhân dân ủng hộ ". Quân Tưởng biết rằng nếu họ tìm cách tiêu diệt Việt Minh họ sẽ gặp khó khăn vì Việt Minh sẽ vận động "vườn không nhà trống ". Còn nếu bắt Hồ Chí Minh họ cũng sẽ gây hận thù, bất mãn, dân sẽ nổi dậy, hậu quả khó lường. Những thủ lĩnh TQ này sợ bị "Tưởng Giới Thạch đổ tội vào đầu, cho là bất lực và trừng tri " (tr.270)

4*) Đối phó với người Pháp :

Theo HVH, đường hướng chính trong việc đối phó với người Pháp đã được Hồ Chí Minh qui định từ hội nghị Tân Trào. Những biến cố xảy ra sau đó chứng minh những dự kiến của Hồ Chí Minh là "hoàn toàn đúng" (tr.272). Người Pháp trong khối Đồng Minh nên khi Đồng Minh thắng trận, họ trở lại Việt Nam. Người Việt Nam phải thương lượng với họ.

Nhờ người Mĩ dàn xếp với Tưởng, Tưởng và người Pháp kí

Hiệp định ngày 28/2/1946, Tưởng nhìn nhận quyền bảo hộ Đông Dương của người Pháp. Bù lại, Pháp bán lại đường sắt Vân Nam, trả về cho TQ vùng Quảng Châu Loan, các tô giới ở Thượng Hải, Hán Khẩu, Quảng Châu, v..v..Và quân Tưởng cũng rút khỏi Việt Nam trước ngày 31/3/1946[36] Trong vụ dàn xếp này, người Mĩ muốn Tưởng tập trung lực lượng vào việc đánh cộng sản tại Trung Quốc.

**Người Pháp phản bội Hiệp định công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.**

Một tuần lễ sau hiệp định Trung-Pháp, Hồ Chí Minh hội kiến tướng Sainteny, đại diện nước Pháp, tại Hà Nội và đôi bên kí Hiệp ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 : nước Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tự do trong Liên Hiệp Pháp, Việt Nam sẽ có

*" Chính phủ, Nghị viện, Quân đội và Tài chính riêng. Quân Pháp sẽ thế quân Tưởng vào Việt Nam giải giới quân Nhật ở miền Bắc. Hai bên Việt Pháp ngưng súng ở miền Nam tạo không khí thuận lợi để mở tiếp cuộc đàm phán giải quyết vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và vấn đề quyền lợi kinh tế và văn hoá cuả Pháp ở Việt Nam. Việc thống nhất Nam Bắc sẽ do toàn dân quyết định. Bản phụ lục Hiệp định còn nói rõ số quân Pháp đưa vào thay thế quân Tưởng là một vạn năm nghìn người ( lúc này quân Pháp không có người Việt mà chỉ có người Âu-Phi) và chỉ được đóng ở một số nơi do ta chỉ định (...) mười tháng sau khi kí kết, quân Pháp phải dần dần rút hết khỏi Việt Nam nội trong năm năm ".*(tr.173-174).[37]

Kí xong Hiệp định sơ bộ, Hồ Chí Minh gặp Đô đốc d'Argenlieu, Cao Uỷ Pháp tại vịnh Hạ Long và cùng thoả thuận : hai bên sẽ cử đại biểu bàn bạc và chuẩn bị cho việc kí kết chính thức tại Paris.

Ngày 16 tháng 4 năm 1946, một phái đoàn đại biểu Quốc Hội do Phạm Văn Đồng dẫn đầu rời Việt Nam sang Pháp dự hội nghị Fontainebleau.

Ngày 30 tháng 5, Hồ Chí Minh cũng sang Pháp nhưng với tư cách thượng khách cuả chính phủ Pháp.

Hội nghị Fontainebleau khai mạc ngày 6/7/46 nhưng hoàn toàn bế tắc sau đó.

Để cứu vãn chút hi vọng thoả thuận, ngày 14/9/1946[38], Hồ Chí Minh kí với Marius Moutet, Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp một Tạm ước (modus vivendi) qui định rằng đôi bên sẽ mở lại Hội nghị Fontainebleau vào tháng giêng năm 1947. (tr.277)

Trong lúc Hội nghị Fontainebleau đang diễn ra ở Pháp thì tại

Việt Nam, Cao uỷ d'Argenlieu đơn phương tuyên bố thành lập một nước Cộng hoà Nam kì độc lập với một chính phủ riêng.

Người Pháp ngang nhiên xé hiệp định 6/3/1946 : vào ngày 20 tháng 11, quân Pháp tấn công các tỉnh miền Bắc (Móng Cái, Tiên Yên, Lạng Sơn). Ngày 21 tháng 11 họ gây hấn ở Hải Phòng. Ngày 18 tháng 12 họ chiếm Bộ Tài chính và Bộ Giao thông. Cùng một lúc, tướng Morlière, chỉ huy quân đội Pháp đưa tối hậu thư đòi công an Việt Minh và tự vệ quân phải hạ vũ khí. HVH kết luận : "Tình thế đã đến lúc ta phải kháng chiến thật sự".

Việt Minh để lại một trung đoàn bảo vệ thủ đô Hà Nội. Các cán bộ trung và cao cấp cùng Hồ Chí Minh rút về Việt Bắc. HVH được phái về khu IV với tư cách Bí thư Khu đảng uỷ, kiêm Chủ nhiệm Việt Minh và Đại diện chính phủ trung ương khu IV.

Trong chương này, HVH thêm một lời bàn cuối cùng khá lạ lùng và mâu thuẫn với những điều ông đã nói ở trên:

*" Ta vẫn biết Pháp kí với ta như vậy, mục đích là cốt để đưa quân vào, rồi sau sẽ từng bước dùng vũ lực mở rộng ảnh hưởng tiến tới lật đổ chính quyền của ta, trở lại thống trị toàn cõi Đông Dương. Nhưng ta vẫn kí như vậy để cho hai mươi vạn quân Tưởng rút khỏi miền Bắc, đồng thời cũng để có hoàn cảnh chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống Pháp một khi chúng không thi hành đúng hiệp định đã kí kết.* ".(tr274)

Chỗ này HVH đưa ra lối giải thích chính thức của Đảng. Đáng tiếc là ông không so sánh lực lượng Việt Minh và Pháp trước và sau khi kí kết hiệp định để biện minh cho lí do "để có hoàn cảnh chuẩn bị lực lượng". Cũng như trong việc rút lui của quân Tưởng, ai cũng biết rằng sự rút lui này là do hiệp ước Trung Pháp kí kết ngày 28 tháng 2 năm 1946 nghĩa là một tuần lễ trước hiệp định mồng 6 tháng 3 năm 1946 giữa Hồ Chí Minh và Sainteny.

Ý đồ của người Pháp rất rõ ràng, kể từ lời tuyên bố ngày 24/3/1945 của De Gaulle với ý muốn trở lại Đông Dương (tr.272) đến những thủ đoạn họ dùng trong Hội nghị Fontainebleau, từ thất bại của Hội nghị Đà Lạt đến việc Cao uỷ Pháp d'Argenlieu thành lập nước và chính phủ Nam kì tự trị, họ vẫn luôn luôn theo đuổi cùng một chính sách: tranh thủ thời gian, củng cố lực lượng quân sự để tái chiếm Đông Dương. HVH ý thức được điều đó và nói ra.

Ông còn đi xa hơn nữa khi viết rằng "Như vậy, việc quân Tưởng vào tiếp quản miền Bắc Việt Nam chỉ là việc nhất thời mà ta cần phải chịu đựng và khôn khéo đối phó nhất thời, chứ đối tượng phải đối phó lâu dài ở Việt Nam cũng như ở Đông Dương là quân Pháp[39]".(tr.272)

Những người lính Tưởng cuối cùng rút khỏi Việt Nam vào tháng 5 năm 1946. Một số thủ lĩnh Việt Quốc và Việt Cách trốn theo họ. Một số đầu hàng Việt Minh. "ta vẫn để yên, sau hiệp định Giơ-ne vơ (...) *một số trong bọn này đã đi theo quân Pháp vào miền Nam " (tr.269).*

Nhận lãnh trách nhiệm khu IV, HVH đã dùng hết sức mình để tổ chức kháng chiến. Vào tháng 3 năm 1948, các đồng chí cuả ông ở Thái Lan đề nghị ông sang bên ấy công tác. Đảng cử HVH trở lại Thái Lan nhưng lần này ông chỉ ở một năm (từ 1948 đến 1949) và giữ những chức vụ thật quan trọng. Về mặt Đảng ông vừa là :" Đại diện Trung ương đảng, có trách nhiệm chỉ đạo công tác vận động Việt kiều ở Thái Lan cũng như công tác của cán bộ đang hoạt động về mặt đối ngoại ở Thái Lan ở Ấn Độ, Miến Điện, Tiệp Khắc và ở Pháp.

Về mặt chính quyền ông là " Đặc phái viên chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở hải ngoại. " (tr.282)

Thay vì thế chỗ của Phái viên Chính phủ tại Thái trước đó là Nguyễn Đức Quì, HVH giữ nguyên vai trò chính thức của Quì, ông chỉ đạo mọi hoạt động trong bóng tối : ông đề nghị -với Đặc uỷ Thái và trong nước- lập ra Ban cán sự Trung Ương " lãnh đạo toàn diện các mặt công tác phải tiền hành trên địa bàn Thái Lan ". HVH là Bí thư và Quì là Phó Bí thư (tr.296)

"Tình hình mới, công tác mới ". Tình hình mới đòi hỏi HVH phải giải quyết những vấn đề mới như : chỉnh đốn các tổ chức Việt Kiều tại Thái Lan, tổ chức lại hoạt động của Cơ quan Phái đoàn chính phủ ở Bangkok[40] và Rangoon, tổ chức giúp đỡ cách mạng Việt Nam đang chiến đấu ở mặt trận Cao Miên và Lào .

*(Xem tiếp kỳ sau)*

HOÀNG KHOA KHÔI
(*Nguyên văn tiếng Pháp,*
*bản dịch* PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN)

**Chú thích**

16 HVH cho biết Trịnh Công Hải lúc đó đã trở thành "kẻ ăn chơi" *"không ăn khớp với tư cách một người cách mạng"* (trang 95)
17 Ba tên sau này là người Trung Quốc, chúng tôi giữ phiên âm theo tiếng Việt vì không biết âm TQ.
18 Trong ban chấp hành có ba người mang tên giả: Phạm Văn Đồng = Lâm Bá Kiệt, Võ Nguyên Giáp = Dương Hoài Nam, Hoàng Văn Hoan = Lý Quang Hoa (tr. 134)
19 Theo HVH tức là đường dây liên lạc với đảng CSTQ.

20Quyển sách của Tôn Dật Tiên.
21 Hai người này là lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng (Việt Quốc).
22 Đảng này vẫn hiện hữu dù không được chính thức thành lập!
23 Theo HVH chính Hồ Chí Minh đề nghị tên Nguyễn Tường Tam với Trương Phát Khuê.
24 Sau cách mạng tháng Tám 1945, Việt Cách (Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh hội) bị Việt Minh cấm hoạt động.
25Tên của viên tướng Mĩ được phiên âm viết bằng tiếng Việt.
26 Sau cách mạng tháng Tám, cuộc gặp gỡ với tướng Sainteny xảy ra tại Hà Nội.
27 Tác giả nhấn mạnh chiến lược (stratégie).
28 Tác giả lập đi lập lại nhiều lần nhóm từ "tránh đi không nói đến", chúng tôi ghi lại để tôn trọng ý kiến của tác giả.
29 Thật ra có đến hai Đại hội Tân Trào, một diễn ra vào ngày 13/8/1945 là Hội nghi toàn quốc của Đảng và một diễn ra ngày 16/8/1945 là Hội nghi toàn dân, ở cả hai kỳ hội nghị, bác Hồ phân tích tình hình như nhau (tr. 254-255). Lịch sử Đảng CSVN không hề nói đến phát biểu của Hồ Chí Minh trong hai kỳ đại hội này như HVH đã kể.
30 Tài liệu đảng CSVN lại cho chúng ta một cách giải thích hoàn toàn khác hẳn.
31 Tên một thủ lĩnh người Tàu, xin đừng nhầm với Hồ Chí Minh
32 Trần Báo là đảng viên cộng sản Việt Nam
33 Alain Ruscio, sử gia của đảng CS Pháp, trong quyển "Les communistes Francais et la guerre d'Indochine" (Những người cộng sản Pháp và cuộc chiến tranh Đông Dương) cho rằng người CS tàu vkhông biết Hồ Chí Minh là ai kể cả Chou En Lai, nhưng giả thuyết của Alain Ruscio mâu thuẫn với lời báo cáo này trích từ văn kiện lưu trữ của QDĐTQ.
34 Vài văn kiện khác của đảng CSVN đưa ra con số một triệu người.
35 Thay thế Ủy ban Hành chánh Nam bộ
36 Trên thực tế, quân Tưởng chỉ hoàn toàn rút khỏi đất VN vào tháng 5/1946.
37 Tại Đại hội Tân Trào Hồ Chí Minh cũng đã nhắc đến thời hạn "5 năm" này.
38 Chỗ này HVH hoàn toàn tránh né không nói đến nội dung của Tạm ước, trong dó toàn những điều khoản đảm bảo quyền lợi văn hóa và kinh tế của người Pháp ở Việt Nam.
39 Xin lưu ý: HVH đã không lí luận như vậy khi nói về hiệp định mồng 6 tháng 3 năm 1946 đã cho phép quân Pháp trở lại Việt Nam
40 Chính phủ Thái lúc đó chưa công nhận nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của Hồ Chí Minh nhưng cho phép mở văn phòng đại diện.



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

# Giới thiệu sách mới

**ĐẶC SAN QUẢNG ĐÀ NĂM CANH THÌN,** bìa tranh Đinh Cường, Thái Tú Hạp & Ái Cầm chủ trương, Sông Thu xuất bản tại Ha Kỳ tháng sáu năm 2000.



Gồn biên khảo, truyện ngắn, thơ, tùy bút... của rất đông văn thi sĩ gốc Quảng Nam hoặc ít nhều liên hệ với vùng đất này.....

Đặc san Quảng Đà mỗi năm xuất bản một lần, đều đặn từ nhiều năm qua.

**NHỮNG CON ĐƯỜNG KHÔNG VỀ LẠI**, thơ Ngã Hạnh, tranh bìa và phụ bản màu của Trịnh Cung, Nhóm thân hữu KDao xuất bản. Không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

Ngã Hạnh là bút hiệu của luật sự Lê Trường Xuân, một nhân vật khá quen thuộc trong cộng đồng người Việt tại quận Cam.

**PHƯƠNG Ý**, thơ Nguyễn Lương Vy, bìa Lê Ký Thương, nhà xuất bản Thanh Niên. Sàigòn, Việt Nam.

Tập thơ thứ hai, sau *Âm Vang và Sắc Màu* (1991) của một người thơ đã thành danh từ lâu.

**QUÁI PHONG**, thơ Nguyên Nhi, bìa Phạm Chi Lan, Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng xuất bản. Không ghi giá bán. Liên lạc: P.O.Box

452512, Garland, TX 75045. USA. Email: vhnt@saomai.org. Webpage: http://www.saomai.org.

1) - **THƠ** (thơ), 2) - **QUA SÔNG** (thơ), 3) - **ĐẠI ĐỘI CŨ TRANG SÁCH CŨ** (truyện, phỏng vấn, tùy bút), Thư Ấn Quán xuất bản.

Ba cuốn sách trên được xuất bản theo phương cách được tác giả quảng cáo trên một số tạp chí văn chương tại hải ngoại: sách được đánh máy, trình bày, in và đóng gáy do chính tác giả đảm trách, qua từng order của mỗi độc giả.

Tuy thực hiện theo hình thức "thủ công", nhưng cũng trang nhã.

**ĐẠO SỐNG VIỆT**, nhiều tác giả, nhóm Việt Thường xuất bản. Liên lạc: Cao Hoài Đức, P.O.Box 720080, Houston, TX 77272. USA. Giá 20MK.

Tập hợp những bài viết liên quan đến "đạo sống Việt", qua huyền sử, lịch sử, tôn giáo, văn hóa, văn học, phong tục, tập quán... nhằm xiển dương đất nước Việt, dân tộc Việt.

**LỜI TỎ TÌNH ĐÃ CŨ**, tập truyện Hoàng Chính, bìa và phụ bản Nguyễn Thi, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 10MK.

Tác phẩm thứ tư sau *Nửa Đêm Nghe Mẹ Thở Dài* (thơ), *Mùa Thu Cuối Cùng* (tập truyện ngắn), *Mấy Sông Cũng Lội* (truyện dài).

**VĂN HỌC VÀ CÁCH MẠNG**, Lép Trốtski, Tủ Sách Nghiên Cứu xuất bản. Bìa Hoàng Giang, chỉnh lý và chú giải: Hoàng Nguyễn. Giá 20MK. Liên lạc: Boite Postale 246, 75224 Paris Cedex 11, France.

Nguyên tác Nga ngữ, dịch theo bản Pháp ngữ: Léon Trotsky: *Littérature et Révolution.*

Bao gồm những bài viết về văn hóa và văn học của một nhà cách mạng chuyên nghiệp, đồng thời cũng là một cây bút nổi tiếng, một diễn giả hùng biện.

**TUYỂN TẬP THƠ VĂN HẢI NGOẠI NĂM 2000**, nhóm Việt Thường chủ trương. Bìa Nguyễn Trọng Khôi, Văn Mới xuất bản. Giá 20MK. Văn Nghệ và Đại Nam phát hành.

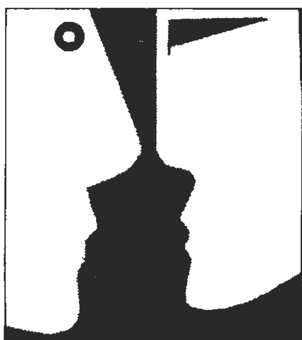
Sách dày gần bảy trăm trang, tập hợp một số những cây viết tại hải ngoại.

Sách in đẹp, trình bày trang nhã, bài vở chọn lọc.

NGUYỄN THỊ GIÁN CHÂU



# Với văn hữu và bạn đọc



**NGUYỄN HƯNG QUỐC**

## Tranh luận và đấu tố

Điều tôi sợ nhất, trong những nhận định liên quan đến mình được đăng trên báo, là những lá thư, từ "thư văn hữu" đến "thư độc giả". Nhất là "thư độc giả".

Sợ, trước hết, xuất phát từ cảm giác như đang đối diện với ma: không biết nó có hiện hữu thực hay không? Tham gia sinh hoạt văn học đã khá lâu, tôi không còn quá ngây thơ để không biết là có không ít lá "thư độc giả" được viết bởi những người đang làm việc ngay trong toà soạn. Bởi vậy, cứ mỗi lần bắt gặp một lá "thư độc giả" nào trên báo, tôi cũng đều đâm ra phân vân không biết cái tên ấy có thực hay chỉ là một sự hoang tưởng.

Tuy nhiên, phân vân như thế cũng bằng thừa. Dưới danh nghĩa độc giả, có gì khác nhau giữa một cái tên thực và một cái tên bịa? Có lẽ không có gì khác nhau cả. Dù là tên tuổi của một người có thực và có địa chỉ cụ thể, thì, trong thế giới văn học, độc giả bao giờ cũng là một hiện hữu vô hình và vô danh. Bình thường, không ai đòi hỏi tinh thần trách nhiệm ở một hiện hữu vô hình và vô danh như thế. Đã trở thành phổ biến và hiển nhiên cách nhìn: độc giả không phải là những cây bút chuyên nghiệp. Họ nói đúng? Ừ, thì cũng hay. Họ nói sai? Ừ, thì cũng... hay nốt. Sự đóng góp của họ, dù sai, cũng đáng quý lắm chứ: ít nhất, nó cũng chứng minh được sự quan tâm của độc giả đối với các vấn đề văn học. Nói cách khác, những sự phát biểu của độc giả được đọc như một thái độ chứ không phải là một lập luận, do đó, không cần có sức thuyết phục và cũng không cần có cả bằng chứng. Cách nhìn như thế thường dẫn đến hai sự lạm dụng: một, một số cây

bút chuyên nghiệp đã lạm dụng nó để trốn tránh trách nhiệm khi muốn chụp mũ hay bôi nhọ người khác bằng cách ẩn nấp dưới danh nghĩa "thư độc giả"; hai, một số tờ báo đã lạm dụng nó để đăng tải tất cả những lá thư có thể có lợi cho họ bất kể chúng được viết một cách nghiêm chỉnh hay không. Hậu quả của hai sự lạm dụng ấy là, trong số những cái gọi là "thư độc giả" đăng trên các tạp chí văn học bằng tiếng Việt, có không ít những lá thư hoặc đầy tính chất thù tạc hoặc chỉ là những lời chửi đổng.

Mà không những "thư độc giả", cả trong "thư văn hữu", do các nhà văn và nhà thơ viết, nhiều người cũng khăng khăng dành cho được cái quyền nói nhảm và chửi đổng ấy. Lý do được nêu ra có thể được xếp vào hai loại: thứ nhất, là thư, do tính chất riêng tư của nó, người ta được phép nói về mọi chuyện, kể cả việc dèm pha và vu khống; thứ hai, là thư, do viết vội, người ta được phép thất thố và sơ suất, do đó, phải được quyền miễn truy cứu trách nhiệm về những gì người ta đã viết. (1) Lạ lùng. Có lẽ hiếm có ở đâu có những cái "quyền" quái gở như thế.

Ở những nơi khác, hầu như chỉ trên các tờ báo ngày, báo tuần, hoặc hoạ hoằn hơn, báo tháng chuyên về thời sự và giải trí, độc giả mới có quyền phát biểu những ý nghĩ mà mình "trực cảm" hay "trực nhận" như thế. Thì cũng dễ hiểu. Những vấn đề chính trị và xã hội là những vấn đề có tầm ảnh hưởng rộng rãi và trực tiếp đến mọi người, do đó, mọi người đều có quyền phát biểu ý kiến, và ở một khía cạnh nào đó, ý kiến của họ, dù đúng dù sai, dù hay dù dở, đều có giá trị bình đẳng với nhau. Như mọi lá phiếu đều bình đẳng với nhau. Nhưng dù vậy, những sự phát biểu ấy cũng bị giới hạn ngặt nghèo: thứ nhất, chỉ với một số chữ nhất định; thứ hai, không mắc phải những lỗi lầm quá sơ đẳng về kiến thức, về lập luận cũng như về cách diễn đạt; thứ ba, không được dùng để nói hành và nói xấu người khác; và thứ tư, tất cả đều có thể được nhuận sắc và biên tập lại. Đối với các tạp chí văn học hay các tạp chí chuyên ngành thì khác. Khác ở trình độ: chuyên môn. Khác ở bản chất: đó là nơi sức mạnh không thuộc về đám đông. Và khác ở yêu cầu: người ta chỉ có thể phát biểu một cách có hiểu biết và nghiêm túc hoặc là... im lặng.

Không phải ngẫu nhiên mà ở Việt Nam, một số người cố dành cho được cái quyền chửi đổng và nói nhảm, cũng như một số tờ báo cố duy trì hiện tượng chửi đổng và nói nhảm. Vì lý do văn hoá: hầu hết các tờ báo văn học của Việt Nam đều chưa thoát ra khỏi quỹ đạo của nền văn hoá bình dân. Vì lý do thương mại: muốn khai thác tâm lý thích nghe những chuyện đàm tiếu của người đọc. Vì lý do thù tạc:

dùng "thư độc giả" để tâng bốc nhau hay để tự tâng bốc tờ báo của mình. Vì lý do chính trị: "thư độc giả" được sử dụng như một thứ vũ khí nhằm xuyên tạc, vu khống, chụp mũ, mạ lỵ và triệt hạ uy tín của nhau. Cũng không phải ngẫu nhiên mà trên báo chí Việt ngữ, từ trong nước đến ngoài nước, số lượng "thư độc giả" thường xuất hiện có tính chất như một phong trào. Ngày xưa, thời Nhân Văn – Giai Phẩm, và gần đây hơn, khi Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài và Bảo Ninh mới xuất hiện cũng như khi Dương Thu Hương công khai phản đối một số chính sách của nhà nước và đảng Cộng Sản, "thư độc giả" đã nở rộ trên báo chí miền Bắc. Ở hải ngoại cũng thế. Cũng "bừng bừng khí thế" theo từng phong trào, từng đợt cãi cọ.

Kể ra, việc dùng "thư độc giả" và cả "thư văn hữu" như một thứ vũ khí như thế cũng là một chiến thuật khá lợi hại: nó dễ dàng đẩy người bị tấn công vào thế kẹt. Phản công, dù hợp lý đến mấy, hắn cũng bị kết tội là kiêu căng, "học phiệt", và bất cận nhân tình, như một sự uy hiếp của người mạnh đối với kẻ yếu, của người đã có tên tuổi đối với một kẻ vô danh, của người chuyên môn đối với một kẻ không chuyên, của lý tính đối với cảm tính, của kiến thức sách vở đối với trực giác và kinh nghiệm. Im lặng, hắn bất lực nhìn những lời nói hành được lưu truyền công khai. Về lâu về dài, tất cả những lời nói hành nhảm nhí ấy đều bị biến mất, hoặc nếu còn, cũng còn như một di tích bệnh hoạn của một người hoặc của một thời; nhưng trong ngắn hạn, ở một số khía cạnh nào đó, không phải chúng không có tác hại.

Nhất là, ít ai để ý, chữ "độc giả" trong "thư độc giả" hay "ý kiến độc giả" chứa đựng trong bản thân nó những cái bẫy rất nguy hiểm. Chữ "độc giả" trong tiếng Việt, về ý nghĩa, không hoàn toàn giống với các từ ngữ dễ ngỡ là tương đương trong tiếng Anh (reader) hay tiếng Pháp (lecteur/lectrice); về cách dùng, cũng khác hẳn chữ "tác giả". "Tác giả", khi không có chữ "những" hay "các" phía trước, hay một định ngữ chỉ một hiện tượng có tính tập thể phía sau (kiểu "tác giả văn học Việt Nam hiện đại"), bao giờ cũng hàm ý số ít, chỉ một người cầm bút cụ thể nào đó. Chữ "độc giả", ngược lại, hầu như bao giờ cũng hàm ý số nhiều. Bao giờ cũng là một tập thể, hơn nữa, một tập thể lớn, thật lớn. Tán dóc với nhau, người ta chỉ cần nói: "độc giả thích bài thơ mới này của tôi lắm đấy!" Đã đủ. Không cần thêm những từ chuyên dùng để chỉ số nhiều như "những" hay "các". Thậm chí, thêm "những" hay "các" phía trước, nội hàm khái niệm "độc giả" còn bị thu hẹp lại, chỉ còn là "một số độc giả" chứ không phải là "độc giả" nói chung nữa. Bởi vậy, đọc "thư độc giả" trên các tờ báo tiếng Anh

hay tiếng Pháp, chúng ta tiếp nhận chúng như những ý kiến của những con người mang tên Mary, tên Jean, tên Arthur... cụ thể. Đó là những ý kiến của những cá nhân cụ thể. Cái đúng và cái sai giới hạn trong từng cá nhân cụ thể. "Thư độc giả" trên báo chí tiếng Việt thì khác. Ngược lại. Trong tiếng Việt, ý nghĩa của một lá "thư độc giả" bao giờ cũng lớn hơn chính bản thân nó: tuy trên thực tế, chúng được viết ra bởi một cá nhân nhất định, nhưng trong ấn tượng của người đọc, chúng lại hiện hình như một tập thể, một đám đông. Sự đả kích của một cá nhân, dẫu là một cá nhân bất bình thường về tâm lý cũng như trí tuệ, cũng dễ được nhìn như là sự đả kích của "độc giả" nói chung. Và "độc giả" nói chung lại là... tất cả những người đọc âm thầm trùng trùng và điệp điệp ở khắp nơi.

Như thế, rõ ràng, chữ "thư độc giả" hay "ý kiến độc giả" mà một số tờ báo Việt Nam thường dùng thực chất là một trò đánh lận. Nó cũng giống y hệt như việc dùng khái niệm "nhân dân" trong các màn đấu tố thời cải cách ruộng đất, ở đó, lời tố cáo, dù là dối trá, của một anh thợ cày hoặc một chị đày tớ, lập tức biến thành những lời tố cáo hùng hồn của "nhân dân". Nhìn từ một góc cạnh nào đó và với một mức độ nào đó, thủ đoạn dùng "thư độc giả" (hay "thư văn hữu") để tấn công vào người khác cũng có cái gì tương tự như các màn đấu tố ngày xưa. Cũng là một cách mạo nhận, biến cái cá thể thành cái tập thể, biến cái vô hình và vô danh thành một lực lượng. Và tôi ngờ là hai hiện tượng này có quan hệ mật thiết với nhau: cả hai cùng nở rộ trong một thời điểm, những năm giữa thập niên 50 của thế kỷ 20, và cả hai đều xuất phát từ một chủ trương huy động "lực lượng quần chúng" cũng như một triết lý đề cao sức mạnh của quần chúng. (2)

May mắn là những màn đấu tố chính trị đã sớm trở thành quá khứ.

Chỉ tiếc là hình thức đấu tố trong văn chương thì vẫn còn. Còn cả ở trong nước lẫn ở ngoài nước. Còn, như dấu vết của một thời văn học vừa nghiệp dư vừa bị chính trị hoá nặng nề. Tiếc.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
*14.8.2000*

Chú thích:
1. Xem *Hợp Lưu* số 54 (8&9.2000), đặc biệt các trang 20-21 & 251.
2. Trong chiến dịch trấn áp phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm, trên báo chí miền Bắc xuất hiện vô số "thư văn hữu" và "thư độc giả"; một số những lá thư ấy đã được in lại trong cuốn *Bọn Nhân Văn - Giai Phẩm trước toà án dư luận* do Sự Thật xuất bản tại Hà Nội năm 1959 trong phần mục "Một cao trào quần chúng áp đảo bọn Nhân Văn – Giai Phẩm" (tr. 235-303).

# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn

Cụ Quả Phụ **Bùi Văn Bảo**

nhũ danh

**Phạm Thị Mỹ**

thân mẫu của nhà văn **Bùi Bảo Trúc**
đã thất lộc hồi 18 giờ 17 phút ngày 11 tháng 8 năm 2000
tại Montreal, Canada , hưởng thọ 81 tuổi

Thành kính chia buồn cùng anh Bùi Bảo Trúc và tang quyến.
Cầu mong linh hồn cụ bà sớm về nơi vĩnh hằng.

Tạ Tỵ, Phạm Duy, Thái Tuấn, Võ Phiến, Nguyễn Văn Trung, Võ Đình, Thế Uyên, Bùi Vĩnh Phúc, Duy Thanh, Tô Thùy Yên, Trần Duy Đức, Du Tử Lê, Hạnh Tuyền, Vũ Thùy Hạnh, Vũ Quang Ninh, Trần Long Hồ, Trang Châu, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Đức Quang, Bùi Hồng Sĩ, Phạm Quốc Bảo, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai, Đinh Cường, Như Hạnh Nguyễn Tự Cường, Ngô Vương Toại, Ngô Thế Vinh, Thế Uyên, Trương Anh Thụy, Vi Khuê, Nguyễn Văn Khanh, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Trịnh Cung, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Khuất Duy Trác, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Mạnh Trinh, Bùi Bích Hà, Nguyuễn Đức Quang, Giang, Doãn Quốc Sĩ, Ngô Bảo, Mỹ Sương, Rừng, Huỳnh Hữu Ủy, Lê Thọ Giáo, Võ Thắng Tiết, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Kiều Chinh, Thái Thanh, Nguyễn Đức Quang, Trương Hồng Sơn, Cao Bá Minh, Khế Iêm, Phạm Việt Cường, Cao Xuân Huy, Huỳnh Sanh Thông, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Hùng Vũ, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Kim Hằng, Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Chính Nghĩa, Nguyễn Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Đình Nghiêm, Song Thao, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Lưu Nguyễn, Phan Ni Tấn, Nguyễn Hưng Quốc, Thường Quán, Phùng Nguyễn, Lê Tất Luyện, Thụy Khuê,Trần Vũ, Hồ Minh Dũng, Phan Tấn Hải, Trần Diệu Hằng, Cao Xuân Huy, Lê Giang Trần, Đào Trung Đạo, Trịnh Y Thư, Etcetera, Thái Tú Hạp, Ái Cầm, Đỗ Kh., Thân Trọng Mẫn, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Hoàng Ngọc Tuấn, Mai Ninh, Triều Hoa Đại, Phó Ngọc Văn, Lê Văn, Vũ Huy Quang, Trần Mộng Tú, Nguyễn Văn Hưng, Quỳnh Hương, Đoàn Duy Hiệp, Nguyễn Xuân Nghĩa, Quỳnh Giao, Phạm Long, Liên-Hải, Nguyễn Hữu Công, Định Nguyên, Khánh Trường,



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 379-0639. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail
Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years
Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

**Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):**

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

**Âu châu (Europe):**

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

**Úc, Á châu (Australia & Asia):**

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

**Ghi chú / Note:** Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.

# Bộ sách đồ sộ 3250 trang gồm 7 cuốn của nhà văn **VÕ PHIẾN**

1. VĂN HỌC MIỀN NAM, tổng quan — 18MK
   *(tái bản lần 3, bổ sung, cập nhật nhiều tài liệu mới)*
2. VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện I — 18MK
   *16 tác giả, phê bình và trích văn*
3. VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện II — 18MK
   *18 tác giả, phê bình và trích văn*
4. VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện III — 18MK
   *16 tác giả, phê bình và trích văn*
5. VĂN HỌC MIỀN NAM, ký — 18MK
   *22 tác giả, phê bình và trích văn*
6. VĂN HỌC MIỀN NAM, kịch và tùy bút — 18MK
   *14 tác giả, phê bình và trích văn*
7. VĂN HỌC MIỀN NAM, thơ — 18MK
   *32 tác giả, phê bình và trích thơ*



*Nhà xuất bản* **VĂN NGHỆ**
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683. USA
*Tel*: 714-934-8574 • *Fax*: 714-934-8514
*Email*: vannghe@pacbell.net